English Section PAGE 45

NĂM THỨ BẢY • #77 • SEPTEMBER 1995

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

THẾ GIỚI VĂN THƠ CỦA HỒ DZẾNH

LƯU NGUYỄN ĐẠT

CHIẾN HỮU

CAO HOÀNG

ĐÁM CƯỚI CẬU ẤM

ÔNG TIẾN HƯNG

Bộ mới nhất - Hoàn hảo nhất

Từ Điển Phát Âm Điện Tử

THẾ KỶ EV-555

Sẽ giúp bạn mở tung cánh cửa bước vào thế giới mới. Học tiếng Anh dễ dàng, giải quyết mọi khó khăn trong đời sống và giao dịch với người ngoại quốc.

Trên 40 đặc tính và công dụng tuyệt hảo:

Tạm ghi ra đây:

1. *Phát âm giọng Mỹ của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Đại Học Berkeley (USA).*
2. *Anh - Việt, Việt - Anh 85,000 từ (lớn nhất hiện nay), có đối chiếu.*
3. *Đàm thoại thông dụng: Hàng ngàn câu về đời sống, du lịch, thương mại.*
4. *Văn phạm và cú pháp có giải thích và dẫn chứng.*
5. *Đầy đủ nhóm từ, thành ngữ để tra cứu cấp tốc.*
6. *Có Vạn Dụng Tự Điển để dùng riêng trong việc ăn, mặc, ở, đi đứng.*
7. *Làm tự điển riêng với chữ mới hay chữ chuyên môn.*
8. *Chữ đồng nghĩa và phản nghĩa hiện ngay trên môn ảnh.*
9. *Có đủ sổ ghi điện thoại, sổ hẹn, sổ ghi nhớ, có chuông báo, lớn 128K.*
10. *Có các trò chơi nhanh trí để tập luyện trí nhớ và phản ứng.*
11. *Đồng hồ quốc tế Toàn Năng cho giờ địa phương và giờ quốc tế.*
12. *Bộ phận máy tính rất lớn, làm tới 12 hàng số.*
13. *Lịch Vạn Niên có âm dương đối chiếu hiện ngay lên màn ảnh.*
14. *Luyện thi Nhập Tịch Mỹ: Tài liệu song ngữ đầy đủ nhất.*
15. *Cần giữ hồ sơ bí mật có thể đặt mã số riêng.*
16. *Phần phát âm có thể mở lớn nhỏ và nhanh chậm.*
17. *Tự động tắt nếu bị bỏ quên.*
18. *Có màn ảnh và lời chào mừng của chủ nhân khi mở máy.*
19. *Tính hối xuất quốc tế nhanh chóng.*
20. *Dùng pin hay điện nhà đều được (với Adapter).*

Giữ nguyên hệ thống phát âm của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Berkeley USA.

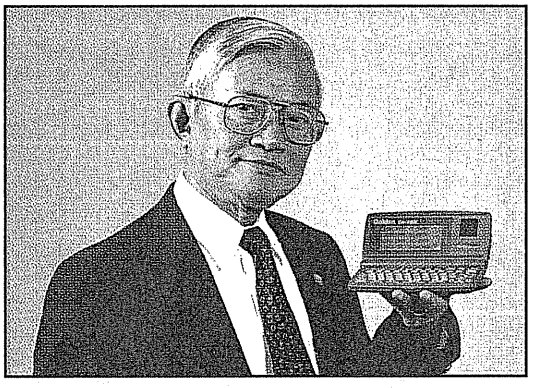

GS. Lê Chính Long: "Tôi muốn giới thiệu tới bạn máy từ điển này."

- **Sức máy mạnh, chuyển chữ nhanh, không phải chờ đợi**
- **Bộ nhớ lớn, lưu trữ hàng ngàn chữ mới và tài liệu riêng**
- **Vạn Dụng Từ Điển có trên 35 lãnh vực sinh hoạt**
- **Luyện Thi Nhập Tịch có phát âm hai phần hỏi đáp**
- **Trục máy tân kỳ, màn ảnh đứng vững nhiều góc**
- **Máy gọn, nhẹ, tiện dụng nhất hiện nay.**

GIÁ CHÍNH THỨC: $329 GIÁ ĐẶT MUA: $279

Tổng đại lý tại Hoa Kỳ & Canada:

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Các đại lý và khách hàng xin liên lạc cô Mỹ Chi:

1-800-248-3948 hoặc (818) 279-9898

(818) 307-1188 * Fax: (818) 279-9899

Chi nhánh các nơi

MONTEREY PARK:	443-C Garvey Ave.	**(818) 307-1188**
ROWLAND HTS:	18414 Colima Rod.	**(818) 965-2538**
MONTEREY PARK:	127 N. Garfield Ave.	**(818) 571-6598**
CHINATOWN (LA):	727 N. Broadway # 128	**(213) 625-8609**
LITTLE SAIGON:	9200 Bolsa Ave. #226	**(714) 897-9808**

Cuốn video vĩ đại chưa từng có trong và ngoài nước VN,
quy tụ hơn 6000 khán giả tìm về một khúc quanh lịch sử 1975 - 1995

PARIS BY NIGHT 32

20 năm nhìn lại

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN - MAI PHƯƠNG

VĨ ĐẠI *vì lần đầu tiên, một show ca nhạc VN được thực hiện tại SHRINE Auditorium nơi phát giải OSCARS hằng năm của Điện Ảnh Hoa Kỳ mà toàn thế giới chú tâm theo dõi.*

VĨ ĐẠI *bởi ý nghĩa trọng đại của những biến cố lịch sử 1975-1995 đã tạo nên hoàn cảnh giờ nầy di dân V.N. có mặt tại Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Hòa Lan, Thủy Sĩ, v - v..*

VĨ ĐẠI *do sự góp mặt của hầu hết ca nhạc sĩ danh tiếng VN của 2 thế hệ 1975 - 1995.*

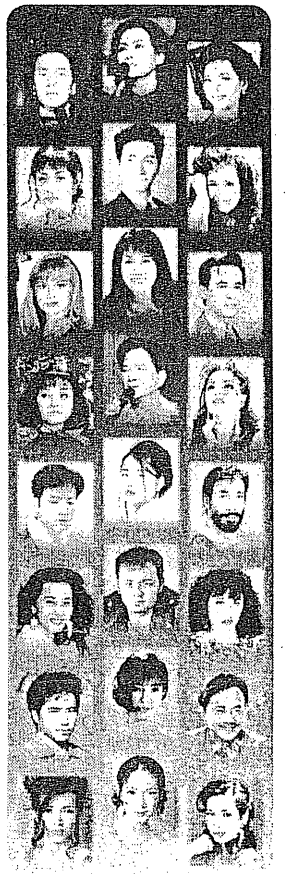

Mỗi gia đình VN nên giữ một bộ video tài liệu lịch sử nầy như những hình ảnh lưu niệm của đời mình và xem như một phần gia phả của con cháu di dân VN hải ngoại nhớ về xuất xứ.

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 BolsaAve. - Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu: 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Giá 28$ + 2$ cước phí
video dài hơn 3 giờ chi phí thật tốn kém

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....$640.00
- Inside (front/back):.....$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....$460.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....$200.00
- 1/2 page:.....$110.00
- 1/4 page:.....$60.00
- 1/8 page:.....$40.00

† Add-on color (red/blue) any size:.....$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO

Thế Kỷ 21

□ Xin gửi ngay cho tôi tạp chí THẾ KỶ 21, kể từ số.....
Tôi kèm theo đây số tiền $US40.00 (trong nước Mỹ, *bulk rate; hoặc $52.00 first class*); US$58.00 (Canada); $76.00 (Âu châu); $86.00 (Úc/Á châu) một năm (12 số báo), trong đó đã tính cả cước phí. Xin trả bằng ngân phiếu / lệnh phiếu Mỹ kim.

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
.....

THẾ KỶ 21: 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640 USA •(714) 638-9510• FAX (714) 638-1944

NGÀN KHƠI

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi & Dự Án 20

PROJECT 20 1975-1995

Trân Trọng Giới Thiệu

Đêm NGÀN KHƠI

1 9 9 5

Một chương trình hòa nhạc đặc sắc để đánh dấu 20 năm người Việt lìa xa quê hương:

- **Những ca khúc Việt Nam và Hoa Kỳ được trình bày đơn ca, tứ ca, ngũ ca và hợp xướng với sự góp mặt của 100 ca viên Việt Mỹ**
- **Dân ca Việt Nam • Hòn Vọng Phu 1, 2, 3**
- **Tổ khúc "1975" của Lê Văn Khoa (Trên Biển Cả và Bài Ca Hy Vọng)**

Nhạc trưởng **Lê Văn Khoa, Trần Chúc, Raymond Woods** *điều khiển*

- **Dàn nhạc hoà tấu gồm 50 nhạc sĩ Việt Mỹ • Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi**
- **Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi • Ban Hợp Xướng Wesminster Chorale**
- **Quỳnh Giao, Thái Hiền, Thiên Thanh, Bích Liên, Vũ Anh, Nguyễn Thành Vân**

Thứ Bảy, 8pm, ngày 9 tháng 9, 1995

LA MIRADA THEATRE

14900 La Mirada Blvd., La Mirada, CA 90638

(xin vui lòng đến trước 7:30pm để sắp xếp chỗ ngồi)

Giá vé ân nhân $50. Giá vé đồng hạng $25.

Vé có bán trước ở Bích Thu Vân (897-4519), Tú Quỳnh (531-4284), Tự Lực (531-5290), Văn Khoa (892-0801)

(Ngân phiếu xin đề tên : Ngan Khoi Chorus, và gửi về: 14265 Brookhust St., Garden Grove, CA92643. ĐT: 714-531-2773)

FAMILY DENTISTRY
HỒ LAN ANH, D.D.S.

2611 W. ORANGETHORPE, FULLERTON, CA 92633
(ORANGETHORPE PLAZA, góc Magnolia-Orangethorpe, trong khu Phở 93)

* *NGUYÊN NHA SĨ BỆNH VIỆN NGUYỄN VĂN HỌC GIA ĐỊNH, SAIGON*
* *NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ TẠI VIỆT NAM, SAN DIEGO, ORANGE COUNTY*
* *PHÒNG MẠCH MỚI, RỘNG RÃI, TRANG BỊ TỐI TÂN*
* *DỤNG CỤ KHỬ TRÙNG THEO TIÊU CHUẨN OSHA*

CHUYÊN TRỊ

- *NHA KHOA TỔNG QUÁT CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM*
- *TIỂU GIẢI PHẪU NHA KHOA*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
  (PORCELAIN VENEER, BONDING, BLEACHING)
- *RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *BỆNH NƯỚU RĂNG*

NHẬN: MEDICAL - BẢO HIỂM - TIỀN MẶT

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:30 am - 6 pm
Chủ Nhật: Theo hẹn

Tel: 714-871-9070

ĐẶC BIỆT: CÓ XE ĐƯA RƯỚC CHO QUÝ VỊ KHÔNG CÓ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD, FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng. Đến với Minh Văn quí vị sẽ có đủ năm thú tiêu khiển thanh nhã này.

Sách của Minh Văn:

Tập truyện của Trần Long Hồ:

Ngày Quanh Quẩn ($10.00), *Niềm Vui Ung Thư* ($10.00), *Kẻ Đào Mồ* ($11.00)

Truyện dài trong bộ trường thiên **Dung Thân** của Trần Long Hồ:

Cõi Sa Mù (quyển một, $18.00), *Cửa Địa Ngục* (quyển hai, $22.00),

Bóng Thiên Đường (tập một, quyển ba, $15.00)

Ký sự của Hồ Trường An: *Chân Trời Lam Ngọc* ($11.00)

Tập truyện của Ngô Nguyên Dũng: *Âm Bản* ($11.00)

Minh Văn có hàng ngàn mặt sách, trà và bình trà (Giang Tây, Đài Loan), băng nhạc: video, CD, cassettes, và nhiều tranh đẹp, tượng quí, được sắp xếp ngăn nắp như trong thư viện, vừa đẹp mắt vừa dễ tìm. Xin quí vị liên lạc Minh Văn để có tập sách quảng cáo đầy đủ và có thể mua hàng qua đường bưu điện. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

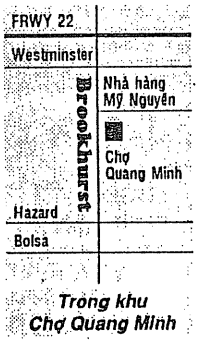

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643
(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT
- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA

Tél: **(714)537-2468**

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.

● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____

Địa chỉ: _____

_____

_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa **Hoa Kỳ** và **Canada:**
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Bằng đôi chân của mình... (trích)

"...Nhân mùa Vu-Lan Thắng Hội, ngày chư Phật hoan hỷ, chư Tăng tự tứ, tôi hy vọng ngày Rằm tháng Bảy không chỉ là ngày "Xá tội vong nhân" mà còn là ngày "tỉnh thức" đối với những người hiện sống. Xin hãy nhất tâm Sám Hối, nguyện gột rửa mọi ý niệm vong bản, đổi mới ý nghĩ, ngôn từ và hành động, đổi mới tâm hồn. Có đổi mới tâm hồn chúng ta mới đủ *tỉnh táo* để thực hiện công cuộc ĐỔI MỚI VẬN MỆNH ĐẤT NƯỚC DÂN TỘC và ĐẠO PHÁP.

Mùa Báo Hiếu, Phật lịch 2538

(Nguyên Tổng Thư ký Viện Tăng-Thống)

G.H.P.G.V.N.T.N.
Thích Đức Nhuận

• Kỷ niệm 20 năm xa nước, : 1975-1995

• 30 năm thành lập nhà xuất bản An Tiêm: 1965-1995

và nhân Mùa Lễ Hội Vu-Lan,

một tác phẩm nên đọc :

NGUYỄN DU

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SANH

chú thích, hiệu đính
Hoàng Xuân Hãn

AN TIÊM

Tranh bìa: Abstract 20, của *Suzie Vương*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường, Thái Tuấn*
Hí họa: *Fus, Vẹt, Hiếu Đệ*
Ảnh: *NBT, Lê Tam Ca*

MỤC LỤC

Số 77 • Tháng Chín 1995

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

16. Mấy vấn đề mậu dịch sau bang giao chính thức *(Ngô Nhân Dụng)*
19. Việt Nam có phải là hạt bụi trong con mắt Bắc Kinh? *(Lý Minh Hào)*
22. Thuật trị nước của Hàn Phi và Machiavel *(Thái Việt)*
29. Cuộc chiến Quốc-Cộng tại miền Bắc 1945-1946 *(Lê Mạnh Hùng)*

KHOA HỌC - NGÔN NGỮ - NGHỆ THUẬT

55. Chơi thật *(Thái Tuấn)*
56. Tìm ra nguyên nhân bệnh mập *(Nguyễn Diêu)*
71. *Cà kê* chữ nghĩa *dê ngỗng* chuyện liên quan *(Thang Ma)*
89. Về động từ "to drink" và một vài suy nghĩ nhỏ về Việt ngữ *(Bùi Vĩnh Phúc)*
93. Lên lưới và Bạc Tần Hoài *(Phùng Nguyễn)*
94. Nhắn tin "lưới" *(Thế Kỷ 21)*

VĂN HỌC

45. "Now at peace, why are we apart?" *(Phan Tai Phu)*
50. Western influence on modern Vietnamese literature *(Nguyen Ngoc Tuan)*
54. Bâng quơ về... Lịch sử *(Võ Phiến)*
59. Đám cưới cậu ấm *(Ông Tiến Hưng)*
67. Chiến hữu *(Cao Hoàng)*
78. Một đám cháy nhỏ nơi trần thế (tt)*(Nguyễn Tuyển)*
83. Tú Xương có thi quốc ngữ hay không? *(Bằng Vũ)*
85. Ả điếm và dấu lặng bản hùng ca *(Dương Thành Vũ)*
95. Tương lai Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại *(Thụy Khuê - Trần Thanh Hiệp)*
97. Văn Bút VNHN - dự án *(Đinh Quang Anh Thái - Viên Linh)*

THƠ

61. Em *(Đặng Quang Khang)* - 64. Mùa hạn *(Tô Thùy Yên)* - 69. Nhiễu Nhương *(Phương Triều)* - 80. Mãi mãi *Nhất Tuấn)* - 81. Em về *(Nguyễn Tư)* - 84. Hồi tưởng *(Vạn Giả)* - Phù vân *(Đặng Hiền)* - 87. Dư âm tịch mịch *(Nguyễn Đạt)*

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và bạn đọc
12. Hộp thư trị sự
13. Thư tòa soạn
40. Sổ tay
99. Vòng chân trời văn học nghệ thuật
102. Sách báo trong tháng
106. Bolsanet ■

Văn Hóa?

Thế Kỷ 21, số tháng June 1995, trong mục "Tiếng Vọng", ông Phạm Ngọc Khôi có viết:: *"Từ khi ông Lâm Lễ Trinh phản bác quan điểm* culture is destiny *của Lý Quang Diệu, cho rằng dân chủ mới là định mệnh, một số độc giả góp ý thêm và tạo thành một cuộc thảo luận lý thú. Nhưng một điều tôi nhận thấy là từ người khởi xướng cho đến các bạn đọc góp ý, không có ai đã từng đọc trực tiếp những nhận định của họ Lý đã phát biểu, cho nên vô tình đã có những ngộ nhận đáng tiếc."*

Sau đó tác giả trích dẫn các bài báo của tờ *The Economist* phỏng vấn ông Lý Quang Diệu (xuất bản năm 1991) để giải thích về tư tưởng của họ Lý. Bài viết rất hay, tư tưởng cao, chứng tỏ tác giả là người học cao, hiểu rộng. Tôi rất khâm phục. Tác giả đã kết luận bài viết như sau:

"Tuy nhiên, sự thảo luận về quan điểm của họ Lý cần được xây dựng trên những phát biểu của chính ông ta, không nên dựa vào lời tường thuật của người khác."

Lời khuyên này quả thật quý giá và nó làm tôi nhớ lời dạy của người thầy thân yêu của tôi khi tôi học trường sơ học ở trong đình làng quê tôi. Thầy tôi đã dạy "Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe" và tôi luôn luôn ghi nhớ điều nầy. Tôi là một người đã có góp ý trong cái vụ văn hóa nầy.

Khi góp ý về chuyện nầy, tôi đã dựa vào bài phỏng vấn ông Lý Quang Diệu của ký giả Fareed Zaria đăng trên báo *The Foreign Affairs* (số tháng April 1994). Ông Lâm Lễ Trinh cũng đã dựa vào bài báo nầy để phê bình ý kiến của ông Lý Quang Diệu. Dựa vào bài phỏng vấn nầy, tôi đã thấy được ý chánh (*idée maîtresse*) của ông Lý Quang Diệu là tinh thần gia tộc, điều mà người Tàu coi rất nặng và người Tây phương không còn coi nặng nữa.

Tôi thưa thật rằng tôi ít hiểu biết và đã không đọc hết những lời tuyên bố của ông Lý Quang Diệu từ 20 năm qua, cũng như đã không đọc bài phỏng vấn họ Lý của tờ *The Economist* (1991), nhưng bảo rằng tôi "không đọc trực tiếp những nhận định của họ Lý và vì vậy đã có những ngộ nhận đáng tiếc" thì thật là tội nghiệp cho tôi và cho danh dự của trường sơ học của tôi.

Nguyễn Hữu Chung *(Montreal, Canada)*

Thông cảm sự khó khăn của Tòa Soạn

Nhân đọc bài của hai ông Nguyễn Hưng Quảng và Trần Hữu Nam ở mục Bạn Đọc Viết trên *Thế Kỷ 21* số 74 và 75, tôi xin góp ý thêm như sau. So sánh với công việc điều khiển các chương trình *Capital Gang* và *Crossfire* của đài CNN thì công việc sắp xếp bài vở của Tòa soạn *Thế Kỷ 21* khó hơn nhiều. Hai chương trình trên của đài CNN là các màn trình diễn có chuẩn bị tập dượt, để trình bày một vấn đề thời sự mà các diễn viên đã biết trước các ý kiến đối nghịch của nhau. Tuy cũng dưới dạng thức sinh hoạt dân chủ đa nguyên như hai chương trình của đài CNN, Tòa soạn *TK 21* gặp khó khăn hơn, vì bài vở do độc giả gởi Tòa soạn, đã viết với ý kiến hoàn toàn độc lập, không có sự hội ý nào trước. Hơn nữa sự tôn trọng ý kiến và văn thái của độc giả cũng là một vấn đề cần nhiều tế nhị đối với Tòa soạn. Do đó văn thái của một vài người đã đi hơi quá đà. Sự đi quá đà này đã được các bạn đọc khác thành tâm và vui vẻ góp ý xây dựng. Có thế thôi. Ai trong chúng ta mà không có lúc vui, lúc buồn, lúc mắc lầm lỗi. Theo thiển ý, những sắc thái đó biểu tượng cho sự sinh hoạt rất lành mạnh và dân chủ. Tôi thông cảm và tán thành đường lối của *TK 21*.

Nguyễn Thị Nguyễn *(Connecticut)*

Chúng tôi xin chân thành cám ơn sự hiểu biết và thông cảm của chị Nguyễn. Tờ báo của chúng ta là một diễn đàn chung của quý độc giả, khi "có chuyện", tức khi có những ý kiến khác biệt, thì Tòa soạn cố gắng đóng vai trò điều hợp để mọi tiếng nói được phát biểu một cách trung thực và có hòa khí. Dĩ nhiên có nhiều lúc chúng tôi cảm thấy đang ở giữa các lằn đạn, và sự điều hợp có thể có những khuyết điểm. Những ý kiến và tấm lòng như chị Nguyễn chúng tôi thấy rất quý giá, những ý đó không những chỉ là sự thông cảm mà còn giúp chúng tôi hiểu rõ vai trò của mình hơn.

Với sự thông hiểu như thế về phía độc giả, chúng tôi cảm thấy rất được khích lệ, và hy vọng tờ báo của chúng ta ngày thêm hào hứng trong việc trao đổi tri thức.

Thư gửi ông Bột

Adelaide, Nam Úc 9-7-1995

Kính thưa ông Vương Hữu Bột,

Tôi viết là thư này chỉ với mục đích là cám ơn ông về bài viết Tư Bản Khổng Giáo đăng trên *Thế Kỷ 21* số 75. Đọc xong, tôi có quảng cáo cho chồng tôi đọc và anh ấy cũng đồng ý là

bài viết hay và sâu sắc.

Những điểm hay mà tôi thích và học hỏi từ bài viết là:

1) Cái nhìn toàn bộ. Liên kết hai lãnh vực Kinh Tế với Văn Hóa Đạo Đức khiến cho tầm nhìn được bao quát hơn và vấn đề được đặt ra và giải quyết một cách toàn bộ, có ý nghĩa và hữu hiệu hơn.

2) Ý kiến cho rằng Luân Lý Đạo Đức là thượng tầng kiến trúc của Kinh Tế thật sâu sắc. Nó khiến cho người đọc phải nghĩ đến những nguy cơ trầm trọng có thể xảy đến cho Việt Nam khi mà thượng tầng kiến trúc đạo đức chưa vững mà để con khủng long rừng rú kinh tế thị trường tác quái.

3) Tôi học hỏi và thấy rất thích thú khi đọc đoạn ông viết về tinh thần tư bản Nhật.

4) Cách trình bày vấn đề rõ ràng mạch lạc. Nhiều ý niệm đưa ra đập mạnh vào óc tưởng tượng của người đọc, gây nhiều suy nghĩ như: Hợp đồng ngầm, Tín nghĩa là một giá trị đạo đức nhưng cũng là một giá trị kinh tế (như là một tiện ích chung), luân lý Khổng giáo trọng nghĩa, không trọng lợi nhưng vẫn khuyến khích phát triển, đặc tính rừng rú của con vật kinh tế nếu không được sự thuần hóa của đạo đức.

Ở vài nơi ông nhấn mạnh đến ý nghĩa kinh tế và lợi ích kinh tế của một số vấn đề, mà thoạt tiên tưởng là vấn đề đạo đức. Chẳng hạn như:

- Trung lập hóa bộ máy công quyền, để họ không thuộc phe nhóm tài chính và kinh tế nào, không phải là một vấn đề đạo đức mà chính là một vấn đề kinh tế.
- Tín nghĩa là một tiện ích chung.
- Phân phối lợi nhuận công bằng giúp cho sự phát triển kinh tế (do đó không đơn thuần là một vấn đề công bằng, đạo đức hay xã hội, chính trị mà thôi). Tôi tự hỏi Kinh Tế cũng có cơ cấu đạo đức của riêng nó không, có thể nào đặt vấn đề "Ethics in Economics" chăng?

Tôi có cảm nhận là bài viết của ông như một bông hoa tỏa hương thơm cho đời.

Tôi đã may mắn thưởng thức nó nên một lần nữa cảm ơn ông về sự "cho" này.

Phan Thị Ngọc Dung *(Rosslyn Park, Australia)*

Uống, Đã Uống, và Uống... Hơi Nhiều!

Thế Kỷ 21 số tháng Bảy, 1995, trong mục *Chữ và Nghĩa*, tác giả Bùi Vĩnh Phúc viết: "Tôi có một người quen tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Anh văn năm 1961, sang đây, khi đọc báo Mỹ thấy tựa đề nói về một *drunk driver*, anh rất bực mình và... khinh bỉ báo chí, vì không ngờ 'tụi Mỹ lại viết sai!' Theo anh, phải viết là *drunken driver*, vì *drunken* là *past participle* — và chỉ có *past participle* mới có thể đứng làm *adjective*. Tôi bảo với anh là anh không sai, nhưng chắc anh là một thi sĩ. Bởi lẽ động từ *to drink* có hai quá khứ phân từ. Một là *drunk* và hai là *drunken*. Quá khứ phân từ thứ hai nầy, *drunken*, thường chỉ dùng trong thi ca chứ ít được dùng trong văn nói hay các thể văn bình thường khác."

Nếu Bùi Vĩnh Phúc nói chữ *drunken* là một *quá khứ phân từ* thì ông nói trật (và nhận định của người bạn ông nhắc đến đúng được phân nửa, vì *drunk driving* đã được các chủ biên chấp nhận).

Động từ *to drink* có quá khứ đơn *(past tense)* là *drank* (như trong câu: *I drank all the beers last night and feel terrible this morning)*, và ở thể quá khứ phân từ (past participle) là *drunk* (như trong câu: *The party was over when we arrived; the crowd had drunk themselves into oblivion). Drank* cũng có thể được sử dụng như một *past participle*, nhưng ít người dùng.

Nhưng hai chữ *drunk* và *drunken* dùng trong chữ *drunk driver* và *drunken driver* là hai *tĩnh từ* riêng biệt (bạn có bao giờ thấy tự điển hay nhà văn nào xài *drunken* như một *past participle* không?). Từ điển *Merriam Webster's Dictionary of English Usage* gọi *drunk* là một *predicate adjective* và *drunken* là *attributive adjective*. Cũng theo tự điển nầy, trước đây *drunken driver* hay *drunken driving* là lối xài được coi là đúng nhất. Tuy nhiên, trong thập niên gần đây (trong những năm 1980, khi nhiều tai nạn lưu thông gây ra do những người uống... hơi nhiều) chữ *drunk (driving, driver)* được nhiều chủ biên chấp nhận, và đa số đề nghị là dùng chữ *drunken* cho một danh từ ghép nào cũng được trừ trong hai danh từ ghép có hai chữ driver, driving ở phía sau (từ khi đọc bài viết của Bùi Vĩnh Phúc, người viết để ý thấy một vài ký giả của ba tờ báo *Washington Post, The Wall Street Journal* và *L.A. Times* vẫn dùng *drunken driving, driver*). Tĩnh từ *drunken* rất quan trọng vì từ nó ta có được trạng từ *drunkenly* và danh từ *drunkenness*.

Bùi Vĩnh Phúc đúng khi nói *drunken* được sử dụng rất nhiều trong thơ, văn (She was killed by a *drunken hand*; A brother drinks and the family is dubbed *drunken*), nhưng lầm khi nghĩ *drunken là một quá khứ phân từ*. Hay là cái đêm viết về mục Chữ và Nghĩa, ông đã uống... hơi nhiều?

Nguyễn Kỳ Phong *(Washington D.C.)*

Như đã loan báo trong số trước, tác giả Bùi Vĩnh Phúc đã viết bài về drunk, drunken đăng trong số này. Xin mời bạn Phong và quý độc giả tham khảo.

Chọn lựa phát triển

Bài "Tư Bản Khổng Giáo" của anh Vương Hữu Bột rất hay. Về các yếu tố được giả định đã đưa một số nước Đông Á phát triển nhanh hơn các nước khác, tôi thường nghĩ có ba yếu tố

chính, đó là:

1) Một nền tảng tư tưởng dựa trên sự pha trộn giữa Phật giáo và Khổng giáo.

2) Một vị thế địa dư thuộc về "duyên hải" hơn là "lục địa" (đảo quốc, bán đảo), hay một sự lựa chọn địa lý chính trị quay ra đại dương thay vì quay vào đất liền.

3) Từng tiếp thu văn hóa Tây phương qua mô hình Anglo-Saxon, hơn là qua mô hình Latin (Pháp, Tây Ban Nha). Mô hình Anglo-Saxon cũng mang nặng ảnh hưởng của đạo Tin Lành, mà theo Max Weber, đã là động cơ của cuộc cách mạng kỹ nghệ vào các thế kỷ 18 - 19.

Nói cách khác, ảnh hưởng của mô hình văn hóa Tây phương cũng là một yếu tố quan trọng quy định sự phát triển nhanh hay chậm của các quốc gia Đông Á. Thêm vào đó, nêu lên hai yếu tố thứ hai và thứ ba trên đây, cũng chính là hình dung một sự chọn lựa rất nền tảng cho tương lai của Việt Nam, nhất là với yếu tố thứ hai (*).

(*)Trong thời chiến tranh, miền Bắc Việt Nam được coi như thuộc "khối lục địa," trong khi miền Nam được xếp vào khối "duyên hải." Trừ một giai đoạn ở thời nhà Tống, Trung Hoa được coi là "lục địa." Ngày nay Trung Hoa "lục địa" đã có những nỗ lực rõ ràng để trở thành một thế lực "duyên hải."

Nguyễn Hoài Vân *(Vitré, France)*

Thế Kỷ 21 "chịu chơi"

Thế Kỷ 21 số 76 tháng Tám 1995 tỏ rõ vài nét "chịu chơi," nên tôi mạo muội chia sẻ với tòa báo vài nhận xét sau đây:

1) Chịu chơi thứ nhất của *Thế Kỷ 21* là đã đăng bài "Lên lưới và E-Mail" của Trần Mộng Tú. Bài này dí dỏm, vui cười dù chọc chơi lời kêu gọi độc giả ủng hộ chương trình "lên lưới" mà *Thế Kỷ* mới phát động và cổ võ. Chấp nhận ý kiến "phá hoại" việc làm của chính mình là một điểm son hiếm thấy trên các tờ báo của người Việt mình.

2) Chịu chơi thứ hai ngoạn mục hơn nhiều là đăng bài của Trần Chung Ngọc góp ý về một số phản ứng đối với cuốn sách "In Retrospect" của Robert McNamara. Bài này đối chọi lại những nhận định của những bài đăng trên báo chí Việt ngữ mà tôi đọc thấy về đề tài trên. Bài đã thẳng thắn đề cập tới vài điểm thường được coi là "cấm kỵ" đối với báo chí Việt ở hải ngoại, nên ông Ngọc mới viết "có thể... không hợp với cả chủ trương của *Thế Kỷ 21*."

Quyết định đăng bài của ông Trần Chung Ngọc là một bước tiến mạnh dạn của *Thế Kỷ 21* trong *cố gắng* phản ánh trung thực sự việc bằng cách trình bày những diễn biến cũng như những nhận xét và quan điểm của nhiều người khác nhau thuộc nhiều khuynh hướng dị biệt. Đó còn là nỗ lực giữ độc giả khỏi mỗi ngày một xa dần sách báo Việt ở hải ngoại, khi họ sống ở trong những nước có nhiều cơ quan truyền thông thường có nhiệm vụ cung cấp cho công chúng những tin tức thuộc nhiều khía cạnh khác biệt từ nhiều nguồn tin đối nghịch nhau. Một trong những cách để thực hiện cố gắng trên là có những bài viết với thái độ bình tĩnh, không để xúc cảm hoặc xu hướng chính trị khống chế; những bài viết có phân tích rành mạch sự kiện; những bài viết có lập luận vững chắc, hợp lý, khách quan, không khẳng định võ đoán, hàm hồ, thiên kiến, lệch lạc. Bài của Trần Chung Ngọc, tuy có vài điểm tôi không tán thành, nhưng được viết với tinh thần "lương thiện của người trí thức," có thể coi như một viên ngọc mới mà *Thế Kỷ 21* cho độc giả coi.

Người đọc cũng thắc mắc bài viết nói trả lời bốn bài, mà sao chỉ thấy ba?

Mong *Thế Kỷ 21* sau này có thêm nhiều bài với những quan điểm khác biệt về các vấn đề khác nữa.

Vũ Thụy Hoàng *(Virginia)*

Xin cám ơn ông về những đánh giá tích cực cho Thế Kỷ 21. Thật ra từ lâu nay Thế Kỷ 21 vẫn chủ trương chấp nhận những ý kiến khác biệt, miễn đó là những ý kiến trung thực, trong sáng, giàu chất trí tuệ (ngay cả có thể không phù hợp với lập trường của tờ báo). Có điều, chỉ thỉnh thoảng mới gặp hoàn cảnh để tỏ rõ ra là mình "chịu chơi" mà thôi!

Nhân đây Toà soạn thành thật xin lỗi bạn đọc vì cái tội "nói thì bốn, đăng có ba." Chúng tôi đã loại bỏ bớt phần viết bằng tiếng Anh một bài mà sơ ý không nói rõ. Xin tạ lỗi!

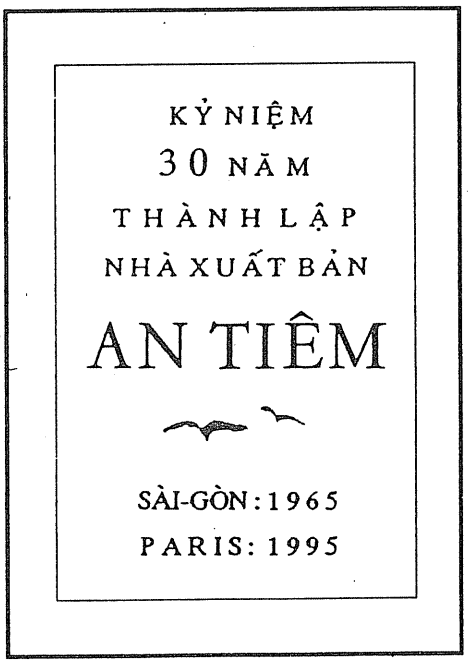

Đính chính:

Thế Kỷ 21 số 76, tháng Tám 1995, trang 16, chú thích về tác giả Nguyễn Hữu Chung, xin đọc câu cuối như sau: *Bài này đã được đọc trên đài VNCR (California).*

Cũng số 76, trang 21, chú thích về tác giả, xin đọc phần sau của câu đầu là: *...hiện là luật sư tòa thượng thẩm Paris.* TK 21 đã lầm khi giới thiệu luật sư Vương Văn Bắc làm việc trong ngành luật bảo hiểm. Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.■

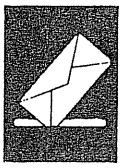

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn đã nhận được bài vở của các tác giả sau: Nguyễn Thị Thanh, Đỗ Thông Minh, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Hoài Vân, Phan Văn Nhi, Lâm Lễ Trinh, Tần Quán Anh, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Xuân Thiệp, Võ Tài, Hồ Minh Dũng, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức, Song Thao, Hoàng Ngọc Ánh, Thanh Tuấn, Lê Quang Giảng, Trần Văn Sơn, Phùng Nguyễn, Phan Tài Phú, Đỗ Quí Bái, Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Kỳ Phong, Phạm Kim Khôi, Tôn Thất Thiện, Lê Tất Điều, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Đình Hòa, Lưu Nguyễn Đhạt, Nguyễn Liên Hiệp, Xuân Chính, Nguyên Ngữ, Ngô Đình Vận, Hạo Nhiên, Phan Lạc Tiếp, Võ Doãn Nhẫn, Thụy Khuê, Trần Thanh Hiệp, Ngọc Dũng, Hiếu Đệ, Viên Phong.

Xin chân thành cám ơn quý vị.

Phần Nhắn Tin:

Nguyễn Thị Thanh *(Montreal, Canada)*: Chúng tôi đã nhận được tài liệu và hình ảnh bà gửi, rất tiếc không đăng được vì quá dài và quá chuyên môn. Các hình ảnh tuyệt đẹp, chúng tôi vẫn lưu giữ, khi có dịp sẽ xin giao hoàn lại bà. Xin cám ơn hảo ý của bà đối với *Thế Kỷ 21*, chúc bà vui mạnh luôn.

Tần Quán Anh *(Weil, Germany)*: PXĐ gửi lời cám ơn anh về bài văn tản mạn anh đã gửi cho. Đó đúng là những lời tâm sự với một người cùng yêu mến một thành phố như mình, cùng có những ý nghĩ và cảm xúc về những vấn đề của quá khứ và hiện tại. Thân.

Nguyễn Kỳ Phong *(Washington D.C.)*: Các đoạn viết của bạn thú vị lắm. Số này chỉ đăng một đoạn phù hợp với đề tài đang bàn cãi, các đoạn khác để dành các kỳ sau. Chị M.S. rất cảm động về những lời thăm hỏi của bạn, bây giờ chị ấy bận lắm, hết còn có thể "trụ trì" một chỗ như trước được. Lời chúc của bạn dành cho *Thế Kỷ 21* cũng là niềm ước mơ của "bổn báo." Xin cám ơn và chúc vui.

Phùng Nguyễn *(Bakersfield, CA)*: Rất cám ơn anh đã cất lên tiếng nói của "phe cấp tiến." Bất cứ một cuộc đổi mới nào cũng có người bênh người chống. Nhưng rõ ràng chúng ta đang ở trong một thời đại tiến triển quá nhanh chóng, việc nắm bắt cái mới trở nên một nhu cầu thường trực. Trong khi đó thì hương vị của cuộc sống không thay đổi theo kịp. Thôi cứ tự nhủ: Rồi sẽ quen hết. Như là con người đã quen với biết bao biến đổi, từ trước tới nay!

Nguyễn Đức Bạt Ngàn *(Edmonton, Canada)*: Chân thành cám ơn anh về lời khen cũng như lời trách. Sẽ cố gắng tránh những khuyết điểm mà anh đã chỉ ra và ghi nhận các khuyến cáo. Về bài anh gửi, đang đọc. Đã chuyển lời thăm của anh đến anh TĐQ. Thân.

Nguyễn Hưng Quảng *(Bridgeport, Ct)*: Hai đề nghị của anh là các sáng kiến có giá trị, chúng tôi sẽ nghiên cứu cách thực hiện. Tòa soạn rất cảm kích trước lòng yêu mến của anh đối với tờ báo, mong thỉnh thoảng vẫn nhận được các ý kiến đóng góp, và mong mối tình cảm "tòa soạn và bạn đọc" ngày càng bền chặt mãi.

Song Thao *(Montreal, Canada)*: Sau cùng thì nhận được NMPC đến hai lần. Lần gửi trước nhận được hơi chậm, không kịp báo tin trên báo tháng Tám, báo hại làm bạn tưởng đã bị thất lạc. Đang đọc. Về việc xuất bản sách, sẽ liên lạc để "thưa chuyện" với bạn sau, bằng điện thoại hoặc bằng thư. Chúc khỏe và vui.

Nghiêu Minh *(Bethesda, MD)*: Số tiền anh gửi như thế là đủ cho hai kỳ. Cám ơn anh về đề nghị liên quan đến việc bán tập TM. Các ông HKP và PXĐ gởi lời cám ơn anh về những quyển sách anh gửi tặng. Ai cũng khen sách in đẹp. Chúc anh thành công về mọi mặt. Thân.

Lê Quang Giảng *(Costa Mesa, CA)*: Rất tiếc không đăng được bài "Thị Trường Chứng Khoán..." Ngoài vấn đề xem xét nội dung bài vở, chúng tôi không có tập quán đăng những bài đã xuất hiện trên báo khác hoặc được gởi đồng thời đến báo khác.

Phan Bảo Châu và Phan Bảo Trân *(Houston, TX)*: Cám ơn các bạn đã góp ý về bài viết của ông NLT, mà chúng tôi thấy nói chung là chính xác. Nếu không gì trở ngại xin các bạn cho Tòa soạn biết địa chỉ để tiện việc liên lạc trao đổi thêm. Chúc vui.

Trần Văn Sơn *(Glendale Heights, IL)*: Đã nhận được các đợt bài của ông, rất tiếc không đăng được. Mong các bài khác. Chúc ông vui mạnh và viết nhiều.■

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Dung Nguyễn (Chicago IL), DWC Library (Epworth IA), Nguyễn Văn Thế (NETHERLAND), C.M.Alicanov (RUSSIA), Khưu Ngọc Thanh (Beaverton OR), Nguyễn Thị Giang (Falls Church VA), Nguyễn Thị Lài (Perth AUSTRALIA), Lê Quang Vinh (Eden Hill AUSTRALIA), Trần Thanh Hải (Dortmund GERMANY), Thanh Nguyễn (Bayside NY), Ngô Văn Tuấn (NETHERLAND), Nghiêm K Lâm (Altamonte Springs FL), Trần Gia Phụng (Toronto CANADA), Phùng Mai Trâm (Coto De Caza CA), Trần Quí Phiệt (Kerrville TX), Lê Đình Khôi (Santee CA), Trần Ngọc Giác (JAPAN), David Sang (Nedlands AUSTRALIA), Nguyễn Thị Suối Kiệt (Ont CANADA), Trần Văn Tích (GERMANY), Nguyễn Thị Khuê (Besancon FRANCE), Đào Đức Kỳ (San Gabriel CA), Nguyễn Phước (Saint Cloud MN), Mai Trung Tỉnh (Annapolis MD), Nguyễn Ngọc Diễm (Houston TX), Melhus Bibliotek (NORWAY), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Nguyễn Nguyên Phương (Denver CO), Huỳnh Hùng (Sceaux FRANCE), Nguyễn Hữu Dõng (Koln GERMANY), Khang Bui (Miramar FL), Nguyễn Xuân Hiếu (Rch Sta Margarita CA), Nguyễn Đức Tâm (Thousand Oaks CA), Hoàng Trọng Lập (Talahasse FL), Vũ Thụy Hoàng (Sringfield VA), Tiềm Võ (Fremont CA), Lê Hữu Thuần (Adelphi MD), Trịnh Hoa (Houston TX), Trần Giang Nam (Los Angeles CA), Nguyễn Bình Thăng (DENMARK), Huỳnh Ngọc Mỹ (Wichita KS), Trần Văn Trường (Melbourne AUSTRALIA), Lê Trần Quý (Seattle WA), Đinh Thúy Lan (Honolulu HI), Vũ Văn Linh (San Jose CA), Nghiêm Xuân Khuyến (Irvine CA), Nguyễn Hữu Điển (Bayou La Batre AL)

Nghiêm K. Lâm *(Altamonte Springs FL):* Báo của ông hết hạn từ số 76. Như lời yêu cầu, ban phát hành đã gởi TK 21 đến ông với cước phí *first class* cho những số báo trong kỳ gia hạn mới. Kính.

Phùng Mai Trâm *(Coto De Caza CA):* Đã nhận được chi phiếu gia hạn báo thêm một năm nữa. Chúc cụ vui khoẻ trong cảnh nhàn ở vùng Coto De Caza. Kính.

T.P *(Fresno CA):* Đã gởi đến ông số báo bị thất lạc (#75). Chúc ông vui luôn. Kính.

Trần Ngọc Giác *(JAPAN):* Toà soạn đã nhận được tiền gia hạn báo đến số 87. Thân kính.

Khương Phương Lan *(Vienna VA):* Cám ơn bà có nhã ý tặng Ô.B NND một năm báo TK 21. Toà soạn đã gởi số Tháng Bảy đến bà. Thân mến.

Lê Văn Thành *(Los Angeles CA):* Cám ơn ông đã giới thiệu báo TK 21 đến quý đồng nghiệp trong sở. Ban phát hành cũng vừa gởi quyển HNTMT đến ông. Kính.

Nguyễn Vinh *(Memphis TN):* Đã gởi báo về địa chỉ mới từ số Tháng Chín (#77). Kính.

Trịnh Toàn *(San Jose CA):* Toà soạn xin cám ơn về ý kiến đóng góp cho sự phát triển của tờ báo. Tuy nhiên, về việc giá cả, chúng tôi thiết nghĩ nên thống nhất, cho... tiện việc sổ sách! Thân kính.■

Tìm đọc:

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

AN TIÊM

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc:
theky21@ix.netcom.com

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải đề rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Le Tat Luyen*
45 83 19 12
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

NĂM MƯƠI NĂM QUA, NĂM MƯƠI NĂM SẮP TỚI

Trước đây 50 năm, ngày 19 tháng Tám năm 1945, dân trung lưu thành phố Hà Nội, tiêu biểu là các công chức, đã tổ chức một cuộc mít tinh biểu dương ý nguyện đòi độc lập của dân tộc Việt Nam. Một nhóm người chiếm diễn đàn, trương cờ cộng sản, biến thành một cuộc biểu tình cướp chính quyền.

Vì vậy ngày 2 tháng Chín năm 1945, người đứng ra trên khán đài tại vườn hoa Ba Đình đọc bản tuyên ngôn độc lập của nước ta là Hồ Chí Minh, một đảng viên cộng sản Pháp từ 1920, có lúc cũng là đảng viên cộng sản Trung Quốc, vốn là cán bộ của Đệ Tam Quốc Tế được Stalin gửi qua Trung Hoa.

Bây giờ đọc lại bản tuyên ngôn độc lập này, chúng ta vẫn thấy ý nguyện toàn dân Việt Nam lúc đó. Trong đó ta không thấy một chữ nào về chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa cộng sản cả. Ngược lại, các khẩu hiệu (Dân tộc) Độc Lập, (Dân quyền) Tự Do, và (Dân sinh) Hạnh Phúc chính là chủ nghĩa Tam Dân mà Quốc Dân Đảng đã mô phỏng của Tôn Trung Sơn! Ba điều đó vẫn là ý nguyện suốt 50 năm qua của dân ta.

Như vậy thì dân Việt Nam "chọn lựa" chủ nghĩa xã hội từ bao giờ? Dân ta chưa bao giờ chọn. Năm 1945, với 5,000 đảng viên trong một nước hơn 25 triệu dân, cộng sản đã thành công chiếm đoạt quyền chỉ huy cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam, nhờ họ đã học được các kỹ thuật đảo chính, ám sát, và tuyên truyền điên đảo từ các trường học của Stalin và Mao Trạch Đông.

Nhân dân lúc đó đã ủy quyền cho đảng Cộng Sản chăng? Chắc chắn 50 năm trước đấy dân ta không chọn đảng đó đóng vai lãnh đạo. Nếu có muốn thì cũng chẳng còn đảng cộng sản nào để nhờ vả nữa, vì chưa đầy năm sau Hồ Chí Minh đã tuyên bố giải tán đảng rồi. Năm năm sau đảng đó mới sống lại, nhưng thay họ đổi tên, chứng tỏ hai chữ Cộng Sản vẫn chưa được người dân chấp nhận. Cần núp dưới cái vỏ dân tộc để che đậy ruột gan quốc tế, nên mãi sau năm 1975 đảng CSVN mới dám hiện nguyên hình.

Như vậy 50 năm trước đây, nhân dân Việt Nam muốn độc lập, tự do, và hạnh phúc, chứ không hề muốn chủ nghĩa xã hội. Ví thử ý nguyện đó được tôn trọng thì đồng bào ta chắc chỉ phải tranh đấu chống Pháp đòi độc lập đỡ đổ máu hơn, và bây giờ không phải băn khoăn làm sao thanh toán chủ nghĩa xã hội như một cái xác ướp còn biết đi, trong khi cả thế giới đang cất nó vào viện bảo tàng bên cạnh các bộ xương của loài khủng long.

Cuộc cách mạng tháng Tám 1945 đã diễn ra trên toàn quốc, là do khát vọng của toàn dân. Lúc đó dân ta chỉ một lòng muốn đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước, nên không kể người nào hay nhóm nào lãnh đạo. Chính vì thế nên Hồ Chí Minh và cộng sản VN đã biến cuộc kháng chiến của dân tộc ta thành một bộ phận trong cuộc cách mạng cộng sản toàn cầu của Đệ Tam Quốc Tế.

Vì đảng cộng sản chiếm quyền lãnh đạo, liên minh với Liên Xô và Trung Cộng, quốc tế hóa cuộc cách mạng vốn bản chất dân tộc, cho nên cuộc kháng chiến của dân ta cũng bị quốc tế hóa. Đó là nguyên nhân gây nên chiến tranh kéo dài suốt 30 năm giữa hai khối tư bản và cộng sản lấy nước Việt Nam làm bãi chiến trường, lấy sinh mạng người Việt Nam làm những con chốt thí. Đến khi khối Đệ Tam chia rẽ, vì cộng sản Việt Nam chọn đứng về phía Liên Xô đối đầu Trung Quốc nên dân ta lại phải tiếp tục dự vào các cuộc chiến tranh khác từ 1979 đến 1990.

Ngày nay khối cộng sản quốc tế đã tan và đảng cộng sản Việt Nam đổi chiều, bắt đầu tập lối kinh doanh của chế độ tư bản độc quyền thời sơ khai. Họ mong nhờ tiền bạc tư bản quốc tế đầu tư sẽ giúp họ vẫn nắm quyền kiểm soát chính trị toàn diện.

Nhân dịp nhìn về quá khứ 50 năm cũ, chúng ta thử đặt câu hỏi trong 50 năm sắp tới dân tộc Việt Nam sẽ ra sao?

Trước hết, dân ta nay đã bắt đầu thoát ra khỏi cuộc thí nghiệm cộng sản hãi hùng, ít nhất trong một phần sinh hoạt kinh tế. Nhưng từ chút tự do ít ỏi về kinh tế đó dân ta sẽ có cơ hội mở đường, trở lại hòa mình vào dòng tiến bộ bình thường của đời sống nhân loại.

Điều chúng ta có thể biết chắc chắn là dù chế độ độc tài đảng trị cố kìm hãm, làm chậm bước việc trở về cuộc sống bình thường của dân ta, thì sớm hay muộn cái xác không hồn của đảng cộng sản cũng phải ngã xuống.

Cuộc sống bình thường của nhân loại bây giờ là đời sống dân chủ, với những quyền tự do chính trị để bảo đảm cho các quyền tự do về kinh tế. Bước tiến bình thường của cuộc sống đó đã bị ngăn trở trên khắp thế giới vì cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Nga-Mỹ trong 50 năm, nhưng ngay cả mối thù địch này bây giờ cũng đã chấm dứt.

Năm mươi năm sắp tới nhân loại sẽ hiểu rằng chỉ có sự cộng tác và tranh đua một cách hòa bình mới mang lại phồn vinh cho mỗi dân tộc, mỗi quốc gia và cả loài người. Con người phải được sống tự do, mỗi người dân phải có quyền tham dự vào các quyết định có ảnh hưởng tới vận mạng của họ. Điều đó ai cũng công nhận, đó không phải là một đặc ân do ai ban phát, mà là tiêu chuẩn sống bình thường của những con người có phẩm giá.

Các nước Á Đông chung quanh ta đang tiếp tục phát triển, sẽ càng ngày càng phải cởi mở chế độ chính trị. Dân Đài Loan, Đại Hàn, Indonesia ... tiếp tục tranh đấu đòi thêm tự do. Việt

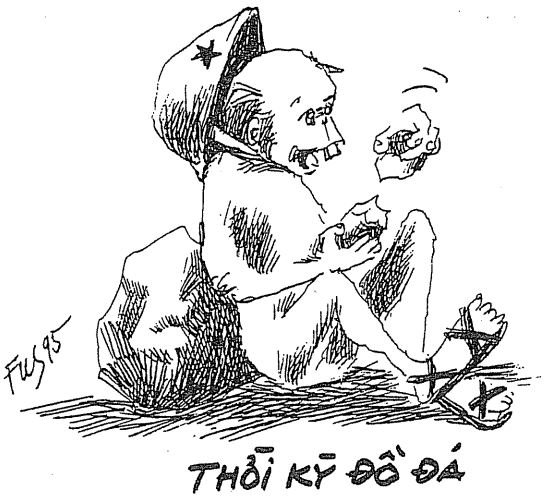

Nam, Bắc Hàn, Miến Điện, Trung Quốc, rồi cũng sẽ phải bước vào giai đoạn cải tổ toàn diện đó. Nếu dân ta biết tranh đấu thì được tự do sớm hơn, sống xứng đáng phẩm giá con người hơn, và hòa bình cũng hy vọng sẽ vững chắc hơn.

Nhưng chúng ta không quá mơ mộng để không thấy các quốc gia vẫn còn thử bom hạch tâm. Nhiều chế độ độc tài trên thế giới vẫn coi dân chúng như trẻ con chưa đủ trưởng thành. Trái đất vẫn sẽ tiếp tục bị ô nhiễm, bị phá hủy chính vì bàn tay con người. Các vấn đề hòa bình và sinh môi trong vùng Á Đông sẽ phức tạp hơn chính vì các nền kinh tế đang phát triển mau lẹ.

Trong vòng một thế hệ nữa, Trung Quốc sẽ có 1.7 tỷ dân với nhu cầu rất lớn về nhiên liệu và thực phẩm. Một mặt công nghệ càng lên thì càng cần nhiều năng lượng. Mặt khác, số dân và gia súc tăng lên sẽ tiêu thụ số lượng ngũ cốc vượt quá khả năng sản xuất của Trung Hoa. Kinh tế phát triển, người dân sẽ ăn thịt nhiều hơn, do đó số gia súc tăng lên cũng tiêu thụ nhiều ngũ cốc. Cả thế giới sẽ phải cùng lo cho vấn đề thực phẩm và nhiên liệu của 1.7 tỷ dân Trung Quốc trong 50 năm tới.

Cũng trong vòng một thế hệ nữa Nhật Bản không còn đóng vai trò cường quốc kinh tế như hiện nay. Trung Quốc (với Đài Loan và Hồng Kông) sẽ là khối kinh tế lớn nhất Á châu, với bom nguyên tử. Tất cả các nước chung quanh, từ Hàn Quốc, Việt Nam, Phi Luật Tân đến Indonesia, Ấn Độ sẽ phải sống với thực tế đó. Việc mở rộng các liên lạc kinh tế với khối Tây Âu và Hoa Kỳ ngay từ bây giờ sẽ giúp các nước Đông Nam Á giữ được thế cân bằng trong thế hệ sắp tới. Việc giao dịch với các nước dân chủ sẽ ảnh hưởng cả vào nền chính trị nội bộ của các nước Á đông khi các trao đổi giữa người dân với nhau gia tăng.

Dù không coi là định luật chắc chắn nhưng chúng ta có thể tin rằng các quốc gia dân chủ sẽ không thích gây chiến tranh. Người dân có tự do thảo luận các vấn đề chung cũng sẽ quan tâm nhiều hơn về các vấn đề bảo vệ sinh môi, gìn giữ gia tài của trái đất cho con cháu đời sau còn chỗ sống. Kinh nghiệm cho thấy các chế độ độc tài ở Liên Xô, Đông Âu cũng là những nước mà vấn đề ô nhiễm sinh môi trầm trọng, mà dân không được biết.

Cho nên dân ta, và các dân tộc vùng Đông Nam Á muốn tránh khỏi hai tai họa chiến tranh và sinh môi hủy hoại thì phải xây dựng dân chủ.

Chế độ dân chủ đó sẽ có hình thức như thế nào? Những định chế dân chủ của loài người mới bắt đầu được thí nghiệm từ vài thế kỷ nay. Cuộc thí nghiệm vẫn tiếp tục, và các định chế đó còn chuyển hóa tùy theo khung cảnh xã hội, lịch sử, văn hóa của mỗi quốc gia. Ngay cả ý niệm về quốc gia và nhà nước cũng sẽ thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Quốc gia được quy định bằng các lãnh thổ có biên cương, trong khi nền kinh tế càng ngày càng có tính hoàn vũ. Một vụ động đất ở Tokyo hay Thượng Hải sẽ làm rung chuyển các thị trường ở London hay New York. Trong đời sống nhân loại ở thế kỷ 21, vai trò và phạm vi ảnh hưởng của các định chế chính trị quốc gia sẽ yếu đi so với vùng ảnh hưởng của các định chế liên quốc về kinh tế.

Hai loại định chế chính trị và kinh tế sẽ tiếp tục xung đột, giống như hồi đầu thế kỷ 19 khi kinh tế tư bản phát triển ở Âu châu. Cái khung chính trị không phù hợp với đà bành trướng của kinh tế, trong hai thế kỷ qua đã dẫn đến các cuộc xâm lăng tìm thuộc địa, rồi tiếp theo là hai cuộc đại chiến.

Những xung đột giữa các định chế chính trị của thế kỷ 20 và sự bành trướng kinh tế của thế kỷ 21 có tính toàn cầu, sẽ vượt ra khỏi biên giới các quốc gia. Đó cũng là một sự thật chúng ta không thể không biết tới khi hình thành các điển chế mới cho đất nước. Để cho dân tộc có đủ trí tuệ vượt thoát những khó khăn và nguy hiểm mà cuộc chuyển mình sắp tới của thế giới có thể gây ra, chúng ta cần sử dụng đến khả năng trí tuệ của toàn dân. Muốn vậy thì không thể nào không xây dựng dân chủ.

Nhưng có một điều chắc chắn là chế độ dân chủ chỉ thật sự hiệu quả khi người dân tập được thói quen tự làm chủ trong các sinh hoạt từ khuôn khổ xóm làng, khu phố, trường học, chùa chiền hay nhà thờ của họ. Thói quen đó tập được là do tính sống động của những hội đoàn, những tổ chức nhân dân có tính tự nguyện và tự trị. Thói quen đó cũng được trui rèn nhờ báo chí tự do. Những tế bào dân chủ đó tạo thành các mô cơ bản của xã hội công dân, là nền tảng tất yếu của nền dân chủ.

Cho nên cuộc cách mạng trong 50 năm tới của các dân tộc Á Đông sẽ là một cuộc cách mạng hòa bình, tiệm tiến. Đó là sự tham dự của mọi người vào cuộc vận động với mục tiêu xây dựng và củng cố xã hội công dân. Đó không phải là một cuộc cách mạng theo nghĩa của thế kỷ 19 nữa. Thật ra đó chỉ là sự chuyển hóa tự nhiên của xã hội loài người sống có ý thức. Những quyền tự do kinh tế sẽ giúp người ta ý thức hơn về tự do chính trị. Những quyền tự do về ngôn luận, báo chí, hội họp sẽ trở thành nhu cầu tự nhiên cũng như quyền ăn, quyền thở.

Xây dựng xã hội công dân là công việc tạo nền tảng cho chế độ dân chủ. Nhưng nếu một dân tộc không bắt đầu sống trong thể chế dân chủ thì không thể nào xây dựng xã hội công dân. Cho nên việc tranh đấu cho tự do dân chủ ở nước ta vẫn là bước khởi hành cần thiết để bước vào quãng đường 50 năm sắp tới.■

Ban Chủ Biên THẾ KỶ 21

MẤY VẤN ĐỀ MẬU DỊCH SAU BANG GIAO CHÍNH THỨC

NGÔ NHÂN DỤNG

Khi ngoại trưởng Mỹ đến Hà Nội ông Nguyễn Mạnh Cầm đã chờ sẵn với một bản "các việc cần bàn ngay": 1) cho Việt Nam hưởng quy chế tối huệ quốc (MFN), 2) cho phép ngân hàng xuất nhập cảng Mỹ (Ex-Im Bank) tài trợ những vụ đầu tư của doanh nhân Mỹ vào Việt Nam, và 3) cho Cơ quan Đầu tư Hải ngoại (OPIC) bảo hiểm rủi ro chính trị cho người Mỹ đầu tư. Bảng kê các đề tài thảo luận trên chứng tỏ ngoại trưởng Hà Nội có chuẩn bị, nói lối tiếng Anh là ông ta có làm bài tập (*home work*). Nhưng con đường để đi tới các cuộc thảo luận về kinh tế còn xa lắm.

Quy chế tối huệ quốc

Hãy nói chuyện quy chế tối huệ quốc (MFN, *Most Favored Nation*). Gọi là "huệ" nhưng thực ra nó không ban ân phát huệ gì cả. Đó chỉ là cách đối đãi bình thường với các quốc gia có mậu dịch với Mỹ. Nước nào được coi là MFN thì sẽ ký thỏa ước quan thuế với Mỹ và hàng hóa bán vào Mỹ được đánh thuế quan phải chăng — nhưng vẫn còn nặng hơn các nước ở trong khối mậu dịch tự do với Mỹ như Mexico và Canada. Nói tiếng Việt mà dùng chữ "huệ" làm mất cả thể diện nước nào xin được hưởng quy chế này. Từ ngữ MFN vào ngôn ngữ chính trị Hoa Kỳ từ khi quốc hội thông qua bản tu chính án Jackson-Vanik (1974).

Đạo luật đó đòi các nước muốn buôn bán bình thường với Mỹ phải tôn trọng nhân quyền, thí dụ quyền di cư của người dân từ nước đó đi nước khác. Đạo luật đó ra đời vì các cử tri Do Thái, muốn buộc Liên Xô lúc đó phải cho người Do Thái di cư tự do. Nước nào muốn hưởng quy chế MFN thì trước tiên phải có thỏa ước mậu dịch với Mỹ. Mỗi năm lại phải được bộ ngoại giao Mỹ chứng nhận là nước đó không vi phạm nhân quyền.

Chúng ta cần chú ý đây cũng là một chuyện nội bộ nước Mỹ: quốc hội Mỹ làm luật ấn định điều kiện giao thương với bất cứ quốc gia nào. Chính phủ Mỹ bị đạo luật đó ràng buộc nên phải theo. Nước nào không thích luật pháp lôi thôi của Mỹ thì cứ việc từ chối không thèm buôn bán với Mỹ nữa, chuyện buôn bán đó không ai bắt buộc. Sống ở những nước kém văn minh nơi chính phủ coi quốc hội như kẻ ăn người ở thì không hiểu được vụ này.

Hồi 1979 Mỹ chính thức bang giao với Trung Quốc, phải mất một năm sau thì thỏa ước mậu dịch mới ký, và Trung Quốc được hưởng quy chế MFN. Năm 1989 sau vụ Trung quốc tàn sát sinh viên, công nhân ở Thiên An Môn, quy chế MFN bị thu hồi vì dân biểu Nancy Pelosi (đảng Dân chủ, Cali) đòi bộ ngoại giao Mỹ kiểm điểm lại coi Bắc Kinh có tôn trọng nhân quyền hay không. Mãi đến cuối nhiệm kỳ tổng thống Bush, ông ta mới cho Trung Quốc hưởng lại quy chế đó, rồi ông Clinton mỗi năm cho tái tục. Quốc hội Mỹ lờ đi nhưng lâu lâu một vài dân biểu lại lên tiếng chống đối.

Trong những năm tới bộ ngoại giao Mỹ sẽ bị các dân biểu, nghị sĩ xét nét, hỏi han về vấn đề thi hành nhân quyền ở Việt Nam mỗi khi chính phủ Mỹ muốn bàn tới thỏa ước mậu dịch và quy chế MFN cho Việt Nam. Các dân biểu, nghị sĩ thì tha hồ muốn nói gì cho cử tri của họ vui vẻ mà chẳng được? Quốc hội Mỹ hiện do đảng Cộng Hòa kiểm soát nên họ có nhiều lý do riêng để chống đối và ngăn trở ông Clinton trước kỳ bầu cử 1996. Đem chuyện nhân quyền ra nói chẳng tốn đồng nào mà lại kiếm thêm phiếu.

Các tổ chức vận động nhân quyền chắc sẽ thu thập tài liệu về các vụ vi phạm nhân quyền đang xảy ra ở Việt Nam để cung cấp cho các dân biểu của họ. Cho nên trong hai năm nữa vụ quy chế tối huệ quốc cho Việt Nam cũng chưa chắc đã bàn xong,

Thống kê, tác quyền

Việc ký một thỏa ước mậu dịch còn đòi hỏi hai bên phải thu thập, bàn luận về số lượng các hàng xuất nhập khẩu giữa hai nước. Riêng việc này, rất bình thường giản dị ở các nước tự do, cũng sẽ gặp nhiều trở ngại ở Việt Nam. Vì hiện ở nước ta các thống kê số hàng hóa xuất nhập khẩu đều được coi là "bí mật về an ninh quốc gia," nghĩa là ai đi tìm các dữ kiện đó có thể bị kết tội gián điệp! Cái thói quen cai trị dân theo lối hội kín này, những người sống quen ở các xã hội cởi mở và văn minh thật không hiểu nổi!

Một vấn đề rắc rối nữa là "tác quyền," hay quyền sở hữu trí tuệ. Trong thỏa ước mậu dịch sẽ

có mục mỗi quốc gia tôn trọng luật về tác quyền của nước kia. Trung Quốc đã bị Mỹ "làm khó dễ" vì để cho nhiều xí nghiệp vi phạm tác quyền của dân Mỹ. Nền sản xuất băng video và băng nhạc ở Việt Nam vẫn thường xuyên "mượn" các băng sản xuất ở Mỹ, trong đó có các băng nhạc của người Mỹ gốc Việt.

Các báo loan tin trong dịp đón ngoại trưởng Mỹ Christopher, ông Đỗ Mười đã kêu gọi một triệu người Mỹ gốc Việt đừng quên quê hương cũ. Người Việt nào mà không nhớ quê hương? Và có khi họ cũng nhớ cả bản quyền những tác phẩm của họ đang được khai thác ở quê hương nữa!

Ngân hàng EX-IM

Ngoài vấn đề Tối Huệ Quốc, ngoại trưởng Hà Nội cũng yêu cầu chính phủ Mỹ xúc tiến việc ngân hàng Xuất-Nhập khẩu (Ex-Im bank) tài trợ và quỹ OPIC bảo hiểm các dự án đầu tư.

Ngân hàng Ex-Im bank thuộc chính phủ Mỹ, do một đạo luật của quốc hội thành lập, thường tài trợ bằng cách cho vay trực tiếp, hay bảo đảm và bảo hiểm rủi ro cho nhà ngân hàng cho vay, trong những nghiệp vụ xuất nhập cảng. Riêng việc ngân hàng này cho vay trực tiếp, họ chỉ cho các vụ xuất cảng, lãi suất chắc chắn sẽ thấp hơn đi vay ở các ngân hàng tư.

Sau vụ MFN, ngân hàng Ex-Im cũng bị ràng buộc bởi Tu chính án Jackson-Vanik. Một lần nữa tất cả những công dân Mỹ có thể khiếu nại các vụ vi phạm nhân quyền tại Việt Nam để ngăn không cho ngân hàng Ex-Im (do người dân đóng thuế nuôi) tài trợ các dự án ở những nước vi phạm nhân quyền. Tổng thống Mỹ, dù thuộc đảng nào cũng có thể "miễn chấp" (*waive*) các điều kiện nhân quyền cho một quốc gia nào đó, nhưng quốc hội Mỹ có để yên cho ông ta làm như vậy không lại là chuyện khác.

Riêng ông Clinton thì từ nay đến ngày bầu cử chắc ông ta sẽ không muốn đụng vào ổ kiến lửa này, vì quốc hội do phe Cộng Hòa kiểm soát sẽ có dịp tấn công ông về nhân quyền.

Bảo hiểm của OPIC

Tiếp theo là vụ OPIC (*Oversseas Private Investment Corporation*), một cơ quan trong chính phủ Mỹ nhằm bảo hiểm cho các nhà đầu tư, đặc biệt về những rủi ro chính trị mà các hãng bảo hiểm tư không nhận.

Một xí nghiệp Mỹ làm ăn ở các nước "nhược tiểu" có thể bị rủi ro chính trị như bị quốc hữu hóa, hoặc tiền lời không thể "hồi hương" vì trở ngại về hối đoái, hay các thiệt hại do chiến tranh, cách mạng, hay nội loạn bất ngờ gây ra. Nếu được bảo hiểm về các rủi ro loại này thì người Mỹ mới dám tới xứ đó làm ăn.

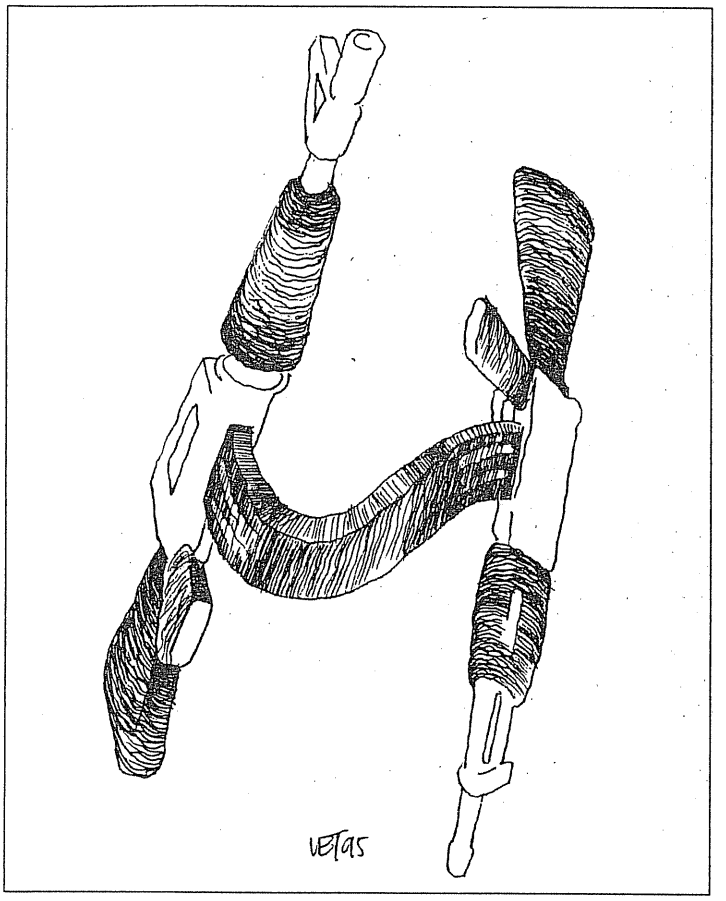

Ngoài ra cơ quan OPIC cũng giúp các xí nghiệp dễ vay nợ nhờ đứng bảo đảm trả vốn lẫn lời (tối đa 50 triệu) cho các ngân hàng tài trợ vào các dự án có thể chịu những rủi ro trên. OPIC cũng bảo hiểm cho các nhà thầu và nhà xuất cảng khi bị nước khác rút mất tiền đặt cọc đóng để đấu thầu, hoặc các món ứng trả trước. Có bảo hiểm người ta mới mạnh dạn "vô." Ngoài ra còn những bảo hiểm cho việc khai thác mỏ, dầu khí, xây cất để cho thuê, v.v. Khi cơ quan này chấp nhận bảo đảm hoặc bảo hiểm thì những vụ đầu tư và mậu dịch sẽ phát triển mạnh hơn nhiều.

Nhưng muốn đầu tư vào xứ nào để được cơ quan OPIC bảo hiểm thì "nó" cũng đặt một số điều kiện. Họ không buộc các nước khác phải thay đổi, không can thiệp vào chuyện nội tình nước khác. Nhưng điều giản dị là họ không nhận

đứng bảo hiểm cho nhà kinh doanh Mỹ nào đi làm ăn ở các nơi "quá rủi ro." Thế nào là rủi ro? Thí dụ tình trạng xã hội căng thẳng. Mấy năm gần đây OPIC đã gạt Đại Hàn ra ngoài danh sách được bảo hiểm, vì "quyền của người lao động" ở đó bị vi phạm. Đại Hàn là một nước đồng minh lâu đời với Mỹ, các công đoàn ở đó độc lập với chủ nhân mà còn bị coi là vi phạm quyền lao động. Ở Việt Nam từ chủ nhân đến công đoàn đều do đảng lãnh đạo thì ai bênh vực quyền lợi người lao động? Trong diễn văn ngày 11 tháng Bẩy 1995 tuyên bố bình thường hóa bang giao, ông Clinton nhấn mạnh đến việc chính phủ Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và quyền người lao động (*labor rights*). Phải chăng chính phủ Mỹ đã nhớ đến chuyện Đại Hàn?

Việc tiến hành các vụ đầu tư và mậu dịch của Mỹ với Việt Nam còn nhiều trở ngại như vậy. Tất nhiên nếu Việt Nam mạnh bạo thay đổi về chính trị thì không còn các vấn đề đó nữa, nhưng đó là chuyện đảng CSVN khó thể tiến hành!

Ai can thiệp vào nội bộ?

Cho nên trong những năm tới đây nếu người Mỹ có đặt các vấn đề nhân quyền, quyền di trú, quyền lao động, v.v. thì tất cả cũng vì các vụ MFN, Ex-Im, OPIC mà ông Nguyễn Mạnh Cầm đã nêu lên trong bữa ăn trưa khoản đãi ông Christopher ngày ông mới bước chân đến Hà Nội. Chính phủ Mỹ phải nêu lên các vấn đề trên vì các đạo luật do quốc hội Mỹ thông qua đòi hỏi họ phải theo.

Mỗi lần chính phủ Mỹ đặt các vấn đề nhân quyền, chính quyền Hà Nội sẽ kêu lên là Mỹ đòi"can thiệp vào nội bộ" Việt Nam. Nhưng nếu CSVN muốn hưởng tất cả mọi điều lợi về mậu dịch và đầu tư, mà bắt chính phủ Mỹ vi phạm các luật lệ của nước họ, thì người Mỹ sẽ nói chính Hà Nội mới can thiệp vào nội bộ nước Mỹ!

Sau khi CSVN kết án tù các ông Nguyễn Đình Huy, Nguyễn ngọc Tân,.. các Hòa Thượng Quảng Độ, thượng tọa Không Tánh, nhiều tổ chức bảo vệ nhân quyền khắp thế giới đã phản đối, các dân biểu và nghị sĩ ở Anh, Pháp, Mỹ, v.v. cũng lên án.

Cách đây không lâu, như tờ báo *Wall Street Journal* tiết lộ, chính phủ Hà Nội thuê một công ty cố vấn kinh tế nghiên cứu giúp câu hỏi "tại sao hơn một năm sau khi Mỹ bỏ cấm vận mà không thấy các xí nghiệp Mỹ đến đầu tư đông đảo như người ta chờ đợi?" Công ty tham vấn quốc tế này phúc trình rằng một trong các lý do là mỗi công ty liên quốc đều có một văn phòng chuyên lo về pháp luật. Mà các văn phòng pháp luật đều nói không thể đầu tư ở Việt Nam được khi nước đó chưa có một hệ thống luật lệ và hệ thống thuế vụ ổn định. Cứ coi cách họ thay đổi các đạo luật và pháp lệnh về đầu tư, nhà đất, thuế má trong mấy năm qua đủ chóng mặt. Chắc chỉ có các Hoa kiều "giầu kinh nghiệm" ở Thái Lan và Indonesia mới có tài làm xiệc với hệ thống pháp luật và thuế khóa Cộng sản.

Nhà nước vô sản chuyên chính cai trị hàng nửa thế kỷ không cần mấy thứ như luật lệ và hệ thống thuế má. Họ coi đảng là sáng suốt hơn tất cả, pháp luật và guồng máy tư pháp chỉ là công cụ của đảng. Cách cai trị đó họ thấy là "ổn định" nhất thế giới vì dân chúng có ai ngóc đầu lên phản đối đâu. Nay mấy nhà tư bản Mỹ không chịu bỏ tiền vô, lại còn nói chuyện phải có luật lệ và hệ thống thuế khóa ổn định. Sau khi bắt các ông Nguyễn đình Huy, hòa thượng Quảng Độ vô tù, và chuẩn bị đưa hòa thượng Huyền Quang ra tòa, ông ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm còn lên tiếng dọa chính phủ Mỹ không được mang chuyện nhân quyền ra nói khi bàn về các vấn đề mậu dịch. Vậy mà bộ ngoại giao Mỹ vẫn còn đòi CSVN phải trả tự do cho những công dân Mỹ gốc Việt trong nhóm ông Nguyễn Đình Huy. Đúng là "Đế quốc Mỹ như con cà cuống, chết đến đít mà vẫn còn cay," vẫn cứ muốn "can thiệp vào chuyện nội bộ" của đảng và nhà nước ta!■

CHÚC MỪNG

Được tin ái nữ của
ông bà Trần Quang Hải và Bạch Yến

Trần Thị Minh Tâm

sẽ thành hôn cùng

Thierry Panchaud

Tại Paris ngày 2 tháng Chín 1995

Tạp chí Thế Kỷ 21
và Đài VNCR có lời mừng
ông bà Trần Quang Hải - Bạch Yến,
và chúc MINH TÂM - THIERRY
trăm năm hạnh phúc.

VIỆT NAM CÓ PHẢI LÀ HẠT BỤI TRONG CON MẮT BẮC KINH?

LÝ MINH HÀO

Tham vọng chính quyền và quyền lợi kinh tế
Bức chân dung "bạn và thù"

Không kể những tranh chấp chính trị và xung đột quân sự lớn trong lịch sử xa xưa, trận giặc "biên giới" năm 1979 giữa Việt Nam và Trung Quốc, cũng như chiến tranh giành đất đai giữa Ấn Độ và Trung Quốc, chỉ là sự tái phát của một chứng bịnh "khó ở" nơi hai con bệnh kinh niên. Nhưng mọi sự đều có một lý do hay một nguyên nhân. Việt Nam cuối năm 1978 xua quân chiếm đóng Cam Bốt với danh nghĩa "làm nghĩa vụ quốc tế" để cứu khổ cứu nạn cho dân Chùa Tháp! Qua đầu năm 1979, để dạy cho xứ láng giềng phương Nam một bài học dưới chiêu bài "giáo huấn Việt Nam" nước Trung Quốc đã dụng binh đánh phá vùng biên cương Lạng Sơn - La Châu - Hà Giang của Việt Nam.

Theo hai tác giả John Keegan và Andreww Wheatcroft qua cuốn sách mang tựa đề "Zone of Conflict: *An Atlas of Future Wars*" (Simon and Schuster, 1986), xung đột Việt Nam và các nước láng giềng được "khoanh vùng" như những "điểm nóng chiến tranh" trong tương lai. Qua cuộc chiến xảy ra năm 1979 tại vùng biên thùy của hai nước—mỗi bên đều tập trung lực lượng lớn và chịu tổn thất nặng, giới bình luận và phân tích thời sự đi tới một nhận định chung:

Thứ nhất, Việt Nam và Trung Quốc đều xây dựng được một quân đội lớn, nhưng bộ binh Việt Nam tỏ ra sắc bén hơn nhờ bởi kinh nhgiệm chiến đấu qua nhiều cuộc chiến liên tục trong hơn 30 năm.

Thứ nhì, Việt Nam và Trung Quốc đều tài ba và sở trường về việc dùng chiêu bài, ngôn từ để biện giải và luận chứng cho những hành động của riêng mỗi bên.

Thứ ba, do sự liên hệ đặc biệt về các yếu tố nhân văn giữa đôi bên, Việt Nam và Trung Quốc sẽ vẫn tồn tại ở một trong các tình thế: bạn rồi thù, thù rồi bạn, chiến tranh ngắn ngủi, phi chiến phi hòa, hay nửa thù nửa bạn...

Sau chiến tranh Việt Nam (1975), người Cộng sản Việt Nam dựa vào và ỷ vào thế lực Liên Sô đang đầy khí thế, do đó họ không chịu thỏa mãn đòi hỏi quyền lợi chính trị của Bắc Kinh — một "thực thể" mà Hà Nội từng coi như "tình hữu nghị keo sơn gắn bó" hay quan trọng như tình trạng "môi hở răng lạnh" trong suốt thời kỳ chiến tranh với chính quyền miềm Nam lại dựa vào sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ. Hơn nữa, tại Bắc Kinh, sau khi Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai chết, phe chính trị cấp tiến (càng ngày càng đứng xa Điện Cẩm Linh và xích lại gần hơn với Hoa Kỳ) liền hạ tay hành động. Ngoài những lý do khác ra, việc "dạy bài học cho Việt Nam" có lẽ cũng giải tỏa một thứ "ẩn ức" của riêng mình và của Hoa Kỳ: "giáo huấn Việt Nam" là giúp Bắc Kinh cho thế giới biết Việt Nam là người bạn "phi nghĩa" (quên ơn sự giúp đỡ) và tham lam (lấn chiếm Cam Bốt) và rửa nhục giùm Hoa Thịnh Đốn (thua cuộc chiến Việt Nam).

Mối lạnh nhạt bang giao đang mòi nguội ngoai và dường chừng hơi ấm lại đã đột biến và trở nên căng thẳng trên một vùng lãnh hải có một trữ lượng dầu thô khoảng 1 tỷ (1000 triệu) tấn. Việt Nam lại đối đầu với Trung Quốc. Lần này tình thế ít nguy hiểm nhưng phức tạp hơn, vì có sự can dự của bốn nước khác nữa, đó là Phi Luật Tân, Đài Loan, Mã Lai và Brunei.

Nếu gạt bỏ qua xác suất bất trắc tệ hại nhất là Việt Nam xung đột quân sự với một trong số nước nêu trên, hay "hỗn chiến" giữa các nước lẫn nhau, sự mất an ninh chung trên vùng Biển Đông sẽ ảnh hưởng trầm trọng tới quyền lợi trực tiếp kinh tế của Việt Nam. Nói rõ hơn, triển vọng nền kinh tế dầu hỏa để và dựa vào nền kinh tế dầu hỏa để phát triển sẽ gặp những bất trắc và thử thách làm chậm lại tốc độ phát triển, hoặc đánh mất những cơ hội tốt đang có. Được biết, từ nay kéo dài sang tới hai thập niên đầu của thế kỷ 21, Á Châu Thái Bình Dương nói

chung và Đông Nam Á nói riêng, nằm trong "tâm điểm" của nền kinh tế và mậu dịch toàn cầu.

Hiện nay Hoa Kỳ là nước tiêu biểu của nền kinh tế tư bản trên thế giới, đang theo đuổi một chính sách tổng hợp và song hành. Đó là đẩy mạnh tiến trình thực hiện chính sách "Khu vực Hoàn hảo" (Good Regionalism) và "Toàn Cầu Hoàn Hảo" (Globalism). Các tổ chức như NAFTA (North America Free Trade Agreement), APEC (Asia-Pacific Economic Cooperation), và OAS (Organization of American States) là những khí cụ mới nhất và bén nhất Hoa Kỳ đang nắm trong tay để hỗ trợ cho việc khai triển và thực thi thứ chính sách tổng hợp và song hành đó. Duyệt lại chính sách ngoại giao Hoa Kỳ, người ta còn nhớ hồi đầu thế kỷ này, tổng thống Hoa Kỳ William Taft đã phá vỡ truyền thống của thập niên 1880 là dùng ngoại giao để bành trướng quyền lợi thương mại, và thay thế vào đó là dùng mậu dịch và thương mại để gia tăng ảnh hưởng ngoại giao của Hoa Kỳ. William Taft gọi chính sách đó là "chính sách ngoại giao bằng đồng dollar" (policy "dollar diplomacy") mà ông đã định nghĩa như một chính sách "thay thế những viên đạn bằng những đồng đô-la." Và hiện nay, dường như Tổng thống Bill Clinton đang xúc tiến chính sách đó. Cụ thể là trong khi các nhà thảo hoạch chính sách tại Ngũ Giác Đài và Bộ Ngoại Giao tìm cách cứu đồng tiền đô-la và giảm chi tiêu tại quốc ngoại thì Bộ Thương Mại Hoa Kỳ nỗ lực kiếm thêm tiền đồng thời với việc bành trướng ảnh hưởng Hoa Kỳ trên khắp thế giới bằng kinh tế và tình báo thương mại.

Theo như sự nhận định của Thứ trưởng Thương mại Jeffrey Garten đặc trách Mậu dịch Quốc tế, "Chúng ta (Hoa Kỳ) đang đi vào một kỷ nguyên mà chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia sẽ gia tăng xoay chuyển xung quanh những quyền lợi thương mại của chúng ta (Hoa Kỳ), và khi mà chính sách ngoại giao bằng kinh tế sẽ trở thành quan yếu trong việc giải quyết những vấn đề hệ trọng trong thời đại này." (*Foreign Policy,* số 97, Winter 1994-1995). Những ưu tiên mới của Bộ Thương Mại Hoa Kỳ là tăng cường mức tham dự của Hoa Kỳ trong 10 "Thị Trường Lớn Mới Nổi Lên" ("Big Emerging Markets") được gọi tắt là BEMs, đó là Trung Quốc (gồm cả Đài Loan và Hồng Kông), Ấn Độ, Indonesia, Brazil, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ, Nam Hàn, Nam Phi, Ba Lan, và Argentina. Những ứng viên "thị trường lớn" kế tiếp trong tương lai là Venezuela, Thái Lan và Việt Nam.

Nhìn theo phương diện địa dư, Việt Nam đứng ở một vị trí quan trọng cả về chính trị và kinh tế tại vùng Đông Nam Á. Và hiện nay bốn thế lực có sức mạnh ảnh hưởng nhất tại vùng Đông Á Thái Bình Dương là Nga Sô, Nhật, Hoa Kỳ và Trung Quốc. Các kế hoạch gia tại Bộ Thương Mại Hoa Kỳ cũng ước tính tới cuối thế kỷ 20 này, mức giao thương của Hoa Kỳ với Âu

Châu hay Nhật sẽ giảm đi và ít hơn là so với "10 BEMs;" và trong 10 năm kế tiếp nữa con số thương vụ giữa Hoa Kỳ với 10 BEMs sẽ cao hơn khối Âu Châu và Nhật cộng chung lại. Trong viễn tượng và trong bối cảnh đó, nhìn qua lăng kính kinh tế, người quan sát thời cuộc cũng đoán được là khối 10 BEMs sẽ tạo ảnh hưởng trong vùng. Nhất là một số trong 10 BEMs, đó không bỏ lỡ cơ hội thực hiện tham vọng chính trị — trước hết là ở trong vùng và kế tiếp trên thế giới. Trung Quốc là nước đang bành trướng thế lực chính trị sau khi đã tạo được ít nhiều thế lực kinh tế.

Dầu hoả là một vũ khí chiến lược kinh tế. Nếu các quần đảo thuộc Hoàng Sa và Trường Sa tại Biển Đông chỉ là những hải đảo chứa "phân chim" thì có lẽ đã không xảy ra tình trạng đòi hỏi, tranh giành và lấn chiếm chủ quyền lãnh hải như hiện nay. Chương trình canh tân quốc gia "Tứ Hiện Đại Hoá" (1. Kỹ nghệ; 2. Nông nghiệp; 3. Khoa Học và Kỹ Thuật; 4. Quốc Phòng) của Trung Quốc qua phát triển kinh tế vẫn còn phải dựa trên nguồn cung ứng "dầu hỏa" trong lâu dài. Tạo được "chỗ đứng" tại vùng Biển Đông sau khi sở hữu và khai thác được các "giếng dầu" thuộc các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa coi như mục tiêu chính trị mà Trung Quốc đang nhắm tới. Cũng vì tham lợi và những tham vọng tiềm ẩn khác mà hãng khai thác dầu Crestone của Hoa Kỳ vào năm 1992 đã ký hợp đồng một cách "tắt ngang" với Trung Quốc và cho khoan dầu ở một vị trí hải phận chỉ cách Hải Phòng của Việt Nam khoảng 70 hải lý.

Đối với Hoa Kỳ, sự hiện diện kinh tế tại vùng Á Châu Thái Bình Dương nằm trong chính sách đối ngoại qua nhiều đời tổng thống, bất luận thuộc đảng Dân Chủ hay đảng Cộng Hoà. Theo các tác giả J.C. Thomson, Jr., P.W. Stanley, J.C. Perry trong tác phẩm soạn chung: *Sentimental Imperialists— The American Experience in East Asia,* "Cái mà Hoa Kỳ cần thiết còn lại trên thế giới là các thị trường — nhất là đối với xuất lượng kinh tế. (What the United States needed most from the rest of the world was markets-primarily for its economic output). Vì thế một sự mở của cho mậu dịch và phổ biến kinh thánh, với một kẻ khác nào đó đài thọ các kinh phí chi tiêu chính phủ và đảm nhận nhiệm vụ duy trì trật tự, là điều lý tưởng phù hợp cho sự bành trướng của Hoa Kỳ. Đây là sự bành trướng thuộc 'chính sách chống thuộc địa theo kiểu đế quốc — *imperial anti-colonialism*' theo cách gọi của W. Appleman Wiliams."

Theo sự nhận định của tướng "mặt trận" chiến tranh Việt Nam - Wiliam Westmoreland: mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ tại Đông Dương cuối cùng đã thành tựu. Mục tiêu đó đã và đang nhằm thiết lập một quốc gia "trái độn cứng "để bảo vệ các nước tại Đông Nam Á tránh khỏi mối đe dọa tạo ra bởi Trung Quốc. Có lẽ tư tưởng chính trị của ông võ tướng này không sai lắm nếu trải dài các sự kiện lịch sử thêm ra ở hai đầu quá khứ và tương lai? Quả thực vậy, không ai có thể cả quyết kết quả chung cuộc của chiến tranh Việt Nam như một sự thất bại toàn diện. Vị trí của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á sau thất bại chiến tranh Việt Nam không đến nỗi suy sụp đến mức tệ hại: đó là *sự rơi mất con cờ domino* "Đông Dương" (Việt-Miên-Lào) đã *không làm rơi* theo các con cờ *dominoes* khác như Thái Lan, Miến Điện, Mã Lai, Tân Gia Ba. Lại có một quan điểm cho rằng "qua cuộc thất trận chiến tranh Việt Nam, thực ra Hoa Kỳ đã thắng trận — In losing the Vietnam War, the United States actually won." (*Foreign Affairs,* Jan/Feb 1995, p.162). "Việt Nam, trớ trêu làm sao, đã thi hành đầy đủ thứ mục tiêu đó," tướng Westmoreland đã nhận định tiếp. Như vậy, nói một cách không úp mở, hiển nhiên là sự chiến thắng của Hà Nội đã nằm trong quan tâm chính trị địa lý tối ưu (best geopolitical interest) của Hoa Kỳ.

Cách nay hơn 300 năm, nhà triết học chính trị Thomas Hobbes chỉ vì bà mẹ bị khiếp vía khi nghe tin hải đoàn Armada của đế quốc Tây Ban Nha đang trên đường đến xâm chiếm nước Anh mà đã sanh non ra ông. Cũng vì bị ám ảnh bởi sự khiếp sợ — *nỗi khiếp sợ và tôi là anh em song sinh* (Fear and I were born twins) như ông từng thú nhận, ông đã trước tác ra danh phẩm "Con Thuỷ Quái" (Leviathan) nhằm kêu gọi sự tôn trọng luật pháp tự nhiên, quan niệm con người như một cá nhân và cũng là một công dân. Nhờ đặt niềm tin nơi *lý tưởng tự do và hòa bình, cậu bé sinh non Thomas Hobbes đã sống thọ tới 91 tuổi!*

Vasco Nunez de Balboa là nhà thám hiểm đã khám phá ra biển Thái Bình, nhưng nhà chinh phục Hernando Cortez đã xâm chiếm đất Mễ Tây Cơ, người có "con mắt" tham vọng như trong đoạn thơ thi hào John Keats đã diễn tả:

Thế rồi tôi như kẻ nào đó ngắm trời sao
Khi một hành tinh mới lội vào tầm mắt
Hay tựa chàng Cortez kiêu hùng có đôi mắt diều hâu
Nhìn chòng chọc xuống Thái Bình biển cả...
Ly Châu LMH phỏng dịch
(Then felt I like some watcher of skies
When a new planet swims into his ken
Or like stout Cortez when with eagle eyes
He star'd at the Pacific...)

Biển Đông mới vừa dậy sóng vây bủa Hoàng Sa, Trường Sa. Nhưng liệu Hà Nội có đủ sức thổi hạt bụi và đôi mắt diều hâu của Bắc Kinh không khi Hoa Kỳ đã ngừng thổi cơn gió chướng?■

THUẬT TRỊ NƯỚC CỦA HÀN PHI VÀ MACHIAVEL

THÁI VIỆT

I. Giới thiệu

Charles Benoist viết: "Machiavel đã mất chỗ làm của ông, nhưng chúng ta được Machiavel". Câu này có nghĩa là nếu không xui xẻo, anh thư ký thành Florence (như người ta thường gọi Machiavel) sẽ không bao giờ có đủ thì giờ để viết các tác phẩm của mình.

Machiavel viết cuốn đầu tay là *Discorsi* (luận về lịch sử La Mã của Tite Live), sau đó là quyển *Lịch sử thành Florence*... nhưng cuốn sách nhỏ mà chúng ta không thể bỏ qua (tuy nó chỉ là cuốn bên lề của Dicorsi) đó là cuốn *Quân Vương*.

1. Machiavel và cuốn Quân Vương (Le Prince)

Machiavel viết cuốn này để dâng lên cho một quân vương dòng họ Médicis vào năm 1513 là Julien de Médicis, năm 1516 Julien mất. Machiavel lại dâng cho Laurent, mong từ địa vị cao sang của một quân vương đọc cuốn sách mà Machiavel đã bỏ ra suốt 15 năm trời để nghiên cứu về thuật cai trị, để tìm kiếm về bản chất của các quốc vương, bao nhiêu loại quốc vương đã hiện hữu, làm thế nào để người ta chiếm chúng, làm thế nào để người ta giữ chúng, và tại sao người ta mất chúng.

Laurent de Médicis nhận bản thảo cuốn *Quân Vương*, lại không thèm để ý đến nó (không biết ông có đọc không?). Ngay cả những người cùng thời có dịp đọc qua bản thảo không ai chú ý đến nó cả, họ đánh giá đó là cuốn sách sưu tập những châm ngôn tầm thường, không có gì mới để đọc cuốn sách nhỏ này cả.

Bốn năm sau khi Machiavel mất, cuốn Quân Vương được đức Giáo hoàng Clément VII cho phép in vào năm 1531 cũng không gây được tiếng vang, độc giả đánh giá là tác phẩm vô hại.

Kể từ năm 1550 tiếng xì xào bắt đầu nổi lên và kéo dài đến cuối thế kỷ 16. Nhất là sau thời Phục hưng là thời cải cách của đạo Tin Lành, không khí cải cách này buộc Giáo hội phải tự cải cách từ bên trong. Sự đổi mới đức tin, sự cuồng tín của quần chúng, cộng với sự va chạm giữa những quyền lợi tạo nên sự xáo trộn lớn của những cuộc chiến tranh tôn giáo. Thế là cuốn Quân Vương được mọi người chú ý qua các lời lên án và ca ngợi. — Hồng Y Réginald Pole nói: cuốn *Quân Vương* được viết bởi bàn tay của Ác Quỷ.

— Giáo hoàng Paul VI lên án: "Nhà văn dơ dáy và tội lỗi".

— Innocent Gentillet (Tin Lành) viết cuốn: "Luận về những phương pháp cai trị giỏi, chống Nicolas Machiavel người Florence."

— Năm 1738, Frédéric một hoàng tử nước Phổ, viết sách chống lại Machiavel v.v...

Trong lúc người ta đua nhau chửi rủa thì những bậc vua chúa, tể tướng... những người say mê quyền hành lại lấy cuốn *Quân Vương* làm sách gối đầu giường.

Richelieu yêu cầu tu sĩ Machon viết quyển ca ngợi Machiavel.

Napoléon mê cuốn *Quân Vương*, khi bị giam tại ngục thất Ham, để chuẩn bị cướp chính quyền "ông chỉ đọc một cuốn sách, cuốn *Quân Vương*".

Benito Mussalim, trong quyển "Đưa vào Machiavel" (1924), gắn liền chủ nghĩa Phát xít với chủ nghĩa Machiavel.

Staline luôn luôn giữ ở đầu giường cuốn Quân Vương.

Nay ở Santa Croce, nghĩa trang của các vĩ nhân nước Ý, phần mộ của Machiavel nằm bên cạnh phần mộ của Dante, Galilée, Michel Ange, Alficri, Rossini.

Trên phần mộ này khắc một câu: "Không có lời ca ngợi nào xứng đáng với cái tên của ông".

Raymond Aron một nhà chính trị lừng danh của Pháp, khi viết lời giới thiệu cuốn *Quân Vương* đã hạ bút: "Machiavel là người sáng lập ngành khoa học chính trị... Không ảo tưởng, không thành kiến, ông khảo sát tất cả các chế độ chính quyền, chia sắp thành loại, đặt ra những định luật — những định luật khoa học chớ không phải những định luật đạo đức... "Trong kho tàng chứa đựng những văn thư được xếp vào loại bất tử, quyển sách nhỏ này có một địa vị riêng biệt và có lẽ độc đáo nữa... Ta cũng có thể coi đó là một áng văn chương tuyệt tác về chính trị. Nhưng từ xưa đến nay, khi đã cầm quyển sách, độc giả không thể không đọc cho kỳ từ đầu đến cuối, không thể lơ đễnh gạt bỏ nó được."

Cuốn *Le Prince* là tác phẩm độc đáo tại Tây phương. Thì ở Đông phương một công trình được

viết cách đây 2300 năm, ai cũng giật mình về tính thời sự của nó. Ta có cảm tưởng tác giả là người hiện nay, bằng ngôn ngữ và cách lý luận hôm nay về các quan hệ giữa người với người ngày hôm nay, không phải chỉ ở Trung Hoa mà cả thế giới. Ta bắt buộc phải thừa nhận con người viết ra nó thực sự là một thiên tài toàn diện. Tác phẩm đó là *Hàn Phi Tử*, tác giả là Hàn Phi.

2. Hàn Phi và cuốn Hàn Phi Tử

Hàn Phi là công tử nước Hàn, nhưng không phải là người sẽ thừa kế ngôi vua. Hoàn cảnh ấy giúp Phi ngay từ tuổi trẻ đã nhìn thấy rõ các quan hệ giữa vua tôi và cách trị nước. Hàn Phi và Lý Tư đều là học trò Tuân Tử, mà chủ trương của Tuân Tử là dùng LỄ để trị nước, Lễ và Pháp Luật rất gần nhau cho nên cả hai đều chuyển sang Pháp trị. Phi thấy nước Hàn yếu đuối, mấy lần dâng thư cho vua Hàn nhưng nhà vua không nghe. Phi là người nói ngọng không thể biện luận giỏi, nhưng viết lại hay. Hàn Phi bắt đầu viết sách vào khoảng năm thứ tám đời Tần Thủy Hoàng. Thời đó người soạn sách và kẻ sao lại đều phải khắc lên thẻ tre hoặc dùng que nhúng vào sơn rồi viết lên lụa. Vậy mà chỉ trong có mấy năm, tác phẩm của Hàn Phi đã vượt biên giới Hàn mà qua Tần.

Tần Thủy Hoàng đọc tác phẩm thán phục vô cùng, nói: "Ta được làm bạn với con người này thì có chết cũng không uổng". Lý Tư lúc này là thừa tướng của Tần nói: "Đó là tác phẩm của Hàn Phi".

Nước Hàn đến lúc nguy, vua Tần sắp cất quân sang đánh. Vua Hàn sai Phi đi sứ sang Tần. Phi dâng vua Tần bài Bảo tồn nước Hàn ra sức thuyết phục vua Tần đừng đánh nước Hàn. Vì bài ấy bị Lý Tư cho là làm hại cho Tần, lợi cho Hàn, Phi bị giam vào ngục. Lý Tư vốn ghen tài bạn, mà Tư thừa hiểu là con người giỏi nhất về mặt chính trị của thời đại, nên đã buộc Phi phải uống thuốc độc. Theo *Sử Ký Tư Mã Thiên* ghi rõ Hàn Phi chết năm thứ 14 đời Tần Thủy Hoàng (Tây lịch 234) và bốn năm sau Hàn bị diệt (-230). (Theo Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi, Hàn Phi Tử nxb Văn hóa Thông tin thì Hàn Phi sinh vào khoảng 280).

Vậy khi Hàn Phi dựng được học thuyết của ông về chính trị rồi (trên dưới 30 tuổi) thì ông thấy rõ rằng thất hùng (Tần, Tề, Sở, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên) thì Tần là mạnh nhất, chỉ có Tần mới thống nhất được Trung Quốc, muốn thực hiện lý tưởng của ông thì phải về với Tần. Vậy mà ông không bỏ Hàn qua Tần, mặc dù ông không được trọng dụng ở Hàn, lại biết Hàn suy nhược. Ông trung với Hàn đến phút chót.

Thật chua xót cho ông. Thà ông gặp được ông vua biết nghe mình, thực hiện được một phần lý tưởng của mình rồi bị giết như Ngô Khởi, Thương Ưởng thì ông cũng cam tâm, đằng này chỉ vì một ông vua tầm thường, không chịu nghe lời ông, ông phải chết oan mà tổ quốc ông cũng mất.

Còn đau xót hơn là khi ông mất chính thừa tướng Lý Tư, đã dùng chính sách cai trị của ông mà giúp Tần Thủy Hoàng: lập chế độ quận huyện, tập trung chính quyền, thống nhất hành chánh, luật pháp, tư tưởng. Nước Tần trở nên cường thịnh thâu tính các nước khác và thống nhất Trung Hoa.

Những người có công thúc đẩy sự biến chuyển của xã hội Trung Hoa từ chế độ phong kiến qua chế độ quân chủ chuyên chế, không phải là Nho gia, Mặc gia hay Đạo gia mà chính là Pháp gia mà Hàn Phi là đại diện.

Đến đời Hán, lúc đầu Hán Cao Tổ (-206 - 195) vẫn theo đúng chính sách của Tần. Mãi đến đời Hán Vũ Đế (-140 - 87) nhờ một danh nho là Đổng Trọng Thư ảnh hưởng của Khổng học ngày được khôi phục. Từ lúc đó Hán dùng hình pháp của Thương Ưởng, Hàn Phi, nửa dùng nhân chính của Khổng Mạnh. Về chính sách thì theo Pháp nhiều hơn Nho, mà ngoài miệng thì vẫn trọng Nho hơn Pháp. Đến đời nhà Tống, cái học Tống Nho làm cái tinh túy của đạo Khổng mất lần mà cái tai hại của Pháp lại càng tăng.

Đến đời nhà Minh, Trung Quốc rất suy, vua chuyên chế mà sĩ phu không phục bàn ra tán vào. Trương Cư Chính cho rằng như vậy nát việc nước nên cấm dân hội họp nhau bàn về chính trị, khen chê quan lại, không tuân sẽ bị tù, để bịt miệng dân.

Sở dĩ Pháp được trọng ngang với Nho, tuy sinh sau đẻ muộn, một phần cũng là do tài viết của Hàn Phi.

Ông hiểu biết rộng, chịu tìm tòi, thu thập rất nhiều cố sự để dẫn chứng: sáu thiên dài Nội trừ thuyết thượng và hạ, Ngoại trừ thuyết tả thượng và hạ, Ngoại trừ thuyết hữu thượng và hạ, với bốn thiên nạn, hai thiên thuyết lâm, đã gồm trên 200 cố sự rồi.

Ông lại có tinh thần phê phán, biết tồn nghi: gặp một cố sự nào có hai thuyết khác nhau, ông ghi cả hai.

Chính vì vậy mà lúc biện luận, ông không dùng "hư ngôn" mà phải có dẫn chứng đi kèm, nếu không là ngu hoặc lừa gạt thiên hạ. Hàn Phi diễn ý đó trong đoạn đầu thiên Hiển học mà nhiều sách văn học sử Trung Quốc cho là tiêu biểu văn nghị luận của ông.

Hàn phi còn có tài cùng bàn về một vấn đề mà đưa ra được hai lối nghị luận trái ngược nhau như trong bài sáu thiên Nạn nhị.

Sau cùng là Hàn Phi có công làm cho thể văn nghị luận của Trung Hoa thời chiến quốc rất mực phong phú, có đủ hình thức vì Hàn Phi dùng hết thảy các thể của người trước, cho nên tác giả

bộ "Trung Quốc văn học sử" của Viện Đại học Bắc Kinh soạn, do Nhân dân Văn học xã Bắc Kinh xuất bản năm 1959, khen Hàn là "tập đại thành bút pháp thuyết lý của chư tử thời tiền Tần" và "văn lý luận Hàn Phi đã hoàn toàn thành thục".

Nhưng cũng có người chê.

"Hàn không biết trọng cái gốc của thuật trị nước, tức là nhân nghĩa mà chỉ vụ cái ngọn tức là hình pháp" (Hoài Nam Vương).

"Giáo hóa không đủ mà dùng hình pháp thì dư" (Tô Thức).

"Tần Hàn được yên một thời mà cái hại thì lâu dài" (Tô Triệt).

Nhưng cũng có người công bình hơn, vừa khen vừa chê.

Tư Mã Thiên bảo: "Hàn Phi chú trọng cái thực tế, phân biệt rõ trái phải, nhưng lòng quá cứng như đá".

Chu Hi khen thuật du thuyết của Hàn (Thuế nan) là cực tinh vi.

Phùng Hữu Lan khen "cũng là một kẻ sĩ tích cực cứu thế".

II. Tư tưởng Machiavel và Hàn Phi

Machiavel và Hàn Phi một người ở phương Tây một ở phương Đông xa nhau cả 10 ngàn cây số, cách nhau về thời gian 18 thế kỷ mà lại có rất nhiều điểm trùng hợp nhau, tuy mức độ sâu, nông khác nhau.

1. Bàn về bản tính con người

a)Machiavel:

"Thường tình con người bội bạc và gian trá, tính tình thay đổi luôn, thấy nguy thì sợ, thấy lợi thì ham. Khi còn thi ân được cho họ, hoàn toàn thuộc về ta, tỏ vẻ sẵn lòng cống hiến xương máu, tài sản, tính mệnh, con cái của họ cho ta, nhưng chỉ được vậy khi họ thấy còn lâu ta mới cần dùng đến sự hy sinh ấy.

Khi trông thấy ta sắp cần đến họ, tức thì họ lẩn tránh ngay. Vị Chúa nào chỉ tin vào lời đường mật của họ mà không chuẩn bị đề phòng, rồi ra cũng sẽ đi tới bại vong. Những tình nghĩa gây nên do lợi lộc, tiền bạc không do lòng chân thành cao quý vô tư, thường chưa được thử thách bao giờ trong lúc nguy nan, nên khi ta cần tới, nó sẽ tiêu tan ngay.

Con người lúc nào cũng sẵn sàng làm hại kẻ hiền lành khả ái hơn là kẻ có uy quyền ai ai cũng khiếp sợ.

Tình nghĩa chỉ tồn tại khi sự ban ân còn tiếp tục. Bản tính con người độc ác đến nỗi khi thấy trước mắt một tư lợi nào lớn hơn, họ sẵn sàng phản bội lại ân tình cũ. Nhưng trí óc bị ám ảnh về những trừng phạt nghiêm khắc thì con người lại sợ hãi không dám hành động cẩu thả như vậy". (chương XVII)

"Loài người hoạt động nhằm đạt được mục đích tối hậu là danh và lợi và theo các phương pháp khác nhau: người thận trọng, kẻ hung hăng, người này dùng bạo lực, người kia theo kỹ thuật; có kẻ thật kiên nhẫn, lại có kẻ nóng nảy. Bằng cách nào người ta cũng cố gắng đạt đến mục đích". (chương XXV)

b) Hàn Phi

Ba đặc điểm của con người là hiếu lợi, đố kỵ, thích thanh sắc: "Tính con người sinh ra là hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có; sinh ra đố kỵ, thuận theo tính đó thì thành ra tàn tặc, mà lòng trung tín không có; sinh ra là có lòng muốn của tai mắt, có lòng thích về thanh sắc, thuận theo tính đó thì thành dâm loạn mà lễ nghĩa, văn lý không có. Như thế thì theo cái tính của người ta, tất sinh ra tranh đoạt, phạm vào cái phận (tức là quyền lợi của nhau), làm loạn cái lý mà mắc cái lỗi tàn bạo" (Tính ác, Tuân Tử).

Hàn Phi là học trò của Tuân Tử nhưng không phải là một triết gia, chỉ là một lý thuyết gia về chính trị, có óc thực tế không bàn về tính như Tuân Tử. Ông nói: ngay giữa cha con vợ chồng chớ đừng nói giữa vua tôi, bạn bè, *người ta hành động cư xử với nhau cũng vì tư lợi.*

"Cha mẹ không săn sóc con kỹ khi nó còn nhỏ thì lúc lớn lên nó oán mình. Con được nuôi đưỡng cho thành người rồi mà cung dưỡng cha mẹ không được hậu thì cha mẹ giận oán trách nó. Cha con là tình chí thân mà có khi còn trách nhau, trách nhau là do ai nấy đều muốn người khác phải vì mình (cha muốn con phải vì cha, con muốn cha phải vì con), chớ không muốn cho mỗi người phải vì bản thân người đó thôi" (ngoại trừ thuyết Tả thượng).

Trong thiên "Lục phản" còn tàn nhẫn hơn.

"Cha mẹ đối với con, sanh con trai thì mừng, sanh con gái thì giết... là do nghĩ đến sau này, đứa nào có lợi lâu dài cho mình hơn".

Hành động nào của con người cũng vì lợi cả:

"Thầy lang khéo mút vết thương, ngậm máu bệnh nhân đâu phải vì tình cốt nhục mà chỉ vì lợi. Thợ đóng xe mong cho nhiều người giàu sang, thợ đóng áo quan thì mong cho nhiều người chết yểu. Không phải kẻ trước có lòng nhân, người sau ác đức, mà chỉ vì lợi, không có người giàu sang thì không ai mua xe, người ta không chết thì quan tài không bán được" (Bị nội).

Về bản tính thứ nhì: *"Con người bẩm sinh hễ có tài sản đủ dùng rồi thì hóa ra lười biếng, không chịu gắng sức,* bề trên không nghiêm trị thì kẻ dưới phóng túng làm bậy...

Cho nên bậc minh chủ trị nước phải có cách thưởng phạt để khuyến khích dân sản xuất ra nhiều tài vật, chứ không mong cho bề trên nhân từ ban cho ân huệ" (Lục phản).

Hễ ai gắng sức nhiều thì được thưởng nhiều,

được giàu sang, làm biếng thì chịu nghèo. Nên ông tàn nhẫn với người nghèo và phản đối chính sách thâu thuế của người siêng năng làn giàu mà phân phát cho người lười biếng mà nghèo.

Bản tính thứ ba của con người là *chỉ phục tùng quyền lực thôi.*

"Mẹ yêu con gấp bội cha mà cha ra lệnh thì con tuân lệnh gấp mười lần mẹ ra lệnh. Quan lại không yêu gì dân lệnh mà được dân tuân gấp vạn lần của cha mẹ; quan lại dùng oai nghiêm mà dân tuân lệnh. Vậy nên dùng oai nghiêm hay dùng tình yêu" (Lục phản).

2. Cách chọn người cộng tác

a) Machiavel

Chọn các vị Tổng, Bộ trưởng là một điều rất quan trọng. Bọn này tốt hay xấu tùy thuộc trí óc khôn ngoan của chúng. Sự xét đoán của nhân dân đối với phẩm cách và trí óc của một vị Vương hầu tùy theo những người mà ngài quy tụ quanh mình. Khi bọn này là những người đầy đủ tài năng và lòng trung thành, người ta sẽ khen Chúa khôn ngoan, đức độ; vì người ta tin Chúa đã hiểu biết được kẻ nào đủ tài năng, kẻ nào giàu lòng trung trực.

Trong trường hợp ngược lại, người ta sẽ phê bình rất gắt gao. Bất cứ hành động lầm lỗi đầu tiên nào của chính quyền người ta đều cho là do sự lựa chọn những cộng tác viên của Chúa.

Vương tước Pandolphe nếu không hẳn là loại người tự hiểu các sự việc xảy ra, thì ít ra cũng là người khi nghe giải thích thì hiểu. Nhiều lần người ta thấy Vương tước có đủ trí xét đoán, biết điều hay điều dở do kẻ khác làm hoặc nói ra. Ngài biết tán thưởng cái này, chê trách cái kia. Như vậy các Bộ trưởng không hy vọng lạm quyền, mà phải đi theo đường chính.

Nhưng bằng cách nào Chúa có thể hiểu thấu được tư cách của một vị Bộ trưởng.

Sau đây là một phương pháp chính xác nhất: Khi Chúa thấy một Bộ trưởng chỉ nghĩ tới bản thân hơn nghĩ tới Chúa, và thấy trong các hành vi riêng tư cũng như lúc thi hành công vụ, ông chỉ nghĩ tới tư lợi, Bộ trưởng ấy chẳng bao giờ đáng giá và Chúa không bao giờ tin tưởng ông ta. Người đáng được ủy nhiệm là người phải quên không bao giờ nghĩ đến mình mà chỉ vì Chúa. (chương XXII)

Nhưng phải thận trọng vì trong triều đình nào cũng đầy rẫy bọn nịnh thần. Mà bản tính con người thì thích tâng bốc nịnh bợ, nên khó tránh khỏi những "vi trùng dịch hạch" ấy được. Hơn nữa muốn chống lại nó, lại gặp phải một điều nguy hiểm khác là Chúa cảm thấy mình bị khinh rẻ.

Không có cách gì để đề phòng những lời xiểm nịnh, khác hơn là Chúa phải chịu nghe những kẻ nói thật, và đừng tỏ phật ý, nhưng khốn nỗi, nói thật quá, lại mang tội xúc phạm đến sự tôn kính đối với Chúa.

Thế nên Chúa phải chọn phương cách thứ ba, là chọn lựa quanh mình một bọn hiền nhân, cho bọn này quyền tự do trình bày tất cả sự thật trong phạm vi những vấn đề Chúa đặt ra, tuyệt đối không được vượt qua phạm vi đó. Khi ấy Chúa phải hỏi han cặn kẽ và lắng nghe ý kiến của họ. Sau đó, Chúa tự mình phán đoán theo cách riêng...

Những lời khuyến cáo hay, của bất cứ ai, đều được thúc đẩy do trí khôn ngoan, sáng suốt của Chúa; chứ không phải nhờ những lời khuyến cáo ấy Chúa mới trở nên khôn ngoan sáng suốt. (chương XXIII)

b) Hàn Phi

Hàn Phi là môn đệ của Tuân Tử, nhưng là người có óc thực tế, ông chỉ áp dụng thuyết của Tuân vào chính trị; mà trong phạm vi chính trị, ông chỉ thu hẹp vào việc dùng người, gạt bỏ luân lý, đạo đức ra, vì vậy ông không hề nói đến việc chính danh, chỉ nói đến *hình danh,* hoặc danh thực. Sự vật hễ có hình, có thực thì có danh. Danh và hình (hay thực) phải hợp nhau, như vậy là "tuần danh trách thực": theo cái danh mà đòi, cầu cái thực; "hình danh tham đồng": hình và danh hợp nhau; "thẩm hợp hình danh": xét xem hình và danh có hợp hay không.

Lấy luật pháp làm danh thì sự việc là hình: sự việc mà hợp với pháp thì danh và thực hợp nhau.

Lấy quan vị làm danh thì chức vụ là hình: nếu hai cái không hợp nhau (chẳng hạn một người địa vị là trưởng ty mà không điều khiển nổi nhân viên trong ty, còn việc gì cũng giao cho người phụ tá) thì là hình danh không hợp.

"Dùng quy tắc hình danh hợp nhau mà thu phục bề tôi" thì không được nghe lời giới thiệu của kẻ khác mà phải đích thân xét xem người mình muốn dùng có xứng đáng không, vì người giới thiệu có thể vì tình riêng, vì tư lợi, vì tinh thần bè đảng mà đề cử hạng bất tài, vô đức. Mà trong đời, kẻ có tài chưa nhất định sẽ đáng tin, kẻ có đức lại chưa nhất định là có tài, cho nên việc bổ nhiệm người, nếu không có thuật thì sẽ thất bại. (thiên Bát Thuyết)

Muốn cho khỏi bị gạt, khỏi thất bại thì phải rất thận trọng, tham bác ý kiến của nhiều người, đích thân xét tài đức rồi mới giao việc.

Trong thiên Hữu Độ ông cho biết năm hạng người không nên dùng:

1- Hạng người khinh tước lộc, dễ dàng bỏ chức vụ mà đi chọn vua khác.

2- Hạng người đặt lời giả dối trái với pháp luật.

3- Hạng người lánh đời, ở ẩn chê bai vua.

4- Hạng người thi ân để thu phục kẻ dưới.

5- Hạng người vì tư lợi mà giao thiệp với chư hầu.

Rồi trong thiên Bát Thuyết ông lại kể thêm.

6- Hạng người vì người quen cũ mà làm việc riêng tư, họ là bạn tốt nhưng là quan lại gian.

7- Hạng người bỏ chức quan mà thích giao du.

8- Hạng người tranh thắng với bề trên.

Ông cũng nhắc nhở: vua và tôi tuyệt nhiên không có chút nhân ái tín nghĩa gì cả. Bề tôi nào cũng thèm thuồng ngấp nghé cái địa vị của vua, mà vua tôi cũng lo lắng mất cái địa vị của mình, tìm mọi cách duy trì nó, bảo vệ nó cho nên:

"Trên dưới một ngày chiến đấu nhau cả trăm lần" (Thượng hạ nhất nhật bách chiến). Đương quyền mà "ông vua nào biết rằng cái lợi của vua và tôi khác nhau thì làm vương, ông vua nào cho rằng cái lợi của vua và tôi chung nhau thì tất bị cướp ngôi, ông vua nào cho bề tôi cộng sự với mình thì tất bị giết... (Bát kinh)

3. Thuật cai trị

a) Machiavel

Một câu hỏi cổ điển được đặt ra: quân vương nên được thương hay được sợ?

Tốt hơn hết nên được cả hai, nhưng thật là khó. Do đó mà tốt hơn nên được sợ. Được sợ không có nghĩa là bị ghét; sự thù ghét của thần dân—cũng như sợ khinh bỉ của họ—là một việc trầm trọng, không nên làm cho nhân dân ghét mình. Muốn tránh sự thù ghét này có một phương thức rất giản dị, đó là:"tránh không đụng chạm đến tài sản của nhân dân, cũng không làm hại đến danh dự của vợ con họ".

Ở chương XV một chương ngắn rất súc tích bàn về đức tính vị quân vương:

"Ở đời, kiểu mình đang hiện sống nó xa cách với kiểu mình đáng lẽ phải sống, cũng như việc của mình đáng lẽ phải làm. Nếu ta bỏ cái thực tế hiển hiện để theo đuổi cái "đáng lẽ phải thế này thế kia" thì chắc chắn là ta tự tiêu tự hủy. Bởi vì nếu ta cứ nhất định luôn luôn giữ mực đạo đức tuyệt đối chắc chắn là ta sẽ bị tiêu vong giữa đám người đông đảo xung quanh ta" ...

Nếu cần không cần giữ lời hứa. Người ta thấy những quân vương đã làm một chuyện lớn nhờ rút lại lời hứa, nhờ sử dụng mưu mẹo đối với người khác và những quân vương như vậy nhất định vẫn thắng những người chỉ biết dựa vào thành tín mà thôi.

Quân vương cần hành động như một con thú cũng như một con người. Đặc điểm của con người là tranh đấu bằng luật pháp, đặc điểm của con thú là tranh đấu bằng sức mạnh và mưu mẹo. Hai bản tính này phải hỗ trợ cho nhau. Khi là con thú: cố gắng vừa là cáo vừa là con sư tử, là cáo để tránh cạm bẫy, là sư tử để chó sói hoảng sợ. Là cáo để không giữ lời hứa khi giữ lời sẽ có hại cho quân vương vả lại thiếu gì lý do để biện minh cho việc không thi hành. (chương XVIII)

Một vị quân vương mới lên không thể nào luôn luôn có những hành động quân tử được, mà ngược lại muốn duy trì quốc gia, ông thường thường bắt buộc phải hành động ngược lại với sự nhân đạo, ngược lại với đức bác ái và chống luôn cả với tôn giáo nữa. Ông nên cố gắng không nên đi ra con đường *thiện*, nhưng khi cần thì ông phải biết dấn bước đi vô con đường *ác*. Ông phải thận trọng không để thoát ra một lời nào không thấm nhuộm năm đức tính: dịu dàng, thành thật, nhân đạo, danh dự và nhất là sùng đạo. Chứ không cần có thật vì: "Tất cả mọi người đều thấy cái bề ngoài của anh, ít ai biết được con người thật của anh; thiểu số rất nhỏ này sẽ không dám đứng lên chống lại quan niệm của đa số, nhất là quan niệm này được quyền hành chủ tể hỗ trợ"

Ngay khi cả tàn bạo cũng có tàn bạo đúng và tàn bạo sai.

Vị quân vương phải xác định một cách bình tĩnh tất cả các điều tàn ác mà ông thấy cần phải làm, và thực hiện những điều ấy một lượt để khỏi phải làm đi làm lại. Ngược lại những điều nhân nghĩa cần phải kéo dài để cho người dân nhớ lâu.

Nếu điều tàn bạo kéo dài lâu, thần dân mất đi mọi cảm giác an toàn, và lúc nào cũng lo ngại, không những quân vương không thể tin ở họ được, mà ông ở trong cái thế "lúc nào cũng phải thủ dao nơi tay" điều này đưa đến một kết thúc tai hại.

Khi phải bắt buộc đụng chạm với kẻ quyền thế có đủ khả năng phục hận thì phải hàng động sao cho người đó không thể trả thù đó.

Đối với quân đội, vị quân vương phải nắm vững quân đội với kỷ luật sắt. Khi phải lựa chọn giữa quân đội với nhân dân; quân vương hãy đứng về phía quân đội vì họ có khí giới. Nên nhớ: "Nhân dân thường hay thay đổi một cách tự nhiên, và nếu người ta dễ thuyết phục họ bất cứ điều gì, người ta cũng khó duy trì họ tin tưởng lâu dài ở điều này. Như vậy người ta phải sắp đặt thế nào mà khi họ không còn tin tưởng nữa, người ta có thể dùng sức mạnh để ép buộc họ tin tưởng.

Tóm lại, chủ nghĩa Machiavel (Machiavelisme) được hiểu như: "Phương thức xử thế, đặc biệt trong lãnh vực chính trị, theo đó, để đạt được mục đích đã định thì bất cứ biện pháp nào, thậm chí cả những biện pháp phản phúc nhất, quỷ quyệt nhất, dã man nhất cũng đều có thể chấp nhận được và là cần thiết".

b) Hàn Phi

Pháp gia là những chính trị gia rất thực tế, họ không thắc mắc về nguồn gốc của chế độ phong kiến, quân chủ. Ông vua nào trọng dụng thì họ thờ, không thì bỏ đi tìm vua khác, không bao giờ tự hỏi ngôi vua được truyền ra sao, một ông vua

nào đó giữ ngôi có xứng đáng hay không. Quyền thế có chính đáng hay không, họ không cần xét kỹ, nhưng họ rất quan tâm tới vấn đề làm sao nắm vững được quyền thế.

Phép trị nước của Hàn Phi là phải dùng hình pháp của Thượng Ưởng, Thuật của Thân bất Hại, Thế của Thận Đáo.

— **Thế** là oai thế của nhà vua, oai thế rất quan trọng "oai thế là cân lực nhà vua, nó là cái dụng cụ để cai trị quần chúng. Cho nên nhà vua giỏi dùng thế thì yêu nước, không biết nhân cái thế của mình thì nguy. Thế là chính quyền là quyền lực chính trị của nhà nước, thì quyền thế không thể chia sẻ cho người khác được. Trị nước mà không có chính quyền là điều không thể có dù đó là kẻ có tài: Có tài mà không có thế thì tuy hiền cũng không kiềm chế được kẻ bất tiếu (người dở, người vô hạnh). Nghiêu là kẻ thất phu thì không trị được ba người, mà Kiệt làm vua thì kiềm chế thiên hạ.

Trọng cái "thế" tức là trọng sự cưỡng chế. Vì trọng sự cưỡng chế nên Hàn Phi chủ trương:

Chủ quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) tập trung vào cả một người là vua.

Vua phải được tôn kính triệt để, dân không có quyền làm cách mạng, không được trái ý vua, vua dù tàn bạo cũng không được giết vua, giết vua là trái đạo bề tôi.

Vua phải nắm hết quyền thưởng phạt, không được ủy quyền cho ai cả; giao cho người thì uy của vua sẽ phân tán, giao cho bề tôi thì dân sẽ sợ mà quy phục bọn bề tôi đó mà coi thường vua. Hai quyền ấy như nanh vuốt của cọp vậy. Cọp mà bỏ nanh vuốt đi thì chó liếm mặt ngay.

— Thuật

Nghe nói quan lại dù loạn thì vẫn có hạng dân riêng giữ được đức hạnh, tiết tháo (độc thiện, kỳ thân); chứ không nghe nói dân loạn mà có quan lại riêng tốt (nghĩa dân loạn luôn luôn do quan lại xấu), cho nên bậc minh chủ trị quan lại, chứ không (trực tiếp) trị dân (hễ quan lại tốt thì dân không loạn). Hơn nữa công việc nhiều quá, vua không thể làm hết được, phải giao cho các quan. *Giao quyền cho các quan* nhưng phải kiềm chế được họ (nhất là các quan đại thần quyền hành lớn) thì có ba cách:

Nếu là người hiền, có thể bắt vợ con, thân thích của họ làm con tin.

Nếu là kẻ tham lam thì cho họ tước lộc hậu, tức là mua chuộc họ để họ khỏi làm phản.

Nếu là kẻ gian tà thì phải làm cho họ khốn khổ bằng cách trừng phạt.

Nếu những cách đó mà vẫn chưa thu phục được thì trừ họ đi: bằng cách đầu độc hoặc dùng kẻ thù của họ để giết họ.

Khi giao chức phải nhớ ba quy tắc sau đây:

— Mới đầu hãy giao một việc nhỏ đã: tể tướng phải bắt đầu từ một chức ở châu quận, tướng soái phải bắt đầu từ lính trơn.

— Không cho kiêm nhiệm, không phải chức vụ của mình thì không được làm, Hàn Phi rất ngại sự vượt chức.

— Đã giao trách nhiệm cho một người nào rồi thì đừng dùng những kẻ khác để dòm ngó kẻ đó. Nên cứ tin họ, để họ làm việc được hay không mà thưởng phạt họ theo đúng pháp luật.

Giao quyền chức cho các quan phải kiểm soát được tư tưởng của các quan. Hàn vạch ra các phương pháp:

Thính ngôn: phương pháp nghe. Khi nghe bề tôi nói thì vua phải trầm mặc, lầm lì, không khen không chê, không để lộ ý nghĩ cùng tình cảm của mình.

Phải bắt bề tôi nói, không được làm thinh, mà nói phải có đầu có đuôi có chứng cớ.

Bậc vua chúa bắt bề tôi hễ nói thì phải có đầu đuôi, đúng với sự thực; Nếu không nói để trốn tránh trách nhiệm thì phải chịu trách nhiệm về chỗ không nói. Như vậy bề tôi không dám nói bậy, cũng không dám làm thinh.

— Lời nói của bầy tôi không được trước sau mâu thuẫn với nhau.

— Bề tôi phải đưa ra ý kiến rõ rệt, không được mập mờ, ba phải để trốn tránh trách nhiệm.

Quan trọng nhất là lời nói phải thiết thực, có công dụng, không phải là hư ngôn.

Tham nghiệm

Hàn Phi bảo muốn biết lời nói của người thành thật hay không thì phải:

"Khảo sát việc đã qua để biết rõ lời nói (trước kia) có đúng không; đặt bề tôi ở gần mình để xét nội tình của họ, đưa họ ra xa để xét tình hình ở ngoài của họ; dùng những điều mình biết rồi để tra hỏi về những điều chưa biết; (...) có thái độ khiêm nhường thấy kẻ nào cương trực, kẻ nào a dua; tiết lộ những ý khác nhau để dễ biết ý kiến của kẻ dưới".

Lại phải tham khảo ý kiến nhiều người để biết thực tình; nếu chỉ nghe, tin một người thì sẽ bị bề tôi che lấp.

Phải bắt bề tôi trình bày ý kiến, nghe hết thảy ý kiến từng người một, mới phân biệt được ai trí ai ngu.

Tuy nhiên ý kiến mọi người như nhau thì phải đề phòng, có thể có sự âm mưu để gạt vua.

Thuật tức là phương tiện, mưu mô để đạt được mục đích: vua chọn bề tôi và dùng bề tôi cách nào, thử tài họ điều tra họ ra sao.

Trong thiên Ngoại trừ thuyết hữu thượng: Hàn Phi khuyên các bậc vua chúa phải có cái thuật "bí hiểm" đừng để lộ sự sáng suốt kẻ dưới sẽ đề phòng, không sáng suốt kẻ dưới gạt; lộ sự hiểu biết bề tôi sẽ dối sự thật; lộ sự không ham muốn thì người dưới sẽ rình bề trên. Cho nên bảo: "Ta không dựa vào đâu mà biết người (tức bề tôi) được, chỉ có vô vị (không làm gì cả) là có

thể dò xét được họ thôi". (Vì không làm gì thì không để lộ ý của mình ra, cứ núp vào sự hư tĩnh thì bề tôi không đoán được ý mình mà mình dò được ý họ".

Trong thiên Nạn Tam, Hàn Phi phân biệt phép và thuật như sau:

"Pháp luật là cái chép trong sách vở, bày ở công sở và công bố cho toàn dân. Thuật là cái giấu trong lòng để so sánh mọi việc mà ngầm chế ngự quần thần. Cho nên pháp luật không gì bằng phải bày ra cho mọi người biết, mà thuật thì không muốn cho người khác thấy. Bậc minh chủ nói đến pháp luật thì hết thảy những kẻ ti tiện ở trong nước đều được nghe biết...; còn như dùng thuật thì những kẻ yêu mến, thân cận cũng không được nghe..."

Vua có thuật mà bề tôi không có pháp luật thì nước sẽ có loạn, có pháp luật mà vua không biết dùng thuật để biết kẻ gian thì nước có giàu mạnh cũng chỉ lợi cho bọn đại thần thôi.

Pháp

Pháp luật là do vua đặt ra và bắt dân thi hành. Tuy nhiên vua không thể muốn đặt luật pháp ra sao cũng được mà phải theo bốn quy tắc chính đưới đây:

— Luật pháp phải hợp thời: "Thánh nhân trị dân thì pháp luật theo thời mà đổi cấm lệnh cùng với đời mà biến". (Tân Độ)

— Pháp luật không gì bằng thống nhất, cố định để cho dân dễ biết, dễ thi hành.

— Pháp luật phải công bằng bênh vực kẻ yếu, số ít, như vậy mới có trật tự trong nước được.

— Pháp luật có tính cách phổ biến.

Pháp luật của vua ban ra phải thể hiện nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật: "Pháp luật không a dua theo người sang cũng như sợi dây mực không uốn mình theo khúc gỗ cong... Việc trừng phạt tội lỗi không tránh bậc đại thần, việc thưởng công không chừa kẻ thất phu" nhưng còn một hạn chế là hình phạt không áp dụng với vua và thái tử.

Pháp luật nghiêm minh là để ngăn cấm tội lỗi trừ bỏ riêng tư; hình phạt gay gắt là để lệnh được thi hành khắp và trừng trị kẻ dưới. Hình phạt nặng người sang không dám khinh kẻ hèn; pháp luật phân minh thì người trên được tôn trọng, không bị lấn, thì vua mạnh, nắm được các mối quan trọng.

Phép dùng hình phạt là phạt nặng tội nhẹ thì tội nhẹ không sinh mà tội nặng không đến, như vậy gọi là dùng hình phạt để trừ bỏ hình phạt.

Bậc minh chúa cai trị thiên hạ thì dựa vào pháp luật mà làm, và xét công mà thưởng. Bậc minh chúa thận trọng trong việc pháp chế. Lời nói không trúng pháp luật thì không nghe, hành động không trúng pháp luật thì không đề cao, việc không trúng pháp luật thì không làm. Còn trúng pháp luật thì nghe, thì đề cao, thì làm. Bởi đó mà nước thịnh trị.

Chẳng những nhà vua sáng thi hành pháp luật mà còn bắt buộc các quan lại cũng phải theo đúng pháp luật:

"Nhà vua phải khiến cho bầy tôi tuy có tài trí cũng không được bỏ phép mà chuyên chế, tuy có đức hạnh mà cũng không được vượt công mà giành phần thưởng trước người khác, tuy có trung tín cũng không được loại pháp luật, bỏ lệnh cấm. Đó gọi là làm cho sáng tỏ pháp luật" và "nhà vua sáng suốt khiến cho quần thần không thả ý dông dài ngoài pháp luật, không làm điều phi pháp".

Hàn Phi chủ trương các trường của các phái Nho, Lão. Mặc đều phải đóng cửa (ngay cả trường của Tuân Tử cũng vậy), chỉ dạy có Pháp luật.

"Một nước có minh chủ thì không dùng văn học trong sách chỉ lấy pháp luật mà dạy dân, không dùng lời của các tiên sinh (các học giả như các Tắc hạ tiên sinh) chỉ dùng quan lại làm thầy (dạy pháp luật). Không có bọn hiệp khách hung hãn chỉ chém được đầu giặc mới là dũng cảm. Nhờ vậy dân trong nước hễ đàm luận là căn cứ theo pháp luật, hễ hành động là hướng về sự lập công, sự dũng cảm đem dùng hết vào việc quân mà thời bình thì nước giàu, lúc có giặc thì binh mạnh. Đó là vốn để lập vương nghiệp". (Ngũ đổ)

Trong thiên Vấn biện, giọng của Hàn còn cương quyết hơn:

"Trong một nước của một vị minh quân thì lệnh là lời rất quyết, pháp luật là việc rất thích đáng. Cho nên lời nói và việc làm mà không theo pháp luật thì phải cấm".

Hàn Phi tuy là học trò của Tuân Tử nhưng ông đã vượt xa Tuân Tử. Tuân Tử cho rằng con người có tính ác nhưng dầu sao vẫn có thể uốn nắn giáo hóa được. Còn Hàn Phi thì đi xa hơn bảo rằng tính ác đó không thể cải hóa được mà phải dùng hình phạt nặng thì mọi việc gian đều chấm dứt". (Lục phản)

Tuân Tử chỉ mới có khuynh hướng từ nhân trị bước qua Pháp trị, còn Hàn Phi thì triệt để chủ trương Pháp trị.

Triệt để đến cái mức mà người thực hành học thuyết của Hàn Phi là Tần Thủy Hoàng, và Lý Tư đã: "Đốt hết Thi Thư cùng Bách gia ngữ, ai dám thì thầm với nhau về sách Thi, Thư thì chém bỏ xác ngoài chợ, ai lấy đời xưa mà chê đời nay thì chém cả họ. Những sách để lại là sách thuốc sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học Pháp lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy. (Trần Trọng Kim, Nho giáo quyển thượng)■

(Montréal)

CUỘC CHIẾN QUỐC CỘNG TẠI MIỀN BẮC 1945-1946

LÊ MẠNH HÙNG

Lời nói đầu: *Lê Nin từng viết "Những kẻ thắng sẽ viết lại lịch sử". Từ nhiều năm nay, câu nói đó đã rất đúng đối với trường hợp Việt Nam. Những sử gia Cộng Sản đã bóp méo lịch sử tranh đấu dành độc lập của Việt nam và nhất là những chuyện xảy ra trong năm 1945. Và điều này đã được các nhà nghiên cứu phương tây phụ họa. Dưới đây, chúng tôi tìm cách vẽ lại vai trò của những người quốc gia Việt nam trong giai đoạn sinh tử này và những mưu toan của Pháp cũng như của Tàu dẫn đến việc tàn sát những người Quốc Gia chống Cộng và cũng là để nhắc lại một bài học cho những ai còn nghĩ đến một giải pháp liên hiệp với Cộng Sản. Trong bài này chúng tôi sẽ không nhắc lại đến những dữ kiện xảy ra trước khi Nhật Bản đầu hàng cũng như những hoạt động của Mặt Trận Việt Minh mà đã có quá nhiều tài liệu nhắc tới.*

1. **Vô Bình Bất Bí, Vô Vãng Bất Phục (Dịch Địa Thiên Thái - Cửu Tam).** Ngay sau khi đại chiến thứ hai nổ ra vào năm 1939, toàn quyền Pháp Catroux và sau đó là Decoux đã hủy bỏ mọi chính sách tương đối cởi mở đưa ra trong giai đoạn mặt trận bình dân (1936-1938), áp đặt cái mà sau này được gọi là giai đoạn khủng bố trắng của Pháp nhằm tiêu diệt mọi đe dọa đến việc cai trị của Pháp tại Việt Nam. Hầu hết các đảng cách mạng chống Pháp đều bị đàn áp nặng nề.

Ngày 12 tháng chín 1939, Pháp đưa ra một đạo luật cho phép các giới chức địa phương tịch thu mọi ấn phẩm bị coi là có phương hại đến quyền cai trị của Pháp. Chỉ trong vòng một tháng, riêng tại Sài Gòn đã có trên 16 tờ báo và tạp chí bị đóng cửa. Tại Bắc và Trung phần thì việc đàn áp lại còn nặng nề hơn nữa. Ngày 21 tháng giêng năm 1940, Pháp ra đạo luật cho phép cầm giữ vô thời hạn mà không cần phải qua toà án các phần tử bị coi là "bất hảo". Sau khi đạo luật này được ra đời, tại ngoài Bắc Pháp đã phải xây thêm những trại khổ sai mới tại Hoà Bình và Thái Nguyên.

Còn tại miền Trung, những trại tù cũ như Lao Bảo, Pleiku và Ban Mê Thuột cũng đầy những phạm nhân mới. Tháng bảy năm 1940 hầu hết các nhân vật lãnh đạo các đảng phái quốc gia đều bị bắt đưa đi an trí tại Hòa Bình. Trong số những người bị đưa đi an trí đó có các ông Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, Khái Hưng Trần Khánh Giư, Nguyễn Gia Trí, Trương Tử Anh, Nguyễn Ngọc Xuân, Nguyễn Bỉnh Tuyên và hàng trăm người khác. Chỉ riêng có hai ông Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Ngọc Thanh tức Lý Đông A chạy thoát được sang Trung Quốc.

Cùng với việc đàn áp phong trào Cộng Sản sau vụ Nam Kỳ khởi nghĩa, có thể nói là hàng ngũ cách mạng Việt Nam không còn làm cho Pháp phải lo ngại nữa. Tuy nhiên, mặc dầu những biện pháp đàn áp như vậy, việc Pháp đầu hàng Đức vào năm 1940 đã tạo ra một bầu không khí sôi động trong xã hội Việt nam, nhất là trong giới thanh niên học sinh, sinh viên. Tháng 9 năm 1940, Pháp nhượng bộ phải cho Nhật mang quân vào Đông Dương lại càng làm cho bầu không khí sôi nổi hơn.

Trong lúc Nhật tìm cách gây ảnh hưởng bằng cách giúp đỡ một số đảng và trong cuộc tranh chấp dành ảnh hưởng giữa Nhật và Pháp để kiếm một sự ủng hộ của dân Việt Nam, tất cả các đảng phái, bất kể quốc gia hay Cộng sản đều tìm cách lợi dụng để bành trướng ảnh hưởng.

Để tìm cách ru ngủ thanh niên Việt nam thời đó, toàn quyền Decoux đã phát động phong trào thanh niên, mở rộng các hoạt động hướng đạo. Nhằm thu hút thanh niên Việt Nam, chính quyền Decoux đã cho phép ra những bài hát vở kịch nhắc lại truyền thống ái quốc của dân tộc Việt Nam. Những hoạt động này đã giúp làm nổi dậy tinh thần yêu nước của người Việt nhất là trong giới học sinh sinh viên. Ngày 14 tháng 7 năm 1941, Hội Hướng đạo Việt nam tổ chức một cuộc đua xe đạp nối liền ba kỳ khởi hành từ Hà Nội để kỷ niệm "Năm 1802, Gia Long hoàng đế thống nhất đất nước, và ngài đã cho ngựa trạm phi báo mọi nơi là nước Việt Nam đã được thống nhất, trải dài từ Hà Tiên đến Cao Bằng". Năm 1942, một tổng hội sinh viên được phép thành lập tại Hà Nội. Cuối năm 1942, Đại Học Xá Hà Nội được hoàn thành trở thành một nơi rất tốt để sinh viên tụ họp.

Hoạt động của Tổng Hội Sinh viên chẳng

mấy chốc đã vượt ra khỏi tầm tay kiểm soát của Pháp. Tình hình dần dần trở nên căng thẳng trong giới sinh viên đến nỗi nhiều cuộc đụng độ đã xẩy ra như trong buổi lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng vào tháng 5, 1942. Mùa hè năm 1943, nhiều vở kịch với tinh thần yêu nước chống ngoại xâm như "Đêm Lam Sơn", "Nợ Mê Linh" đã được đem ra trình diễn công khai tại Sài Gòn. Đến đầu tháng 3/1945, tình hình căng thẳng đến nỗi Pháp đã tính đóng cửa Đại Học Hà nội . Tinh thần yêu nước lên cao của giới thanh niên lúc đó tuy nhiên không có một chiều hướng rõ rệt. Một số đông không tham gia vào đảng phái nào cả. Chính Huỳnh Tấn Phát cũng phải công nhận là thế hệ sinh viên của ông ta tuy rằng có nghe nói đến Việt Minh, nhưng hầu hết những sinh viên lúc đó, nếu có chịu ảnh hưởng chính trị thì đó là ảnh hưởng của Đại Việt hay của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Trong khi đó, phía Nhật cũng không giữ thái độ thụ động. Tuy cơ quan an ninh quân đội Kempeitai là cơ quan chính bảo vệ cho những người hoạt động thân Nhật, nhưng các hoạt động của Nhật còn được phân chia cho nhiều cơ quan tình báo khác nhau. Có lẽ nhân vật nổi tiếng nhất của Nhật trong giai đoạn này là Tùng Hạ (Mitsuhiro Matsushita). Có mặt tại Đông dương từ năm 1911, năm 1922 Matsushita thành lập công ty Dainan Koosi (Đại Nam Công Ty) tại Sài Gòn vào năm 1922 với các chi nhánh tại nhiều tỉnh khác tại Việt nam trong đó có cả Hà Nội và Cần Thơ. Bị trục xuất khỏi Đông Dương vào năm 1938, Matsushita đã trở lại Việt nam sau khi quân Nhật tiến vào Đông Dương.

Theo các tài liệu của sở Liêm Phóng của Pháp thì Matsushita đã đóng vai trò đại diện cho ông hoàng Cường Để để liên lạc và tổ chức những nhóm ủng hộ cho sự hiện diện của Nhật tại Việt Nam. Vai trò của Matsushita đã được làm nổi bật khi công an Pháp tìm bắt các ông Trần Trọng Kim và Dương Bá Trạc, hai ông đã lẩn tránh tại chi nhánh của Dainan Koosi Hà Nội. Và sau này vào tháng tư năm 1945, sau khi trở về Sài Gòn và trước khi ra Huế gặp Bảo Đại, Trần Trọng Kim đã gặp Ngô Đình Diệm tại chính nhà của Matsushita . Một nhân vật nổi tiếng khác của Nhật trong giai đoạn này là Masayuki Yokohama .

Yokoyama có vợ Pháp, đến Việt Nam lần đầu vào tháng 8 năm 1941 với tư cách là trưởng phái bộ kinh tế của Nhật, sau đó trở thành giám đóc văn phòng kinh tế của tòa Đại sứ Nhật tại Hà Nội sau khi thế chiến bùng nổ. Trở về Đông Kinh, sau đó Yokoyama sang Việt Nam trở lại vào tháng 7 năm 1943 làm giám đốc Trung Tâm Văn Hóa Nhật tại Đông Dương. Trung tâm này, cùng với thông tấn xã Domei là nơi chính Nhật dùng để bắt liên lạc với các tầng lớp trí thức người Việt lúc đó. Các nhân viên của Yokoyama có những liên lạc mật thiết với nhóm Tự Lục Văn Đoàn của Nguyễn Tường Tam cũng như với nhóm Tiếng Dân của Huỳnh Thúc Kháng tại Huế. Chiến tranh càng gần kết thúc, bầu không khí càng trở nên sôi nổi.

2. **Hàm Chương Khả Trinh Hoặc Tòng Vương Sự Vô Thành Hữu Chung (Dịch Bát Thuần Khôn, Lục Tam):** Đảo chánh Nhật và chính phủ Trần Trọng Kim: Ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp. 11/3/1945, Bảo Đại tuyên bố Việt nam độc lập. Nền độc lập tuy chỉ là hình thức nhưng đã kích động tinh thần dân chúng thêm lên. Ngày 17/4/1945 chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập. Các tù chính trị, không kể cộng sản hayquốc gia tại miền Bắc và Trung đều được thả. Bầu không khí chính trị bùng lên sôi nổi. Ngoại trừ đảng Cộng Sản và những đảng phái lưu vong tại Trung Quốc, tất cả các đảng phái khác đều công khai ra mặt hoạt động.

2.1. **Đồng Nhân Vu Dã, Lợi Thiệp Đại Xuyên (Dịch Thiên Hỏa Đồng Nhân):** Các Đảng Phái Quốc Gia vào giai đoạn chót của thế chiến: Bắt đầu từ khoảng cuối năm 1941, số đảng phái tại Việt nam đã tăng vọt lên. Ngoài Việt Minh được thành lập bởi đảng Cộng Sản Đông Dương số đảng phái quốc gia riêng tại miền Bắc và miền Trung có thể nói lên đến hàng chục đảng. Tuy nhiên mạnh nhất và có ảnh hưởng nhất là các đảng Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội hoạt động tại Trung Quốc, Việt Nam Quốc Dân Đảng hoạt động cả tại Trung Quốc lẫn Việt Nam và các nhóm đảng Đại Việt hoạt động trong nước. Ngoài ra còn có một số những đảng phái thân Nhật được thành lập qua sự bảo trợ của Nhật như Đông Phương Tự Trị Đảng của Vũ Đình Dy, Việt Nam Ái Quốc Đảng của Nguyễn Xuân Chữ và Lê Toàn tại Hà Nội, Đại Việt Phục Hưng Hội của Ngô Đình Diệm tại Quảng Bình và Huế.

2.1.1. Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội: Được thành lập vào năm 1941 tại Quảng Tây, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, còn gọi là Việt Cách, hay Đồng Minh Hi (DMH) quy tụ một phần lớn những nhà cách mạng Việt Nam lưu vong tại Trung Quốc lúc đó, với lực lượng chính là số Phục quốc quân của Trần Trung Lập theo quân Nhật về đánh tại Lạng Sơn, nhưng sau đó bị Nhật bỏ rơi, bị Pháp đàn áp phải chạy sang Trung Quốc. Một số khác là đảng viên đảng Cộng Sản Đông Dương xâm nhập như Lê Hồng Sơn. Những cố gắng của phía Cộng Sản nhằm chi phối Việt Cách đã khiến cho tổ chức này sụp đổ.

Tháng 10 năm 1942, Trương Phát Khuê, lãnh chúa Quốc Dân Đảng Trung Hoa tổ chức lại Việt Cách nhằm biến tổ chức thành một cơ quan cung cấp tình báo bên trong Đông Dương cho Trung

Quốc và Mỹ. Việt Cách mới thành lập này bao gồm nhóm Phục Quốc quân còn lại, chi nhánh Hải ngoại của Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ và một số những người mới lưu vong như Nguyễn Tường Tam. Đến cuối năm 1943, Trương lại cải tổ Việt Cách một lần nữa. Lần này, Trương giao cho Tiêu Văn thực hiện. Tiêu bốc Hồ Chí Minh lúc đó đang nằm trong nhà tù tại Liễu châu ra tham gia vào Việt Cách với tư cách là lãnh đạo đảng Quốc Gia. Một ban chấp hành mới được thành lập vào tháng ba 1944. Có hai đảng viên Cộng Sản có mặt trong ban chấp hành đó, Hồ và Lê Hồng Sơn. Việt Cách thành lập như vậy thành ra hầu như bị tê liệt và đến năm 1945 khi Nhật đầu hàng thì lực lượng chính của Việt Cách hầu như chỉ thuần túy là lực lượng Phục Quốc của Nguyễn Văn Y.

Những cố gắng của Trương Phát Khuê nhằm dùng Việt Cách để cung cấp những tin tức tình báo quân sự cho Mỹ và Trung Quốc cũng thất bại vì kể từ năm 1944, những cán bộ của Việt Cách xâm nhập vào Việt nam hầu như tất cả đều bị Việt Minh ngăn trở hoặc báo cho Pháp biết.

2.1.2. Việt Nam Quốc Dân Đảng: Xuất phát từ một cơ sở xuất bản của một nhóm trí thức yêu nước, Nam Đồng Thư Xã, Việt Nam Quốc Dân Đảng, còn gọi là Việt Quốc hay Quốc Dân Đảng (QDĐ) được thành lập vào năm 1927, lấy Tam Dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên làm chủ thuyết chính về ý thức hệ. Năm 1930, trước sự truy lùng của Mật thám Pháp, QDĐ tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Báy. Khởi nghĩa thất bại, hầu hết các lãnh tụ bị Pháp bắt, chỉ có một số chạy thoát được sang Trung Quốc.

Chi nhánh hải ngoại của QDĐ tuy được thành lập từ ngay từ đầu, nhưng bị mật thám Pháp xâm nhập rộng rãi và quan trọng nhất là tình trạng phân hóa giữa các lãnh tụ khiến cho đảng không hoạt động được hữu hiệu.

2.2.3. Các đảng Đại Việt: Có lẽ có nhiều ảnh hưởng nhất ở trong nước là các Đảng phái Đại Việt. Năm 1938, Tự Lực Văn Đoàn và Hội Ánh Sáng thành lập đảng Đại Việt Dân Chính. Nhưng sang đến năm 1939, Đại Việt Dân chính bị phân hoá thành nhiều nhóm trong đó ngoài Đại Việt Dân chính ra, quan trọng nhất là Đại Việt Quốc Dân đảng có thu nhập nhiều thành phần của Việt Nam Quốc Dân Đảng cũ của Trương Tử Anh và Đại Việt Quốc Xã của Nguyễn Xuân Tiếu.

Kể từ năm 1944, với chiến tranh ngày một đi vào con đường thất lợi cho Nhật, các nhóm quốc gia nhỏ tìm cách liên hiệp với nhau để thành lập một lực lượng lớn hơn. Cuối năm 1944, sau khi Nhật giúp Ngô Đình Diệm chạy thoát khỏi cuộc lùng bắt của Pháp, Vũ Đình Dy cùng với Vũ Văn An và Lê Toàn được Nhật đưa sang Tokyo có lẽ liên quan đến kế hoạch lật Pháp của Nhật. Và vào ngày 22 tháng 2 năm 1945, các tổ chức Đại Việt thống nhất thành lập Đại Việt Quốc gia Liên Minh.

Sân khấu đến đây đã sẵn sàng cho một màn kịch mới.

2.2.4. Cách Mạng Tháng Tám và những vụ đàn áp đầu tiên: Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời quá yếu để có thể giữ được chính quyền khi bất ngờ vào ngày 15 tháng 8 năm 1945 Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Mặc dầu đã chuẩn bị từ trước, nhưng các đảng phái quốc gia vẫn trở tay không kịp. Ngày 19 tháng 8 năm 1945, lợi dụng một cuộc biểu tình của công chức ủng h chính phủ Trần Trọng Kim, cán bộ Việt Minh đã nhanh tay tung cờ quạt và truyền đơn biến cuc biểu tình này thành mt cuc biểu tình dành chính quyền. Thế là Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Hồ chí Minh đã nhanh tay cướp lấy chính quyền trong tay một chính phủ Trần Trọng Kim mất tinh thần và trước các đảng phái quốc gia thiếu sửa soạn.

Tuy nhiên lên nắm chính quyền rồi, mặc dầu kêu gọi toàn dân đoàn kết, nhưng việc đầu tiên của chính quyền Hồ Chí Minh khi mới lên là đàn áp những người không đồng chính kiến với họ. Ngày 2 tháng 9 Hồ chí Minh tuyên bố độc lập và thành lập chính phủ lâm thời, Trần Huy Liệu được cử làm Bộ Trưởng Tuyên Truyền. Ngày 11 tháng 9 Hoàng Minh Giám, Xử lý bộ trưởng Nội vụ ký nghị định kiểm soát các báo Ngày Nay và Action. Ngày 22 tháng 9 Trần huy Liệu ra thông cáo áp dụng chế độ kiểm duyệt. Ngày 1 tháng 11 Bộ Tuyên Truyền ra thông cáo đặt tất cả các nhà in dưới quyền kiểm soát của nhà nước .

Những người chống đối Việt Minh bị kết án là Việt Gian là phản cách mạng. Cô lập và không có tổ chức họ đã bị bắt và giết chết trước khi có thể chống đối lại. Đó là những trường hợp của Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu và của những người Trotskyste như Tạ Thu Thâu. Nhưng quan trọng hơn đối với chính quyền Việt Minh là những đảng phái cách mệnh có tổ chức thuộc chính kiến Quốc gia. Ngày 5 tháng 9 Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng Nội Vụ ký Sắc lệnh cấm hoạt động và giải tán Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đại Việt Quốc Xã và một sắc lệnh khác cho phép bắt giữ những người bị coi như là nguy hiểm cho chế độ. Ngày 12 tháng 9, Giáp ký một sắc lệnh thành lập cơ quan Mật Vụ lấy tên là Ty Liêm Phóng có quyền bắt giữ tất cã những ai bị coi như là nguy hiểm cho chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Một số lãnh tụ cũ của Việt Nam Quốc Dân Đảng có mặt tại Hà Nội đã bị bắt ngay sau khi Việt Minh lên cầm quyền. Thành ra chỉ trong vài tuần sau cuộc nổi dậy tháng 8, các người Cộng Sản đã loại trừ được một số quan trọng những đối thủ thật sự hay tiềm tàng của họ trước khi các nước Đồng Minh có thể ra tay can thiệp. Nhưng cục diện bắt đầu đổi khác với sự trở về của những đảng phái Quốc Gia Việt Nam từ Trung quốc.

3. Hoa quân nhập Việt và những tranh chấp Quốc Cộng đầu tiên: Hội nghị Postdam tháng 7 năm 1945 giao việc giải giới quân Nhật từ vỹ tuyến thứ 16 trở về Bắc cho quân đội Tàu. Ngày 9 tháng 9 Lư Hán, tướng chỉ huy đoàn quân Vân Nam được Tưởng Giới Thạch trao trách nhiệm giải giới quân Nhật tới Hà Nội, với một đoàn quân 150,000 người. Vài ngày sau Tiêu Văn, chuyên gia của Tưởng về các vấn đề Việt Nam cũng tới Hà Nội để nắm trách nhiệm Hoa Kiều Vụ cho Lư Hán. Lãnh tụ Quốc gia đầu tiên trở về Hà Nội là Vũ Hồng Khanh. Sau khi Yên Báy thất bại, Vũ Hồng Khanh chạy sang Tàu và lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng tại hải ngoại. Sống tại Trung quốc 15 năm, Vũ Hồng Khanh biết rất rõ các nhà lãnh đạo Việt Minh, nhất là Hồ Chí Minh. Ông đã từng đấu tranh chống với họ trong những năm 30 và cũng đã hoạt động chung với Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội khi dưới áp lực của Trung Quốc hai bên Quốc Cộng phải ngồi lại với nhau. Về phần Hồ Chí Minh và những người cộng sự của ông thì cũng không lạ gì Vũ Hồng Khanh cũng như những tướng lãnh Trung Quốc được gởi sang Việt Nam. Lư Hán và nhất là Tiêu Văn biết rõ Hồ Chí Minh và những đàn em thân cận của ông là Cộng Sản. Và Hồ thì

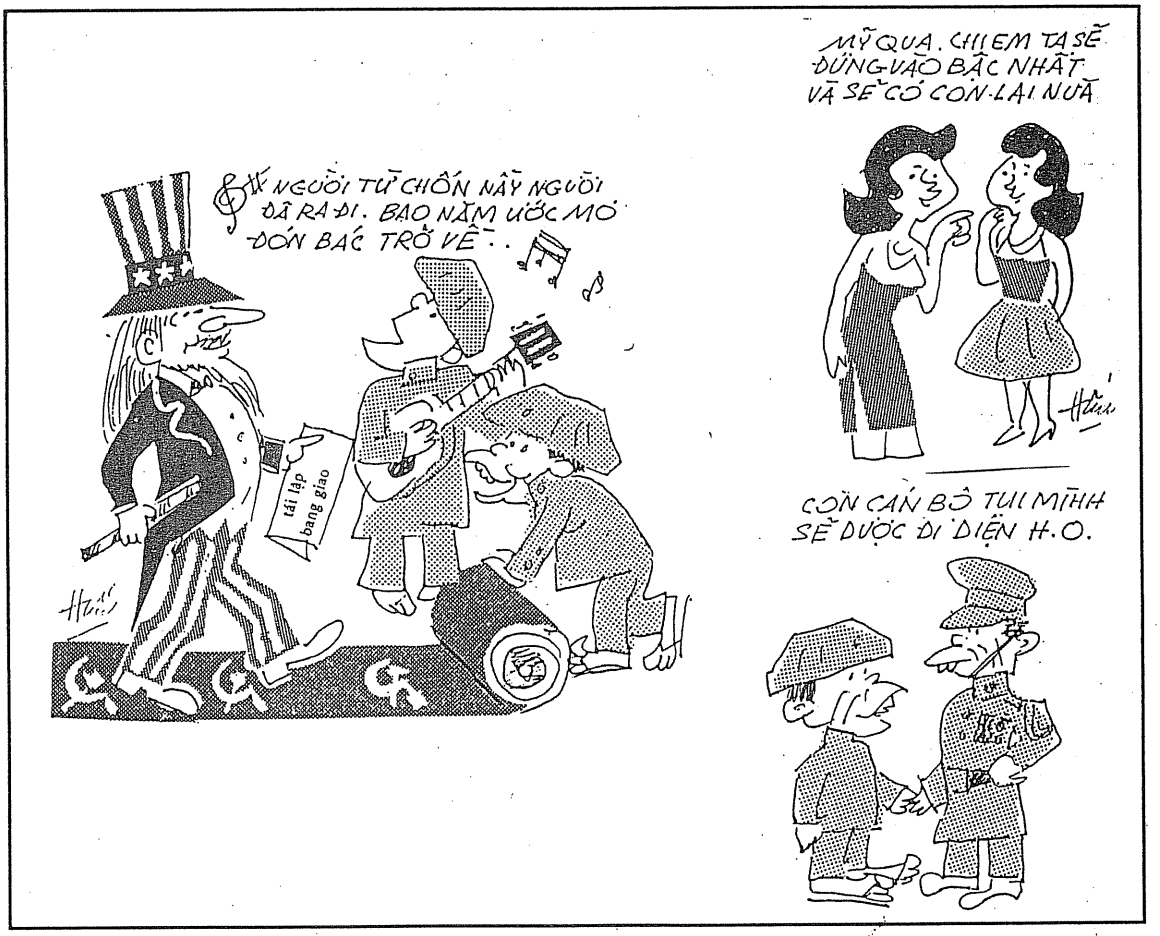

cũng biết chính phủ Tưởng Giới Thạch khó lòng mà có thể chấp nhận một chính quyền Cộng Sản tại sườn phía nam của nước mình, đúng vào lúc mà Tưởng đang sửa soạn cho một cuộc chiến sinh tử chống lại Cộng Sản tại Trung Quốc. Tuy nhiên, những chia rẽ trong nội bộ của Trung Quốc, nhất là những mâu thuẫn giữa chính quyền trung ương của Tưởng giới Thạch và các sứ quân địa phương đã giúp cho Hồ Chí Minh cơ hội để thoát khỏi bị quân Tàu lật đổ.

Ngay những ngày đầu tiên khi được tin Nhật đầu hàng, Vũ Hồng Khanh đã đến phi trường Côn Minh dự tính đi cùng với Lư Hán đến Hà Nội. Nhưng Lư Hán đã từ chối không chịu cho ông đi cùng máy bay vì nghi ngờ những liên lạc của ông với Tưởng Giới Thạch mà Lư Hán vốn đã có nhiều đụng độ trước đó . Biết rằng cần phải có mặt tại Hà Nội càng sớm càng tốt, Vũ Hồng Khanh đã vội lấy tầu hỏa từ Côn Minh để đi sang Việt Nam. Nhưng vừa sang qua biên giới, ông đã bị quân Tàu bắt và giam giữ trong ba tuần lễ. Phải nhờ một lệnh trực tiếp từ Trùng Khánh đến ông mới được thả và tiếp tục lên đường đi về Hà Nội. Ông chỉ về được tới Hà Nội ngày 20/10 tức là 2 tháng sau khi Cách mạng tháng tám nổ ra và hơn một tháng sau khi Lư Hán và Tiêu Văn đến Hà Nội.

Trong khi đó Hồ không để mất thời giờ, tìm mọi cách mua chuộc Lư Hán và nhất là Tiêu Văn. Tiêu Văn đặc biệt vốn đã có cảm tình với những người Cộng Sản Việt nam từ trước. Ngay từ 1944 Văn đã có những đụng chạm với Việt Nam Quốc Dân Đảng. Tháng 8 năm 1944, Văn đã có lúc tính bắt giam Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ vì hai ông này đã chống lại âm mưu của Tiêu Văn muốn để Cộng Sản thao túng phân bộ Vân nam của Đồng Minh Hội. Hồ cũng hết sức mua chuộc Lư Hán, hối lộ nhiều vàng bạc và tiền cho viên tướng này.

Tuy rằng đã mua chuộc được các viên tướng Trung Hoa tại chỗ, nhưng Hồ vẫn còn e ngại chính quyền trung ương của Tưởng có thể ra lệnh lật đổ chế độ của Hồ. Mặc dầu nhiều cố gắng nhưng Hồ cũng không bắt được liên lạc trực tiếp với Trùng Khánh ngoại trừ một số liên lạc qua sự giúp đỡ của phái bộ OSS Mỹ dưới quyền thiếu tá Patti. Trong khi đó, tại Trùng Khánh, Tưởng lại tiếp đãi và thảo luận với Nguyễn Tường Tam và Nghiêm Kế Tổ. Đó có lẽ là lý do tại sao vào tháng 9 Võ Nguyên Giáp, qua trung gian OSS, gởi một bức thư mời Nguyễn Tường Tam trở về nước . Hồ Chí Minh nghĩ có thể lợi dụng được Nguyễn Tường Tam. Hai người đã cùng sống chung một thời gian tại nhà tù ở Liễu Châu và sau đó đến tháng 3/1945 Hồ cũng đã gặp lại Nguyễn Tường Tam tại Côn Minh. Tuy nhiên ông Tam đã ở lại Trung Quốc cho đến đầu năm 1946 mới trở về Việt Nam.

Đầu tháng Mười 1945, Tưởng Giới Thạch lật đổ Long Vân, cách chức tổng đốc Vân Nam của ông này cũng làm tăng thêm mâu thuẫn giữa chính quyền trung ương và Lư Hán vốn từ 1928 vẫn làm phó cho Long Vân. Ngoài ra còn những mâu thuẫn về chính trị. Việc Tưởng Giới Thạch công nhận chủ quyền của Pháp trên bán đảo Đông Dương vẫn không được các tướng lãnh tại chỗ đồng ý. Đó là lý do tại sao trong những ngày đầu tháng 10, quân đội Tưởng không lật đổ chính phủ non trẻ của Hồ Chí Minh. Chắc chắn lúc đó nếu Lư Hán và Tiêu Văn muốn làm thì lực lượng mới thành lập của Võ Nguyên Giáp không thể chống lại được. Tình hình tại các tỉnh tuy nhiên phức tạp hơn nhiều. Dọc theo hai trục lộ tiến quân chính của quân đội Trung quốc, từ Quảng Tây qua Lạng Sơn xuống Hà Nội và từ Vân Nam qua Lào Kay suôi theo giòng sông Hồng, các lực lượng Quốc gia, Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội đã lần lượt thiết lập các chính quyền của mình thay thế Việt Minh tại Móng Cái, Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng, một phần của Bắc Kạn và Bắc Giang. Đồng thời các đảng phái Quốc gia cũng mở lại được các phân bộ đảng tại Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và một phần lớn các tỉnh ở miền Trung.

Nhưng chính tại các tỉnh quan trọng chiến lược như Phú thọ, Yên Báy, Việt Trì, Vĩnh Yên và Phúc Yên là những nơi đụng độ xảy ra gay go nhất. Tại đây, Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn cầm đầu các lực lượng Việt Minh đã chống cự mạnh mẽ các lực lượng của Quốc Dân Đảng. Phúc Yên chỉ rơi vào tay Quốc gia vào ngày 15 tháng 11 khi các lực lượng Việt Minh rút ra khỏi thị xã và tiếp tục giữ các vùng quê. Có thể nói là cuộc chiến Quốc Cộng đã bắt đầu xảy ra một cách âm thầm từ đó.

Tại Hà Nội, bắt đầu từ thượng tuần tháng 11, tình hình cũng trở nên bất thuận lợi cho phe Cộng khi phe Quốc Dân Đảng từ Trung Quốc trở về ngày một đông. Ngay từ cuối tháng 10, Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh và Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam đã liên kết với nhau để chống lại Cộng Sản. Báo Ngày Nay của Nhất Linh, đổi tên thành Việt Nam, là cơ quan ngôn luận chính thức của VNQDĐ cùng với tuần báo Chính Nghĩa với chủ bút là Khái Hưng Trần Khánh Giư. Đồng thời, Nguyễn Hải Thần cũng ra tờ báo Đồng Minh Hội. Nhận thức được là cần phải mau lẹ kéo quần chúng về phía mình cũng như tranh thủ sự ủng hộ của Mỹ và Trung Quốc, ngay từ đầu, các báo này đã tung ra một chiến dịch tấn công gay gắt về phía Việt Minh, nhấn mạnh đến tính chất Cộng Sản của các giới lãnh đạo Việt Minh đồng thời cảnh giác những âm mưu bắt tay với Pháp của chính phủ Hồ Chí Minh. Tuy nhiên Việt

Minh đã có hai tháng để tổ chức chính quyền của mình và để xóa đi trong lòng của dân chúng những ký ức cũ của cuộc khởi nghĩa Yên Báy. Trong khi đó trong bóng tối, những cuộc thanh toán ngầm giữa hai phe Quốc gia và Việt Cộng tiếp tục diễn ra với những vụ bắt cóc và thủ tiêu lẫn nhau.

Trước quyền lực ngày càng vững chắc hơn của chính quyền Việt Minh, ngày 12 tháng chạp 1945, ba đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng của Trương Tử Anh, Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh và đảng Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam đã quyết định hợp nhất lại thành một đảng duy nhất, Quốc Dân Đảng Việt Nam. Một ban chấp hành trung ương năm người được thành lập với hai cho Đại Việt, hai cho Quốc Dân Đảng và một cho Đại Việt Dân chính. Miền Bắc Việt Nam được chia thành bảy chiến khu, các trường huấn luyện quân sự được thành lập tại Hà Nội và Yên Báy. Tuy nhiên vấn đề khó khăn nhất đối với phe Quốc gia là thiếu nguồn tài chánh để tài trợ các hoạt động quân sự cũng như để kiểm soát hành chính chặt chẽ các tỉnh dưới quyền kiểm soát của họ trong khi hầu hết công chức tại các tỉnh này đã bắt đầu chịu ảnh hưởng của Việt Minh .

Có lẽ nhược điểm lớn nhất của các đảng phái Quốc gia là tình trạng chia rẽ và thiếu một quan điểm chung muốn một nước Việt Nam độc lập tương lai phải như thế nào. Mặc dầu hợp nhất, mỗi đảng tiếp tục các hoạt động riêng của mình. Các lãnh tụ tranh cãi với nhau và không đưa ra được mt chương trình hành động nào có thể tạo ra được một sự ủng hộ nồng nhiệt của quần chúng. Với tu i tác cao và quá khứ đã từng hoạt động cách mạng từ thời Đông Kinh Nghĩa Thục và Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần có thể đứng ra làm một tiêu điểm cho quần chúng chống lại Hồ chí Minh. Nhưng ông đã xa rời đất nước quá lâu và đã bị Hoa hóa đến nỗi gần như không còn nói được tiếng Việt. Ông vì vậy đã làm thất vọng những người không phải là Việt Minh có dịp được tiếp xúc với ông.

Hoàng Xuân Hãn đã kể lại nỗi thất vọng khi lần đầu tiên khi được gặp Nguyễn Hải Thần. "Một ông già tầu nghiện thuốc phiện, nói tiếng Việt trọ trẹ pha tiếng Tàu, nói chuyện không hiểu gì về tình hình Việt Nam." Đó là những lời ông Hoàng Xuân Hãn mô tả khi gặp ông Nguyễn Hải Thần. Chống lại Hồ Chí Minh và đám đàn em có kỷ luật của ông phía Quốc gia chỉ có thể đưa ra những lời phê bình chỉ trích chứ không có một chương trình hành động nào có tính cách xây dựng hơn để biến tinh thần quốc gia yêu nước của quần chúng thành ra những hoạt động cụ thể khác với chương trình của chính phủ Hồ Chí Minh.

4. Cuộc Tranh Đấu tay ba: Việt Minh, Quốc gia và Quân Đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa: Chính sách chính của Việt Minh trong giai đoạn này là nhằm việc cô lập hóa các đảng phái Quốc gia với quần chúng, trung hòa các hoạt động của các đảng phái Quốc gia qua việc thành lập những mặt trận thống nhất dưới sự kiểm soát của Việt Minh. Ngoài ra Hồ Chí Minh còn tìm cách chia rẽ các đảng Quốc gia bằng việc chiêu dụ một số những phe phái trong các đảng này hợp tác với họ. Các đảng phái quốc gia cũng không bị chính sách này lừa bịp. Họ đòi hỏi một chính phủ liên hiệp không Cộng Sản như đã thỏa thuận trước tại Liễu Châu trong những năm 1942 và 1944. Cả hai bên bên trong đều thi hành một chính sách nhằm loại trừ lẫn nhau ra khỏi trường chính trị.

Nhưng cả hai bên đều không thể nào sử dụng võ lực, nhất là về phía Việt Minh, ngày nào còn có quân đội của Trung quốc hiện diện. Cuộc đấu tranh vì thế chuyển sang mặt trận chính trị. Ngày 26 tháng 10, Việt Minh đã dụ được Vũ Kim Thanh, một phụ tá của Nguyễn Hải Thần ký vào một bản tuyên ngôn ủng hộ chính phủ Việt Minh chống lại sự đe dọa của Pháp. Hầu hết những người ký vào bản tuyên ngôn này đều là Cộng Sản hoặc có cảm tình với Việt Minh. Ông Nguyễn Hải Thần không hề được hỏi ý kiến. Trong một bản phúc trình thảo ra vào tháng giêng 1946, Nguyễn Hải Thần đã cay đắng than phiền Tiêu Văn đã làm áp lực với một số thành viên của Đồng Minh Hội để tạo ra cái Đồng Minh Hội giả đó. Về phần Quốc Dân Đảng, ta không biết rõ những liên hệ giữa đảng này và phía các sỹ quan của Trung Quốc.

Trong hồi ký của Nghiêm Kế Tổ viết vào năm 1954, ông đã không nhắc đến giai đoạn này, mặc dầu Nghiêm Kế Tổ là một trong những lãnh tụ chính của QDĐ lúc đó. Tuy nhiên trên phương diện tuyên truyền, phe Quốc gia có một ưu điểm quan trọng. Dưới sự chỉ đạo của Khái Hưng và Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, các báo Việt Nam và Chính Nghĩa không ngớt vạch trần bộ mặt Cộng Sản của Việt Minh để cảnh tỉnh dân chúng và các nước Đồng Minh, nhất là Trung Hoa dân quốc và Mỹ. Các bài báo của tờ Việt Nam đã gây âm hưởng mạnh trong các giới tiểu tư sản, tư sản, công chức, và trí thức. Khác với những bài báo trong các báo của Việt Minh, các bài này được viết bằng một giọng văn trong sáng giản dị dễ hiểu và có tác động đến nỗi công an của Việt Minh bắt đầu vào tháng 11 và tháng 12 năm 1945 tìm cách bắt giữ những người giao báo này và ngăn chặn không cho báo được phổ biến đi các tỉnh. Phố Quan Thánh, trụ sở của các đảng phái Quốc gia trở nên một nơi được công an Việt Minh đặc biệt chú ý.■

(Còn tiếp)

TỪ DÒNG SÔNG GHÉP: SỰ TÁCH-NỐI TRONG THẾ GIỚI VĂN THƠ CỦA HỒ DZẾNH

LƯU NGUYỄN ĐẠT

(mến tặng Cô Nguyễn Thị Hồng Nhật và các em Chính và Cường)

Có hai cách mến chuộng nhà văn Hồ Dzếnh. Cách thứ nhất là biết và quý mến ông trong cuộc sống hàng ngày, hoặc gặp gỡ ông trong những giai đoạn thăng trầm biến đổi xã hội và đời sống của ông. Đó là sự gắn bó tâm tình của gia đình thân thuộc, của bạn đồng niên, đồng cảnh với ông. Những vị này đã từng quý mến ông, nhắc nhở tới ông qua những câu chuyện tâm giao, trong trí nhớ và kỷ niệm sống. Cách thứ hai là tìm hiểu và kính trọng ông qua tư tưởng gửi gấm trong tác phẩm của ông. Đó là con đường giao cảm của người đọc thanh thản, vô tư. Của người tìm tòi tài liệu và điều nghiên văn học chân chính, khi có dịp trực diện với tác phẩm, với thế giới sáng tạo của ông.

Và đó là con đường tinh thần của bài thảo luận này.

Thế giới sáng tạo của nhà văn Hồ Dzếnh được sắp xếp theo một kiến trúc tổng hợp, trong đó những cơ cấu sáng tạo được tách nối và lồng vào một trật tự diễn tiến cho phép sự dị biệt và tương đồng được bổ xung lẫn nhau. Phép sáng tạo "ghép" của truyện lồng trong truyện, tích ghép vào truyện, kịch trong kịch, thơ trong thơ đã được văn hào Pháp André Gide gọi là "mise en abyme", một từ ngữ mới do ông đặt ra để tả "phép cấu tạo theo chiều sâu" trong một tác phẩm văn nghệ. Theo cách thức sáng tạo này, những truyện tích, những đoạn văn thơ được tách nối, hoặc ghép lồng vào nhau trong lòng một tác phẩm để tạo những mẫu sống trong một thế giới đa nguyên và đa diện, càng lúc càng phức tạp, càng lúc càng sâu sắc hơn. Những tấm gương này bổ xung lẫn nhau để phản ánh tư tưởng bao quát và nhân sinh quan toàn bộ của tác phẩm.

Trong *Chân Trời Cũ* (1), dòng sông Ghép của "Ngày Gặp Gỡ" (CTC.31-38), đã mở đầu cho "phép cấu tạo theo chiều sâu" trong thế giới văn thơ của Hồ Dzếnh. Trong truyện ngắn này, tác giả đã tách-nối truyền thống và thân phận con người: tách nối tư truyện và tư tưởng, qua những mẫu sống, vừa dị biệt vừa tương đồng, mà sự "gặp gỡ" chỉ có thể thực hiện trong một chiều hướng sáng tạo luân biến. Theo khuynh hướng này, dòng sông Ghép chia kiến trúc và trật tự sáng tạo của Hồ Dzếnh thành hai thế giới. Một thế giới mở và một thế giới khép, trên ba phương diện: 1. ngoại cảnh; 2. cơ cấu kinh tế xã hội; 3. nội tâm.

Về ngoại cảnh, thế giới mở cửa "Ngày Gặp Gỡ" có tính cách bao quát, vô định và di động. Địa lý của thế giới mở vừa đa nguyên, vừa đa dạng, với nhiều trung tâm, nhiều địa danh khác nhau: Trung Quốc, Quảng Đông, Thanh Hóa; nhiều cơ sở giao thông; nhiều cảnh vật xa lạ và phi thường. Những địa danh điển hình này còn được ghép thêm với những hình ảnh đặc biệt làm những đề tài cho những bức họa nổi tiếng hoặc những tích vịnh cảnh bất hủ trong văn chương cổ kim lưu truyền lại, như những "hoàng hôn của Giang Tây, Hồ Bắc". Ngoại cảnh chung quanh kẻ giang hồ đôi khi chỉ cần tả một cách phóng khoáng: mơ hồ và vô định như "sóng trùng dương", hoặc bát ngát như "không gian" bao phủ.

Ăn khớp với ngoại cảnh mông lung bao quát, kẻ giang hồ cũng dấn thân vào một đời sống cởi mở, di động và vô định tương xứng. Kẻ giang hồ được mô tả trong vị trí kinh tế và xã hội của "người lữ hành", di động, nay đây mai đó; sống tha phương cầu thực nên phải tháo vác, luôn luôn ứng dụng với những biến đổi bên ngoài, hoặc cập nhật hóa với những "bữa cơm lưu lạc", cốt để sống còn. Đó cũng là môi trường bất trắc với sự xuất hiện hãi hùng của "người khách lạ có chiếc trán rất lạ"; của cuộc sống đầy nguy hiểm với "lưỡi dao nhọn như lá bùa hộ mệnh", hoặc "tiếng súng bắn cướp".

Về mặt nội tâm, kẻ lưu lạc tha phương cầu thực thường phải tỏ ra rộng lượng và "hùng cường" để nuôi lớn mãi cái chí nguyện giang hồ, cốt để sống còn và luân lưu theo "mạch sống" lớn. Họ cũng luôn luôn ở vào thế ly tâm: trốn bỏ quê hương xứ sở; trốn bỏ mọi dây ràng buộc bản thân với trật tự cố định, với thực tế. Vì thế, người giang hồ có lúc thấy bơ vơ, lạc lõng. Nội tâm của kẻ lưu lạc giang hồ đôi khi được đo lường

bằng chiều sâu của hoài cảm, khi họ "chạnh lòng khóc nước", hoặc bằng sự mênh mông của những mộng mơ gắn liền với hoang vu của tiềm thức khao khát tự do cởi mở. Những hình ảnh, những tích được nhắc tới trong bài thơ cổ với đoạn "Uỵt loọc, vú thày sướng mủn thín... (nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên...) đã được ghép trong truyện "Ngày Gặp Gỡ" để vọng lại nỗi cô đơn của một tâm hồn lạc lõng.

Về ngoại cảnh, thế giới khép của "Ngày Gặp Gỡ" có tính cách thu hẹp và tĩnh. Hiện tượng thu hẹp được thực hiện qua vẻ thực tế, rõ rệt và thuần nhất của "làng Ngọc Giáp" thuộc "tỉnh Thanh Hóa", của dòng "sông Ghép", trong một khung cảnh lân cận, gần gũi và "tầm thường". Sự thu hẹp địa điểm cũng được diễn tả bằng hình ảnh quanh vây của hàng rào tre thưa mỏng, cốt để phân định rõ rệt vị trí của những mái nhà tranh sơ sài, ẩn mình trong xóm làng. Đôi khi sự thu hẹp này đưa tới vị trí thu gọn của cái giường tre ẽo ợt, trong gia nhà nhỏ, như khép chặt vào điểm tựa cần thiết của một đời sống tối thiểu, đơn giản nhất. Thế giới khép còn có tính cách tĩnh, với cái tĩnh mịch trong đời sống và nội tâm của dân làng lân cận. Cái "cõi yên lặng" này đã ảnh hưởng tới đời sống u uất và tầm thường của dân làng bị gò bó trong hoàn cảnh xã hội túng thiếu, cơ cực. Muốn sống còn trong cảnh nghèo túng, người dân phải nhẫn nhục chịu đựng mọi hoàn cảnh phũ phàng. Họ là những "gương cần mẫn", những tâm hồn lặng lẽ, dù họ phải sống trong cảnh khó khăn, chua sót. Thế giới khép về mặt nội tâm còn là thế giới kín đáo và thơ ngây của người con gái mới lớn lên đang tìm cách che đôi má ửng hồng trước con mắt soi mói của người khách lạ; hoặc ngượng ngùng che giấu niềm vui hồn nhiên bằng cách "cười qua hai làn môi kín đáo khép lại".

Nhờ có chiếc đò qua sông chở khách mà dòng sông Ghép đã trở thành khung cảnh của sự "Gặp Gỡ". Hai thế giới mở và khép trước đây chia tách theo hai phương hướng trái ngược nhau, nay nhờ chuyến đò định mệnh đã tiếp nối lại để hội nhập với nhau. Kẻ giang hồ đổi cách xưng hô từ "Ngộ" thành "Tui" và người thiếu nữ lái đò cũng đã đoán được "Nị là cô". Để tìm hiểu nhau, đôi khi ngôn ngữ trở thành cử chỉ, thành động tác diễn tả trực tiếp với "ngón tay theo câu nói bỏ dở, chỉ thẳng vào thiếu nữ..." Hoặc tư tưởng thiện cảm được bộc lộ thành "một thoáng cười chạy qua môi khách", làm dịu hẳn vẻ hung tợn của người khách lạ. Thế giới mở của trạng thái kỳ lạ, xa cách mà kẻ giang hồ đem tới trước đây đã hội nhập được với thế giới khép của những dòng tư tưởng êm dịu và kín đáo nơi người con gái, "lần đầu tiên trong đời", chịu cái nhìn sắc sảo của người đàn ông đang thu hút lấy nàng.

Trên dòng sông Ghép, truyền thống xa lạ và tư tưởng phóng khoáng của giới giang hồ đã chuyển bến để nhập vào một góc trời cố định, trong đó con người thu hẹp mình lại để xây dựng một nền tảng vững chắc cho gia đình, cho nòi giống. Dòng sông định mệnh đã "ghép" hai thân phận, hai cách sống khác biệt nhau thành một dòng "ghép" máu mủ, mà tình nghĩa là keo sơn ghép nối, là con đường vào trật tự xã hội.

Thế giới mở của người giang hồ từ Quảng Đông xuống được ghép thêm với những cảnh sống thăng trầm của người Cha. Truyện "Con Ngựa Trắng của Ba Tôi" (CTC. 54-71) đánh dấu sự bành trướng theo chiều cao của thế giới mở mà người chủ gia đình tiếp tục tạo dựng qua nhiều năm trời lặn lội với cuộc sống tha hương. Sự bành trướng này khởi đầu bằng sự thủ đắc một thứ tiếng "ngoại quốc" khác, khi người Cha trở nên "thạo" tiếng Pháp, rồi làm thông ngôn cho một viên chức nhà đoan. Thế giới này mở cửa rộng rãi để đón tiếp cái cơ nghiệp càng lúc càng thịnh vượng, càng thăng tiến qua nhiều cuộc đầu tư buôn bán sầm uất. Giấc mơ tha phương cầu thực của người lưu lạc giang hồ nay đã trở thành những cuộc kinh doanh đắc lợi. Nhờ thế, thế giới mở của sự thịnh vượng đã đưa người giang hồ tới một vị trí cao trong xã hội, hơn hẳn những tầng lớp thấp kém của những người đồng hương khác. Người Cha cưỡi con ngựa trắng tiêu biểu cho cái thế giới di động, cao và sang đó.

Thế giới mở và di động đã có lúc trở thành những vòng cung nhỏ bé hơn chung quanh người Cha lưu lạc, nay già yếu và bệnh hoạn. Trong truyện "Trong Bóng Rừng" (CTC. 46-53), hình ảnh cuộc sống hùng vĩ cao siêu trước đây của người Cha, nay mờ dần vì bị ghép với những khía cạnh khiêm tốn hơn; với dư âm của những "câu chuyện kín đáo"; hoặc với hoài cảm của người lưu lạc đau sót nhớ cố hương. Trong giai đoạn thất thế này, những cuộc hành trình phóng khoáng của người Cha lưu lạc được thay thế bằng những giấc bay bổng trong mộng tưởng, hoặc đi mây về gió qua khói thuốc phiện.

Thế giới mở trong *Chân Trời Cũ* có thể di tâm để trở thành những vòng cung nhỏ bé kém cả lượng lẫn phẩm, chung quanh những đơn vị sống tương tự so với người Cha, nhưng kém cỏi hơn. Đó là thế giới của Chú Nhì, của Anh và của Em Dìn.

Trong cốt truyện mang tên "Chú Nhì" (CTC. 72-81), nhân vật này là hình ảnh thu hẹp của kẻ giang hồ, cũng xuất xứ từ cái nơi xa xôi kia, bỗng dưng xuất hiện đến đây để khảo tiền người anh tình cảm, rồi đến khảo tiền người chị dâu vừa góa chồng sống trong cảnh túng thiếu, cùng cực. Đó là cách tha phương cầu thực chớp nhoáng ăn liền, nhỏ nhoi hơn những bữa cơm lưu lạc của kẻ trượng phu hiên ngang lấy trời làm

màn, lấy đất làm chiếu. Cũng là một thứ cây trong rừng, nhưng Chú Nhì keo quất hơn, tầm thường hơn, và tai hại như thứ cây tầm gửi, ăn bám vào đời sống kẻ khác, dù đời sống của những người này không lấy gì làm thừa thãi, sung túc cho lắm.

Tiện đây, chúng tôi xin nói qua về cách sử dụng một số những danh từ đầy miệt thị như "Chú Ba Tầu", "Chú Khách, mà tác giả của *Chân Trời Cũ* cũng đã có dịp, nửa đùa nửa mỉa mai, nhắc tới như sau: "Chú" khách cũng thành thực trả lời... (CTC. 36). Trong xã hội Việt Nam lúc đó có những thành phần bảo thủ, như mọi thành phần kém ý thức và bảo thủ cực đoan khác trên thế giới, đã hồ đồ nghĩ rằng mọi người khách đến trú ngụ đều đến để ăn bám và gây tai hại. Những đầu óc chật hẹp đó đã quên rằng đa số những người nghĩa tử kia đã có dịp đóng góp vào việc xây dựng tinh hoa và phồn thịnh cho đất nước nuôi dưỡng họ. Thành kiến sai lầm này đã ảnh hưởng tới một cách cấu tạo từ ngữ mà ngôn ngữ học gọi là "lây nghĩa" (contamination étymologique), như trường hợp hai chữ đồng âm "Trú" và "Chú" đã được dùng lẫn lộn với nhau, đáng lẽ phải gọi người đi dân từ Trung Quốc tới trú ngụ tại Việt Nam là Trú khách, hay Khách trú, thì dân gian lại đổi thành "Chú" khách. Hai chữ này được ghép lại trong một thế tương nghịch: Nếu chữ "Khách" được dùng đúng theo truyền thống "hiếu khách", tôn trọng "người lạ" là "khách", thì chữ "Chú" lại vô tình hay cố ý miệt thị, coi thường người "khách" lạ đó. Người xưa đã cư xử không hợp tình hợp lý, không thuần nhất đối với truyền thông nho nhã của mình, khi thay vì gọi người khách đến trú ngụ là "Bác" khách, lại vơ đũa cả nắm gọi họ là "Chú" Koóng, "Thím" Củ v.v... Có lẽ, những lầm lẫn về ngôn ngữ và tâm lý này đã du nhập khá lâu vào tiềm thức dân tộc để tạo ra những mặc cảm, vừa tự tôn, vừa tự ti, như một cách trả thù dân tộc.

Anh Cả, trong truyện "Người Anh Xấu Số" (CTC. 111-116), cũng là một tiêu biểu cỡ nhỏ khác của người Cha lưu lạc. Thế giới của anh là một cõi mở toang; tâm hồn anh được ví như "căn lều trống", gió thổi qua một mạch, vì anh nghĩ sao nói vậy, kể cả trong cơn mê. Anh cởi mở, coi nhẹ hình thức, coi nhẹ bề ngoài, ăn mặc lôi thôi, và sẵn sàng bước ra khỏi lề lối gò bó của gia đình, như đã bước ra khỏi tấm hình định chụp chung với các em, dưới con mắt chỉ trích của người mẹ thiên vị. Đó cũng là thế giới sẵn sàng bùng nổ, sẵn sàng "vỡ tràn" "thành hung bạo, thành điên cuồng vì tuyệt vọng". Vỡ tràn vào cõi chết, một cách bi thảm, "chết ở dọc đường vì kiệt sức". Thế giới toang hoang của người anh xấu số, đến lúc cuối, đã khép lại với những tấm lá chuối khô mà người vợ "mang theo để gói hài cốt của chồng". Đó cũng là sự bù đắp tượng trưng của người mẹ muốn bao bọc người con mà bà đã hất hủi trước đây. Với khả năng tầm thường nhất của người mẹ túng thiếu, bà dùng "cây nhà lá vườn" này để gửi cho con tấm áo cuối cùng. Qua cử chỉ vớt vát đó, tấm lòng khép trước đây của người mẹ khắt khe đã mở ra một lần để đón nhận đứa con hư hỏng.

Thế giới di động của *Chân Trời Cũ*, phần nhiều mở rộng cho những nhân vật nam, theo truyền thống trọng nam khinh nữ sót lại trong xã hội Việt Nam ngày đó, với thành kiến là chỉ có người đàn ông mới cần xuất đầu lộ diện, mới có quyền lộ mặt ra xã hội bên ngoài, phiêu lưu nay đây mai đó, vượt sông trèo núi. Từ ngữ và xã hội Việt Nam ta đến giờ vẫn phân biệt người đàn ông lưu lạc giang hồ như một kẻ anh hùng hào kiệt, có bản lãnh và kinh nghiệm sống đáng nể.

Còn gái giang hồ, trái lại, là thứ gái ăn chơi lêu lổng, gây ô uế bất hạnh cho thanh danh mình và nhục nhã cho gia đình lối xóm. Sự khắt khe chênh lệch này đã được ghi trong truyện "Em Dìn" (CTC. 61-71). Cũng như người anh Cả, em Dìn đã phải đương đầu với những thành kiến khắt khe của một gia đình bảo thủ. Thế giới khuôn phép này đã được em Dìn tháo mở từng mảnh, qua những thủ đoạn lừa dối mẹ, lừa dối anh để đi theo trai; qua sự bùng nổ của tình yêu liều lĩnh; qua sức phản kháng của kẻ bị đàn ép, bị dồn vào đường cùng đến nỗi phải "bật khóa" vượt ra khỏi gian buồng và căn nhà tù túng như vượt ra khỏi thành kiến hẹp hòi và ác nghiệt của gia đình. Thế giới này sẽ mở tung cửa ra để giải phóng người con gái và đưa cô ta vào một kiếp sống phiêu lưu, đầy nguy biến và bất trắc, khi cô ta lựa chọn dấn thân "vào đời", vào cảnh cô đơn lưu lạc giang hồ.

Bên cạnh và đối nghịch với thế giới mở cửa của những chân trời bao quát, của sự phản kháng và thoát ly, thế giới khép trong *Chân Trời Cũ* được ghép thêm với những cảnh sống thu hẹp, kìm hãm và kín đáo của những tấm gương cần mẫn, trong một nền trật tự xã hội ngưng đọng mà trước đây cô lái đò trên sông Ghép đã biết tới.

Thế giới khép trong truyện "Lòng Mẹ" (CTC. 23-30) tiếp tục nằm bên kia dòng sông nhỏ, "êm kín" với hai bờ lau xanh; êm kín như vòng ôm che chở con thơ, như "cái mỉm cười của một người mẹ"; kín đáo như "cái bánh giò đặt trên tay người mẹ" và thu gọn như "miếng bánh ngậm trong miệng". Thế giới khép cũng là sự quanh vây của "hàng rào" ngăn cách ngôi trường trong khung cảnh lý tưởng ("c'est parfait") và đời sống quá thực tế bên ngoài. Hàng rào đôi khi còn chèn ép như món "nợ học", hẹp hòi như số "tiền kẽm" mà người mẹ đã phải "mượn tạm" một cách nhục nhã. Nhưng trong lòng người mẹ tận tụy, thế giới khép của cuộc sống bên ngoài dù có khổ cực, dù có trở ngại, vẫn bừng sáng thành nghìn tia nắng ấm tiếp nối đo khắp chiều sâu mầu nhiệm của tình thương mẫu tử.

Ánh sáng trong lòng người đôi khi lại nhẹ nhàng kín đáo như cái đẹp dịu hiền nơi lòng chị đỏ Đương trong truyện "Ánh Trăng Suông" (CTC. 82-91). Đó là ánh êm dịu của nụ cười "nở trong bóng mát", bên kia hàng rào chia đôi thân phận con người; phía ngoài là sự bay bổng "cuồng loạn" của người chồng bước lên tàu sang Tân-thế-giới, phía trong là cuộc sống "cực nhục" hàng ngày của người vợ trẻ bị bỏ lại. Đó cũng là tia sáng nhẹ nhàng và kín đáo của niềm hy vọng được chắp nối hạnh phúc với tình duyên mới. Một thứ ánh sáng ngắn ngủi, dễ vụt tắt trong sự sót sa của điệu hát ru con: "Trăm năm đành lỗi hẹn hò/Cây đa bến cũ, con đò khác đưa..." Thế giới khép thường là thế giới bẽ bàng, thu hẹp vào cuộc sống tầm thường, cùng cực của những con người chấp nhận thân phận đau khổ của họ. Họ nhẫn nại và bền lên sống một cách trầm lặng, không một lời than thở, không một tư tưởng phản kháng "trên mảnh đất nghìn đời", bất di bất dịch.

Đó cũng là cảnh ngộ của chị Yên, trong truyện mang tên chị (CTC. 92-101). Thế giới này được ghép với cái tên tiền định của chị: An, rồi được gọi trạnh ra là Yên, như trong lòng tĩnh mịch của cõi Thiền. Cái tĩnh tâm của con người chấp nhận nỗi đau thể xác một cách bình thản, như khi chị Yên bổ củi vô ý để lưỡi dao cắt đứt ngón chân cái, rồi "không một tiếng kêu", chị lấy vạt áo bịt vào chỗ máu chảy và lặng lẽ chắp lại đầu ngón chân đứt lìa. Cái bình thản của người chị nuôi bị đứa em nóng nẩy đá vào xương ống chân, chỉ "nghiến răng chịu đựng sự tàn ác" ấy, rồi xuýt xoa kêu là vấp phải cái bậc cửa để tránh đòn cho em. Sự trầm lặng này bắt nguồn từ trong lòng chung thủy của chị: Với tư cách một nghĩa nữ tốt, chị để tang người cha nuôi và hy sinh không lấy chồng vội. Chị chấp nhận một cách nhẹ nhàng như "một sự đợi chờ nhỏ nhặt, bên cạnh những công việc liên miên".

Kể cả cái thế giới yên lặng và ổn định đó cũng phải vỡ nứt, hé mở ra trong những hoàn cảnh thật éo le, thật cùng cực. Chị Yên đã bị người cậu "xấu", "giọt máu đào" của mẹ nuôi mình làm nhục. Chị đã bị tước đoạt mất tấm lòng yên tĩnh, nên thế giới kín đáo đó đã phải nhòa đi và chị Yên chỉ còn biết khóc, rồi lủi thủi ra đi để nhập vào một khung trời hạn hẹp khác.

Đời sống đôi khi cũng bị hạn hẹp hóa như trong truyện "Người Chị Dâu Tôi" (CTC. 39-45). Thế giới mở của cuộc sống cao sang đài các từ một chân trời xa lạ khác đã bỗng dưng thu gọn lại đối với người "đàn bà lưu lạc" từ Trung Hoa sang làm dâu nhà nghèo xứ Việt. Thế giới mở trước đây từ từ khép đóng quanh "những công việc hàng ngày" của một cuộc sống cực nhọc, thiếu thốn và tối tăm. Cái thế giới mở mà chị dâu "đặc Tàu" biết trước đây đã hoàn toàn khép kín với những dây liên hệ máu mủ "trói buộc chặt chẽ" chị vào mảnh đất cằn, nơi chôn nhau cắt rốn của đàn con chị sinh đẻ ra. Người chị dâu đã hoàn toàn trở thành một người "đàn bà Việt Nam đặc".

Hình thức thu hẹp của đời sống đôi khi là sự lựa chọn gắn liền đời mình vào mảnh đất nguyên thủy như trong truyện "Trong Bóng Rừng" (CTC. 46-53). Đó là quyết định rất tự nhiên của cô Fin "lấy một người con trai làng". Người con gái đẹp lọt lòng mẹ trong bóng rừng luôn luôn nặng tình với rừng núi, với quê hương xứ sở qua những mối dây "ràng buộc" siêu việt

linh thiêng nhất. Cô Fin không hề bị nao núng bởi những áp lực hoặc quyến rũ đẩy nàng ra khỏi chốn quê hương cội rễ của nàng.

Thế giới sáng tạo là vậy. Còn chính bản thân nhà văn Hồ Dzếnh có bị "ràng buộc" bởi những mối liên hệ mà ông vừa sống vừa tạo ra không? Có lẽ hỏi đã là trả lời, vì thế giới sáng tạo và cõi sống của ông là một. Một nguồn sống "ghép" của sông Ghép của quê hương ông, của đời ông, của tư tưởng và định mệnh ông:

Tôi là người lữ khách
Mầu chiều khó làm khuây
Ngỡ lòng mình là rừng
Ngỡ hồn mình là mây
Nhớ nhà châm điếu thuốc
Khói huyền bay lên cây... (2)

Trước khi mất vào mùa thu 1991, nhà văn Hồ Dzếnh đã linh cảm viết "Bài thơ tặng Vợ, gửi Nguyễn Thị Hồng Nhật", với những dòng cô đọng tâm huyết của ông như sau:

Mình vừa là chị là em
Tấm lòng người mẹ, trái tim bạn đời
Mai này tới phút chia đôi
Hai ta ai sẽ là người tiễn nhau?
Xót mình đã lắm thương đau
Tôi xin làm kẻ đi sau đỡ mình
Cuộc đời đâu phải phù sinh
Nước non chan chứa nghĩa tình, mình ơi!

Nếu xét về toàn diện bài thơ, thì rõ rệt thi nhân đang muốn thổ lộ tâm tình của ông qua những lời nhắn nhủ cùng người vợ yêu quý, như đoán trước một biến cố quan trọng sẽ xảy ra cho "hai ta". Tác giả của "Bài thơ tặng Vợ" đã khéo léo tách và nối vị trí hiện hữu của thân phận con người, của "Ai", của "Ta", "Tôi" và "Mình", thành những mối liên hệ sâu đậm bắt nguồn từ một nhân sinh quan vừa đa trạng, vừa tế nhị, trước thời điểm biên tế của sự "chia đôi" giữa người ở lại với cuộc sống và người ra đi vĩnh viễn vào ngàn thu.

Chữ khởi đầu của bài thơ là "Mình". "Mình" ở đây không có tính cách một danh tự, liên hệ tới một cơ thể, một mình mẩy, mà đã tách ra thành một đại danh tự, với vị thế của ngôi thứ hai. Đó là Mình-đối-tượng của lời nói tâm tình, của tiếng gọi yêu đương: "Mình ơi". "Mình" không những là người tiếp nhận lời tâm tình, lời nhắn nhủ, mà lại là chủ thể của cả một đời sống đặt trên nền tảng một nhân sinh quan đa trạng: "Mình vừa là chị là em", đồng thời lại có "Tấm lòng người mẹ, trái tim bạn đời". Như vậy, thân phận của "Mình" mà thi nhân từng quen biết, từng yêu chuộng, không đơn giản đảm nhiệm một vai trò nào rõ rệt, một vị trí nào có thể tách biệt giữa "em", "chị", "mẹ", hoặc "bạn đời". Ngược lại, "Mình" là một nhân cách tụ hợp đúng theo quan niệm sống của truyền thống Á Đông: "Mình" không là mình đơn, chật hẹp hoặc một chiều, mà là mình-kép. Qua lời nói tâm tình này, "Mình" đã từng dấn thân vào đời sống bao quát, hoặc bao dung, đã cùng một lúc tự ghép thân vào những mối liên hệ máu mủ hoặc xã hội khác nhau, để thực hiện một đời sống có trật tự, có trách nhiệm, có "nghĩa tình".

Nhưng nếu ta đọc kỹ lại, âm điệu của chữ "Mình" ở đây có vẻ nhẹ nhàng, đậm vẻ trìu mến lạ lùng. Như thi nhân đang quyến luyến vuốt ve một mẫu sống, một tấm gương huyền bí phản chiếu một người nữ nguyên thủy phối hợp tất cả những đặc tính đáng yêu đáng quý của người mẹ, người chị, người em, người yêu, người bạn; một người nữ toàn diện mà Nerval đã từng tìm kiếm suốt đời mình, dưới từ ngữ "Eternel Féminin", Người Nữ Vĩnh Cửu.

Thoáng qua, người đọc "Bài thơ Tặng Vợ" có cảm giác là "Mình" sẽ phải sống tách biệt, phải chấp nhận sự chia cách với "Tôi". Đó là trạng thái cô đơn của "Hai ta" trước cảnh "chia đôi" giữa "người tiễn" và người ra đi. Nhưng nếu lòng nghẹn ngào của "người tiễn" lại ấp ủ một sự hy sinh của "Tôi xin làm kẻ đi sau đỡ mình", thì lời tâm tình của thi nhân đã vượt qua sự sót sa để nở thành hy vọng. Như vậy, sự "chia đôi" đã bớt đi phần đau đớn của trạng thái đứt ruột, lìa cánh, mà chỉ phảng phất thanh tao, nhẹ nhàng như một cuộc "tiễn" đưa thăm hỏi. Sự "tiễn" đưa người yêu không bịn rịn, không tệ tái, vì thi nhân đã không hề nói: ai sẽ là người tiễn "ai", mà chỉ nhắn: "ai sẽ là người tiễn nhau". Sự "tiễn" đưa ra khỏi cuộc đời vốn "lắm thương đau" sẽ mở đầu cho một cuộc hành trình đầy hứa hẹn, có triển vọng mang lại sự siêu thoát cho người ra đi. Hơn nữa, hy vọng siêu thoát của người mệnh một cũng lại là ước mơ trong tiềm thức của chính "người tiễn". Vì thế, sự "tiễn nhau" phải được ý thức như một cuộc song hành, cùng nhau siêu thoát ra khỏi cuộc đời đầy khổ nạn. Cái chết của một người sẽ là lời gọi cùng nhau cảnh tỉnh tìm lối về nguyên thủy, tìm lối về nguồn sống vĩnh cửu, mà trong đó "Mình" và "Tôi" sẽ kết hợp vào "Nhau", thành một đơn vị bất khả tách, tương ứng và phụ đối như "nghĩa tình", như sự tuần hoàn của vũ trụ giữa âm và dương, giữa sự sống và cõi chết, trong một vòng tách-nối tự duy.

Trong cõi văn thơ Hồ Dzếnh và trong lòng người đọc.

Hoa Thịnh Đốn, ngày 29 tháng Ba 1995

(1) Tập văn *Chân Trời Cũ* được xuất bản lần đầu vào năm 1942. Chúng tôi trích dẫn **CTC** căn cứ vào sự tuyển chọn trong tập *Hồ Dzếnh, Tác Phẩm Chọn Lọc*, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1988.

(2) Trong bài thơ "Chiều" Hồ Dzếnh, *Tác Phẩm Chọn Lọc*, (tr. 153).

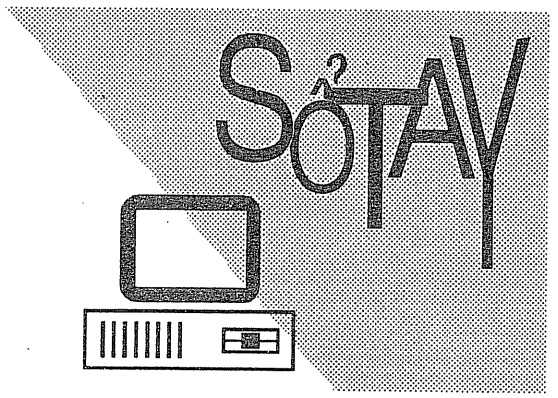

VIỆC HỌC TẬP CỦA ÔNG ĐỖ MƯỜI

Nói đến ông Đỗ Mười người ta nhớ ngay tới thành tích "đánh tư sản," hay "cải tạo công thương nghiệp thành phố." Ông đã đóng vài trò chủ chốt trong các đợt đánh tư sản ở Hà Nội sau năm 1955 và ở Sài gòn sau năm 1975. Ngoài ra ông còn làm được những việc gì khác khi giữ vai trò thủ tướng và khi đóng vai tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, thì cũng khó ghi được sự kiện nào quan trọng.

Ông Đỗ Mười được các nhà quan sát ngoại quốc và Việt Nam ở trong nước mô tả là thuộc thành phần bảo thủ. Ông thường nói phải bảo vệ chủ nghĩa Mác, nhưng những người nghe ông nói cũng theo phép lịch sự, không ai hỏi ông chủ nghĩa Mác nghĩa là thế nào. Giản dị nhất, chắc ông nghĩ rằng "bảo vệ chủ nghĩa Mác" tức là bảo vệ việc cầm quyền của đảng cộng sản càng lâu càng tốt, thêm ngày nào hay ngày đó. Còn chuyện đảng dùng quyền hành độc tôn đó làm gì, có dính dáng gì đến tư tưởng của Karl Marx hay không thì điều đó quả thực ông khó nói ra được.

Nhưng trong năm nay người ta đã nhận thấy ông Đỗ Mười đang tham dự vào một chương trình có thể gọi là "du học cải tạo" rất quan trọng. Đó là các chương trình công du của ông ta ở Đại Hàn Dân Quốc, Nhật Bản (tháng Tư 1995), Úc và Tân Tây Lan (tháng Tám 1995). Ông Đỗ Mười đi thăm các nước đó với mục đích cụ thể về kinh tế, với một phái đoàn toàn các người chuyên về chuyện buôn bán làm ăn.

Ông Đỗ Mười đi bàn chuyện kinh tế mà không cổ động việc cải tạo công thương nghiệp ở các xứ Đại Hàn, Nhật và Úc, những nước tư bản hàng đầu ở Á châu, thật là may mắn cho họ. Ngược lại, có thể các chuyến đi này dần dần sẽ cải tạo ông ta. Ba nước Đại Hàn, Úc và Tân Tây Lan đều đã là đồng minh của Việt Nam Cộng Hòa, từng gửi quân sang Việt Nam đánh cộng sản trước đây.

Tại Canberra ông đã phải đi cửa sau để vào quốc hội Úc vì bị đồng bào Việt Nam biểu tình phản đối trước trụ sở quốc hội. Nhưng điều đó dĩ nhiên không gây trở ngại cho việc nói chuyện kinh tế. Phải chăng các cuộc thương lượng kinh tế quan trọng nhất ở Việt Nam, cho tới giờ vẫn quen thực hiện ở lối đi cửa sau?

Theo bản tin Reuter, ông Đỗ Mười đã nói thẳng với người Úc: "...Tóm lại, chúng tôi rất nghèo, và chúng tôi muốn rất nhiều thứ. Đặc biệt, chúng tôi cũng cần sản xuất thịt và các sản phẩm về sữa, sản xuất đường, và liên doanh với Úc ..." Người soạn diễn văn cho ông không nói gì đến chủ nghĩa xã hội, lý thuyết Mác Lê, mà đặt vào miệng ông những chuyện sữa, thịt, đường. Mười năm trước đây, chắc không có ông tổng bí thư nào nói các tiếng đó. Thịt, sữa, đường đều là các món ăn... tư bản. Năm 1976 ông Phạm Văn Đồng đi dự hội nghị ở Tích Lan còn nói rằng các nước Á châu chưa biến thành xã hội chủ nghĩa thì kể như là chưa độc lập. Nghe câu đó nhiều nước rùng mình vì sợ sắp bị giải phóng để tiến tới chủ nghĩa xã hội đến nơi.

Nhưng chuyến đi Nhật Bản của ông Đỗ Mười còn có ý nghĩa hơn nữa. Vì nước Nhật không phải chỉ hứa viện trợ và đầu tư, họ còn hứa "... giúp một cách toàn diện cho Việt Nam trong việc hoạch định các chính sách kinh tế..." Sau đó Nhật còn "gửi một phái đoàn quan chức chính phủ và nhiều chuyên gia... sang Hà Nội... để hoàn thành các chi tiết..." (nguyên văn trên báo *Lao Động* 18-04-95).

Nếu ông Đỗ Mười chỉ cần lắng tai nghe những gì người ta nói trong chuyến đi, dù ông hiểu một phần mười, thì đó đã là một chuyến du học đáng kể. Khi các chuyên gia Nhật sang dạy cách hoạch định kinh tế, thế nào ông chẳng muốn đọc các báo cáo coi họ dậy những gì, vì ông chính là người đi mời họ sang. Trong chuyến đi, ông lại có dịp nhìn thấy tận mắt cách làm việc và sự tiến bộ của các nền kinh tế ở Nhật, Úc, Đại Hàn, Tân Tây Lan, thì cách nhìn và cách suy nghĩ của ông ta cũng sẽ thay đổi. Nếu sau này ông nhận ra rằng cách làm kinh tế của họ không thể nào thực hiện được trong một chế độ vô sản chuyên chính mà ông vẫn muốn duy trì trong nước, thì ông sẽ biết phải thay đổi. Như vậy tiếng Việt Nam gọi là đã được cải tạo.

Mai mốt nếu ông Đỗ Mười có tuyên bố phải "bảo vệ chủ nghĩa Mác" mà có người hỏi câu đó có nghĩa là gì thì ông ta có thể sẽ nói rằng "Cứ bắt chước làm như ở Nhật, Đại Hàn, Úc và Tân Tây Lan, tức là bảo vệ chủ nghĩa Mác vậy."

GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Mỗi năm người Mỹ lại đếm số sinh viên gốc Á châu tiến lên nhận văn bằng trên lễ đài các trường đại học. Và họ lại tự hỏi tại sao số sinh viên gốc châu Á, đặc biệt là miền Á Đông, chiếm một tỷ lệ cao như vậy.

Người ta đã tính rằng nếu trường Đại học UC Berkeley theo chính sách thâu nhận sinh viên chỉ dựa trên học lực, không dành riêng chỗ để chia cho các sắc dân thiểu số khác, thì quá nửa số sinh viên được nhận vào học sẽ là người Á châu. Berkeley là một trong các đại học uy tín nhất tại nước Mỹ. Ở Đại Học UC Irvine hiện nay gần nửa số sinh viên cũng là dân Á châu. Và trường MIT bị chế riễu là viết tắt của ba chữ Made In Taiwan.

Điều làm cho người Mỹ chú ý là không phải chỉ có thế hệ thứ hai, thứ ba, con cháu các người di dân gốc Á Đông mới thành công trong học vấn, sau khi thế hệ thứ nhất đã phải chịu bao khổ cực, tìm cách sống và nuôi con. Ngay cả những thiếu niên mới tới nước Mỹ khi đã 15, 17 tuổi, phải hội nhập ngay vào một xã hội mới, hệ thống giáo dục mới, nói và viết một thứ ngôn ngữ mới, các người trẻ tuổi đó cũng thành công xuất sắc. Trong đám người trẻ tuổi mới này có rất nhiều người Việt, lớp người Á Đông trong một đợt tới đây trẻ nhất.

Vào đầu thế kỷ này nước Mỹ cũng đã tiếp nhận một làn sóng di dân xuất sắc như vậy, đó là những người Do Thái từ bỏ Âu Châu sang lục địa mới. Nhưng nhiều người Mỹ, như Nathan Glazer ở Đại học Harvard, nói rằng sự thành công của người Á đông còn nhanh hơn và lan rộng ra nhiều lãnh vực hơn cả người Do Thái trước đây.

Sự thành công về học vấn của trẻ em Việt Nam đã là đề tài một báo cáo khoa học của mấy giáo sư Đại học Michigan. Trong các kết quả cuộc nghiên cứu của họ, một ghi nhận là có một liên hệ giữa sự thành công của học sinh Việt Nam và đời sống gia đình. Bài nghiên cứu này đã từng được dịch đăng trên *Thế Kỷ 21*.

Thường những gia đình ổn định, cha mẹ và con cái chia nhau làm các công việc trong nhà, buổi tối anh chị em cùng ngồi học trong khi cha và mẹ chia sẻ công tác nội trợ (nói rõ cả cha và mẹ), đó là những gia đình mà trẻ em học giỏi.

Gương tốt của cha mẹ khi chăm chỉ làm việc và sự hòa hợp, tình liên đới chặt chẽ thể hiện trong gia đình qua hình ảnh cha mẹ và con cái cùng chia sẻ công việc, đó là một số động cơ thúc đẩy trẻ em cố gắng học.

Sự học không phải chỉ là một cố gắng cá nhân. Sự học cũng không phải chỉ nhắm tạo nên những thành đạt tiền tài hay địa vị cho cá nhân. Tuổi trẻ thường không phải là tuổi đã nghĩ đến tiền tài hay địa vị nhiều quá như người lớn. Khoa tâm lý học về đời sống xí nghiệp đã tìm ra rằng ngay cả đối với người Mỹ, và người lớn tuổi, tiền bạc không phải là động cơ mạnh nhất thúc đẩy sự cố gắng làm việc, và chắc chắn không phải là động lực duy nhất. Trong xí nghiệp Mỹ, điều đó đúng đối với thợ thuyền (*blue collar*), càng đúng hơn đối với lớp người chuyên nghiệp (*white collar*) và giai cấp trung lưu.

Việc học, đối với trẻ em Việt Nam tự nó có thể đã mang lại niềm vui vì có những phần thưởng tinh thần không thể đo lường được. Khi một học sinh đạt tới kết quả tốt trong việc học thì cả gia đình cùng chung vui, sự thành công của một em trở thành sự thành công của gia đình. Các em tất nhiên sẽ hãnh diện, thêm tự tin, và tình gia đình càng chặt chẽ hơn. Đó là những động cơ tinh thần rất mạnh để thúc đẩy học sinh làm việc.

Điều chúng ta cần quan tâm là không nên vì thúc đẩy trẻ em cố gắng học mà khiến cho các em lâm vào tình trạng quá ưu tư, lo sợ, và sinh ra bi quan, tuyệt vọng những khi thất bại, những khi không đáp ứng được kỳ vọng của cha mẹ và anh chị em. Cũng trong xã hội người Á Đông nhiều học sinh đã tự tử vì học kém. Có em sinh ra nổi loạn chống lại cha mẹ, chống cả xã hội.

Trong gia đình Việt Nam, chúng ta cần giúp trẻ em thấy là không sự thành công nào quan trọng hơn là phải sống hạnh phúc. Nếu việc cố gắng học hành của các em thành công thì gia đình vui hơn, nhưng nếu vì cố gắng đó mà chính các em hay cha mẹ mất yên vui, sống thiếu hạnh phúc thì cả gia đình đã thất bại.

Đây chính là một đặc điểm trong nền văn hóa Việt Nam, của nền minh triết châu Á. Người Hoa Kỳ có thể đã nhìn thấy những kết quả đo lường được như tỷ số sinh viên tốt nghiệp, nhưng họ chắc chưa hiểu hết, và không thể đo lường được ảnh hưởng của nền tảng minh triết mà kết quả là tạo an vui trong đời sống con người.

THÍ NGHIỆM LUẬT LƯU THÔNG Ở HÀ NỘI

Hai tháng trước, nghe tin chính phủ Hà Nội ra lệnh các bộ nghiên cứu việc san định và thi hành luật lệ lưu thông, chúng tôi đã nhận xét rằng biến cố này là một bước trong quá trình gọi là diễn biến hòa bình. Bản tin về ngày đầu tiên thí nghiệm luật lệ lưu thông ở Hà Nội có một phần vui và một phần buồn. Phần vui là bước thứ nhất trong diễn biến hòa bình đó đã bắt

đầu ngay giữa thủ đô. Và phần buồn là cuộc thí nghiệm có thể thất bại vì vẫn được thực hiện bằng các guồng máy và phương pháp quen thuộc của chế độ công an.

Cuộc thí nghiệm về luật lệ lưu thông có thể là một bước đầu trong diễn biến từ chuyên chính vô sản sang dân chủ pháp trị. Việc san định và áp dụng luật lệ, dù chỉ là luật giao thông, cũng là một bước đi đúng trên đường tiến tới thể chế dân chủ. Người dân sẽ có cơ hội thực tập một đời sống có luật pháp, làm đúng luật thì được an thân, chỉ khi sai luật mới bị vạ. Sống như vậy khác với lối sống trong cảnh lo sợ, không biết ngày hôm nay ông công an khu vực vui tính, dễ dãi, hay là ông ta đang cau có vì mất mối làm ăn hay bị bà xã xài xể. Sống trong luật pháp quen dần, người dân dễ tập thói quen đòi hỏi các quyền lợi khác được bảo đảm bằng luật lệ, đó là bước đầu gây nên tập quán pháp trị, một nền tảng của thể chế dân chủ.

Nhưng ngày thí nghiệm đầu tiên về luật lệ lưu thông ở Hà Nội coi không mấy hứa hẹn. Phương pháp áp dụng vẫn có vẻ bạo tàn khiến người ta nhớ tới các đợt đánh tư sản của ông Đỗ Mười, và những vụ đổi tiền (có lần do thi sĩ Tố Hữu phụ trách) rất ào ạt, rất tàn nhẫn, không khoan nhượng cho... kẻ thù của nhân dân. Trong một chế độ dân chủ người ta coi nhà nước có bổn phận giúp dân sống với các luật lệ mới ban hành, bằng cách giáo dục, huấn luyện, mang luật lệ ra thử trước khi thi hành coi phản ứng của dân ra sao. Đồng thời, luật lệ bao giờ cũng dự trù cho dân chúng một khoảng thời gian thực tập, trước lạ sau quen, ai vi phạm trong thời gian đầu cũng chỉ cảnh cáo chứ không phạt, nhất là không... đánh. Nhà nước dân chủ không đóng vai trò rình rập coi thằng dân nào phạm lỗi gì thì... đè ra phạt cho đáng đời.

Hai quan niệm về nhà nước đó khác hẳn nhau, trong đầu óc người có quyền cũng như người bị cai trị. Chế độ độc tài cực quyền coi nhà nước là cha mẹ (không ai được chọn cha mẹ sinh ra mình); cứ như thế mãi người dân cũng sinh ra ươn hèn, chịu dựng riết thành quen. Chế độ dân chủ coi nhà nước là những người làm công cho dân, và người dân cũng dám đòi hỏi nhà nước đóng vai trò đó. Nhân viên công lực sẽ kính trọng dân hơn.

Trong ngày thí nghiệm đầu tiên ở thủ đô nước ta, có cảnh những ông công an đuổi, đánh một người đàn bà vi phạm đi qua đèn đỏ. Phóng viên Reuter nói cây đèn xanh đỏ này trước đây ít khi chạy. Nhưng không vì thế mà công an không kiên cường đuổi đánh bằng được một "kẻ thù của nhân dân" phạm luật.

Chuyện này chứng tỏ chính quý vị "cha mẹ dân" vẫn bất chấp luật lệ. Vì không một thứ luật lệ lưu thông nào trên thế giới lại cho phép cảnh sát giao thông đánh người ta cả. Lúc nhiễu nhương nhất thời VN Cộng Hòa cảnh sát lưu thông cũng không bao giờ dám làm như vậy, cùng lắm xin "lì xì chút cà phê." Thầy giáo đánh học trò còn bị coi là dã man, nữa là cảnh sát? Hình ảnh trên bầy tỏ một bộ mặt thật của chế độ. Nếu một phụ nữ băng qua đường sai luật mà còn bị đánh giữa ban ngày, giữa phố xá đông đúc ở thủ đô, trước mắt một nhà báo ngoại quốc, thì ở những nơi khác, những lúc khác, họ đối xử với người ta như thế nào?

Cho nên thí nghiệm về lưu thông ở Hà Nội cho người dân Việt Nam một bài học. Chúng ta muốn xây dựng một nước Việt Nam sống trong luật pháp rõ ràng. Nhưng luật pháp do ai làm ra? Vì quyền lợi của ai? Hơn nữa, việc thi hành và bảo vệ luật pháp do ai phụ trách? Một chính quyền không phải do dân cử ra trong sinh hoạt tranh cử tự do, một bộ máy cảnh sát công an lấy lòng trung với đảng làm tiêu chuẩn và quen nhìn đâu cũng thấy "kẻ thù của nhân dân" thì khó bảo đảm việc thi hành luật pháp công minh.

Trong Luận Ngữ có câu "Kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng," nghĩa là nếu bản chất người cầm quyền không chính đáng thì tuy có (luật) lệnh, dân cũng chẳng theo. Một người chạy xích lô ở Hà Nội tuyên bố với phóng viên Reuter: "Chả ăn nhằm gì đến tôi!" Một bác lái xe chuyên nghiệp nói: "Rồi hai ba ngày đâu lại vào đó!" Chính một viên cảnh sát cũng không chắc "chiến dịch" này thành công. Đó thật là những tin đáng.

DÂN CHỦ VÀ HÒA BÌNH

Nhiều người tin rằng các nước theo chế độ dân chủ thường không gây chiến với nhau. Chắc chúng ta không nên vội vàng coi đó là một quy luật, thiếu tinh thần khoa học. Mặc dù người ta có thể nêu các thí dụ trong lịch sử hai thế kỷ vừa qua để "chứng tỏ" rằng các cuộc chiến tranh đều thuộc ba trường hợp: hoặc hai nước không dân chủ đánh nhau, hoặc một nước độc tài tấn công một nước dân chủ, hoặc ngược lại. Vài trăm năm trong lịch sử cũng không đủ tổng quát hóa những kinh nghiệm thành quy luật.

Nhưng chúng ta có thể suy đoán rằng thường hai nước dân chủ thật sự thì khó gây chiến với nhau, không phải vì nguyên do lý tưởng nào hết, nhưng vì các lý do thực tế. Chiến tranh gây chết chóc, mà đa số kẻ chết là các liệt sĩ thường dân nhiều hơn là các ông lãnh đạo và các quý công tử tiểu thư con nhà gia thế. Chiến tranh gây đổ nát. Các vị lãnh đạo có mất mát thì vẫn còn có

của chìm của nổi, chứ anh chị em đồng bào mất là mất hết cơ nghiệp. Cho nên nếu người dân thường được phép lựa chọn chính phủ và chọn chính sách quốc gia thì họ sẽ hết sức tránh chiến tranh.

Lý do thực tế thứ hai thuần kinh tế. Nếu vì quyền lợi kinh tế mà hai nước có tranh chấp với nhau thì chuyện dùng chiến tranh giải quyết tranh chấp là cách lựa chọn tốn kém hơn cả. Dùng các cách khác bớt tốn kém hơn nhiều. Cho nên nếu dân chúng được lựa chọn tự do thì thường họ sẽ chọn các phương thức rẻ tiền đỡ tốn.

Ở các nước dân chủ người ta lại dễ chọn giải pháp hòa bình hơn các chế độ độc tài vì không phải chỉ một nhóm người quyết định chuyện chiến hay hòa. Thủ tục để tiến tới quyết định chiến tranh ở nước dân chủ rất phức tạp. Hành pháp phải hỏi ý kiến lập pháp, rồi các đại biểu dân phải nghe ngóng coi dân chúng có muốn hy sinh đời sống bình thường của họ để nhẩy vào một cuộc phiêu lưu đẫm máu hay không. Có khi hỏi được ý kiến của dân xong thì nguyên nhân của chiến tranh đã biến mất rồi.

Như vậy chúng ta có thể suy đoán rằng khi các nước trên thế giới đều thiết lập các chế độ dân chủ tới mức độ trưởng thành thì chiến tranh giữa các nước là chuyện dễ tránh hơn. Phải nhấn mạnh tới chữ "trưởng thành." Nếu dân chúng chưa đủ trưởng thành trong sinh hoạt dân chủ thì họ dễ bị các nhà chính trị mị dân lừa dối, mà các vị này thường cần gây chiến để củng cố địa vị của họ. Dấu hiệu của sự trưởng thành về dân chủ là mức độ tham gia của người dân vào các sinh hoạt chung, trong đó có nền báo chí tự do và cởi mở. Nếu báo chí không tự do thì nhà nước tha hồ tuyên truyền ảnh hưởng đến dư luận.

Hiện nay Việt Nam đang được sống hòa bình, nhưng liệu nền hòa bình đó lâu dài hay không? Cứ như tin tức hiện có thì cũng hy vọng còn lâu dài. Nếu có một cuộc chiến tranh trong tương lai thì chắc chỉ là những xung đột với các nước Á Đông khác. Mà các nước Đông Nam Á chắc không nước nào nuôi tham vọng gây chiến với Việt Nam. Nhưng vài chục năm nữa, một nước Việt Nam đã đủ mạnh về kinh tế và quân sự có thể bắt đầu tìm cách ảnh hưởng, gây hấn với các nước láng giềng, như Lào, Cam pu chia, có khi chỉ để các nhà quân phiệt tăng thêm thế lực trong nước. Chuyện đó vẫn có khả năng xẩy ra nếu chế độ chính trị ở nước ta và hai nước láng giềng vẫn chưa thực sự dân chủ.

Một khả năng thứ hai là Việt Nam bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh do Trung Cộng phát khởi, nếu nước đàn anh này vẫn nằm dưới một chế độ độc tài đảng trị và các nhà độc tài cũng có nhu cầu hô toàn dân chiến đấu để họ dễ cai trị. Những hành động gần đây của Trung cộng không làm cho chúng ta an tâm. Họ đã thử thêm bom hạch tâm hai lần trong ba tháng mặc kệ các lời than phiền của thế giới. Họ bán hỏa tiễn có tầm xa cho Hồi Quốc và Iran, những nước chưa có truyền thống dân chủ. Họ bắn thử hỏa tiễn qua eo biển Đài Loan ngay sau khi tổng thống Đài Loan sang chơi nước Mỹ, và trong khi Mỹ tuyên bố thiết lập bang giao với chính phủ Hà Nội. Rồi họ lại bắn thử hỏa tiễn lần thứ hai, và thao diễn hải quân ngoài khơi Đài Loan, làm ngăn cản việc lưu thông trên vùng biển mà tầu buôn bán quốc tế qua lại như mắc cửi. Trong khi đó người Trung Hoa đang lo năm nay có hai tháng tám nhuận — vốn vẫn là điểm gở. Năm xẩy ra vụ Thiên An Môn cũng là năm nhuận. Rồi vụ Trung Cộng thiết lập các căn cứ quân sự trên một số đảo ở Trường Sa, khiêu khích Việt Nam và Phi Luật Tân.

Việc Trung quốc dương oai diễu võ ở eo biển Đài Loan có thể chỉ để đe dọa. Họ muốn nhắn Quốc Dân Đảng Trung Hoa đừng giữ ông Lý Đằng Huy ở chức tổng thống nữa. Họ nhắn dân hòn đảo này sang năm đừng bầu cho đảng Dân Tiến, một đảng có khuynh hướng muốn tuyên bố Đài Loan là một quốc gia, không còn là một tỉnh của Trung Quốc như lập trường của Quốc Dân Đảng. Như vậy nghĩa là đảng Trung Cộng chỉ vận động cho Quốc Dân Đảng ở Đài Loan mà vẫn chống Lý Đằng Huy — bằng hỏa tiễn. Nhưng liệu các quốc gia trong vùng có thể ngủ yên trên giả thuyết đó hay không?

Dù viễn ảnh một cuộc chiến giữa Việt Nam với Trung Quốc rất xa vời nhưng nếu chế độ ở Trung Quốc vẫn còn là cộng sản độc tài thì không ai tiên đoán được chắc chắn là hòa bình sẽ kéo dài được bao lâu. Một chính quyền đàn áp chính dân chúng của xứ họ, không tôn trọng những quyền cơ bản làm người của dân họ, thì khó có thể tin được là họ sẽ tử tế với các nước lân bang. Bất cứ một chính phủ Việt Nam khôn ngoan nào cũng nên hòa hiếu với Trung Quốc. Tự biến nước mình thành căn cứ của Liên Xô hay Hoa Kỳ để khiêu khích Bắc Kinh đều dại cả. Nhưng nếu hai nước Trung Quốc và Việt Nam cùng sống dưới chế độ dân chủ thì người ta có thể tin rằng xác suất để xẩy ra một cuộc chiến tranh sẽ nhỏ đi nhiều.

Như vậy thì việc tranh đấu cho dân chủ, tự do, cho quyền làm người của dân chúng hai nước Trung Quốc và Việt Nam chính là một cuộc tranh đấu cho hòa bình và sự ổn định ở vùng Đông Nam Á. Khi người cầm quyền ở đó được nắm quyền hay không là tùy vào sự lựa chọn và kiểm soát của dân, thì ý định gây chiến sẽ khó thực hiện hơn. Khi thế giới buôn bán tự do, trao đổi bình đẳng và người dân có hiểu biết thì không có dân chúng nước nào lại muốn gây chiến tranh.

THÁCH THỨC CÁC GIÁ TRỊ LOÀI NGƯỜI

Chưa đầy một tuần sau khi ngoại trưởng Mỹ Christopher thăm Hà Nội, nhà cầm quyền ở Việt Nam đã đưa chín thành viên Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ ra tòa. Ông Nguyễn Đình Huy bị án 15 năm. Bốn ngày sau, họ kêu án hòa thượng Quảng Độ năm năm tù, cùng ba vị thượng tọa khác và hai Phật tử.

Hòa thượng Quảng Độ và ba nhà sư khác đã bị kết tội sinh hoạt tôn giáo "bất hợp pháp," một tội danh không thấy nước nào nêu lên kể từ thời Trung Cổ ở Âu Châu. Quý vị tăng sĩ còn bị tố cáo "làm việc xã hội bất hợp pháp," và "làm thiệt hại quyền lợi của nhà nước và các tổ chức xã hội." Không biết khi quý vị trên đi cứu giúp đồng bào thì nhà nước thiệt hại cái gì ngoài quyền chuyến chế, toàn trị. Tất cả 15 người trí thức, Phật tử và tăng sĩ đều bị truy tố về tội chống chính phủ vì họ muốn góp ý kiến vào việc xây dựng tương lai đất nước.

Sau hai phiên tòa trên, CSVN sẽ còn đưa Hòa thượng Huyền Quang và Thượng tọa Long Trí ra tòa vì các sinh hoạt của quý vị nhân danh Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Thượng tọa Long Trí cũng bị bắt khi cùng các vị trong vụ án trên mang phẩm vật đi cứu giúp đồng bào bị lụt ở đồng bằng sông Cửu Long. Vụ lụt đó, năm 1994 làm 400 người thiệt mạng và tổn thất 300 triệu USD. Việc các hội đoàn tôn giáo, nghề nghiệp, thanh niên tổ chức đi cứu trợ, ở miền Nam Việt Nam xưa kia vẫn là hiện tượng tự phát và được người dân cũng như chính quyền ủng hộ.

Những "tòa án nhân dân" trên rõ ràng là để đe dọa mọi người Việt Nam đang vận động xây dựng dân chủ cho đất nước và thách thức cả cộng đồng nhân loại. Chính phủ Mỹ chỉ can thiệp vụ hai người Việt quốc tịch Mỹ bị bắt, nhưng các tổ chức quốc tế tranh đấu cho quyền làm người, các đại diện dân cử khắp thế giới đã lên án chế độ cộng sản.

Cuộc đấu tranh hiện nay ở Việt Nam là giữa nhân dân cần tự do dân chủ và chính quyền độc tài của đảng cộng sản. Dân ta cần tự do dân chủ là để phát triển kinh tế một cách hữu hiệu hơn và sống cho xứng đáng phẩm giá con người. Vấn đề không phải chỉ là nhân quyền, thực ra đây là vấn đề nhân phẩm nữa.

Những người như các ông Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái,... các Hòa thượng Thích Quảng Độ, Huyền Quang thật sự đã làm gì?

Các ông Nguyễn Đình Huy và Phạm Thái trước đây hơn hai năm muốn tổ chức một cuộc hội thảo ở Sài gòn bàn về tình trạng đất nước và các đường lối xây dựng tương lai. Hội họp để thảo luận là một hành động rất hòa bình. Họ không đòi xóa bỏ chính phủ, cũng không nói đảng cộng sản phải từ bỏ chủ nghĩa của họ hay tự giải tán. Tất cả việc họ làm là thể hiện quyền tự do phát biểu ý kiến một cách ôn hòa và xây dựng. CSVN đã phủ nhận quyền tự do phát biểu đó vì muốn giữ độc quyền cai trị nước Việt Nam.

Về các Hòa thượng Quảng Độ, Huyền Quang, điều mà quý vị yêu cầu cũng chỉ là việc hành sử quyền công dân tự do hội họp và hành trì hạnh bố thí trong Phật giáo. Họ chỉ làm một điều giản dị là tiếp tục các sinh hoạt bình thường của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một tổ chức đã sinh hoạt hợp pháp tại Việt Nam hơn mười năm trước khi cộng sản chiếm miền Nam. Đó là chưa kể những giáo hội tăng già và hội Phật học sáng lập nên Giáo Hội PGVN Thống Nhất đã từng hoạt động từ các thập niên 1930, 1950 ở khắp ba miền Trung Nam Bắc. Ngay thực dân Pháp cũng còn tôn trọng quyền tự do sinh hoạt tôn giáo, xã hội của các tổ chức đó. Cộng sản đã từ chối quyền sinh hoạt của GHPGVNTN vì họ muốn kiểm soát và kiềm chế tất cả các tổ chức, dù là tôn giáo, văn hóa hay xã hội bằng Mặt Trận Tổ Quốc mà đảng chỉ huy.

Việc đưa các vị trên ra tòa là một thách thức đối với nhân dân Việt Nam. Các quyền tự do phát biểu và tự do hội họp để sinh hoạt tôn giáo không phải chỉ là các quyền chính trị, mà còn là những điều kiện tối thiểu để sống xứng đáng làm người. Con người ở thế kỷ 20 không thể coi là có đủ nhân phẩm nếu hai quyền tự do tối thiểu trên không được tôn trọng. Nhân loại văn minh đã thực hiện các quyền tự do trên gần khắp địa cầu. Chỉ những dân tộc còn chậm tiến lắm mới chưa biết đến.

Hành động trên làm nhục nhã cho dân ta. Vì khi người dân đi làm việc thiện, cứu giúp lẫn nhau trong cơn hoạn nạn mà cũng bị bắt bớ, tù đầy, đến lúc ra tòa thì không có quyền nói, luật sư muốn bào chữa cũng bị từ chối. Không có người dân một nước văn minh nào phải sống như vậy!■

Chưa có tin thêm

Với tính cách một ký giả, Karl Marx không trình bầy sự kiện một cách chính xác lắm. Ngày 25 tháng Sáu năm 1855 một cuộc biểu tình của công nhân ở Hyde Park, London bị cảnh sát dẹp. Hôm sau Marx gửi cho tờ Neue Oder Zeitung bản tin: " Hôm qua, cuộc cách mạng ở nước Anh đã bắt đầu bùng nổ!". Mãi tới bây giờ, năm 1995, vẫn chưa có tin gì thêm về cuộc cách mạng đó.

"NOW AT PEACE, WHY ARE WE APART?"

PHAN TAI PHU

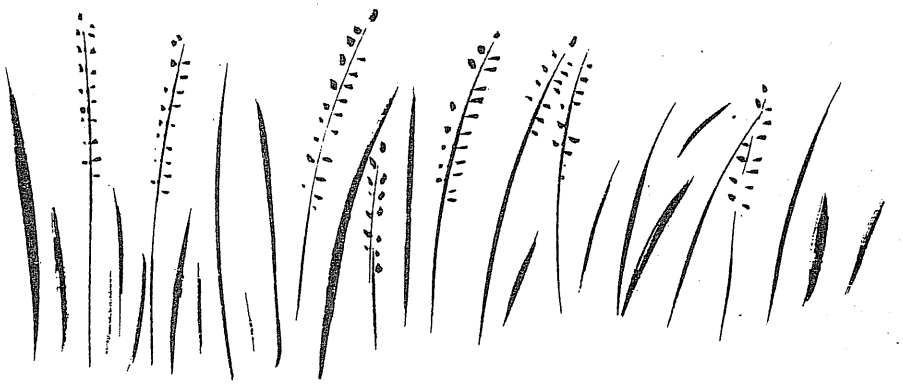

I am in Cam Ranh, at Nham's parents. It's raining and I sit on the front steps dreaming with the rain. Someone has said that in Vietnam the rain is unpredictable. It comes with no harbinger and goes leaving people hanging. Suddenly I hear the dogs bark, I come out to see my sister Gai and her fiancă Dung all wet coming in. They tell me that Hue came to my mother's house to look for us, that I should go back to Nha Trang because she can't come to Cam Ranh. Nham, my wife, tells me to go ahead and she will leave for Nha Trang tomorrow. I quickly run to get dressed to go. I know that Hue doesn't have much time and she really wanted us to be together in Vietnam. It has been one of our dreams.

Since she came with Dung on the borrowed moped, Gai caught the last chicken bus to Nha Trang so I could ride with Dung. Dung drives like there is no tomorrow. I think he knows that it's important for me to see Hue. When I get to the house, night has fallen and Hue isn't there. She left word that she would be back at seven. I sit there, smoking half a pack of cigarettes waiting for her. She finally shows up with her friends Sarah and Thuy. Everyone knows that they are in the house because of the noise we make, celebrating our reunion. Thuy is Hue's childhood friend. She lives in Vung Tau. Sarah is Hue's Filipino house mate at the refugee camp in the Philippines, where we all worked. Hue looks rugged, experienced and there is sarcasm in her voice. Not like the innocent Hue I remember. It pains me to hear her talk.

"Phu, I love this land and I hate this land. I came here last night arriving after eight hours in the chicken bus. You know who was next to me? A woman with a young boy. The boy was thirsty and hungry but the mother didn't pay any attention. He was crying the whole time which irritated me. I wanted to turn around and say something to the mother but I didn't. There were also men around me and they weren't the most gallant men of this country. They kept pushing their legs into mine just so they could have a comfortable seat. You know how uncomfortable I get with physical contact, especially with strangers. I remember a different Vietnam, Phu. The boy bothered me so I finally gave the mother something to feed him. And then the mother started talking to me. I really didn't want to talk to her but when she told me that she was being repatriated from a refugee camp in Thailand, I totally froze. To have been working with Vietnamese in a refugee camp and now see this first hand! She just got off the plane yesterday and is going to Tuy Hoa with fifty dollars in her pocket, the money the United Nations High

Commission on Refugees had given her. She had never been to Tuy Hoa and didn't know where she was going when she got there, although she had an address of a relative. She was hysterical and yet her voice got softer and softer. I couldn't do anything. I just sat there, silent. I really felt that I was in a foreign land. Totally helpless. I knew she was suffering. Yet she couldn't cry. I wish she could have. No homecoming festivities for her! She was left on that bus with her fate decided for her. I don't remember ever feeling worse."

Hue picks up that glass of boiled water, drinks it and continues,

"We finally got to Nha Trang at 2:00 a.m. and the bus continued on to Tuy Hoa. Sarah, Thuy and I quickly found a hotel where we could stay so we went to Vien Dong Hotel. It was a nice hotel but I couldn't sleep. I couldn't get the woman and her child out of my head. You know, I fell this country no longer belongs to me. And me, not to it. Oh, how I want to belong."

Sitting there listening to her, I feel numb. There has been too much pain. Too much emptiness. She had said it all. She is like a mirror into my emotions and I wonder if I will be able to forget what she had told me.

We get ready to go to her hotel for dinner. My friend Peter and I ride our bikes and they flag a cyclo. It is drizzling so the cyclo is covered with plastic. A common scene in Vietnam. The driver and the passengers are sitting on a piece of ancient transportation, all manually operated. I know Hue feels bad for sitting there with the skinny peddler at the wheel. He is exposed to the rain and at small hills, he can't get the cyclo to advance so he gets down and pushes. The road is slippery and the cyclo waddles like a turtle. But that's how they make money. Just pay him well. Be good to him, Hue tells me. *Be good to the country,* I think.

We arrive at the Vien Dong Hotel. The guard meets us at the gate and tells us to go through the back entrance. He becomes apologetic when he finds out that Hue and her friends are guests of the hotel. In his apologies, he gives us the reason. Apparently, none of us look like *Viet-kieu* (overseas Vietnamese), a fact that I become accustom to throughout the whole trip. I smile sadly when Hue looks at me in disgust with the guard's attitudes. She is unable to see the rationale behind this discrimination. That Vietnamese who stayed back are a little less human, a little less deserving. You have to show off in Vietnam or people don't take you seriously. *Tram loi noi khong bang khoi honda!* The exhaust fume of a Honda Cub (moped) is worth a thousand words!

The hotel is one of the best in Nha Trang. It is very nice indeed. All the facilities are there. Hot shower, toilet, swimming pool. It is stately, modeled after Russian architecture. It sits there, looking out the sea. A familiar sight. But the sea, the view does not belong to Vietnamese anymore. It is for foreigners—and Viet kieus—to see for four dollars a night.

The restaurant is full of foreigners and Viet kieus. The foreigners are mostly Europeans and Americans. A few are speaking English, reminiscing of the days when the beach of Nha Trang was full of bars and girls in bikinis. Of the time when they were eating octopus and crabs on the beach, looking at cute, exotic, little Vietnamese girls in their swimwear. An old guy in a Jean cut-offs and a dirty T-shirt with a *Cambodia* caption is saying how Vietnam is returning to that because of the need of hard currency. At this, his friends join him in a chorus of laughter, some were making snide remarks about the hostess and the waitresses in their transparent *ao dais (long dresses).* On the 21-inch TV is a taping of a *National Geographic* segment. It seems as though the hotel managers do not want their guests to have the pleasure of enjoying their dinners, for the show is an episode of the "wild life" where the chain of animals keep tearing each other for meat. It is rude but rather funny to see it in "the best" restaurant in Nha Trang. It is strange to see the show in Vietnam.

Dinner is expensive for nothing special. We leave for the beach. Night has fallen and in the distant sea, florescent lights the fishermen use to attract fish light up in the horizon like a fair. Along the beach, the government has cordoned off all the best sections for foreign tourists. In front of the Pasteur Institute and the Hai Yen (Seagull) Hotel is the *Hai Yen Giai Khat*—Hai Yen Food & Drinks. Old rusty chairs made out of iron bars fixed to the cement tables the Koreans had built during the war. I can remember some tables where my friends and I have made marks on. As we passed one table, I see the marks are still there bearing the *Xom Con* Soccer Team with all its members. Among all the *Teos* in our village, I find *Teo Sand*—my nick name—and Teo Pho, another team member who'd escaped with me, with xs' over them. Undoubtedly, someone from the team has crossed out our names because long after our escape, they hadn't heard from us as promised. Back then, every day after soccer games, the whole team would sit and dream of leaving this place. That anyone who got out would send money back so the team could buy jerseys, balls, and shoes so that we could compete with *tui mien bac* (children of the northern cadres, the new ruling elite). They must have been disappointed in us.

Teo Pho died in Los Angeles in a gang fight and I was in Blue Earth, Minnesota trying to catch up lost years of schooling. They probably are still disappointed, for my return has no meaning for them. No dream. No ambition. Greedy self-discovery. Stupid sentimentality.

An ocean breeze brings in a hint of salt. In the wind, I hear a melody. I sing, *ngay mai em di, bien nho ten em goi ve. Goi bo lieu ru le the, goi bo cat trang dem khuya... When tomorrow comes and you will say good-bye, the sea will call out your name, wanting you to come back.* My voice cracks. Hue looks at me, silent. Peter picks up the phrase and finishes the song, humming.

We sit at the Hai Yen outdoor kiosque. It is dark and the fun has just begun. On Tran Phu Boulevard, the more fashionable cruise up and down the streets on their Honda Cubs and Super Cubs. Everyone wears their clothes with dignity. Everything is carefully and nicely pressed. Pierre Cardin, Bill Blass, Victoria Principle, Anne & Calvin Klein and their cheap imitations bring color to the dark street. The air is even invaded by a scent of Elizabeth Taylor perfume. In the ocean air and tropic humidity, the perfume emits a rude smell. The noise of the motors and youthful hoopla give the street a queer sense of happiness. Here and there, I see two, three *cong ans* (public security, police) and street patrols. Everyone slows down or steers away to avoid them when they approach. The cong ans stand in the dark, hiding but everyone seems to know where they are. Occasionally, a youth gets written up for "up-dating" the horse power of his Cub. A crowd forms quickly and disperses as quickly when the ticket is "paid" with some "coffee" money. Off he goes again, yelling out the *du ma* profanity but only loud enough for other youths to hear.

Like foreigners, we sit there looking at the action. No one in the kiosque seems to mind us except the waitress who is rude and does not seem to enjoy her work. Thuy is explaining the Vietnam mentality. The *yeu cuong song voi* mentality that sounds incredibly like the Sartrean existentialism of the seventies. The dependent mentality, the unemployment, the despair. The take-life-once-a-day attitude. Sarah keeps nodding, agreeing with everything that is said, she knows. The Philippines is the same.

The coffee is a bit too watery. Coffee is never good near the beach. After watching the young Sartrean existentialist enjoying their moments, we decide to take a walk along the beach. Everyone is going barefoot, with slippers in their hands. The sand under my feet is massaging every nerve. It feels good but the Chinese Sphinx bicycle I drag along makes me feel tired. I had wanted to leave it at the kiosque but a vendor nearby told me that it might be stolen. With it beside me, I become self-conscious. The people here would not drag their bike on the beach. My only consolation is that it's dark and people do not see me.

Using my knowledge of the sea, I show them the phosphoresce inherent in the sea water at night when it is stirred. In the water, crystals light up in the dark summer night like short-lived fireflies. *Kiep song phu du.* Everyone pursuing a different thought. Along the beach, lovers are sitting in solitude, faceless, silently listening to the ocean waves. Most are sitting next to each other, facing the sea but some couples are bolder, embracing each other tightly, gasping for breath. The do not stop as we pass by. Hue and Sarah are embarrassed and shocked. The ascribe to the traditional notion that Asian women do not display their physical intimacy in public. Do Vietnamese do this? Hue asks. *Yes! No! Yes!*

We come to *Lau Ong Tu,* the old French fortress and administration building, the border between the *nha ques* (rural hicks) and the city *intelligentsia.* The play site of my youth. Here I used to gather bullets buried deep under the sand and make them into firecrackers. Also here is where I gathered sea weed home for my mother to make into soup. The fortress French built was a mystery to us because we had never been inside. The granite foundation they build to prevent the invasion of the sea is formidable. The village is now engulfed by the sea but the fortress still stands untouchable. An amazing feat! The French left such niceties: a fortress, an institute for rabies, a group of deformed old men with ancient memories which keep them silent until eternity.

Lau Ong Tu is a guest house run by the Interior Ministry. The little fishing village sees all kinds of foreigners now. The flock in and out, oblivious to the poverty around them. Peter stays here. He leaves the group to go back to his room. He does not want to raise suspicion because they had warned him not to be out too late. Hue, Sarah, Thuy and I walk the rest of Pasteur Street with all of its charms exposed under the half-moon. The post office, my soccer playground, the park. All shrunken in time. Under the amber, yellow lights and the eerie moon, the park is deserted except for a prostitute stands, hinding in the bush. She looks at us with curiosity but says nothing. Behind her, I see her shadow still, stooped, ghost-like, a walking corpse.

We continue on although I am physically shaken by the apparition. I show Hue and friends the rest of my walk to school. The tamarind tree we used to climb up and gather the fruits for the girls. The tennis court where my friend *Mi,* who is now the most notorious criminal in the province, worked and earned his first honest *piastres* and with which he bought a big *banh mi* (submarine sandwich) to share with me. My elementary school, the *Nam* (Boys') Academy, where I spent days I thought would never end. Further down is my junior high school, where I only finished half a year before I had to stop to become a fisherman. The tree I used to climb to hide from the girls because of my shyness. The classroom where I first received a letter from a big sister in the 12th grade when that "Big Brother-Big Sister" fad was going around the country. I wonder where she is now... *Chi (older sister)* Lan... Oh, how I wish to see her although I do not remember what she looks like. She is probably married, has five kids and is old like my mother, with her breasts sagging because of constant breast-feeding. She will not remember me because we only met once in that six months. Suddenly the face of the woman down the street comes back. I shiver when I think she looks familiar.

Hue, Thuy and Sarah seem impressed with this section of Nha Trang, the only section I really know. Under the tamarind and terminalia trees, the streets are small, intimate with the people who use them. They were made for strollers and scholars, who needed the quietness and pleasant surroundings to think. The cobble stones have been covered with moss and wild grass have grown unevenly. It doesn't matter. The streets have a deserted feeling and that's fine with me because selfishly, I still want them to be mine. I am already planning my next trip to Vietnam. My heart sinks. *Chua di da nho,* I am standing here, yet already missing it.

"Our country is so beautiful, Phu," Hue murmurs. I remain silent because I think she meant to say it to herself, a way of reaffirming herself the country is indeed beautiful and the people are the same as when she left. The Thuys, the Hungs and the Yens haven't changed. Just older. Wishes of a longing heart. In the stillness of the night, we seem to have the whole ocean side to ourselves. There is no rush for words. No need to impress ourselves with foreigner ideas. Right now, the ocean and the trees are indeed listening and calling us back. Thuy sings a finale from that famous song, *ngay mai em di, hon le nghieng vai goi buon, nua bong xuan qua ngap ngung. Nghe ngoai bien dong buon hon... And when you go, sadness invites the lonely soul and the sea will echo its soft sorrow.*

On the pavement, our steps echo an ancient sound. Under the moon and the flickering street lights our shadows flash impermanently, the leaves cover and uncover our movements. The shadows I see are the same shadows fifteen years ago walking with friends when looking for fighting crickets. Our steps now seem more hesitant, less sure of where they would lead us. We no longer belong to the cobble stones. As we walk next to my junior high school, I imagine opening the door to my old school and being greeted not by the old, gentle school janitor but a young, uniformed vanguard youth inquiring in a heavy accent "What are you doing here at this time of the night?" In the old gardens and verandahs surrounding the school, mother's lullabies are no longer heard. Only occasional music blasting from the nearby Hai Yen Hotel singing imitations of *Who Stopped the Rain?* and *Hotel California.* Even the music is longing to be elsewhere. We are lonely indeed.

Our idle walk takes us back to Vien Dong Hotel. The gate is closed. The guard eventually comes out to open the door and he does not try to cover his disgust for us. He probably cannot even imagine what we have been doing. It doesn't matter. Hue wants to see more of Nha Trang and there is so much more that I want her to see. But Thuy and Sarah seem tired and I say good bye. I head back, more frustrated than ever because I know I have not done justice to these streets. We dreamed that we would walk in the streets of *que huong* (motherland) but our dream is short-lived. Tomorrow, she will leave. No one can tell when we can be back.

I hop on the bike, riding back to the blouse. On that short ride, I have never felt lonelier. It is as though I have suddenly lost everything I love. My streets. My house. My family. My friends. My dreams. Is it the deserted streets? Is it the amber lights? Is it the old side-walk vendor lighting his fast-burning cigarette? Or have I actually

just realized my dream? I have no answer. In the horizon, the moon disappears and the gulf under the Ha Ra bridge reflects an exaggerated shadow of a small man riding a giant bike. The reflection belongs there. I do not.

Midnight. There is not a soul on the streets. Devastated at my own reflection, I suddenly become afraid. A fear of nothingness. I look around and there is something about the street that gives me goose bumps. I had wanted to take a leisurely ride but my senses tell me to go back as fast as I can. I ride fast over the Thap Ba bridge. It is pitch dark now as the moon is overshadowed by the *Thap Ba* (The Cham Temple) Ruins. Turning into the narrow path that leads to my house, I feel a cold breeze sweeping my back. The thick line of trees covers the path from the light. Reaching for the flashlight, I remember that I had given it to Hue. The path is bumpy and the narrow sewer is new. This is where they found that corpse yesterday. *This used to be a cemetery!* I hold on tight to the handle and close my eyes. Finally, I reach the house. My brother is sleeping in front. Someone had left the door open. I go in quickly, relieved.

Inside, my sister is sleeping next to my father's alter, her hands on her chest. I gaze at her innocent look, then at my father's sketched portrait. I do not remember his face clearly, only my sister's. That peacefulness in her face, instead of calming me, stirs me violently. I go into the bedroom and get ready for bed. Suddenly, I see and old notebook in the corner of the room, I pick it up. It's my sister's collection of poems and songs. Next to these poems are her pictures pasted to the yellow, recycled paper. I look at the pictures. Her written captions under these pictures read "at 10", "11", 12, 13, 14 years old. No more pictures. Her innocent face and love poems disappear but the images are like swords that cut the passing of these years. It brings me back to imagine her during the days of my absence. One of the lyrics read,

Toi xin lam mua bay trong vuon em mua ha.
Toi xin lam chut gio mat tren nhung duong di. I want to be the rain, showering your summer garden
I want to be the breeze cooling your path to school...

Suddenly, tears flood my eyes. Is it the poem or her innocent pictures and misspelled words? She must have copied these when she was very young. A time when she still had hope. I light a cigarette and tears keep pouring out. Her wishes and her aspirations. What a surprise it is for me to find this collection. No one knew that she was capable of these dreams. Passive and content and with little education, I didn't know that she felt this. I look at her sleeping and want to talk to her. Instead, I just sit there silent for a long time.

That night, I cannot sleep. I lay there, helplessness evade my emotions, my whole being. Around me, nine souls are sleeping. I think of the time I brought left-over rice home from the boats that came back to shore from days at sea, the time I shared pieces of fish that I earned. She was so young yet she remembers it all. She remembers things I have forgotten. From the depth of my being, I reach to find nothing. Next to me, my sister does not make a sound in the solitude of the night.

Suddenly, I hear a voice signing softly,

Ngay xua khi chien tranh ta duoc gan nhau. Nay hoa binh sao ta lai xa nhau? Yesterday, at war yet we were together. Now at peace, why are we apart?

Once again, I cannot answer. The question follows me to bed. It has never left me.■

CHIA BUỒN

Được tin nhạc sĩ

DƯƠNG THIỆU TƯỚC

đã qua đời tại Việt Nam
ngày 1 tháng Tám 1995

Tạp chí Thế Kỷ 21
và Đài VNCR
xin chân thành chia buồn
cùng chị Quỳnh Giao và gia đình
và cầu chúc hương hồn nhạc sĩ
sớm siêu thoát.

WESTERN INFLUENCE ON MODERN VIETNAMESE LITERATURE

NGUYEN NGOC TUAN

(continued)

In the realm of fiction, the situation was the same. The Tự Lực Group's works were first influenced by Lamartine, Chateaubriand and later, André Gide, Anatole France and Marcel Proust. Writers who were later labelled realists such as Nguyễn Công Hoan (1903-77) and Vũ Trọng Phụng (1911- 39) were influenced by Balzac, Stendhal, Zola... (29). Tô Hoài (born 1920) was influenced by Maupassant, Daudet and Maeterlink. As Tô Hoài himself admitted, his *Dế mèn phiêu lưu ký*, published in 1941, was influenced by *Don Quixote, Gulliver's Travels* and *Les Adventures de Télémaque* that he had read in translations in the "Âu Tây tư tưởng" series, edited and published by Nguyễn Văn Vĩnh (30).

Generally speaking, in the literary period between 1932 and 1945, Baudelaire and Gide were the two most admired French figures. It may be said that most Vietnamese poets were to some extent, in Hoài Thanh's words, "obsessed by Baudelaire" (31), whereas most writers were more or less influenced by André Gide, mainly through his *acte gratuit* (free act) concept, his quest for happiness and for liberation from the dead weight of his upbringing and heredity, and his taste for spiritual restlessness for its own sake. Gide's stamp was more or less visible in the works of Nhất Linh (1905-63), Khái Hưng (1896-47) and Nguyễn Tuân (1910-87).

The process of Westernization of literature had great significance. Firstly, it helped Vietnamese literature blossom and led to changes in all aspects, from language to genre, and from aesthetic thought to artistic style. Secondly, it contributed to speeding up the process of integration of Vietnamese literature into world literature. According to a number of critics, in barely 15 years — between 1932 and 1945 — Vietnamese poets and writers reflected most of the literary tendencies which had come into being and developed in France during the 19th century: romanticism, Parnasianism and symbolism in poetry, and romanticism, realism as well as naturalism in prose (32).

However, even in its heyday, Western influence on the literature of Vietnam, compared with other Asian countries, was very limited. Indeed, while at the turn of the century, Chinese poets and writers could fully appreciate modern trends in the literature of France, Germany, England, America, Russia, Poland, Greece and Japan (33), Vietnamese literati, up to the 1930s, bar the Chinese classics, knew only French literature. Non-Chinese and non-French authors whose works were translated into Vietnamese or even read in Vietnam were very few: Shakespeare, Tolstoy, Swift, Stevenson and Walter Scott. Moreover, the vast majority of Vietnamese poets and writers had only limited knowledge of French literature through the education system, mainly in high schools, where curricula centred on classical literature. French books and literary journals were rarely imported and people generally could not afford them. In these circumstances, it is not surprising that Vietnamese writers' knowledge about French or world literature in general was limited and not updated. While their Chinese colleagues understood profoundly American and British imagism, German impressionism, French dadaism and many other avant-garde movements (33), Phạm Quỳnh, who was regarded as the most erudite scholar of the 1920s, seemed to be only well acquainted with French 17th-century literature. In his 50-page treatise on French literary history, the second half of the 19th century was presented in just one sentence: "Following realism, there were many other schools such as symbolism, Parnassianism etc... in which flags were many but good generals (*tướng giỏi*) were very few" (34).

In the following decades, Vietnamese writers' knowledge of French literature was becoming more up-to-date partly because the number of students being educated in France increased greatly, and partly because in the Popular Front period, the cultural closed-door policy of the colonial authorities was becoming less strict. Anyhow, Đặng Thai Mai (1902-84), who was largely regarded as a highly qualified expert in modern Chinese literature and who first translated Lu Xun into Vietnamese, only heard of Lu after Lu's death in 1936 and read his works three years later (35). Nearly a century after its blos-

soming in France, realism and romanticism appeared in Vietnam; nearly half a century after its birth, symbolism was only weakly nascent in the works of a few Vietnamese poets, including Bích Khê, Xuân Sanh (born 1920), Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử and Chế Lan Viên (1920-89).

The artists and writers' late and limited exposure to Western literature resulted in the unsettled nature of Vietnamese literature even at its acme. Creative writings developed rapidly whereas literary thought still marked time. Until the end of the 1930s, no work of literary theory had been published. In the first three decades of this century, most writers pursued their creative careers while undervaluing literature. For Nguyễn Bá Học (1857-1921), "only novels, reports, essays and public speeches are useful literature while poetry and folk song are not worth a cent in spite of their beautiful forms" (36). Echoing him, Phạm Quỳnh considered that apart from essays and public speeches, all literary genres, from fiction to poetry and drama, were "recreational literature" (*văn chương chơi*), useless for disseminating knowledge (37). Such attitudes were indeed understandable, however.

Since the beginning of the 20th century, along with the discovery that underdevelopment would lead to loss of national independence, Vietnamese literati understood that the cause of that underdevelopment lay in the cult of the "empty" belletrism (*hư văn*) which had remained in vogue in literary circles for a thousand years: instead of studying sciences in order to advance technology, develop the economy and enrich the country, all of the most intelligent young people were completely wrapped up in the learning of Chinese classics and then engrossed in writing poems. When the country faced the threat of foreign aggression, everyone did not know what to do and finally resigned themselves to servitude. This is one reason why the modernisation campaign was carried out simultaneously with the campaign against belletrism.

Phan Châu Trinh began to win nation-wide fame with his poem *Chí thành thông thánh* in which there is a doleful couplet: *Vạn dân nô lệ cường quyền hạ/Bát cổ văn chương túy mộng trung* (While tens of thousands of our countrymen are exploited by cruel powers, intellectuals

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

Tập thơ thứ nhì của

TRẦN HỒNG CHÂU

- Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
- Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ

Nguyên Khai

160 trang - Giá $10

Nhà Xuất Bản Thế Kỷ

11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove

CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

are still dead drunk in the "eight-legged" essay). This psychological profile was visible for decades, making Vietnamese writers' literary thoughts seriously pragmatic. Among the nine guiding principles of the Tự Lực Group, only two were about literature: (i) adopting Western creative methods and (ii) using a simple style with few Sino-Vietnamese words. The rest of these principles aimed at reforming Vietnamese culture and society. In Hoàng Đạo's (1906-48) *Mười điều tâm niệm* (Ten Commandments), which is conventionally regarded as a Tự Lực Group's theoretical platform, none had anything to do with literature. A number of writers and poets created some manifesto-like writings such as Thế Lữ in *Cây đàn muôn điệu* (The Lyre of Myriad Tunes), Xuân Diệu in *Cảm xúc* (Feelings and Emotions) and *Lời thơ vào tập Gửi hương* (Prologue to Gửi hương cho gió), Nam Cao (1917-51) in his short story *Trăng sáng* (Bright Moonlight) etc ... but all were mere perceptions through feelings. Only the Xuân Thu Nhã Tập Group had its own manifesto, but regretfully none of its members were gifted poets or clear-thinking theorists.

It appeared that in their reading of French literature, Vietnamese writers and poets only concerned themselves with imaginative writings without delving into the theoretical foundations of each author and each school. The result of this weakness was instability in their own creations.

Some time ago, Vietnamese scholars, particularly those in the North, had the habit of dividing literature in the 1932-1945 period into three categories: romantic, realistic and revolutionary. Recently, they realized that this division was quite fictitious (38). Indeed, theoretically, the boundaries between the above trends were not as clear-cut as they had thought, and practically speaking, no Vietnamese writer or poet was really unmixed in his/her style. Most had been both romantic and realistic, or romantic in this work but realistic in another. Members of the Tự Lực Group are considered to be romantic but Thạch Lam's *Gió đầu mùa* (First Seasonal Wind) and Khái Hưng's *Thoát ly* (Escape) and *Thừa tự* (Inheritance) are realistic.

On the contrary, Nguyễn Công Hoan and Vũ Trọng Phụng, who are considered to be masters of Vietnamese realism, wrote some romantic novels such as *Tắt lửa lòng* (End of Passion) and *Dứt tình* (Divorce).

With such a poor and unstable theoretical heritage, Vietnamese writers and poets, in 1935, started a "pen-war" on the matter of "art for art's sake" or "art for human life's sake" and through this process became familiar with Marxist literary thinking, which was to become a dominant factor in the shaping of current Vietnamese literature.■

TỐ NHƯ THI

thơ chữ hán
NGUYỄN DU
-
Quách-Tấn dịch

AN TIÊM

NOTES

29. For a brief discussion of French influences on Vietnamese writers of this period, see Phan Ngọc, "Ảnh hưởng của văn học Pháp tới văn học Việt Nam trong giai đoạn 1932-40," *Tạp chí Văn Học* (Hanoi) No 4/1993, pp. 25-27; Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang, "The Role of French Romanticism in the New Poetry Movement in Vietnam", in Trương Bửu Lâm (ed), *Borrowings and Adaptions in Vietnamese Culture*, Center for Southeast Asian Studies, University of Hawaii at Manoa, Honolulu, 1987, pp.52-62; Bùi Xuân Bào, *Le roman vietnamien contemporain*, Tủ sách Nhân văn xã hội, Saigon, 1972; and Phan Cự Đệ (ed), *Tự Lực Văn Đoàn, Con người và văn chương*, Văn học Hanoi, 1970, pp. 37-43.
30. Tô Hoài, "Những quãng đường," *Tác phẩm mới*, No 16 (Nov.& Dec. 1971), p. 7.
31. Hoài Thanh & Hoài Chân, op. cit., p. 34.
32. See, for instance, Hoài Thanh & Hoài Chân, op. cit., pp. 33-34; and Phan Cự Đệ, Hà Văn Đức & Nguyễn Hoành Khung, op. cit., p. 66.
33. See B.S. McDougall, *The Introduction of Westem Literary theories into Modern China*, The Centre for East Asian Cultural Studies, Tokyo, 1971; Marián Gálik, *The Genesis of Modem Chinese Literary Criticism* (1917-1930), Curson Press, London, 1980; and Merle Goldman (ed) *Modern Chinese Literature in the May Fourth Era*, Harvard University Press, Cambridge, 1974.
34. Phạm Quỳnh, *Thượng Chi văn tập*, vol. 5, Edition Alexandre de Rhodes, Hanoi, 1943, p. 130.
35. Đặng Thai Mai, *Trên đường học tập nghiên cứu*, vol. 2, Văn học Hanoi, 1969, pp. 199-201.
36. Quoted in Thanh Lãng, 1973, op.cit., p. 80.
37. Ibid., p. 81. 38.
38. For examples of this view, see Nguyễn Đăng Mạnh, "Hiện thực và lãng mạn," *Văn Nghệ* No 31 (1 August 1992), p. 7, and Phan Cự Đệ, Hà Văn Đức & Nguyễn Hòanh Khung, op. cit., p. 66

VÕ PHIẾN:
MỘT ĐỜI CHO VĂN HỌC

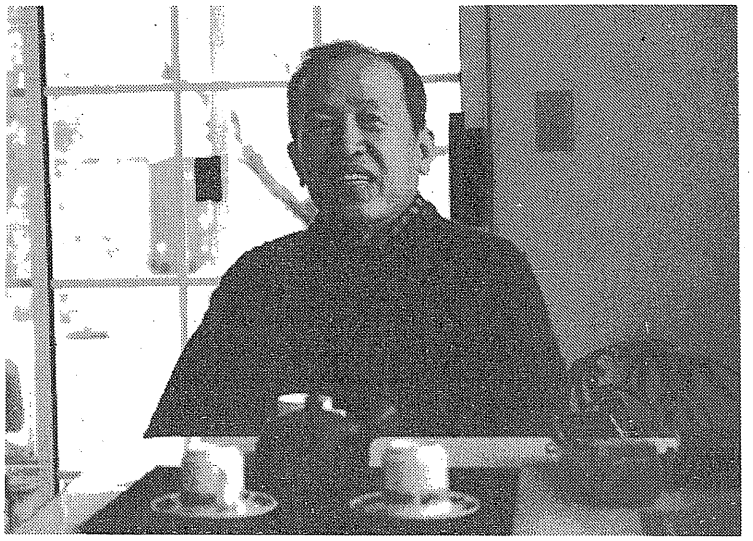

Võ Phiến (1992) — ảnh Đông Nguyên

Sinh hoạt vinh danh nhà văn hàng đầu của văn học Việt Nam
do Nhóm Thân Hữu Miền Đông tổ chức hồi 8 giờ tối
ngày thứ Bẩy 30 tháng Chín năm 1995 tại nhà hàng Việt Thành, Falls Church, Virginia.

Chương trình

Dạ tiệc
Nói chuyện về con người, tác phẩm của Võ Phiến
Tặng quà tác giả
Ký tặng sách
Phát hành tạp chí *Thế Kỷ 21* số đặc biệc về Võ Phiến

Diễn giả:

Lê Tất Điều ■ Nguyễn Thị Hoàng Bắc ■
Nguyễn Xuân Hoàng ■ Bùi Bảo Trúc ■ Lê Văn

Điều khiển chương trình:

Ngô Vương Toại

Ban tổ chức:

Lê Tất Điều • Nguyễn Xuân Hoàng • Nguyễn Thị Hoàng Bắc • Nguyễn Ngọc Bích • Bùi Bảo Trúc • Phó Ngọc Văn • Trương Vũ • Ngô Vương Toại • Đặng Đình Khiết • Lê Văn • Giang Hữu Tuyên • Trương Anh Thụy • Nguyễn Mạnh Hùng • Đinh Cường • Trần Long Hồ • Nguyễn Kỳ Phong • Nguyễn Tường Giang • Lê Thiệp • Nguyễn Thế Toàn • Phạm Trọng Lệ • Nguyễn Văn Khanh • Nguyễn Thiên Ân • Nguyễn Hữu Trí • Lê Thị Thấm Vân • Lê Đình Điểu • Đỗ Quý Toàn • Phạm Xuân Đài • Nguyễn Thị Thanh Bình •

Điện thoại liên lạc:

Bùi Bảo Trúc (202) 619-0828 ■ Ngô Vương Toại (703) 978-4031 ■ Lê Đình Điểu (714) 638-9510

LỊCH SỬ

VÕ PHIẾN

Đêm nằm chẳng đêm nào không lo... Chẳng hạn về một nỗi Thế-Kỷ-Hăm-Mốt sắp tới...

"Ủa, thì cứ tới. Nó tới chứ có phải cọp tới đâu mà lo?"

"Vẫn lo."

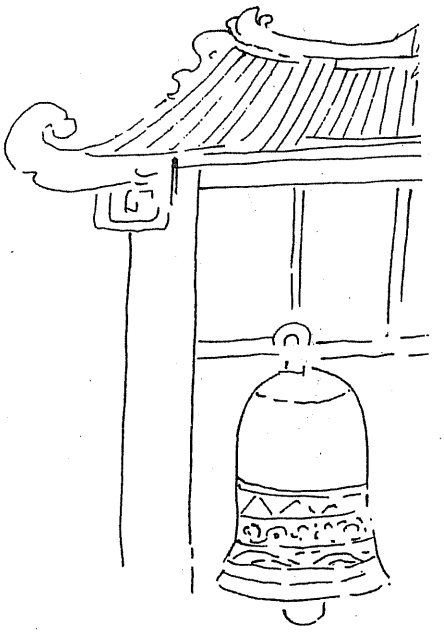

Lo Thế-Kỷ-Hăm-Mốt hùng hổ xông ào tới như thế có quá sớm chăng? Lo Thế-Kỷ-Hai-Mươi trong những năm tháng cuối cùng có vẻ gì như cuống quít như bấn loạn chăng? Lo Thế-Kỷ-Hăm-Mốt e rồi nó không bằng các bậc tiền bối chăng? Không bằng các thế kỷ cách đây hai triệu năm từng đỡ con người đứng thẳng lưng, cách đây đôi ba nghìn năm từng tung ra bao nhiêu thánh hiền chăng, không bằng các đàn anh Thế-Kỷ-Mười-Chín, Hai-Mươi, tiến nhanh thoăn thoắt chăng? Lo lắm.

Lại lo Thế-Kỷ-Hăm-Mốt rồi nó có hư hỏng, có du côn du kề, có bạo động hiếu sát chăng? hoặc giả nó quá sung sức, sinh bắng nhắng, nó hủy hoại thiên nhiên phá phách khí quyển, nó quẫy mạnh quá làm ngất ngư cả Cha Trời Mẹ Đất chăng? Lo ơi là lo.

Đêm nằm chẳng đêm nào không lo. Chẳng chuyện gì không lo. Chuyện vừa kể chẳng hạn, lo xong lại sang chuyện khác. Linh tinh, độ chừng một nghìn lẻ một chuyện, đều thuộc phạm vi lo lắng của lão Vô Thần trong những ngày tàn lụn.

Lão Vô Thần nghĩ ngợi về cái bóng dáng con người thất thểu từ vài triệu năm nay. Nó thất thểu tới đâu có ông bạn kè kè bên cạnh tới đó. Ông bạn mấy triệu năm tất nhiên không còn trẻ, nhưng già nhất định không phải già. Già gì mà cứ nhấp nhổm hoài. Hỏi, ông ta phưỡn ngực đáp: "Đây lúc nào cũng tiến. Chỉ biết tiến tới." Hỏi: "Tới đâu?" Đáp: "Tới phía trước." Hỏi: "Thế ông là chiến sĩ à?" Đáp: "Là Lịch-Sử."

À, ra cụ Lịch-Sử là đây. Già khú đế. Càng già càng dẻo càng hăng. Cái hăng ấy làm nhiều kẻ bực mình. Lão Tử chẳng hạn, từng đòi bẻ giò Lịch-Sử. Bẻ giò, để lão không đi tới được nữa. Lão đã đi nhiều quá rồi. Lão nên quay về:

Đã trót đi, ngươi hãy gắng quay về
Đời chỉ đẹp khi hãy còn hoang dã.

Lão Tử muốn vậy, nhưng dễ gì chận đứng được Lịch-Sử. Không ai ngăn chận được lão. Lão Tử chết mục xương, tiêu tán không còn lấy một mẩu nhỏ. Karl Marx nhanh nhẩu ra tay chỉ trỏ, vạch đường vẽ lối cho Lịch-Sử tiến lên đúng hướng, Karl Popper vung tay xóa bỏ lối tiến đường đi của Lịch-Sử. Ông Karl này chết trước, ông Karl kia chết sau, Lịch-Sử cứ tiếp tục vung vẩy đi tới, càng lúc càng nhanh. Lão đi vung vẩy, vùn vụt, hung hăng. Lo quá đi mất.

"Lo Thế-Kỷ-Hăm-Mốt tới, lo Lịch-Sử cứ đi... Lo thế là lo chơi, đâu phải lo thiệt?"

"Lo chơi thích hơn lo thiệt."

"Thích gì mà thích?"

"Thích vì nó không làm bận tâm. Vả lại muốn lo thiệt phải chen chúc, khó quá. Lúc nào cũng có người lo thiệt, ở đâu cũng có người lo thiệt. Trong phòng họp, trên trang giấy, quanh bàn tiệc v.v... Lo nghĩ về quốc gia pháp trị và quốc gia pháp quyền, về quy luật xã hội và quy luật tự nhiên, về sĩ phu và thất phu, về chính sách sai và chính sách đúng, lập trường rắn và lập trường mềm, phản kháng giả và phản kháng thật v.v... Cũng ước chừng nghìn lẻ một chuyện để ưu tư và để cãi cọ. Có khi người nói khi rượu nói, có khi người suy tư khi khói thuốc tự nó ưu tư, ngoằn ngoèo, mù mịt... Rộn ràng náo nhiệt, chen vào đâu? Lão Vô Thần chọn lo chơi. Lão lo, và cự nự với Lịch-Sử:

Mày đi ta chửa cho đi
Ta túm lấy áo, ta ghi lời thề:
"Mày đi mặc xác. Ta về."

Đi là định mệnh bất khả kháng của Lịch-Sử; "về" là lời nguyền không phai và chẳng đặng đừng của ta. Của con người ta.■

10-1994

CHƠI THẬT

THÁI TUẤN

So với việc viết lách thì việc vẽ vời đã có trước, từ hồi con gnười còn ở truồng trong các hang động. Việc vẽ coi bộ đơn giản dễ dàng; với cục than hòn gạch một đứa bé cũng có thể vạch ra những hình này hình nọ chẳng cần đến phương tiện cầu kỳ tối tân; chẳng hạn như những bức vẽ ở thời tiền sử. Vẽ có thể coi như việc ngứa ngáy tay chân (không phải chuyện ngứa ngáy của cái đầu, và có thể xếp vào loại bốn món ăn chơi, tựa như "viết chơi" trong câu chuyện bâng quơ của ông bạn nhà văn Võ Phiến mà tôi rất khoái). Việc vẽ thực ra đã có sẵn trong máu mỗi con người từ lúc bẩm sinh và cái "gien" vẽ cứ thế mà lưu truyền giống hệt như mọi nhu cầu của thân xác, như ăn uống hít thở đi đứng v.v... Một công việc tự nhiên tự động ít cần phải suy nghĩ; suy nghĩ là mệt rồi, mà có ai suy nghĩ để chơi đâu.

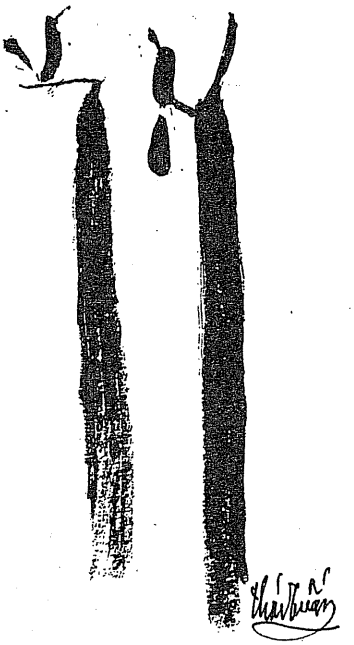

Việc viết lách chỉ bắt đầu từ khi con người đã chế tạo được những đồ dùng, dụng cụ. Lúc viết đã có quần áo để ăn mặc đàng hoàng (không còn ở truồng mà làm nghệ thuật như thời tiền sử). Có người còn ăn chay tắm gội rồi đốt một ngọn hương trầm mới chịu viết; như vậy khó lòng mà viết chơi và cũng chẳng có chuyện ngứa tay mà viết, hoặc giả có ngứa chỉ là ngứa mắt ngứa miệng.

Việc vẽ vời từ lúc ban sơ đã giản dị tự nhiên; không là chuyện bày đặt của trí óc. Tiếp khi nền văn minh rực rỡ sáng chói thì bỗng dưng cái vẽ dở chứng đua đòi với cái viết, muốn "ăn nói" như người. Đang vui chơi thoải mái trở thành: "nghề chơi cũng lắm công phu." Đã gọi là nghề thì phải có nghiệp đoàn này nọ, ông bầu ông biếc. Lại còn phải lập trường lớp để học nghề. Có thông minh đến đâu cũng phải mất năm bảy năm mới học được hết công phu để đoạt mảnh bằng chuyên nghiệp bảo đảm cho nét vẽ màu sơn. Công phu như vậy tất đã mệt nhoài còn chơi thế nào được. Hơn nữa sau khi công phu dày dặn thì chuyện vẽ vời đã biến thành tờ giấy bạc thật; như thế khó còn là chơi chơi mà là chơi thật. Kể cũng chẳng nên bận tâm chi đến điều đó; vả chăng chơi mà không có công phu cũng mau chán; nhất là chơi một mình.

Chơi thật vẫn có phần hào hứng, thực tế hơn chơi chơi, lại có phần dễ phổ biến. Vẽ chơi đối với số đông phê bình gia chẳng có gì đáng nói, đôi khi lại khó nói. Vẽ thật thì còn có cái công phu có thể nhìn thấy, cái đẹp đẽ của màu sắc, cái bay bướm của đường nét, cái khuôn phép, cái mẹo luật có thể cân đo đong đếm. Cái công phu là một thực tại nhìn thấy so sánh được; ngoài ra những cái khác, chỉ là cái mông lung không làm sao chứng minh nổi. Luận bàn về chuyện thật, chơi cũng là điều bông lông không thực tế. Nền văn minh tiến bộ do Tây Phương dẫn đường soi lối, há chẳng đã biến hết những cái chơi thành cái thật rồi sao?

Ngày nay còn cái gì có thể gọi là chơi. Không còn ai đá banh chơi, đấu võ chơi, làm chính trị chơi, đua ngựa chơi. Mọi chuyện chơi đã biến thành cái cúp thật, tấm huy chương thật, những đồng tiền thật. Có như vậy cuộc sống của con người mới thêm phần náo nhiệt đáng yêu.

Nghĩ cho cùng ngày nay chỉ còn có bọn trẻ con là biết chơi; thêm vào đó là một số bọn viết lách, làm thơ, vẽ vời nghèo túng là còn ham chơi. Từ cái chơi đến cái thật mà rồi lại có thể quay lại với cái chơi chơi họa may có bậc thánh sống như ông Bùi Giáng.■

Orleans, Juin 1995

TÌM RA NGUYÊN NHÂN BỆNH MẬP

NGUYỄN DIÊU

Các nhà nghiên cứu về kỹ-thuật-di-truyền-học (genetic engineering) vừa mang lại cho các người mắc "bệnh-mập" một tin mừng, và một điều an ủi. Tin mừng là bệnh-mập có thể chữa được bằng một thứ hormone mà các nhà sản xuất dược phẩm hy vọng sẽ phát hành trong mấy năm tới.

Niềm an ủi là bệnh-mập do từ cha mẹ sinh ra đã như vậy.

Nhiều người cứ nhịn ăn sút được mấy ký, rồi một thời gian sau lại tăng lên đúng bấy nhiêu ký—vì quen miệng ăn, ăn lúc nào quên mất. Điều đó nay có thể giải thích theo di truyền học. Quý vị có thể đổ tại "trời sinh ra " như thế, không phải tại mình.

Tuy nhiên, trong khi chờ đợi chất hormone này đem bán ngoài tiệm thuốc, quý vị cũng cứ tiếp bớt ăn và nhớ tập thể dục đều đặn. Nếu quý vị lên ký, cả ông trời và báo *Thế Kỷ 21* sẽ không chịu trách nhiệm về cái thùng nước lèo của quý vị.

Tại gene Ob cả

Các khoa học gia thuộc viện nghiên cứu y học Howard Hughes trong Đại Học Rockefeller và công ty Amgen trình bầy kết quả những nghiên cứu của họ về các con chuột bị bệnh-mập trên tạp chí Science số ra ngày 28 tháng bẩy vừa qua. Những anh chị chuột này trời sinh ra đã phàm ăn, ăn không biết nghỉ, trọng lượng nặng gấp đôi các con chuột khác. Loài người cũng có những người bị bệnh ăn nhiều giống như vậy.

Từ lâu các nhà khoa học đã nghi chuyện ăn ít hay nhiều là do một chất vẫn đóng vai "đưa tin" trong máu. Hiện tượng này giống như lò sưởi tự động, khi nhiệt độ trong phòng xuống thấp quá, lập tức có tín hiệu báo cho máy sưởi chạy, tăng hơi nóng lên tới mức ấn định từ trước.

Chuột và người đều có một thứ hormone liên hệ tới số lượng chất béo ở trong cơ thể. Khi lượng chất béo trong mình tăng, số hormone này lên cao, tới một mức định sẵn sẽ có một tín hiệu chuyển theo máu chạy lên óc. Nó báo tin cho óc biết rằng trong cơ thể đã đủ chất béo rồi, miệng không cần phải ăn nữa, hay thân thể phải cựa quậy để đốt bớt chất béo đi. Óc sẽ "ra lệnh" cho miệng, tự nhiên người ta chán ăn, ăn hết thấy ngon bèn thôi, hay tự nhiên rủ vợ (hay chồng) cùng đi tập thể dục.

Người ta đã nhận diện được loại gene đặt tên là ob (do chữ obese nghĩa là mập phì) và năm ngoái các nhà sinh học đã tìm ra cấu trúc chất DNA của ông ob này—DNA là tế bào cơ bản của sự sống. Chính những DNA của ông ob làm ra chất hormone đưa tín hiệu, đó là loại protêin mang tên leptin, do chữ Hy Lạp nghĩa là gầy. Những chú chuột mà gene ob bị "biến dị" sẽ không nhận dược tín hiệu đúng lúc của leptin, cho nên bộ óc chưa biết là cơ thể đã đầy chất béo rồi, cứ thế ăn tiếp và không chịu đi tập thể dục.

Chế tạo ra Ob

Trước đây người ta chỉ tìm ra một bằng cớ về chất leptin tín hiệu khi giải phẫu để ghép hai con chuột, một con mập, một con gầy với nhau. Tự nhiên con chuột mập bắt đầu mất thú ăn nhậu, một thời gian sau cũng thon thả trở lại. Máu của chúng hòa vào nhau, nên anh chuột mập (vì gene ob bị hư) nay nhận đủ tín hiệu của leptin trong máu anh gầy truyền qua, và biết thân thể đủ chất béo rồi. Nhưng loài người thì không ai có thể "nối liền khúc ruột" như vậy suốt ngày được, dù là vợ chồng chăng nữa. Cho nên phải tìm cách chế tạo ra ông ob, theo kỹ thuật về di truyền học, một ngành đang lên và hứa hẹn hái ra tiền.

Khi đã nhận ra được cấu trúc của ông ob thì các nhà khoa học có thể bắt chước chế ra (clone) các gene ob nhân tạo, và họ đã thành công vào tháng 12 năm vừa qua. Bắt đầu bằng gene ob của loài chuột, cấu tạo giống của người. Bài báo cáo của viện khảo cứu Hughes-Rockefeller và công ty Amgen ở Thousand Oaks, California, cho biết khi hàng ngày chích ob nhân tạo vào cho chuột mập, bốn ngày sau là thấy "xuống ký" và sau một tháng các anh chị chuột mập này giảm từ 22% đến 40% trọng lượng. Một anh chuột được thí nghiệm sau 33 ngày cân nặng có 35 gram, trong khi một anh không dùng thuốc cân 67 gram. Số lượng chất béo trong các con chuột thí nghiệm giảm nhiều hơn cả số lượng có

thể giảm vì thức ăn bớt đi có thể gây ra. Ngay các con chuột thon thả bình thường được chích thuốc cũng bớt ăn đi, trung bình tiêu thụ 88% số thực phẩm vẫn ăn.

Sau chuột, người ta hy vọng sang năm sẽ bắt đầu thí nghiệm vào người. Còn phải chờ đợi lâu như vậy vì cần thử cho biết chắc là việc thí nghiệm không gây rủi ro, nguy hiểm.

Đầu năm nay, công ty Amgen đã trả cho Đại học Rockefeller 20 triệu đô la Mỹ (USD) về quyền khai thác các công trình khảo cứu này, và ký kết sẽ trả thêm khi nghiên cứu tiến sang các bước mới, áp dụng cho người. Nếu các khoa học gia thành công trong các cuộc thí nghiệm sắp tới, tổng số tiền trả cho Đại học sẽ lên tới ít nhất 80 triệu. Viện khảo cứu y học Howard Hughes do nhà tỷ phú mang tên đó lập ra thời ông còn sống để tránh phải đóng thuế lợi tức và thuế thừa kế, nay sát nhập vào đại học Rockefeller.

Ngay sau tin về công trình nghiên cứu được đăng tải trên tạp chí Science loan ra, nội một buổi sáng giá cổ phần của công ty Amgen đã tăng hơn 4 USD, lên 84,25 USD mỗi cổ phần trên thị trường chứng khoán.

Chạy đua khoa học

Số báo *Science* còn có bài báo cáo của nhóm khoa học gia thứ ba thuộc hãng Hoffmann-La Roche, ở New Jersey, chi nhánh của công ty Roche, Thụy Sĩ. Họ cũng tìm ra công năng của chất leptin trên hệ thần kinh điều hòa việc ăn uống và tiêu dùng nhiệt lượng trong cơ thể. Nhưng việc nhận diện ra ob và cấu trúc của ông ta là do nhóm khoa học gia ở Hughes, do bác sĩ Jeffrey Friedman hướng dẫn tìm ra từ năm ngoái. Hãng Amgen đã mua bản quyền về khám phá này, cho tới nay họ cũng chưa cho phép Roche mua quyền sử dụng.

Chính nhóm Friedman nhận ra hai công năng khác nhau của leptin. Ngoài việc nó báo động bộ óc để ăn bớt đi, nó còn giúp cơ thể đốt bớt năng lượng. Muốn biết rõ như vậy thì người ta dùng hai nhóm chuột mập để thử. Một nhóm "thí nghiệm" có chích leptin bắt đầu ăn bớt đi. Người ta cho nhóm "kiểm soát", không được chích leptin, ăn đúng cùng một số lượng thức ăn như nhóm trên, không hơn không kém.

Kết quả là hai nhóm đều bớt mập nhưng nhóm có chích leptin bớt "ký" nhiều hơn nhóm không chích. Nhóm không chích, dùng để kiểm soát kết quả thí nghiệm, tuy cũng ăn ít đi—vì bị cho ăn ít chứ không vì tự nguyện—trọng lượng có xuống nhưng không xuống nhiều như nhóm thí nghiệm. Tại sao cùng ăn ít đi như nhau mà anh xuống ký nhiều anh xuống ít? Lý do là chất leptin thay đổi cả sự đốt cháy năng lượng trong cơ thể.

Các nhà khoa học ở hãng Amgen báo cáo rằng những con chuột có chích leptin thì thân nhiệt lên cao hơn, chứng tỏ sự chuyển hóa năng lượng (metabolism) có nhịp độ cao hơn thật. Nhóm khoa học gia của bác sĩ Friedman thử thêm leptin vào những con chuột bình thường, không bị bệnh mập thì thấy chúng gầy bớt đi.

Tất cả những tin trên đều đáng mừng cho những vị sợ mập. Nếu quý vị đã nhịn ăn nhịn uống mãi mà không thấy mình gầy hơn các người bạn ăn nhiều hơn, đó là vì mình thiếu chất leptin mà thôi. Vì thiếu nó cho nên cơ thể không chịu tiêu thụ năng lượng, chúng tích tụ lại dưới hình thức chất béo. Có những vị ăn chay trường mà vẫn mập hơn người ăn thịt, cũng vì lý do đó. Bộ óc đã có một "định kiến" là số lượng chất béo phải cao như thế mới là đủ, ăn bớt đi thì nó bảo cơ thể tiêu thụ năng lượng bớt đi để tích trữ—dù ăn rau, đậu, cơm gạo thì vào cơ thể cũng được biến ra chất béo để đầu cơ tích trữ. Nếu chúng ta thành công trong việc gửi chất leptin vào cơ thể thì dường giây leptin này sẽ báo cho bp óc và cơ thể biết béo lắm rồi, vận động đi, đốt bớt đi cho đỡ mập.

Nhưng câu chuyện rắc rối hơn nhiều, vì leptin là một loại prôtêin, không thể hấp thụ thẳng

TRUYỆN
QUÁN ÂM
THỊ KÍNH

THIỀU CHỬU
chú giải

AN TIÊM

từ bao tử qua máu được, cũng như chất insulin mà các người bị bệnh tiểu dường cần, vẫn phải chích mới được. Nếu người ta thành công trong việc chế tạo ra thuốc uống để bao tử biến hóa, sinh ra thứ giống như leptin, truyền theo máu lên óc thì vẫn còn một vấn đề khác. Đó là liệu "bộ phận tiếp nhận" (receptor) của óc có nhìn ra anh leptin này hay không để rung chuông báo hiệu?

Bộ phận nhận trên óc đó cũng là một loại prôtêin, họ hàng với thứ gene gọi là db (do chữ diabetic, bị bệnh tiểu đường.) Chính cậu db này xác định cái phần tiếp nhận trên óc, nếu nó bị khiếm tật thì phần tiếp nhận đó trơ ra, leptin có lên óc bấm chuông thì chuông cũng không kêu. Người ta đã thử thấy các con chuột hư db cứ ăn chết thôi là vì bao nhiêu chất báo trong mình báo hiệu lên óc mà óc không nhận được tin, như thể cái máy điện tín hư vậy. Cho nên các nhà khoa học lại đang chạy đua để tìm cách chế ra thứ protêin nào giúp cho óc trở nên bén nhậy đối với chất leptin. Hiện nay người ta biết khá nhiều về các chất có thể làm cho bộ tiếp nhận bị tê liệt, nhưng chưa biết cách làm ra thứ kích động cho bộ tiếp nhận bén nhậy hơn. Các công ty và viện khảo cứu đang thi nhau tìm hiểu về cấu trúc DNA của cái gene db coi ai tới đích trước.

Con dường liên hệ giữa chất leptin và bộ phận tiếp nhận của nó còn rắc rối, với nhiều loại prôtêin khác, đòi hỏi nghiên cứu thêm về công năng của chúng, và hứa hẹn những bất ngờ. Ở Phòng thí nghiệm Jackson tại Bar Harbor, tiểu bang Maine người ta đi tìm thẳng một loại gene làm cho chuột mập, và đặt tên loại này là fat (nghĩa là mập). Hãng dược phẩm Millennium ở Cambridge, tiểu bang Massachusset cũng loan báo đã tìm ra một loại gene mà họ đặt tên là tub, cũng coi là một nguyên do gây ra bệnh mập trong loài chuột, rất giống loài người.

Chính phòng thí nghiệm Jackson đã báo cáo việc tìm ra loại chuột có gene hư (sau này gọi là ob) từ 40 năm trước đây. Bác sĩ Douglas Coleman ở đó, thập niên 1960, đã cho biết những con chột bị bệnh mập sinh ra đã thiếu một thứ gene có nhiệm vụ báo động lên óc. Giả thuyết của ông không sao xác định được suốt 20 năm vì không ai nhận diện ra đó là gene nào, và chất hormone nào, cho tới khi nhóm Friedman tìm ra vào tháng 12 năm ngoái, ở chuột và người.

Tất cả các tiến bộ trong ngành sinh học và kỹ thuật di truyền học (ghenetic engineering) này đạt được là nhờ thị trường cạnh tranh. Thị trường được điều hợp nhờ các luật lệ về nghiên cứu khi liên quan đến con người. Ai làm thí nghiệm gì liên quan đến con người đều phải tuân theo các thủ tục rất nghiêm ngặt để tôn trọng phẩm giá con người, một ý niệm có tính cách tôn giáo. Nếu vì sự thận trọng đó mà các thí nghiệm, khảo cứu khoa học đi chậm chạp hơn thì cũng phải chịu.

Trước đây ở các xứ Đông Âu có câu chuyện cười. Tại sao người ta biết Karl Marx là một triết gia chứ không phải là một nhà khoa học? Tại vì nếu là một nhà khoa học, khi ông nghĩ ra chủ nghĩa cộng sản ông sẽ không áp dụng ngay cho loài người, mà thế nào cũng đem thử thí nghiệm cho loài chuột trước.

Mặt khác các công trình khảo cứu lại tiến bộ nhanh được vì sự thông tin nhanh chóng giúp cho việc cộng tác giữa các nhà khoa học hữu hiệu hơn. Một nhóm khoa học gia tìm được điều gì là công bố cho cả thế giới khoa học biết, việc công bố cũng nhằm giữ quyền về phát minh, sáng chế. Làm như vậy có ích chung vì người đi sau có thể dùng các khám phá của người đi trước rồi bắt đầu cuộc chạy đua trên quãng đường kế tiếp, không ai mất thời giờ "chế tạo lại cái bánh xe."

* WINDOW 95, MUA NGAY HAY CHỜ?

Bài của Lê Đức Kính

Cuối tháng tám, 1995 hãng Microsoft tung Window 95 ra thị trường, giá ở Mỹ chỉ có 89 đô. Có nên đi mua ngay về để nâng cấp (upgrade) máy PC của quý vị hay chăng?

Để trả lời câu hỏi này, xin quý vị nhớ mấy điều sau: Window 95 là một hệ điều động máy (Operating syatem). Muốn có ích lợi thì phải đem nó sử dụng các thảo chương. Nghĩa là mua nó về rồi còn phải nâng cấp các nhu liệu. Loại nhu liệu Word và Excel dùng xứng với Window 95 giá độ 200 đô. Ngoài ra, tối thiểu cũng nên có máy 486, 66 MHz, 8 megabytes.

Từ 4 megabytes nâng lên 8 sẽ tốn chừng 200$ (vẫn tiền Mỹ), muốn lên 16 meg cho ngon tốn 600$. Nếu muốn nâng phần đĩa cứng (hard disk) từ 200 megabyte lên một gigabite sẽ tốn 360$ cộng tiền công ráp.

Rồi quý vị sẽ thấy cần có CD-ROM, nếu máy của quý vị chưa có. Các nhu liệu dùng cho Window 95 thường chứa trên đĩa CD-ROM, nó đầy đủ hơn trên đĩa mềm, mà hai thứ đĩa bán cùng giá.

Sau cùng, khi có Window 95 thì cũng nên học "qua loa" cách sử dụng. Mất một hai ngày, nếu quý vị thạo về mấy đồ cứng đồ mềm này. Cuốn sách 100 trang mà nhà sản xuất tặng không đủ, thế nào quý vị cũng phải bỏ ra ba bốn chục mua vài cuốn sách nữa.

Trong khi đó hãng Microsoft sẽ phát hành mỗi ba tháng các tài liệu chỉ dẫn cách thích ứng với các nhu liệu mới.

Vậy nên mua ngay lập tức hay không? Tốt nhất nên hỏi bà xã (hay ông xã, nếu nhà đã theo chế độ mẫu hệ ở Mỹ, đàn bà làm chủ nhưng đàn ông quản lý ngân sách.)■

ĐÁM CƯỚI CẬU ẤM

ÔNG TIẾN HƯNG

LTS. *Truyện sau đây trích từ quyển Truyện Kể Tổ Tiên, một tập bản thảo viết tay do con cháu họ Hoàng ở Văn La, tỉnh Quảng Bình biên soạn, ghi lại những mẩu chuyện về cuộc đời của tiền nhân với nhiều chi tiết mà gia phả không đề cập hết. Dù chỉ là các sự tích thuộc một giòng họ, một số truyện trong tập trên có giá trị lịch sử và văn hóa, vì thế chúng tôi xin phép trích đăng, hy vọng đem lại cho độc giả một ít mảng đời sinh động của quá khứ.*

Khoảng 1880, khi ông Hoàng Kế Viêm lừng danh ở Bắc Kỳ qua những vụ dẹp yên giặc cướp và đánh thắng ngoại xâm, được triều đình thăng hàm Đông các Đại học sĩ (1878) và chức vụ Trấn Bắc bình Tây Đại tướng quân thì ông Hà Văn Quan, từng tham gia phái bộ đi Trung Quốc, chức vụ Phó sứ, được cử giữ chức Tổng đốc Hải Yên (đứng đầu tỉnh lớn Hải Yên và Quảng Yên) sau khi đã đảm trách có kết quả tốt chức chánh chủ khảo trường thi Nam Định. Hai vị thượng quan, cùng quê ở Quảng Bình, giờ đây lại có trách nhiệm ở cùng một khu vực với nhau nên việc kết thân ngày thêm đậm đà. Được biết trước đó, ông Hoàng Kế Viêm năm 1870 làm Tổng đốc An Tịnh (đứng đầu tỉnh lớn Nghệ An Hà Tĩnh) được vua triệu về kinh đô nhận nhiệm vụ khác và ông Hà Văn Quan, sau khi đỗ phó bảng (phó tiến sĩ) năm 1865 đã được bổ làm quan tại các bộ trong triều thì hai gia đình đồng hương đã có dịp qua lại biết nhau rồi, làng Văn La của ông họ Hoàng chỉ cách làng Vĩnh Tuy của quan họ Hà non ba cây số.

Tại phần đất Bắc Kỳ bị quân Pháp dòm ngó quấy nhiễu này, hai vị thượng quan đồng hương đã có chủ trương trái lệnh vua, cộng tác với nhau cùng nhiều vị quan yêu nước khác xây dựng lực lượng chống ngoại xâm trong khi triều đình cứ ra lệnh triệt binh để nghị hòa với Pháp. Tổng đốc Hải Yên đã nhiều lần bí mật tiếp tế vũ khí buôn lậu và lương thực bằng đường thủy cho Thống đốc Quân vụ ở Hưng Hóa.

Từ việc công, việc quân liên hệ chặt chẽ lại nảy sinh việc kết nghĩa thông gia, là chuyện thường. Cậu ấm Hoàng Tự Tân, con trai nối dõi của Thống đốc Quân vụ và tiểu thư Hà Thị Tựu, gái riệu sắc nước của Tổng đốc Hải Yên sẽ được tác thành, thật môn đăng hộ đối.

Trước khi đi đến việc kết thân này, ông Hà Văn Quan, hồi còn ở Huế trước đó, đã phải trải qua những ngày gay cấn vì vua Tự Đức muốn tuyển con gái ông vào cung. Nghĩ rằng "cho con vô nội", một tiếng lóng ở Huế có nghĩa là cho con vào làm cung phi, là mất con nên ông Hà

Văn Quan đã phải đút lót quà cáp trọng hậu cho sứ giả của vua đến xem mắt và còn phải đưa một thị tỳ dung nhan không mấy đẹp đẽ, ăn mặc trang điểm lối nhà quan ra trình diện thay thế con mình. Mặc dù sứ giả đã tâu vua là tiểu thư họ Hà không được đẹp nhưng vua Tự Đức vẫn chưa dứt khoát vì ông Phó bảng họ Hà là người hay chữ mà nhà vua lại chuộng văn chương. Cho mãi đến khi hai thượng quan quyết định làm thông gia thì vua Tự Đức mới được tin là con gái Tổng đốc Hải Yên đã được Trấn Bắc bình Tây Đại tướng quân chọn làm dâu trưởng, nhà vua nhân đó mới bỏ ý định tuyển tiểu thư họ Hà vào cung. Nhà vua nói: Thôi, đừng động chạm đến Hoàng Tá Viêm nữa. Thật ra, theo đế chế thì vua có uy quyền tối thượng, muốn gì được nấy, nhưng trong trường hợp này, vua Tự Đức lại có phần vì nể Thống đốc Quân vụ vì ông vừa là phò mã, lấy cô ruột của vua (1), vừa là tướng có công trạng to lớn ở Bắc Hà nên mọi sự mới suông sẻ.

Thế rồi thư hỏa tốc trao đổi qua lại giữa hai vị Thượng quan ở Hưng Hóa và Hải Yên, Trung du và duyên hải Bắc kỳ, đã đi đến quyết định: Cho làm lễ đính hôn đơn giản tại Huế vào giữa tháng Sáu năm Tân Tị 1881, sau đó, bà Hà Văn Quan cùng gia quyến dọn về Vĩnh Tuy ở rồi làm lễ cưới ngày 16 tháng Mười năm đó tại quê ở Quảng Bình. Hai vị mệnh phụ: Bà Hoàng Kế Viêm và bà Hà Văn Quan phải đứng chủ hôn. Hai vị thượng quan không về chủ lễ được vì theo quy chế thời đó, ngoại trừ đại tang (cha mẹ chết) hoặc có lệnh điều động đặc biệt của vua, các quan lớn không được rời nhiệm sở, thời bình mà còn vậy huống hồ giai đoạn đó, Bắc kỳ rất rối reng.

Lễ đính hôn đơn gian nên sính lễ chỉ có: Cau, trầu, rượu, trà và đôi hoa tai. Ngày đó không có tục trao nhẫn. Nhẫn cưới mới bắt chước Tây phương, phổ biến trong hậu bán thế kỷ thứ 20. Trong phần chuẩn bị, chỉ có việc bà Nguyễn Thị Duyên, chánh thất của ông Hoàng Kế Viêm, cùng vài người bà con và cậu ấm Tân đi Huế. Nói là cậu Thị thì đúng hơn là cậu ấm vì bố cậu Tân làm quan lớn, hàm Đông các Đại học sĩ nên con được vinh hàm không phải ấm sinh bình thường mà là Thị giảng, do đó gọi là cậu Thị chứ không phải cậu ấm. Đây là lần thứ nhì bà Duyên vào kinh. Lễ đính hôn diễn ra thuận tiện mà việc mua sắm sính lễ cho đám cưới sắp đến cũng dễ dàng.

Lễ đính hôn đơn giản mà rất thân mật. Hai phu nhân đồng hương gặp nhau vui vẻ đã đành mà tất cả bà con đều tự coi mình có đồng tâm trạng "tha hương ngộ cố tri" (xa nhà mà gặp bạn cũ) nên chuyện trò rất cởi mở.

Cho đến ngày làm lễ đính hôn, cậu Thị chưa hề thấy mặt bố mẹ vợ tương lai huống hồ diện mạo của vị hôn thê. Mọi việc sắp đặt đều do hai vị thượng quan thư từ trao đổi. Cái ngày mà hai quan lớn có gặp nhau thì cũng cả chục năm rồi khi ông Hoàng từ Nghệ An được triệu về kinh đợi nhận chức vụ mới 1870 như đã nói ở trên, mà thời đó cũng chưa có vấn đề kết làm thông gia.

Kẻ thứ dân phải làm rể lâu dài, lao động cực nhọc cho nhà gái mới cưới được vợ, đằng này cậu Thị, cho đến khi làm lễ hỏi, chưa hề làm rể một ngày nào. Di chuyển thì bằng cáng có người khiêng, dừng chân thì đã có người mang giày đến tận cẳng. Những việc nhỏ nhặt này do bà Hà Thị Tựu kể lại cho con cháu nghe, khi bà về già, chứ đương thời cũng ít ai biết được vì là chuyện nhà quan.

Ông Hoàng Kế Viêm coi trọng vấn đề cưới vợ cho cậu Thị vì Hoàng Tự Tân là con trai nối dõi. Cho đến 1881, Thống đốc Quân vụ đã có một người con trai lớn khác rồi nhưng lại là con một bà thiếp, không phải chánh thất.

Nguyên năm 1845, khi hấp hối, công chúa Hương La có xin phò mã thu nhận một nữ tỳ thân cận của công chúa làm thiếp (vợ bé) để tiện hương khói cho công chúa. Phò mã đã chọn cô Nguyễn Thị Thụy rồi bà này đã sinh hạ một con trai tên Hoàng Tự Tính 1847, gia đình hay gọi là ông Cả. Ông Thị sinh năm 1853 thua ông Cả những sáu tuổi và ngay khi cưới vợ chánh thất cho ông Thị thì ông Cả 34 tuổi cũng đã có con trai tên Hoàng Chánh Tịnh sinh 1869 rồi, nghĩa là ông Hoàng Kế Viêm đã có cháu nội trai nhưng không phải giòng đích. Ông đặt nặng chữ "đích tôn thừa trọng" là như vậy đó.

Hai vị thượng quan, văn hay chữ tốt, tất nhiên biết rõ cỗ lễ trong việc cưới xin nên mặc dù không xa hoa, lễ thành hôn của cậu Thị Tân cũng giữ đúng nghi thức theo tục lệ cổ truyền. Đặc biệt phong tục ở Quảng Bình hồi đó, lễ cưới riêng và lễ rước dâu riêng, nghĩa là bên nhà trai tổ chức lễ nạp trưng, đem sính lễ đến nhà gái, rể dâu lễ gia tiên xong thì hai họ ăn uống rồi nhà trai cùng rể kéo nhau về, chú rể lần đầu tiên mới thấy cô dâu nhưng cũng chưa được rõ. Sau khi nhà trai về thì nhà gái tổ chức lễ thân nghinh, một đoàn người gồm bà con nội ngoại và thân hữu đưa dâu về nhà chồng. Bà con nhà trai ở tại nhà chỉ dàn người đón dâu gọi là nghinh hôn, sau đó lại cỗ bàn ăn uống. Một đôi khi, có gia đình làm lễ cưới rồi nhưng năm, bảy tháng hoặc một năm sau mới đưa dâu.

Ngày 16 tháng Mười, họ Hoàng ở Văn La tổ chức lễ nạp trưng. Đám rước khá huy hoàng: đi đầu là sáu thanh niên chưa vợ, hai người cầm hai lồng đèn trang trí long phụng, ban ngày mà cũng thắp nến ở trong, hai người nữa cầm hai lá thiên tuế tượng trưng cho sự sống lâu bách niên giai lão và hai người nữa ôm hai con ngỗng (một trống một mái), *uyên ương điểu* tượng trưng cho

tình yêu thắm thiết, chung thủy, thay thế cho chim nhạn ở Việt Nam không có, vì nhạn tượng trưng cho đôi lứa không lặp lại hai lần. Sau toán thanh niên là hai cáng chở ông bà bưng "quả hộp" chọn trong số những cặp vợ chồng đứng tuổi (hoặc lão thành) song toàn, đông con nhiều cháu, hạnh kiểm đàng hoàng, tượng trưng cho hạnh phúc. Hai ông bà này bưng hai quả nhỏ đựng cau trầu năm miếng (ý nói theo câu ca dao: *năm miếng trầu là dâu thiên hạ*) và quý kim (vàng bạc) cùng nữ trang. Tiếp đến là một cái kiệu sơn đỏ, bốn người khiêng có một lọng xanh che. Kiệu đây dáng một cái bàn hình vuông, xung quanh mặt bàn dựng lan can cao khoảng một gang tay. Trên kiệu để hai cây gấm, hai cây lụa, hai ché rượu, một mâm cau trầu (cau buồng 100 trái, trầu năm xếp cọng đủ 100 lá), toàn thể phủ một khăn vải đỏ lớn.

Theo tục lệ xưa, lá trầu đi cưới phải xếp ngọn vào giữa mâm, cọng xây ra ngoài, ý nói nhà trai giao cái ngọn cho nhà gái vì người dâu sẽ về nhà chồng, bên nhà trai giữ cái gốc. Đó là trầu cưới, còn trong lễ hỏi, đính hôn, thì xếp gốc vào giữa, ngọn ra ngoài, ý nói mặc dù đã hứa với nhau, nhà gái vẫn giữ con gái ở tại nhà coi như vẫn giữ cái gốc.

Trên kiệu còn một cái hộp dài quan trọng, đó là hộp đựng cặp đèn sáp. Vào cuối thế kỷ 20, đám cưới có đôi đèn nến trang trí long phụng ngũ sắc, rất đẹp nhờ kỹ thuật công nghệ tinh xảo chứ vào thời điểm 1881 việc sắm một cặp đèn sáp ong đám cưới thật khó khăn. Phải mua vài bánh sáp ong, chặt ra từng miếng bỏ vào thau hay xanh đồng sạch (cái xanh giống như cái soong thời nay, hai quai dựng đứng trên vành), nấu với nước sạch, nước sôi, sáp chảy ra. Lấy mo cau kết thành cái muống (cái phễu), lấy tóc rối giặt sạch nhét nút vào đáy cái muống (tóc rối là thứ tóc rụng, các cô các bà chải ra, hay quấn từng cuộn nhỏ nhét vào bờ rào, kẹt cửa). Đổ sáp lỏng chảy vào lọc. Sáp chảy qua nùi tóc, bao nhiêu tạp chất, rác bẩn trong sáp dừng lại trên tóc, sáp tốt chảy xuống cái bát đựng ở dưới, khi nguội, sáp nổi trên, nước đọng dưới. Dùng cân chia sáp đều cho mỗi cây đèn, nặng nhẹ nhiều ít tùy cây đèn sẽ se to hay nhỏ. Lượng sáp của mỗi cây đèn được xắt mỏng từng lát, bỏ vào thau nước nóng (vừa đủ nhúng tay vào), hai lát ép làm một rồi ép dồn, dần dần thành một cục sáp mềm (nhớ rảy hết nước trong cục sáp để khỏi nổ lách tách khi thắp). Dùng mặt mâm đồng đã chùi sạch, dàn sáp mềm dài ra, đặt ở giữa một cái tim vải, cuốn sáp lại và se tròn thành cây đèn sáp ong vàng rất đẹp. Khi cây đèn se xong, vì còn mềm, nên để vào bẹ chuối, có hình cong như cái máng, mặt lại lạnh khiến cây đèn sáp mau nguội và cứng. Một cặp đèn sáp ong như vậy (có nơi gọi là đèn cầy, đèn nến, đèn sáp) tượng trưng cho "Hoa chúc thành song" thay thế cặp đuốc bằng gỗ hoa thắp đêm tân hôn. Se đèn theo lối thủ công nhiêu khê như vậy nhưng thời đó, đám cưới nhà sang là phải có.

Đi theo kiệu là hai người gánh một cái siểng, có lọng xanh che. Siểng, danh từ xưa (trong tiếng đôi "hòm siểng") chỉ một cái đồ đựng, hình dáng như bộ cà mèn xách (ta hay bới cơm hay đi mua phở, cháo) nhưng to lớn, cao khoảng năm gang tay (một mét), đường kính khoảng 0.70 mét gồm ba tầng, mỗi tầng sâu hơn gang rưỡi (khoảng 0.35 mét). Trong lễ nạp trưng này, tầng dưới của siểng đựng một con heo quay, tầng giữa một mâm xôi gấc đỏ và tầng trên cùng một mâm bánh gồm năm thứ: bánh in màu trắng tượng trưng cho màu của kim loại, bánh su sê màu xanh lá, tượng trưng cho mộc (su sê là nói chệch chữ phu thê nghĩa là vợ chồng, đám cưới hay có loại bánh này), bánh gai màu đen tượng trưng cho thủy, nước, bánh bò nhuộm đỏ tượng

ĐẶNG QUANG KHANG

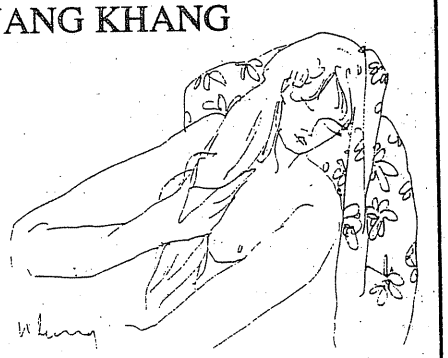

EM

Em là ngọn gió thổi cánh rừng hoang dã,
Cất những lời ru rồi bỗng tắt sau đèo.
Những chiếc lá rừng còn mãi ngẩn ngơ theo...

Em là vầng trăng đi ngang qua giếng,
Tỏa ngát hồn anh chút hương êm.
Trăng đi rồi, lòng giếng lại đêm!

Em là con nước ngày mưa lũ,
Dâng thác ghềnh, bọt tung, bão tố.
Con nước qua rồi, lòng sông đau xói lở...

trưng cho hỏa và bánh đậu xanh rang, màu vàng tượng trưng cho thổ. Năm màu trắng, xanh, đen, đỏ, vàng tượng trưng cho ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ, ông bà ta trước đây làm việc gì cũng có ý nghĩa.

Về quý kim để trong quả hộp (quả nhỏ) có đôi xuyến vàng một kiềng vàng, một cái trâm vàng, riêng đôi hoa tai đã đeo cho cô dâu ngày lễ đính hôn. Cái trâm tuy là vật nhỏ nhưng những cặp vợ chồng mới, người đàn bà bao giờ cũng có bên mình để phòng bệnh thượng mã phong hay còn gọi là phạm phòng. Về bạc thì có 20 lượng coi như để trang trải chi phí trong lễ giá thú cho nhà gái nhưng thường bố mẹ vợ cho lại rể và rể chuyển cho cô dâu. Lễ trao bạc gọi là nạp tệ (tệ nghĩa là tiền) nhưng phong tục Việt Nam kiêng dùng chữ tệ nên mới nói là nạp tài. Người mê tín dị đoan cho rằng chữ tệ là tệ bạc nên mới dùng chữ tài, nạp tài nghe hay hơn, cũng như sau này, trái cây trong đám cưới không dùng quả cam vì cho là cam khổ mà thay vào trái quít, gọi là quấn quít lấy nhau.

Đi sau hai người gánh siểng là cáng của chú rể, tiếp theo là cáng của bà Hoàng Kế Viêm, có lọng xanh che vì bà là mạng phụ phu nhân. Sau cùng là bà con nội ngoại và thân hữu đi bộ, áo quần chỉnh tề, đàn ông chít khăn đen, áo dài đen hay xanh, đàn bà chít khăn xanh, ai cũng mặc áo dài, đủ màu. Về áo lễ thì thời đó rất chuộng cái áo rộng hay còn gọi là áo thụng, áo dài thường nhưng hai tay áo quá rộng, rộng khoảng một gang rưỡi tay, đàn ông hay mặc áo thụng màu xanh còn đàn bà thường dùng áo thụng đen hay màu huyền nghĩa là tím đen. Trong đám cưới này, bà chủ hôn là bà Hoàng Kế Viêm và hai ông bà già bưng quả đều có mang theo áo thụng, đến cửa nhà gái, ba người này mới mặc vào, riêng chú rể, đợi khi có cô dâu mới mặc.

Khởi hành từ Văn La giữa giờ Mão (sáu giờ sáng) đến Vĩnh Tuy đã qua giờ Thìn (bảy giờ), hai làng vốn cách nhau non ba cây số. Họ nhà trai đốt một phong pháo ngắn báo hiệu đã đến, rồi một ông đứng tuổi cùng phụ rể bưng khay trầu rượu vào nhà gái xin phép nhập gia gọi là "xin giờ". Lời nói xin giờ rất ngắn gọn: "Ngày lành tháng tốt mà bây giờ là giờ tốt, xin cho họ trai được vào làm lễ nạp trưng". Lẽ cố nhiên là nhà gái chấp thuận. Sau khi hai người xin giờ đi ra, nhà gái đốt một phong pháo dài, đoạn bà con họ gái ra ngõ đón họ trai vào.

Trong các đám cưới, nhà trai cũng như nhà gái hay nhờ một người đại diện, thường là đàn ông, nói năng, trình bày mọi việc và hướng dẫn lễ nghi, do đó có chữ ăn nói từ đám cưới mà ra. Đám cưới của cậu Thị Hoàng Tự Tân, hai quan lớn Hoàng Kế Viêm và Hà Văn Quan không hiện diện nhưng hai mệnh phụ đã nhận lệnh phải làm chủ hôn. Thật ra thì hai bà đều biết chữ nghĩa lại thường tiếp xúc với hai quan ông nên rành nghi lễ, ít người giỏi hơn. Thản hoặc trong vùng quê Văn La và Vĩnh Tuy, có hương chức biết chữ nghĩa còn những nông dân cũng ít học hành nên không ai dám qua mặt hai vị phu nhân, do đó hai thượng quan chỉ thị cho hai bà làm chủ hôn là đúng, khỏi nhờ cậy người ngoài, không hơn mà cũng khỏi mang ơn.

Mọi người an tọa, bà Hoàng Kế Viêm mở đầu bằng lời chào mừng, nêu lý do tổ chức lễ rồi mở sính lễ, đã bày sẵn trên bàn lớn trước bàn thờ, trình hai họ. Đoạn bà ra hiệu cho một người đàn ông bên họ trai, đã chỉ định trước, đứng lên đọc lớn bản hôn thư. Họ gái chấp nhận thì họ trai xin cho dâu ra chào họ.

Đến đây, chú rể mới thấy mặt vợ rõ hơn hồi lễ đính hôn cách đó năm tháng (năm Tân Tỵ là năm nhuận) ở Huế, còn cô dâu cũng thấy chú rể mang máng thôi vì mặt đâu dám ngửng lên. Sau này, khi về già, bà Hà Thị Tựu mới tâm sự: mấy chị em bà cứ trêu bà là lấy phải ông già rồi. Mới đầu cũng biết sơ sơ thế chứ khi ra chào họ trong đám cưới, bà thấy cậu Thị mặt mày trắng trẻo, đẹp trai, không sạm đen như thanh niên nông dân hay làm việc cho nhà. Ông Thị lại có râu mép, vì đã 29 tuổi, nên chị em đùa là lấy chồng già cũng đúng.

Dâu ra chào mọi người xong, bà Hà Văn Quan mở hộp đèn trong số sính lễ, lấy ra cặp đèn sáp ong vàng, cắm vào đôi cọc đèn lớn để sẵn trên bàn nơi bày sính lễ. Hai ông bà (sẽ bưng quả hộp trong lễ đưa dâu) được mời đứng ra thắp đèn nhờ hai cây đuốc nhỏ, đoạn hai người đàn ông đứng tuổi bưng hai cọc đèn vào để cạnh khám thờ. Đèn phải để cho cháy hết tim mới thôi. Cũng cần để ý là khi họ nhà trai bước vào nhà họ gái thì bàn thờ nơi đây đã lên hương đèn sẵn.

Chú rể, áo gấm xanh đậu bông (nghĩa là chỗ dệt hoa, thợ may cắt vải, khi may lại phải ghép cho đúng hoa văn, không được chệch) quần lụa trắng, chít khăn đen, đi giày hạ là loại giày bít kín đầu mũi che ngón chân còn gót thì hở. Cô dâu áo kép (hai áo mặc sát nhau) một nhiễu điều, một hồng đào, quần trắng, đi hài, chít khăn xanh (không được mang khăn vàng, màu vàng chỉ dành cho vua) đeo hoa tai sẵn, đôi hoa tai nhận được hồi lễ đính hôn. Khi dâu rể chuẩn bị lễ gia tiên thì phụ rể và phụ dâu bưng đến cho mỗi người một áo thụng (áo rộng), áo chú rể màu xanh da trời còn áo cô dâu màu huyền, tím đậm đen. Đến đây, chú rể và cô dâu mới đứng trước hai họ mặc áo thụng vào, có sự giúp đỡ của phụ rể và phụ dâu. Động tác sắp đặt như vậy là có ý để cho hai họ thấy rõ vóc dáng của dâu và rể khi đang mặc áo chẽn chứ nếu mang áo thụng trước thì không rõ con người. Ông bà ta trước bố trí việc gì cũng có lý.

Dâu rể lễ gia tiên (bốn lạy ba vái) xong, phải lạy mẹ vợ và vài ba vị trưởng thượng già cả hai lạy còn các bậc cô bác đứng tuổi, chứ chưa nói đến những người còn trẻ, đều cho miễn cả lạy và cả vái cũng miễn luôn. Thật ra thì các vị này thấy chú rể đẹp trai là đích tôn thừa trọng của ông Đông các nên ai cũng có cảm tình và có phần vì nể.

Đến đây thì bên nhà gái cho hai thanh niên ra nhận hai con ngỗng đem nhốt vào lồng ở góc sân, hai lá thiên tuế được dắt lên mái nhà còn hai lồng đèn được treo ngay cửa ở gian giữa. Mẹ chồng xin phép đeo nữ trang cho cô dâu: kiềng vàng xuyến vàng, lại có một người con gái rõ mắt giúp bà già đeo cho dễ, đoạn cài trâm cho cô dâu. Xong đến lượt mẹ vợ và bà con bên họ gái tặng cô dâu vài món nữ trang. Cô dâu vái chào hai họ một lần nữa rồi vào phòng đợi đến chiều mới đưa sang nhà trai. Hai họ vui vẻ nhập tiệc cho đến đầu giờ ngọ (11 giờ) thì họ trai xin kiếu về, chú rể cũng theo về luôn. Họ gái sẽ cử hành lễ thân nghinh, đưa dâu vào khoảng giữa giờ mùi (hai giờ chiều).

Tưởng cũng nên nhắc lại nội dung hôn thư. Ở Việt Nam, riêng Bắc kỳ và Trung kỳ là khu vực bảo hộ của Pháp, từ năm 1930 về sau mới có nhân thế bộ, nghĩa là khai sinh, khai tử, khai giá thú có mẫu sẵn chứ trước kia, khi có đám cưới, nhà trai lập hôn thư, nội dung tùy ý, miễn là viết chữ Hán cho thông là được. Còn hình thức thì tùy tiện, có nhà viết trên giấy đỏ hoặc giấy đỏ dính nhiều chấm kim mã, là giấy lóng lánh như từng hạt vàng gọi là hoa tiên, sang hơn nữa thì viết trên lụa, trên vải đỏ. Riêng đám cưới ông Hoàng Kế Viêm khi lấy công chúa Hương La, hôn thư là một quyển sách bằng vàng gồm bảy tờ vàng thất, hay còn gọi là thỏa, là vàng pha đồng cho cứng, mỗi tờ dày nửa ly, rộng khoảng 12 cm, dài 24 cm, kết dính với nhau nhờ năm cái khuyên làm trục bản lề.

Sau đây là hôn thư lập nhân đám cưới của cậu Hoàng Tự Tân ngày 16 tháng Mười năm Tân Tỵ 1881 viết trên lụa:

Chấp sính

Tự Đức tam thập tứ niên, tuế thứ Tân Tỵ, thập nguyệt, thập lục nhật Quảng Bình tỉnh, Quảng Ninh phủ, Long Đại tổng, Văn La xã.

Hôn nghị: Thân phụ: Đông các Đại học sĩ Hoàng Tá Mỗ

Thân mẫu: Chánh nhất phẩm mạng phụ Nguyễn phu nhân

Kinh dỉ hàn vi, khúc tùng môi nghi, quang thư sính hảo cử chi, nghĩa vi kinh truyền giai ngẫu.

Kim phối: Lương duyên khởi sự, nam Hoàng Tự Tân, nhị thập cửu tuế, định phối vi thê, cẩn trạch cát nhật lương thần, cung trần tế sính hảo hỷ. Nữ Hà Thị Tựu nhị thập tuế, thiện khả ái nghi ngôn, điện nhạc chi tình, điềm nhiên thể vị, doãn tôn hiệp ca lân chi hảo, chúc tha niên cang mộng trình tường.

Kim trọng thủ từ, thư vi chứng cứ

Sự hữu lễ nghi, cụ trần vu lễ.

Nhất: Phù lang thành bàn

Nhị: Mỹ tửu thành trình

Tam: Kim hạ nhĩ thành song, kim xuyến thành song,

Kim cảnh hoàn nhất cá, Kim thoa nhất cá

Tứ: Sơ vấn lễ thành ngân: nhị thập lạng

Ngũ: Chánh sính thành điền: nhất mẫu nhị đẳng điền tọa lạc tại Sơn thôn, Văn La xã. Đông giáp tiểu hương lộ cận nhị đẳng công điền, Tây giáp ngã đẳng viên trạch, Nam giáp tiểu Khê, Bắc giáp Lê tộc điền, Đông Tây tứ chí y như văn khế. Kim chấp phu thê cang trưng.

Hôn nhân: Nam Hoàng Tự Tân, nữ Hà Thị Tựu.

Bản dịch: Chứng nhận kết hôn.

Tự Đức năm thứ 34. Năm Tân Tỵ, 16 tháng Mười. Tỉnh Quảng Bình, phủ Quảng Ninh, tổng Long Đại, làng Văn La. Bàn về hôn nhân. Thân phụ là Đông các Đại học sĩ Hoàng Tá Mỗ, thân mẫu là Chánh nhất Phẩm mạng phụ Nguyễn phu nhân. Đã trải qua thời kỳ khó khăn, nay đến lúc nên mai mối. Thư rõ ràng về lễ cưới. Nghĩa xếp đặt đẹp đôi. Nay kết hợp. Duyên lành khởi xướng. Bên trai là Hoàng Tự Tân 29 tuổi, xin cưới vợ. Cẩn chọn ngày lành tháng tốt, hoan hỷ kính trình lễ vật. Bên nữ là Hà Thị Tựu, 20 tuổi, ăn nói dịu dàng, nghĩa tình vui vẻ, điềm nhiên ưng thuận hiệp ca yêu thương là tốt. Chúc mừng mộng năm qua nay thành sự thực. Nay viết thành lời, thư coi như là chứng. Sự việc có lễ nghi cụ thể.

— Thứ nhất: cau trầu thành mâm

— Thứ nhì: Rượu ngon đóng hũ

— Thứ ba: Hoa tai (vàng dưới tai) thành đôi

- Xuyến vàng thành đôi
- Kiềng vàng (vòng cổ) 1 chiếc
- Hoa (trâm) vàng 1 chiếc

— Thứ tư: lễ sơ vấn có bạc: 20 lạng

— Thứ năm: sính lễ chính là ruộng: một mẫu ruộng nhì tọa lạc tại xóm Động, làng Văn La. Đông giáp đường làng nhỏ gần nhị đẳng công điền, Tây giáp nhà vườn chúng tôi, Nam giáp khe nhỏ, Bắc giáp ruộng của họ Lê. Đông Tây bốn phía y như văn khế.

Nay nhận vợ chồng coi như kết hôn

Hôn nhân: Nam Hoàng Tự Tân

Nữ Hà Thị Tựu

(Còn tiếp)

Chú thích: Ông Hoàng Kế Viêm đã có vợ chánh thất ở quê nhà là bà Nguyễn Thị Duyên. Khi làm quan ở Huế, ông lấy công chúa Hương La, con gái thứ năm của vua Minh Mạng, nhưng chỉ được một năm rưỡi thì bà này qua đời (1845).

TÔ THÙY YÊN

MÙA HẠN

Ở đây, địa ngục chín tầng sâu,
Cả giống nòi câm lặng gục đầu,
Cắn chết hàm răng, ứa máu mắt,
Chung xiềng nhưng chẳng dám nhìn nhau.

Bước tới, chân không đè đá sắc,
Vai trần, chín rạn gánh oan khiên,
Nước khe, cơm độn, thân tàn rạc,
Sống chẳng khôn, cầu được thác thiêng.

Xứ khổ thêm chi mùa thảm khốc.
Than ôi, trời đã bỏ rơi dân!
Nắng kim khí chảy, đá ran nứt,
Gió táp, rừng khô rụm, cát tràn.

Sông hồ nẻ đáy, giếng vô vọng.
Muông thú điên lầm lũi bỏ đàn.
Dân làng từng toán kéo lên rú
Lùng sục đào khoai củ đã khan.

Côn trùng kiệt sức lìa hang ổ
Lên chết thiêu trên mặt đất hừng.
Ác điểu ngày đêm gào xáo xác.
Cơ hồ cả thế giới lâm chung.

Cây đa râu tóc già thiên cổ
Trụi lá, trơ cành, xương nám đen
Khiến lũ ma hoang hằng ẩn náu
Bỏ đi nhường chỗ cho chim kên.

Cái chết tru rân giờ nguyệt tận...
Máu tươm từ mỗi lỗ chân lông,
Mọi người nghe chính mình kêu rú...
Liệu sáng mai còn ai nữa không?

Đám chủ mới, y trang xúng xính,
Súng nghênh ngang, tiếng hét phàm phu,
Xua trăm họ sá chi thân mạng
Lăn địa cầu ra khỏi lối xưa.

Như tên phù thủy già điên loạn,
Lịch sử lên cơn dữ bất thường,
Treo ngược con đen trên lửa đỏ,
Quật mồ thánh đế phi tang xương.

Có gã hề cuồng ra giữa chợ,
Hát ngao những đoạn sấm truyền xưa.
Bao giờ trời nổi cơn nồm lớn,
Minh chúa giong thuyền ra cố đô.

Người mẹ trẻ buồn đôi mắt trũng,
Thân gầy nhom, tóc cháy, da cằn...
Địu con, một dúm thịt nhăn nhúm,
Ra ruộng khô tìm mót cái ăn.

Làng mạc giờ đây đã trống trơn...
Con dê, con chó cũng không còn.
Người đi bỏ xác nơi bờ bụi.
Miếu sạt, thần hoàng rũ héo hon.

Ta khóc lẻ loi, cười một mình,
Thu mình ẩn náu dưới tâm linh,
Mắt chong kinh hãi đêm hư sử,
Thân lõa lồ đau cháy khổ hình.

Gõ lấy đầu mình như gõ cửa
Liên hồi kêu cứu giữa đêm khuya.
Đầu ta như chiếc đầu lâu cổ,
Tiếng rỗng không khô khốc não nề.

Ta thương vô kể mầm cây lụi,
Con suối trinh nguyên chết cạn lòng,
Thương bậc hiền nhân về động đá
Quyên sinh. Từ đó, hạc bay không...

Còn ở đâu miền xanh bóng cây
Để ta đến đó ngồi trưa nay.
Dường như hơi mát trong vòm lá
Có chất men làm ta thoảng say.

Còn ở đâu làn nước giếng khơi
Để ta đến uống một hơi dài,
Thỏa cơn khát nhớ như điên dại...
Nước giếng quê nhà mát ngọt thay!

Ở đâu còn ngọn suối thần tiên
Đã chảy đi từ tuổi dịu hiền,
Đàn khúc trường ca xanh bất tận
Còn nghe vang vọng cuối trời quên.

Ở đâu còn bóng chim hiền diệu
Hót gọi tiền thân ta tái sinh,
Hót gọi vô vàn mơ ước cũ
Bay lên trời lớn, đọ mông mênh.

Ở đâu còn cụm mây hư ảo
Bay tự ngàn năm trắng cổ thi.
Tưởng tượng ta gom vào hiện kiếp
Trọn luân hồi ấy, một lần đi.

Ở đâu còn trận gió thênh thang
Thổi mới trần gian mùa rộn ràng.
Tiếng biển lời rừng nao nức giục
Ta về cho kịp độ xuân sang.

Mùa hè, em bới tóc lên cao,
Môi ửng son và má chớm đào,
Ngày nghỉ về vườn thăm họ ngoại,
Lòng như con sáo trong ca dao.

Trời cẩm thạch ngời, bông mía trắng.
Ngoài đồng dậy tiếng trẻ con reo.
Con chuồn chuồn đó thong dong quá,
Mùa hết còn bay dõi dõi theo...

Em mặc bà ba ra bến nước,
Đưa tay khỏa nhẹ nhớ thương nào.
Đến nay, lòng ấy còn xao gợn...
Mùa trái cây nào hái tặng nhau.

Đỏ mắt đăm đăm, ngày lại ngày...
Bao giờ mây sẽ chuyển về đây?
Bao giờ trời sẽ mưa như xối
Hạnh phúc chan hòa lên cỏ cây?

Bao giờ, cho đến bao giờ nữa,
Em gánh vui về họp chợ đông,
Lòng ngát như hoa còn kịp buổi,
Áo chưa người giữ để xin buông?

Mưa ôm choàng đất khóc thương mong.
Mưa báo tin vui chạy sáng đồng.
Mưa đuổi, bắt, gào, reo hớn hở.
Mưa mừng trấy hội nước trăm sông.

Ông lão mù lòa ra trước hiên,
Nghe mưa cũng ngước mắt nhìn lên.
Má nhăn bỗng sáng hai hàng lệ...
Ông hiểu ra rồi lẽ biến thiên.

Ta nghe cánh cửa lâu đời sập,
Những xích xiềng han rỉ đứt tung,
Sấm động một trời u uất vỡ,
Muôn nghìn năm thế giới còn rung.

Tất cả rồi đây sẽ đổi thay.
Đổi thay từ quặng mỏ, mầm cây,
Đổi thay cả mặt người tăm tối,
Những bớt chàm xưa được xóa trôi.

Ta nhặt từng trang sách rách toang
Đứa ngu đã xé vứt ra đường.
Ta gom từng hạt cây luân lạc,
Mong mỏi gầy lên một địa đàng.

Đi nào, chú bé của ta ơi,
Đem tấm lòng trang trải với đời,
Yêu cả con sâu cùng cái kiến,
Thả hồn vào cỏ lá bung phơi.

Bao giờ ta trở về dương thế,
Sống đáng vinh danh lại kiếp người,
Để thấy đường đi muôn lối rộng
Dập dìu những chéo áo reo vui?

Quê ta đâu cũng là sông nước.
Phơi phới triều lên bát ngát bờ,
Cuốn tiếng đàn khuya trên bến bắc
Trải tình về lại lạch nguồn xưa.

Biển khơi mở cửa như đêm tối,
Cung hiến bao nhiêu mộng dị thường,
Cho thấy cuộc đời sinh động mãi,
Lòng người rộng ngợp mấy không gian.

Đêm ta để cửa chong đèn đợi.
Người khách xa nào sẽ đến đây?
Ta đợi vì nghe ngoài ngõ trúc,
Có con chim khách kêu chiều nay.

Đêm bạc hà thơm nghe cổ tích,
Muôn sao trẻ nhỏ đùa rì rào.
Trong vườn, cây nhỏ dường linh hiển
Đã hiện thành người đi dưới sao.

Dỗ cho ta giấc ngủ bình yên,
Đêm tựa bàn tay rất đỗi hiền
Kéo tấm chăn thêu màu sặc sỡ
Đắp lên ta tuổi cũ hồn nhiên.

Nhà ta biết có còn nguyên vẹn?
Tái hợp nào không nhuốm ngậm ngùi?
Người chết cũng xin tề tựu đủ,
Tình dù u hiển chẳng đang nguôi.

Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch,
Hát với nhau vài điệu hát vui,
Nâng chén uống mừng ta sống sót...
Chợt nghe nồng lệ tự đâu rơi.

Hy vọng lên từ đất dịu hòa.
Con chim bay kiếm lại trời xa.
Em về vườn cũ thăm cây trái,
Gặp tuổi lưng chừng khóc giữa hoa.

Lòng ta nay vẫn lòng ta trước,
Vẫn chảy về con nước thuở nào.
Sợi tóc mai kia dù có rụng,
Ba sinh còn để nhớ cho nhau.

Đất trời không có chi còn mất.
Ta bước ra thân đón tuổi già.
Trước mắt, ta còn trăm thứ việc:
Sửa nhà, chăm sóc lại vườn hoa...

Những ai hôm trước từng gây tội,
Hãy lắng tâm tha lấy lỗi mình.
Tự tại, thời gian chôn chính nó.
Đời lên lại mãi tựa bình minh.

Sẽ lo chẳng những cho người sống,
Lo cả cho người khuất mặt kia.
Quen lạ bạn thù chung giấc ngủ,
Chung lời thương tiếc khóc trên bia.

Con ta giờ đã làm cha mẹ,
Lớp lớp truyền lưu máu một dòng,
Không cạn nguồn tình thiên bẩm ấy,
Đời đời nhân loại sống như sông.

Nghe này ba tiếng gõ sân khấu.
Màn mở, người tham dự đứng lên...
Thế giới, hãy còn thơ trẻ nhé,
Bắt đầu câu chuyện lớn thần tiên.

Nghệ Tĩnh, 1979

CHIẾN HỮU

CAO HOÀNG

Tôi quay lại nhìn vào trong lán một lần nữa. Trên cái sạp nằm bằng gỗ thùng đạn và ống tre, Hùng Mập nằm im như một xác chết. Hùng ốm và xanh như một cái lá tre, chỉ có cái chân phải là còn mập, rất mập vì nó sưng to và đầy ắp những mủ. Một sợi dây vải bẩn thỉu — từ một đòn tay trên mái tranh — treo cái chân nó cao hơn một chút. Những con ruồi đang lăn xả vào vết thương to lớn đó, mà Hùng không còn sức để đuổi nữa. Tôi định quay vào lấy một cái gì đó để đắp lên chân nó, nhưng một bàn tay đã giữ tôi lại. Thành đưa mắt bảo tôi là phải gấp lên, không còn thì giờ nữa. Thêm một cái nhún vai của nó như thầm bảo: Trong chân Hùng Mập đã có vài tỷ con vi trùng rồi, có thêm vài triệu con nữa thì nhằm nhò gì!

Tôi lặng lẽ đi theo Thành. Trong nắng sớm mai, ngàn lá cây rừng rung lên trong mắt tôi. Đó là một ngày tuyệt đẹp của rừng: Cây gõ mật cao lớn và thẳng tắp với những lá nhỏ run run trong gió. Cây bằng lăng với những chấm xanh hồng rất lạt của xà cừ óng ánh ngoài lớp vỏ. Nơi bìa rừng này còn sót lại vài cây giá tỵ non, gốc chưa được một thân ôm, chen lẫn với những bụi nhãn lồng và lá tàu bay. Gió tháng Giêng thổi nhẹ đưa những đám mây bầu bĩnh, từng cụm phiêu du trên những cánh rừng ngoạn mục.

Một ngày đẹp như thế này mà thiếu mất tiếng cười của nó, tiếng cười hệch hạc dễ chịu, trẻ thơ và yêu đời. Tối hôm qua nằm nghe tiếng rên rỉ của nó hòa với tiếng côn trùng kêu ran xung quanh lán mà tôi xởn gai ốc. Tôi nghĩ đến cái lúc chính tay tôi đi xin mỗi người một miếng ván nằm mà đóng cho thằng Hùng Mập một cái hòm, y hệt như tôi đã đóng cho ông già Bức. Chúng tôi chôn chuẩn úy Bức ở dưới một tàn cây lồng mứt, vào một ngày mưa tầm tã. Hòm bằng gỗ thông rất nhẹ, ghép bởi nhiều miếng ván nhỏ, mà ông cũng rất nhẹ nữa. Nước mưa ngập quá nửa cái huyệt đào vội. Nhấn đầu áo quan xuống thì đầu kia nổi lên. Có lúc nghiêng ngửa, lúc lắc, không làm sao mà đè xuống được, thật ghê rợn quá. Một trong bốn đứa phụ trách mai táng nói:

"Thôi đừng giỡn nữa ông già! Nằm êm xuống đi chiều nay tôi sẽ cúng thuốc lào cho ông."

Trong những ngày bịnh hoạn, ông hay ngồi lê ở nghạch cửa, đôi môi xám xịt mỉm cười mỗi khi tôi xách cái búa đẽo đi qua.

"Cho anh một bi ba số tám đi cưng, anh sẽ kể chuyện thủ trưởng đi nghỉ mát ở Đà Lạt cho nghe..."

Mưa vẫn rơi đều trên bầu trời đục với sấm chớp liên miên, chúng tôi đã lạnh run rẩy. Một con chim nhỏ ở đâu bay tạt vào đậu trên cành lồng mứt, mình ướt sũng; nó nhìn chúng tôi ngơ ngác rồi rùng mình, chao đảo đôi cánh bay vụt đi trong mưa. Tôi nói theo thằng nọ:

"Ông già! Ý quên! Thiếu úy! Tôi còn nửa gói Hoa Mai, ngày mai khi đi lao động qua đây tôi cũng sẽ mang cho ông một khẩu "súng cối" nữa, tha hồ mà hút! Thôi đừng giỡn nữa mà! Ớn xương sống lắm.".

Nói có nhiêu đó thôi mà mưa tạnh và ông già chịu chìm êm cho chúng tôi lấp đất lên.

Bẵng đi hai hôm tôi mới nhớ tới lời hứa và đi tìm cái điếu cày của ông. Cái gì của ông cũng xấu xí lôi thôi, nhưng cái điếu cày thì tuyệt hảo. Không biết ông đã dùng miệng lưỡi năn nỉ cách nào mà một thằng thật khéo đã làm cho ông cái điếu hết sẩy! Hút vào nó kêu rít lên ro ro như tiếng còi. Một dòng chữ rất mờ, cạo xóa lem nhem mà tôi cố đoán ra được: "Khi đi mái tóc còn xanh". Câu này có lẽ ông tặng lũ trẻ tuổi chúng tôi — thật là một câu đặc biệt phản động! Còn một câu nữa rất rõ khắc gần nõ thuốc: "Đẹp vô cùng tổ quốc ta ơi!" Chắc là để tặng cái anh thợ thơ, già không chịu chết, cứ sống báo hại.

Thỉnh thoảng tôi bắt gặp ông Bức ở trong rừng khoai mì. Những cây khoai mì do chúng tôi trồng liên tiếp hàng mấy chục mẫu đất. Đất mới, mì mọc nhanh cao vút, cành lá đan kín trời. Đi ở trong đó mát như được vào phòng có máy điều hòa không khí. Một màu xanh thăm thẳm như ngọc bích, sâu hút như địa ngục.

Mỗi lần vào đây là một lần thằng Hùng Mập hậm hực: "Tổ cha nó, nó bắt mình đốn cây hàng mấy chục mẫu đất. Xếp cây hướng về hướng gió rồi đốt, rồi cuốc. Rồi đi xin hom về cắm xuống. Mẹ! Đến khi thành củ mì rồi, mình đi đào về nộp; nó chặt, nó cân, rồi nó bán cho mình mới tức chứ!" Tôi nói:

"Nó không chặt cái thân mập của mày ra làm ba khúc đem cân bán cho tao đã là may rồi, còn tức gì nữa?"

Ở trong cái rừng núi xanh ngắt đó, lão già vừa uể oải vun gốc mì với những người khác, vừa ồ ề bắt chước giọng nàng ca sĩ Sơn Ca hát

rất to:

Anh đưa em đi về
Về quê hương yêu dấu
Anh đưa em đi về
Về quê hương đầy mi-ì

Ở cuối câu hát ngay cái chữ mì, lão láy giọng rất nặng mùi. Hát xong là ngửa mặt lên trời cười ha-ha-hê-hê nghe rất đểu. Thành và tôi đã đi gần hết khu canh tác rồi. Nơi đây có rất nhiều chuối do chúng tôi trồng. Tôi bỗng chợt nhận thấy là thằng bạn này cũng ốm quá rồi, cái cổ ngẳng và hai cái tai vêu ra trông thấy mà thảm. Nhưng tôi biết rất rõ nó: Dù ở hoàn cảnh nào, nó cũng sẽ làm một cái gì đẹp. Hôm rày nó có vẻ bí mật và "ra lệnh" cho tôi sáng nay đi hộ tống nó nguyên ngày.

Thành đội một cái nón "kết" rất đẹp may bằng vải áo giáp, bộ quần áo trận còn mới vừa bắt thăm được hôm nào. Anh phi công rất đẹp trai của ngày xưa không thể nào lôi thôi lếch thếch được. Ngược lại là Hùng Mập, nó thường đeo một cái áo trận cũ, rách tả tơi, sau lưng có những vệt dài màu trắng lợn cợn chất muối; đó là dấu tích của những ngày lao động khổ sai. Thiếu úy biệt động quân Lưu Chấn Hùng tự Hùng Mập mất lúc nào cũng liếc ngang liếc dọc tìm cái ăn. Một bụi rau càng cua? Một con thằn lằn đen bóng ẩn mình dưới tấm ván mục? Hay một trái bắp non còn sót lại trong khu canh tác đều không thể thoát được bàn tay nó.

Mặt trời đã lên cao khi chúng tôi tới ngã ba cầu dây. Vài dây leo bằng bắp chân người, vắt từ đại thụ này sang đại thụ khác, đan xéo vào nhau như một cái võng khổng lồ. Không ai bảo ai, chúng tôi tự động ngồi xuống những sợi dây rừng vĩ đại này. Trên cao hàng đàn chim rừng đông đảo đang la hét dữ dội. Tôi hiểu rằng nếu những con chim bự này mà nổi hứng xà xuống tấn công thì chắc là hai thằng phải tan xác.

Cũng ở chỗ này mấy tháng trước, Thái ngậm ngùi chia tay tôi. Nó đi vào rừng chỉ với một cái ná cao su và một lon gô nước. Trước đó, nó có bảo tôi kiếm cho nó một mớ sỏi, nhưng rừng này chỉ có đá ong lởm chởm. Tôi đi tới khu thợ rèn, nhặt được một cây sắt đúc bê tông, rồi nhẩn nha cưa thành những viên đạn cho nó. Thái cảm động cầm khư khư mấy chục viên sắt đều đặn đó, mà tôi biết với tài bắt ná thun thần sầu của nó, mỗi một viên là một con mồi gục ngã, có thể là chim, dơi, chồn, sóc... Không biết bây giờ Thái đã qua biên giới chưa hay đã gục ngã trong một xó rừng quạnh hiu nào.

Có lần Thái nói: "Từ ngã ba cầu dây nếu đi thêm chừng hai giờ nữa, có thể sẽ nghe thấy tiếng động của xe lửa chạy trên đường sắt. Đôi khi nghe được tiếng còi tàu. Cứ việc áp tai xuống đất sẽ nghe được tiếng động này từ rất xa. Riêng tao thuở bé nhà ở cạnh đường rầy, nên có một giác quan thứ sáu về loại này". Thái cười: "Nếu mày muốn thử thời vận thì mò ra gần đường tàu mà chờ. Chỗ đó con tàu ì ạch leo một cái dốc rất dài, nên mày dư sức đuổi kịp. Thử đi! Có điều tao không biết con tàu sẽ đến ga nào."

Tôi hỏi Thành:

"Mình phải đi bao lâu nữa?" "Chừng tiếng rưỡi."

Tôi thở ra, làm như mình vừa bỏ lỡ một cơ hội thử thách. Thế rồi tôi lại lẽo đẽo đi theo nó, ráng ngậm miệng lại không hỏi nữa. Bao giờ mới tới? Tới rồi làm cái gì? Có hỏi nữa thì nó cũng làm cái bộ bí mật, lắc đầu quầy quậy. Hồi còn ở thành phố, bạn bè đi chơi với nhau bao giờ tụi tôi cũng dàn hàng ngang; bất kể là hai hay ba bốn đứa. Nhưng từ ngày sống ở rừng, chúng tôi đã có thói quen đi hàng một và chẳng có đứa nào hé răng nói một lời — y hệt như mấy người rừng".

Bấy giờ, chúng tôi đã tới khu rừng tre, ở đây tre mọc mênh mông bát ngát thành từng bụi khổng lồ. Phần dưới gốc toàn là gai chằng chịt và sắc bén; nếu đang lúc chặt tre ở trên cao mà rớt vào giữa bụi, thì kết quả ra sao, thật tôi khó có thể tưởng tượng được. Mà xem ra, bụi nào cũng y hệt bụi ấy. Nếu không có khả năng định hướng thì đúng là lạc vào một trận đồ không lối ra. Tuy thế lúc này trời sáng hơn vì ánh nắng xuyên qua được những cành tre đan thưa ở trên cao. Lá tre rụng xuống lối mòn một lớp dày làm cho con đường trở nên êm và sạch. Chúng tôi chưa bao giờ đi tới khu rừng này để chặt tre hay lấy măng. Có lần ở một khu rừng tre khác, chúng tôi nghe thấy tiếng gà gáy. Mới đầu tưởng là đến gần một thôn xóm nào rồi, nhưng thật ra chỉ là con gà rừng. Thành lần theo tiếng gà, không bắt được con nào hết, nhưng sau một hồi lục lạo nó tìm được một ổ trứng năm quả còn nóng hổi. Năm con gà rừng xậm màu, bộ mã rất đẹp đã là nguồn vui của chúng tôi trong ít lâu. Chúng bay vù vù nhiều hơn chạy mỗi khi gà mẹ nuôi gọi. Nhưng rồi không hiểu sao, cứ từng con lăn đùng ra chết.

Chúng tôi đã ra khỏi rừng tre, tai tôi không còn âm u với tiếng gà rừng tưởng tượng nữa, nhưng bây giờ lại âm vang tiếng còi tàu. Tiếng còi tàu ở một sân ga của một thành phố nhỏ nào đó trong thời cũ, gợi nhớ người tình phố chợ? Buổi chia ly não nề, nỗi buồn chia hai kẻ ở người đi? Hay đó chỉ là tiếng còi tàu ngạo nghễ của Thái nhắc tôi hãy thử lửa.

Mùa xuân đang về, không phải chỉ ở trong cây rừng muôn hoa, cành tre mây núi mà còn ở cả trong mạch đất, dòng suối đang róc rách bên lối đi. Hai đứa tôi, hai mái đầu xanh bước đi trong cái hoang mang tuyệt vời của mùa xuân đang chuyển mình rực rỡ. Thành bỗng nói: "Mày có thấy cái núi ở đằng xa kia không?"

Theo ngón tay trỏ, tôi thấy lấp lánh trên đầu đám cỏ tranh là một cái núi dài và thấp, đỉnh dẹp không có gì là hùng vĩ cả. Thành lại nói: "Đó là núi Chứa Chan. Tao nhận ra nó vì đã nhiều lần oanh kích ở vùng này. Mày nghĩ các cụ nhà mình khi Nam tiến vào đây đặt tên hay đó chứ. Tôi nói: "Tao thấy chứa chan cái con khỉ gì đâu! Chắc là các cụ nói lái."

Đường mòn chúng tôi đang đi song song với một con suối. Suối dẫn chúng tôi xa rừng một lát để thấy cảnh trời bao la với hoa cỏ mây núi; bây giờ nó lại dẫn vào một cánh rừng khác. Rừng bên suối xanh tươi hơn với nhiều dây mây và dây leo khác, rừng như trôi đi theo bước chân chúng tôi. Ngay giữa dòng suối, cỏ lác mọc dựng lên, lá khô rơi phủ đầy, thỉnh thoảng qua chỗ có đá sỏi. Suối reo lên vui vẻ. Ký ức dẫn tôi về một quyển sách quốc văn lớp nhất với cái hình vẽ con cọp đang uống nước bên dòng suối — bài thơ hổ nhớ rừng. Nhưng chẳng có con hổ nào ở đây, cũng chẳng nghe thấy tiếng gầm chuyển động sơn lâm; mà trời đất thiên địa ơi! Tôi nghe thấy tiếng người! Lại là một giọng con gái trong trẻo, tiếng miền Nam làm tôi tỉnh cả người.

"Mấy ảnh tới rồi đó má."

Từ nhiều năm nay tôi không được thấy đàn bà con gái hoặc một đứa trẻ con nào cả. Vì thế chỉ mới cái âm thanh thoang thoảng của người thiếu nữ đã làm trí não tôi bật lên nhanh như một dòng điện cao thế được nối lại.

Thỉnh thoảng có đứa trong tổ nói với tôi là nó trông thấy những người đàn ông Thượng đi lấy dầu chai. Những cây dầu chai to lớn trong rừng được họ đục vào thân cây một lỗ vuông, mỗi bề chừng gang tay. Mặt đáy khối

PHƯƠNG TRIỀU

NHIỄU NHƯƠNG

Từ qua nghiệp chướng về hiu quạnh
Đã nhặt thêm nhiều trái thị phi
Người chia nửa mặt đời nghiêng ngả
Vệt nắng soi lưng nghĩa lý gì

Mưa không thấm được đời hai mặt
Mặt phải cười vui, mặt trái buồn
Tóc em rẽ xuống đường ngôi lệch
Bướm lạc bên nào cũng thọ thương!

Sao em không nói lời chân thật
Chữ nghĩa bao nhiêu ẩn dụ buồn
Lời trôi trên miệng gai cùng lửa
Son phấn tô thêm những dị thường

Đưa vai gánh trọn sầu nhân thế
Nhân thế bao nhiêu tuổi nhiễu nhương
Cắm cọc bên đời đo sự nghiệp
Từng phân vuông nhỏ cũng đau thương

Mẹ già khóc những lần ly biệt
Mòn mỏi qua nghìn vạn tử sinh
Hôm qua đón cháu về thăm nội
Mai lại đưa con vào điêu linh

Bạn bè nào biết còn hay mất
Đứa lạc bên trời, đứa tổn thương
Ta về từ cõi thân tù rạc
Quê cũ mà như lỡ độ đường

Thế nhân lắm kẻ cười che miệng
Ngơ ngác tìm không ra tình thương
Nỗi đời tất bật cơm cùng áo
Còn chút lòng đâu cho vấn vương

Chiều nay lên phố — phố quê người
Mua được bao nhiêu là đồ chơi
Tìm trong bề bộn mà không thấy
Một chút tình cho nỗi nhớ đời

vuông đó trũng sâu để hứng dầu chảy ra từ thân cây. Người ta đốt một chút lửa trong lỗ vuông đó để kích thích cho dầu tiết ra rồi bỏ đi; vài hôm sau họ mới trở lại lấy dầu. Có lúc tôi cũng muốn trộm ít dầu bỏ vào cái ống tre, đem về lán đốt chơi; nhưng chưa bao giờ trông thấy dù là cái mặt đen đủi tay chân sần sượng và cái miệng nín thinh của những con người lặng lẽ này.

Nàng ngồi đỏng đảnh bên bờ suối, trên cái rễ bự của một thân cây mọc nghiêng ra dòng nước. Cái chân trắng thò ra từ ống quần đen nhánh tay cầm nón quạt nhẹ; gió đưa đẩy mấy sợi tóc mai vướng mồ hôi, phất qua phất lại trên gương mặt rám nắng, hồng lên và xinh đẹp vô tả.

Phía sau, ẩn trong vài cái lá cọ là một bà già người gầy nhom, cố hữu với cái khăn rằn và môi trầu đỏ quạch.

Tôi đứng chết trân ra đó xem cuộc mặc cả kỳ lạ bắt đầu:

"Hai chục là cao rồi."

"Không được đâu em, còn mới tinh của người ta đó."

Nàng bắt đầu xô đẩy Thành nhè nhẹ, giựt chỗ này, kéo chỗ kia. Có lúc hai tay nàng nắm lấy vai Thành quay đi một nửa vòng.

"Hai mươi hai là hết mức rồi đó."

Thành vẫn khăng khăng:

"Ba chục là ba chục."

Nàng bĩu môi mới dễ thương làm sao:

"Thứ này khó khăn lắm anh Hai à, xưa rồi đâu ai thèm nó nữa đâu!"

Bỗng có tiếng bà già gắt nhỏ:

"Vừa vừa thôi nghe Út! giúp người ta đi."

"Nhưng con đâu có đủ tiền đâu má. Chỉ có ít viên "Tê-Tra" anh có chịu lấy không?"

Thành bỗng nhảy dựng lên:

"Ừa! Cũng được! Mấy viên cũng được mà!"

Nàng ngó Thành như ngó một cái gì kỳ cục nhất rồi quay đi. Lúc nàng đem thuốc từ bà mẹ tới thì Thành cũng vừa cởi xong cái áo nhà binh bốn túi quý hóa của nó, cuộn ở trong tay.

Tôi thấy rõ là nó khựng lại trước mặt người đẹp, không biết làm gì tiếp theo nữa. Nàng quay mặt đi chỗ khác để cho Thành được tự nhiên; nhưng một phút đã trôi qua rồi mà Thành vẫn ì ra như gỗ. Bỗng nàng hét lớn:

"Cởi quần ra đi ông nội."

Cùng lúc với cái giựt mình thảng thốt của tôi là câu nói hồi nãy của bà già, nhưng nhanh và lớn hơn:

"Vừa vừa thôi nghe Út! Cái áo là đủ rồi."

Nàng cười khoe hàm răng ngọc, đôi mắt reo vui với tất cả cái rực rỡ mà lại hiền hòa của một cô gái xuân thì:

"Em giỡn đó mà anh, đừng có vội giận nghe!"

Khi nàng và bà mẹ đã đi rồi. Thành vẫn còn tần ngần đứng đó, hai tay mân mê những viên trụ sinh óng ả, mắt đăm chiêu xa vắng.

Hôm qua thằng bác sĩ Khánh nói: "Nếu có chừng năm bảy viên thì chắc khỏi, mà phải uống một lần, nếu uống từng viên một thì cũng đem cưa thôi; mà tụi nó cưa bằng cưa thợ mộc, không có thuốc sát trùng, thuốc mê thì cũng tiêu mẹ cái đời thằng nhỏ lì!"

Mà nó lì thiệt! Nhiều lần Hùng Mập kể cho tôi những trận đánh nó tham dự. Nó vẫn còn mơ màng với những tiếng hô xung phong, tiếng kèn, tiếng quân hò reo tràn qua các giao thông hào.

Một đêm Trung Thu trăng sáng vằng vặc nó bảo: "Cả một đêm tuyệt vời đó, tao phải săn đuổi bắn giết trên một cánh đồng bát ngát ánh sáng." Lần khác nó kể: "Trong một trận xáp lá cà mà súng đã trở thành vô dụng, tao vật nhau với một thằng cỡ tuổi mình. Tao thấy nó cố gắng hết sức tranh đấu, tao cũng vậy. Mồ hôi nhỏ từng giọt trên trán nó, cũng y hệt như hồi nhỏ mình vật nhau với mấy thằng bạn cùng lớp. Có lúc tao với nó bị dây kẽm gai cuốn vào, đau đớn, rách nát; có lúc đè lên các tử thi còn nóng hổi bê bết những máu. Cuối cùng tao rút được lưỡi lê từ một tử thi khác và lụi mạnh vào ba sườn nó. Mày biết sao không? Hai tay nó từ từ buông tay ra, đôi mắt nó nhìn tao ngạc nhiên rồi nó mỉm cười! Đau khổ cho tao, đó là nụ cười của một đứa trẻ rất hiền lành như tao, như mày hay là thằng Thành; rồi mặt nó tái nhợt đi, đôi mắt nó cụp xuống đau buồn..."

Một lần nữa nó nói: "Trong một tuyến phòng thủ không đường rút, tứ bề thọ địch. Lúc địch chỉnh đốn hàng ngũ để làm thịt tụi tao một mẻ chót, mày biết không tao còn chưa đủ mười viên đạn. Trong cái yên lặng ghê sợ đó, có một thằng trong đại đội mình bị thương nặng. Nó cứ thỉnh thoảng rên lên gọi cha, gọi mẹ, gọi em gái nhỏ của nó. Tiếng kêu cứ thoi thóp rồi nhỏ dần. Cái tiếng kêu này quái ác quá, nó ám ảnh tao có lẽ đến suốt đời...

Rồi mày biết không quân ta đến kịp, máy bay cũng đến nữa. Tao cầm mấy viên đạn mà nước mắt rưng rưng, tai nghe tiếng đại liên gầm rú từ trên cao, tiếng bom nổ như trời xập ngay bên chiến hào. Tay tao lóng cóng không thể nhét mấy viên đạn vào băng đạn được. Cứ tưởng rằng mấy viên đạn này phải dùng để kết liễu cuộc đời mình."

*

Bây giờ Hùng nằm ở lán yên lặng chờ chết. Y như cái thời khắc yên lặng trên trận tuyến, kinh hoàng với tiếng kêu nhỏ từng chặp gọi người thân yêu của một mái đầu xanh tội nghiệp sắp lìa đời. Hùng chưa biết ở cuối khu rừng này còn có người chiến hữu, tay nắm chặt mấy viên "đạn thuốc", mắt đăm đăm xa vắng, chân bước vội về; ánh chiều bắt đầu nhạt nhòa trên những cánh rừng âm u.■

CÀ KÊ CHỮ NGHĨA *DÊ NGỖNG* CHUYỆN LIÊN QUAN

THANG MA

(tiếp theo số TK21 tháng Tám 95)

Hồ hóa, Mao hóa

Ông Nguyễn Anh Tuấn nêu rằng tiếng Việt không thể "Hồ hóa", do đó không có chuyện "Mao hóa" tiếng Việt miền Bắc được. Ông lý luận Hồ Chí Minh từng viết *giải phóng* là *zải fóng* mà đâu ai theo. Nghe có lý. Việc ông Hồ viết *gi, ph, c* thành *z, f, k* là phong cách đặc biệt cá nhân. Mặc dù nhà nước CS có thời cổ súy, nhưng không ép thành luật. Ông Hồ chẳng ép buộc ai phải viết như thế. Bằng cớ là ông không đưa ra đạo luật nào cho chính phủ thi hành. Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng chưa hề ký sắc lệnh bảo dân sửa đổi chính tả. Nếu không với uy tín ông Hồ và sức mạnh đảng CS ngoài Bắc thời 50, 60 thì ai dám cãi. Có thể ngày nay chính cá nhân ông Tuấn phải viết "zải fóng" rồi. Vào Nam "giải phóng" làm chi cho bị "fỏng zái"! Vì chữ quốc ngữ dễ dùng, có thay cũng chẳng tiết kiệm cách viết được là bao, nên ông Hồ không màng. Sự cải tiến của ông Hồ dùng *z, f* thay *gi, ph* là sự tiết kiệm nét bút, có thể nhiều người theo, chỉ cần một đạo luật là thay đổi không khó.

Trên diện ngữ âm viết như ông Hồ chẳng có gì gọi là tiến bộ, vì mẫu tự phát âm ra sao là do ta định nghĩa. Thí dụ, mẫu tự *z* người Anh, Pháp, Mỹ phát âm [z], nhưng người Trung Quốc và người Đức lại phát âm [ts], ai đúng hơn ai? Nhóm phụ âm *gi* trong từ *giải phóng* sở dĩ ông Hồ viết *z* vì giọng Bắc thuần túy phát âm [z]. Cách phát âm này không đồng nhất trên toàn quốc, đa số người trong Nam phát âm [j] (theo phiên âm IPA), rất gần âm "y" trong "yes". Nếu theo ông Hồ thì chỉ hợp cho một bộ phận miền Bắc, lại không hợp cho toàn quốc. Nếu sửa *gi* thành *z* thì nhóm phụ âm *tr* giải quyết ra sao? Trong Nam đọc rất đúng *ông trời*, nhưng nhiều người miền Bắc đọc gần như *ông chời*. **Cách viết quốc ngữ của ta hiện thời rất ổn định, toàn quốc đã quen, cùng ký hiệu mẫu tự, phát âm thì tuỳ miền mà "gia giảm, nặng nhẹ"**. Ít ai muốn sửa, sợ lại phân định theo miền này theo miền kia thêm rắc rối. Có mang "ngữ-âm ngữ-iếc" ra cũng khó thuyết phục được. Ngay giới chuyên môn ngữ âm học còn cãi nhau chí choé!

Còn "ngữ điệu" (tone) thì điệu của "dấu sắc" hai miền bắc nam đọc giống nhau *có*, nhưng miền trung (Huế) đọc gần như *cỏ*. Ta đâu cần đánh dấu cho khác, **cùng cách bỏ dấu, tùy miền mà "lên xuống"**. Chỉ còn một việc là các vần trong cùng một từ có nên viết sát liền mà cụ Hoàng Văn Chí nêu ra như "giải phóng" thành "giảiphóng"? Đề nghị của cụ Chí rất hợp lý, cần phải bàn bạc cho kỹ xem có nên đổi thói quen của dân mình không. Giữa sự *hợp lý* và *thói quen* trong ngôn ngữ, *thói quen* quan trọng hơn nhiều; nếu không tiếng Anh phải sửa lại toàn bộ cách viết cho hợp "lô-gích". Đa số người Việt viết "mỹ", nhưng có một số người như học giả Nguyễn Hiến Lê chỉ viết "mĩ", cho rằng đúng hơn trên diện ngữ âm, hoặc chính tả (?). Riêng tôi chẳng thấy nó hay chỗ nào cả. Chỉ là sở thích cá nhân. Tôi theo thói quen đa số, viết "mĩ" thì thấy nó hơi"kì", chưa quen mắt.

Có chuyện tiếng Việt miền Bắc bị tiêm nhiễm cách dùng từ của Hoa Lục thập niên 50 không? Việc này những ai lớn tuổi, quan tâm ngôn ngữ nước nhà thấy rất rõ. Giới thanh thiếu niên miền Bắc trưởng thành trong nền giáo dục XHCN sau 1954 cảm thấy ngôn ngữ họ dùng tự nhiên, nên khó nhận ra, có gì là "Tàu" đâu? **Suốt ngày ngồi ở chợ cá làm sao ngửi thấy mùi tanh?** Tôi xin ghi lại một chuyện vui do nhà văn kiêm nhà báo lão thành Vũ Bằng (dân bắc kỳ Hà Nội chính cống đấy nhá, nay có lẽ đã mất?) kể lại trong cuốn "Nói có sách" như sau:

Bước lên xe điện, vợ tôi bị một bà níu lại, nói tíu tít:

— Gớm, gió nào đạo dẫn *cậu mợ đến đây? Tiền bạc gà ăn không hết, tội gì mà đi cái xe* phức tạp *này? Mà cậu nên nghe chị, học vừa vừa chứ, phải* điều trị *lấy sức khỏe. Còn mợ, cấm có chịu* quá vãng *đến chơi nhà chị.*

Hai vợ chồng cãi nhau. Anh chồng mua một đùi chó về nhắm rượu, say rồi gây với vợ. Vợ nhiếc là đồ đế quốc *và hăm đi* đề nghị *với* bí ban. *Chồng quát: Cái thứ đàn bà chưa ai vẫy đã le te đi* ủng hộ *như mày, ngủ thì* tích cực *lắm, mà làm thì chẳng thấy có* kiên quyết *gì hết; muốn* đề nghị *để ông* đề nghị *cho một thể, ông* trường kỳ *với mày mà!...*

Chuyện báo cáo trong một ủy ban. Một chị nhỏ nhẹ với chị cán bộ:

— Thưa đồng chí, bữa nợ đồng chí ủy nhiệm

em mua nón, em đã tham gia đa số *các chợ, ráo riết* truy tầm, *mà thật tình không thấy đâu còn* oa trữ *thứ nón đó, thành ra đến nay cuộc* điều tra *vẫn chưa kết quả, em xin trân trọng báo cáo để đồng chí* bế mạc *cho...*

Dù là chuyện vui và có vẻ quá đà, nhưng câu chuyện trên cho thấy phần nào cách dùng từ rất "Hoa Lục" trong vùng kháng chiến chống Pháp đầu thập niên 50. Bắt chước các bài học tập chính trị do đảng CS Trung Quốc truyền dạy cho cán bộ Việt Nam. Mấy từ Hán Việt trên có trong tiếng Việt, nhưng ta không dùng thế. Cách dùng trên quả thật là của Hoa Lục. **Tôi không cho rằng dân Bắc thích nói năng nặng nề như vậy.** Tuy nhiên trong chế độ đảng trị, cán bộ, đảng viên khắp mọi ngõ ngách được coi là mẫu mực, báo chí sách vở là kim chỉ nam; ăn nói viết lách như thế làm dân bắt chước, tạo thành lối nói gần như tiêu biểu miền Bắc trong một giai đoạn lịch sử.

Cách nay không lâu tôi nhận được thư một người thân từ Hà Nội, đoạn cuối có câu: *Chúc anh chị lao động, học tập thu hoạch nhiều thắng lợi.* Đa số người Việt trong nước đã quen với câu kiểu trên. Dân miền Nam trước 75 không bao giờ dứt thư mà viết như thế. Bỗng nhiên tôi nhớ lại một bức thư vợ tôi người Tàu Hoa Lục (rõ khổ! Lại mang chuyện vợ ra cho người ta ghét) viết cho tôi từ Quảng Châu cách nay 7 năm, có đoạn xin dịch sát như sau: *Anh ở trường lao động ra sao? Quan hệ với lãnh đạo tốt chứ? Chiều qua anh Ba lúc đặt hàng thượng lượng kém bị người ta lừa mua phải gía cao. Em nhiều lần nhắc phải kiên quyết đấu tranh, luôn luôn học tập ăn nói để võ trang tự kỷ, kiên trì đánh từ từ đánh lâu thì mới hy vọng thu hoạch thắng lợi khi thương lượng, mà anh Ba ngoan cố lắm...* Xin bạn đọc so sánh mấy đoạn trên xem người Trung Quốc và người Việt miền Bắc dùng từ thế nào? Khá giống nhau! Hy vọng hiện nay tiếng ta đã bớt "kỳ cục". Nguyên nhân vì đâu? Thôi thì nhờ tác giả Bùi Tín (cựu phó tổng biên tập báo Nhân Dân, Hà Nội) kể chuyện trong "Hoa Xuyên Tuyết" trang 65:

...Sau chiến dịch biên giới cuối năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân VN được nối liền với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa...Từng đoàn cố vấn Trung Quốc sang, có mặt ở mọi ngành mọi cấp...Có thể nói từ đại tướng đến lính trơn đều cắp sách đi học các ông cố vấn Tàu... Rồi phương châm: chính trị là thống soái, chế độ chính ủy có quyền tối hậu quyết định... Ngọn gió phương Bắc ào ạt thổi xuống căn cứ địa Việt Bắc, rồi các vùng giải phóng trong cả nước. Sách dịch Tàu, phim ảnh Tàu, bài hát Tàu "Kết Đoàn", nhảy ương ca Tàu, phong trào học chữ và học nói tiếng Tàu lan ra rất rộng. Và từng đoàn cán bộ nối tiếp nhau sang Tàu, lên Bắc Kinh, Thượng Hải, Nam Kinh, Nam Ninh, Quảng Châu để học. Đại học Bắc Kinh mở rộng cửa đón hàng trăm cán bộ VN ta. Trung Quốc là hậu phương rộng lớn, bao la và hào hiệp cho cuộc kháng chiến VN, lợi thật là lớn và chúng ta phải trả gía cũng thật quá đắt! Vừa thoát khỏi đêm dài nô lệ của thực dân Pháp, chúng ta lóa mắt trước một nền văn minh mới của "cách mạng" Trung Quốc được ta suy tôn là đàn anh, mở đường, mẫu mực...Và tất cả những người kháng chiến VN đều coi những tác phẩm: Bạch Mao Nữ, Thượng Cam Lĩnh, Ngu Công dời núi, anh hùng Lôi Phong...là những tác phẩm tuyệt đỉnh của loài người...Có những chuyện nhìn lại vừa buồn cười, vừa xấu hổ vì quá ấu trĩ.

Qua cuốn "Mặt Thật", tác giả Bùi Tín lại tiếp trang 36:

... Cái thời từ 1950 đến tận 1978, sách ông Mao tràn ngập các cửa hàng bán sách Nhân Dân và các tủ sách công cộng; trong thư viện quốc gia Hà Nội, sách của Mao được xếp vào loại kinh điển cơ bản nhất. Thư viện các cơ quan cho đến tủ sách ở các khu phố, trường học, xí nghiệp... tràn đầy sách của Mao... Tư tưởng Mao Trạch Đông được nêu gương để toàn đảng học tập! Những chữ "Tàu" hoặc mang màu sắc "Tàu" xuất hiện rất tự nhiên: địa chủ cường hào, địa chủ ác bá, tố khổ, kiểm thảo, phản tỉnh, liên hệ, thành khẩn, tình cảm giai cấp...

So với các ảnh hưởng ngoại ngữ vào tiếng Việt Nam như tiếng Pháp, Anh, và có thể tiếng Nga, **tiếng Trung Quốc dễ thâm nhập hơn rất nhiều.** Một phần ta quen "mùi" Hán Việt, nhất trong giới "có học", phần nữa là sự cận kề văn hóa. Nhiều lúc nó nhè nhẹ luồn vào đến nỗi không nhận ra nó là "Tàu", lại cứ tưởng nó là tiếng mình. **Tôi không phản đối sự mượn từ ngữ nước ngoài hay giao lưu văn hóa. Nhưng chỉ mượn khi nào ta thiếu, phải biết phân định cho rõ. Còn có rồi lại bỏ, mượn chữ người để biểu lộ thái độ gần gũi chính trị, nhờ vả kinh tế, viện trợ thì cần xét lại.** Tác giả Phạm Xuân Đài trong bài ký "Chuyện cái đầu gối" đã nói về *sự tự nguyện đồng hóa ngôn ngữ của miền Bắc* như sau:

Ở miền Bắc mới có việc sửa đổi và sao chép từ ngữ Hán Việt cho giống y chang với Trung Hoa lục địa, và dùng hằng ngày với một tinh thần tự nguyện đồng hóa rõ rệt. Ở miền Nam vẫn dùng các từ Hán Việt đã thành nếp từ xưa, và thấy không việc quái gì phải đảo chữ bảo đảm *thành* đảm bảo; đơn giản *thành* giản đơn, thành hình *ra* hình thành... *và thấy không việc gì phải đổi thói quen ngôn ngữ của ông bà để lại, những tiếng đơn giản dễ hiểu như* đồng ý *thì thành* nhất trí; nhanh lên, lẹ lên *thì phải* khẩn trương; trục trặc *thành ra* sự cố; khoảng cách *thành ra* cự ly...

Có lẽ ngượng vì tinh thần nô lệ quá đáng ấy mà sau này CS Việt Nam lại tung ra phong trào

"gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt", một phong trào không những không làm cho tiếng Việt trong sáng hơn mà còn làm "nôm na mách quê hóa" một ngôn ngữ vốn đã ổn định và đã có những mực thước của nó. Cùng với sự nghiệp làm thui chột truyền thống đẹp đẽ của nền văn hóa dân tộc bằng những thứ học được của CS quốc tế, bây giờ đến tiếng nói của dân tộc họ cũng mang ra...làm cách mạng, hết "Trung Quốc hóa" lại đến "nôm na hóa" mà quên mất rằng cái ngôn ngữ ấy, cái "tiếng nước tôi" ấy là một thực tại sinh động chảy trong lòng dân tộc từ thượng cổ cho đến bây giờ, thế hệ này qua thế hệ khác đã vun bồi nó, đã liên tục tiếp thu cái này loại trừ cái kia, với một ý thức độc lập thẩm mỹ và nhân bản cùng với sự hiểu biết cái qui luật uyển chuyển tự nhiên của ngôn ngữ. Chắc trong quá khứ ông bà chúng ta chưa bao giờ cưỡng bách ngôn ngữ để làm một cuộc "cách mạng" như CSVN đã làm, đó là điều may mắn và nhờ thế mà tiếng Việt vẫn tồn tại, phát triển đẹp đẽ mặc dù ảnh hưởng của văn hóa Tàu đối với ta thật là khốc liệt...

Việc thay các từ Hán Việt có sẵn trong tiếng Việt bằng từ Hán kiểu Hoa Lục, hoặc dùng các từ Hán Việt có sẵn theo cách dùng Trung Quốc, hoặc hội nhập thêm từ ngữ Hán chính trị của CS Tàu đều thoát thai từ việc học tập chính trị, tư tưởng Mao Trạch Đông, và các tác phẩm dịch thuật của đảng CS Trung Quốc cung cấp miễn phí cho Việt Nam, phần nhiều do **chuyên viên Việt ngữ người Trung Quốc dịch**. Cán bộ, đảng viên CS Việt Nam phần câu nệ, kính nể vì được viện trợ, phần lóa mắt trước "cách mạng Trung Quốc", phần ngu dốt cộng thêm nhiệt tình nên chấp nhận toàn bộ, coi như thứ văn hóa mới, ăn nói phải tỏ ra "cách mạng" theo đám cố vấn Trung Quốc. Một thứ ngôn ngữ "thời thượng" thoát thai trong vùng kháng chiến chống Pháp thập niên 40, 50. Biến thành ngôn ngữ giới quyền lực suốt 20 năm miền Bắc XHCN, tiêm nhiễm vào người dân thành lối nói tiêu biểu người Việt XHCN.

Tới đây nhường bạn đọc phán xét có hay không chuyện "Mao hóa" tiếng Việt miền Bắc trong quá khứ.

Văn tự Trung Quốc

Trở lại chuyện văn tự Trung Quốc, từ năm 1956 đến 1978, tất cả các sự canh cải văn tự đều được ban ra bằng sắc lệnh trực tiếp của "Quốc vụ viện" (tức phủ thủ tướng), và gián tiếp từ phủ chủ tịch. Khi Mao Trạch Đông còn sống, ông viết lệnh chủ tịch cải tổ văn tự bằng tay nguệch ngoạc nét bút lông (được khen là chữ đẹp đấy nhá, học sinh mà viết thế thì bị zero ngay!) truyền cho Chu Ân Lai thi hành. Chu Ân Lai và "ủy ban cải cách văn tự quốc gia" ra thông báo toàn quốc chuẩn bị chiến dịch sửa văn tự. Tiếp theo là sắc lệnh của "quốc vụ viện" ban ra gia hạn hẳn hòi trong vòng bao nhiêu ngày phải hoàn tất nhiệm vụ, nếu không cán bộ liên đới sẽ bị phạt. Tất cả mọi thông báo, sắc lệnh đều đăng báo toàn quốc kèm theo một bảng liệt kê các tự cần phải thay, chủ yếu đăng "Nhân Dân Nhật Báo". Trước khi công bố trên mặt báo, nhà đúc chữ trung ương đã đúc xong sẵn sàng các kiểu chữ, và các khuôn đúc chữ mới cung cấp toàn Hoa Lục. Thời hạn thi hành ngắn nhất là các báo, nhà xuất bản, làm gương. Tiếp đó là các trường học. Trong trường thi hành trước tiên là cấp tiểu học, rồi kế tiếp cấp cao hơn. Sau khi học trò tiểu học tập quen chữ mới, các em được tung ra khắp đường phố với nhiệm vụ sửa chữ mới cho các tên đường, bảng hiệu, thông tri khu phố...

Từ năm 1956 chiến dịch cải cách văn tự chia làm vài đợt, mỗi đợt sửa vài trăm chữ. Trung Quốc lập bảng Hán tự giản hóa ngay từ đầu thập niên 50. Năm 1956 chiến dịch cải cách văn tự bắt đầu. Đến năm 1964, bảng Hán tự giản hóa được cập nhật thêm, công bố chính thức gồm 2238 tự (người Trung Quốc có học trung bình biết khoảng 6, 7 ngàn tự. Người ta chỉ giản hóa một số tự quá nhiều nét, chứ không giản hóa toàn bộ). Cải cách tiếp tục. Cách mạng văn hóa bắt đầu 1966. Hàng ngàn tự giản hóa ra đời, dùng loạn cả lên, nhất là trên các báo tường viết tay (bích báo, "đại tự báo"). Năm 1973, chính phủ thâu thập đúc kết, rồi công bố các chữ mới phải được dùng, mục tiêu dự định hoàn tất 1975. Nhưng thời gian này, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai bệnh nặng, tình trạng xã hội rối loạn "phê Lâm, phê Khổng" (phê bình Lâm Bưu, Khổng Tử) nên không thực hiện được toàn diện. Năm 1976, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Chu Đức chết. Năm 1977, Bắc Kinh xâu xé nội bộ, thanh toán Tứ Nhân Bang. Mãi đến tháng 12, năm 1977, Bắc Kinh mới tung thêm một bảng phụ đính sửa thêm vài trăm Hán tự nữa, mỗi tự không quá 12 nét, đa số trung bình khoảng 6,7 nét. Các em lại túa xuống đường tay cầm cọ sơn hô hào mọi người sửa chữ. Qua được vài tháng Đặng Tiểu Bình thấy việc đổi chữ quá đà, sợ ảnh hưởng đến truyền thống dân tộc nên ra lệnh thu hồi bảng Hán tự 1977 này. Các em lại ào ào xuống đường lần nữa, kêu gọi mọi người sửa lại như cũ. Sinh viên Trung Quốc học với tôi từng là các em này. Nghe kể lại nhiều chuyện lý thú.

Đầu thập niên 80, Trung Quốc công bố bảng Hán tự giản hóa năm 1964 là chính thức, loại bỏ tất cả các chữ mới xuất hiện sau 1964. Sự sửa đổi văn tự ở Trung Quốc là điều cần thiết, và bộ chữ giản hóa nay đã đi vào lòng dân Hoa Lục. Đây là một công lớn của đảng CS Trung Quốc không chối cãi được. Tuy nhiên dân Hồng Kông,

Đài Loan, và giới Hoa kiều hải ngoại cho đến nay vẫn phản đối bộ chữ giản hóa, cho rằng nó làm mất vẻ đẹp truyền thống của Hán tự, và trông "cộng sản" quá. Một chọn lựa thái độ chính trị hẳn hoi trên diện ngôn ngữ. Ông Tuấn có thể nhìn trên mấy tờ báo Hán ngữ của Hoa kiều bên London hoặc bất cứ nơi nào trên thế giới thì thấy ngay. Họ có chịu in theo kiểu Bắc Kinh đâu. Ngay việc dùng từ nhiều chỗ rất khác Hoa Lục. Biết thế nên khi Bắc Kinh xuất bản sách báo tuyên truyền như *Nhân Dân Nhật Báo, ấn bản hải ngoại*, chủ yếu cho Hoa kiều đọc, đều in theo bộ chữ phồn thể cũ như ở Đài Loan. Mãi đến năm 1993, chủ tịch quốc gia Giang Trạch Dân mới ký sắc lệnh dùng bộ chữ giản hóa cho tất cả các sách báo tuyên truyền của chính phủ tại hải ngoại, bỏ hẳn bộ phồn thể.

Ông Nguyễn Anh Tuấn có viết một đoạn về tiếng Trung Quốc, mà theo tôi ông chưa nắm vững vấn đề. Tôi không muốn làm rườm mất bạn đọc, hay tranh luận chuyện này vì nó đòi hỏi chi tiết, có tính chuyên môn. Không khéo lại bị độc giả cho là "giả bộ đồ nho". Đối với các bạn đọc thích đề tài này ở Âu Mỹ, tôi chỉ xin giới thiệu ba cuốn sách có thể tìm được trong các đại học lớn, bằng Anh ngữ:

1) *The Chinese Language, Fact and Fantasy* của John DeFrancis. Tác giả DeFrancis là giáo sư Hoa ngữ nổi tiếng thế giới tại đại học Hawaii. Hiện ông đã già lắm, về hưu rồi. Ông nổi tiếng với bộ sách giáo khoa dạy Hán ngữ ở Mỹ từ thập niên 50, dày cộm gồm 11 cuốn. Bộ sách Hán ngữ này có thể tìm được trong Yale Linguistic Series. Dạy cả hai bộ chữ phồn thể lẫn giản hóa, giảng luôn sự cách biệt về dụng ngữ của Hoa Lục lẫn Đài Loan, Hương Cảng. Không một giáo sư dạy tiếng Hán nào ở Âu Mỹ mà chưa nghe đến John DeFrancis. Cuốn "The Chinese Language" bàn về các vấn đề của tiếng Hán trong thế kỷ 20, chữ viết, ảnh hưởng tây phương, xã hội, cải cách văn tự, so sánh với cải cách ở Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản...

2) *The Languages of China* của S. Robert Ramsey bàn về các ngôn ngữ toàn Trung Quốc (dialects) một cách khái quát nhưng đầy đủ. Đặc biệt ở chương "On Chinese Writing Today" tác giả viết khá kỹ về cải cách văn tự tại Trung Quốc, bàn luôn các quan điểm bênh vực cũng như chống đối.

3) *Language Reform of China, Documents and Commentary* edited by Peter Seybolt và Gregory Chiang. Cuốn này thâu tập các bài viết nổi tiếng, dịch Anh ngữ, từ 1949 đến 1978 của giới trí thức, ngôn ngữ, văn học, văn hóa, chính quyền tên tuổi Trung Quốc về vấn đề cải cách Hán tự. Bênh vực cũng như chống đối.

Cải cách văn tự ở Trung Quốc cũng gặp chống đối ngay từ bên trong, nhất là giới trí thức, không phải lúc nào cũng thuận lợi. Chính vì vậy mà Mao Trạch Đông phải dùng quyền lực can thiệp. Nhà thơ nổi tiếng kiêm sử gia Quách Mạt Nhược, từng nhiệm chức viện trưởng Viện Khoa Học Trung Quốc và là bạn quí của Mao Trạch Đông, ủng hộ việc cải cách rất nhiệt tình, kể cả việc dùng mẫu tự La Tinh thay chữ Hán. Lúc mất năm 1978 nhắn nhủ hậu thế không nên quá đà trong việc sửa chữ, giữ lấy Hán tự, nuôi dưỡng truyền thống. Giới trí thức Trung Quốc ngày nay tự cho rằng chỉ biết bộ chữ giản hóa không thôi chưa đủ, không thể tự xem là có học, và họ phải học lại bộ chữ phồn thể xưa như bên Đài Loan.

Vài chuyện bên lề chữ Hán

Không những Trung Quốc chỉ muốn sách báo Hoa ngữ hoàn toàn giản hóa, mà họ còn muốn kêu gọi người Nhật theo chân. Tiếng Nhật hiện đại dùng khoảng 2000 Hán tự cơ bản, giới có học biết nhiều hơn. Đa số là chữ phồn thể như Đài Loan. Một ít chữ "Hán" do Nhật chế riêng, như chữ Nôm ta. Họ cũng giản hóa một số chữ theo ý mình nên trông hơi khác tự giản hóa của Trung Quốc. Cuối thập niên 70, Đặng Tiểu Bình sang thăm Nhật Bản, trong lúc tiếp tân đàm thoại không chính thức, Đặng Tiểu Bình có đề nghị với thủ tướng Nhật cho hai nước Trung-Nhật "hợp tác, trao đổi" văn hóa để đi đến việc "thống nhất" Hán tự, nghĩa là "yêu cầu" Nhật Bản dùng hoàn toàn các tự giản hóa của Trung Quốc. Nhật sáng suốt khéo léo chối từ. Mộng làm bá chủ văn hóa Á Châu của Tàu thật đáng sợ! Hồi tôi còn làm việc ở phòng tư liệu Đại Học Nhân Dân, Bắc Kinh, một đại học tổng hợp nổi tiếng, chuyên đào tạo cán bộ điều hành quốc gia Hoa Lục, có đọc qua ít tài liệu huấn luyện chính trị của Trung Quốc thập niên 40, 50, các bản Việt ngữ dành cho Hà Nội, do chính chuyên viên Trung Quốc dịch. Bản dịch sặc mùi "Tàu", tôi có trình bày cho vài chuyên viên tiếng Việt người Bắc Kinh một số chỗ có thể làm cho bản dịch Việt Nam hơn. Họ nhăn mặt lắc đầu nói thẳng: *Người Việt cần phải theo chúng ta toàn diện, khoảng 60 phần trăm từ vựng Việt ngữ là tiếng Hán. Mà người Việt dùng tiếng Hán của ta không chỉnh, nên ta cần sửa lại cho đúng. Đó là dịp học hỏi cho người Việt.* Họ dùng từ "chúng ta" vì xem tôi là "Hoa kiều hồi hương". Đây là điều người Việt Nam ta nên chú ý. Bắc Kinh rất tự hào khả năng Việt ngữ, trong quá khứ luôn tìm cách lèo lái tiếng Việt theo kiểu "Tàu", trên diện dùng từ Hán-Việt, qua các bản dịch cho Việt Nam.

Các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa bảo vệ quần đảo Hoàng Sa đầu thập niên 70 bị bắt khi Trung Quốc xâm chiếm đảo rất ngạc nhiên về việc mấy cán bộ Trung Quốc nói rất rành tiếng Việt mà lại "văn hoa" đến độ không ngờ, nhiều từ nghe lạ tai nhưng có vẻ "có học" lắm. Họ không có cái giọng lơ-lớ như nhiều người Tàu Chợ Lớn, cả đời ở Việt Nam mà tiếng Việt chưa rành. Tôi dạy "Văn học Việt Nam" cho ngành Đông Phương Học, nghiên cứu sinh Trung Quốc ban Việt học trình độ Việt ngữ khá cao, hơn nhiều sinh viên cao học của ta vì họ đọc được thấu triệt sách cổ Việt Nam nguyên tác

Hán văn một cách dễ dàng, như: *Khoá Hư Lục, Thất Trảm Sớ, Bạch Đằng Giang Phú, Việt Điện U Linh Tập, Thiên Nam Du Hạ Tập, Truyền Kỳ Mạn Lục, Vũ Trung Tùy Bút, Chinh Phụ Ngâm (cả bản nôm in quốc ngữ của Đoàn Thị Điểm lẫn nguyên bản Hán văn của Đặng Trần Côn. Mấy ai trong chúng ta đọc được bản của Đặng Trần Côn nguyên tác một cách thoải mái?)*... Đây là ưu thế tự nhiên của giới nghiên cứu Trung Quốc. Ta cần hiểu rõ để học hỏi thêm, cố gắng hơn, đừng nghĩ cái gì của mình không ai qua mặt được. Có lần bàn đến Đào Duy Anh, một học giả kỳ cựu Hà Nội, giới Việt học Trung Quốc dám chê Đào tiên sinh dịch Hán ngữ ra Việt ngữ "ý chưa nhuần nhuyễn", nhiều chỗ sai. Hỏi về Nguyễn Hiến Lê của miền Nam thì họ phê "không phải tay Trung Quốc học thứ thiệt", Giản Chi là "thịt ba rọi" chưa thuần "thịt nạc", nghĩa là các vị ấy chưa nghiên cứu Trung Quốc thật đến nơi đến chốn. Có lẽ họ có lý, nhưng thái độ thì đâu thua gì mấy ông Tây thực dân!

Có một chuyện đáng buồn và tiếc, tính để trong lòng, nhưng tiện đà xin kể bạn đọc nghe cho vui (Ha! Chuyện buồn mang kể lại thành vui!). Đầu năm 90, Bộ Giáo Dục Trung Quốc điều tôi về Bắc Kinh tham gia tổ *"Hán ngữ Kế toán Ngữ ngôn học" (Chinese Computational Linguistics)* chuyên nghiên cứu phương pháp xử lý và dịch thuật Hán ngữ bằng computer. Đồng thời dạy *"So sánh Cú pháp Hán ngữ" (Comparative Chinese Syntax)* cho một số sinh viên Âu Mỹ năm thứ 3, thứ 4 ban Hán văn thuộc ngành Đông Phương Học, vì mấy ông thầy giáo Tàu nhiều ông tiếng Anh, Pháp nói, nghe không rành. Sinh viên Âu Mỹ học Hán ngữ ở Tàu đa số rất giỏi ngữ học, lại hay thắc mắc, bắt bẻ yêu cầu so sánh văn pháp. Trong đám đồng nghiệp có hai người Việt Nam chuyên dạy Việt ngữ và văn học Việt Nam. Cả hai tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, ban văn học khoảng năm 73, điều sang Trung Quốc công tác. Chiến tranh Việt-Trung 1979, hai vị chọn theo Bắc Kinh ở lại, thăng "phó giáo thụ" (associate professor). Nhưng không được cho dạy "Văn học Việt Nam". Vì chiến tranh, sợ hai ông thầy Việt giảng "tầm bậy" không theo đúng chương trình "văn học Việt Nam" do các ngài Trung Quốc soạn. Từ đó trở đi môn này do giáo sư Trung Quốc đảm nhiệm. Quan hệ ba chúng tôi thân thiết, vui vẻ, đều là Việt cả. Nhưng 2 ông Việt Nam này chơi với tôi không hết mình, mà tôi cái máu "ngụy như Plây-ku" cứ hết mình với hai ông. Lương ba cọc Tàu tháng nào tôi cũng đốt phân nửa vào đám thịt dê nướng, lẩu thập cẩm với bia Mỹ, thuốc lá Ăng-lê đãi hai ông. Thiếu tiền thì dạy tư Anh văn kiếm thêm bù vào. Chẳng bạn bè Trung Quốc nào muốn chơi với họ. Cung cách ăn nói của hai ông thì "sặc mùi Trung Quốc", ca tụng chỉ có người Trung Quốc mới thật sự hiểu thấu Việt ngữ, so với các dân tộc khác, cho nên họ "có quyền" giúp tặng ta thêm những "từ ngữ tươi đẹp, giàu màu sắc, linh động, đầy sức mạnh" để làm phong phú thêm tiếng Việt. Vong bản quá!

Nhân tôi đọc được giáo trình văn học Việt Nam của nhà trường, toàn theo quan điểm giai cấp Mác-Lê lệch lạc, bóp méo lịch sử, nên đến thăm vị giáo sư chủ nhiệm ban Đông Phương (kèm theo ít quà cáp) đề nghị "chơi chơi" để tôi dạy môn này cho. Thấy tôi "Hoa kiều hồi hương", lại căn bản Việt "vững vô cùng" nên giáo sư chủ nhiệm đồng ý. Tôi không cần theo đúng giáo trình do Bắc Kinh soạn, lấy chương trình "Việt Nam Văn Học Sử Yếu" của Dương Quảng Hàm làm cái sườn, cứ thế mà dạy, mà ra bài đọc, dẹp bỏ hết quan điểm Mác-xít. Chỉ chú trọng việc "đọc truyện", văn hóa Việt Nam và quá trình văn học sử thôi. Nghiên cứu sinh Trung Quốc học với tôi say mê "Lều Chõng" của Ngô Tất Tố, thích thú "Bút Nghiên" và "Nhà Nho" của Chu Thiên, "Vang bóng một thời" của Nguyễn Tuân... Tôi dùng"Việt Hán văn khảo" của Phan Kế Bính, "Quốc văn cụ thể" của Bùi Kỷ... ra bài, cho học "Văn tế một vị công chúa Trung Quốc" của Mạc Đĩnh Chi, thơ Hán Cao Bá Quát... bắt dịch lại tiếng Việt hiện đại, sinh viên viết luận bình giảng trên hai, ba trang giấy chữ Việt đọc mà tôi thấy hay là điểm maximum, không cần quan điểm đúng sai gì ráo trọi, cứ viết cho thật lòng mình, thích thì nói thích, ghét nói ghét; thích ghét chỗ nào, tại sao là đủ! Đám nghiên cứu sinh Việt học chỉ có 8 người, 5 nam 3 nữ. Với ba cô thì này một bài kinh nghĩa "Mẹ ơi! Con muốn lấy chồng", hạn 3 ngày phải thuộc lòng phần "khởi giảng"; đọc đoạn Hán Việt chữ quốc ngữ, viết lại Hán văn, lấy bút lông mà viết cho đẹp, cấm bút máy, phần bình giảng thì viết tiếng Việt. Còn 5 anh, mỗi anh tự chọn một đoạn thích nhất, trên ba trang trong "Vũ Trung Tùy Bút" của Phạm Đình Hổ dịch ra Việt văn hiện đại, dịch hay là điểm trên 90/100, ngoài ra thêm chầu thịt dê nướng...

Đại khái tôi dạy văn học Việt Nam cho nghiên cứu sinh Trung Quốc là thế. Chẳng sư-phạm sư-phiếc gì cả, không cần! Chúng tôi thân nhau như bạn bè, anh em. Cùng nhau đọc các tác phẩm của tiền nhân Việt, mà hầu hết tôi chưa có dịp đọc qua. Thư viện Bắc Kinh lại đầy đủ thư tịch cổ điển của ta. Thật là một dịp học hỏi lớn cho chính bản thân. Vừa đọc vừa giảng cho sinh viên nghe điều sở đắc, lại có dịp học những kiến giải độc đáo của sinh viên. Chúng tôi bổ khuyết kiến thức cho nhau. Có dạy mới biết đó chính là học. Không cần sách giáo khoa, chúng tôi đọc thẳng nguyên tác, cùng nhau tự lần mò ý nghĩa, có sai vẫn hơn những bài đọc bị lèo lái. Tôi thật sự bắt đầu nghiên cứu văn học Việt Nam một cách nghiêm túc khi phải dạy môn này. Hai ông giáo sư Hà Nội bực tôi lắm! Sao hắn dạy "lung tung" mà được dạy, mình theo đúng giáo trình lại bị cấm? Một hôm tôi vào thư viện quốc gia trung ương Bắc Kinh, bất ngờ tìm ra bản "Bình Ngô Đại Cáo" của Nguyễn Trãi, thuộc loại cấm, nội dung chống Tàu, không để chung trong đám thư tịch Việt Nam. Tôi lén mang photocopy vài bản về chia lại cho hai ông bạn "dzàng". Ngờ đâu bị cáo lên giáo sư chủ nhiệm là "cố ý không theo đúng giáo trình, xin dạy vì có âm mưu giảng văn học VN theo quan điểm Tây Cống (Sài gòn), lén lút dùng bản Bình Ngô Đại Cáo phản Trung Quốc". Giáo sư chủ nhiệm kêu tôi lên cảnh cáo. Thật oan cho tôi!

Từ đó quan hệ 3 chúng tôi căng. Nhờ vậy tiết kiệm được tiền nhậu! Sau năm đó tôi bị điều về lại trường cũ ở Đông Bắc "chuyên trị" "ngữ học thuần lý" (theoretical linguistics) và "lý thuyết ngôn ngữ hình thức" (formal language theory). Lúc rảnh dắt nghiên cứu sinh đi điền dã thâu thập ngữ âm

"phương ngôn" (dialects) Đông Bắc miền ven biển Bột Hải và làng chài dọc lưu vực sông Liêu, ngồi ghe máy đảo này hòn nọ, làng này mạc kia với cái máy thu băng, ba lô đồ hộp bánh khô, hông đeo bi đông nước. Có lúc bị chó rượt, lúc ghe hư sửa máy mình đầy dầu mỡ. Có lúc dân thôn xa hẻo lánh đãi ăn mùi vị đơn giản mà ngon lạ. Đôi khi có kẻ mê tín sợ hãi chửi đuổi. Đều thâu băng, ghi nhận dữ kiện hết. Mỗi lần điền dã là một cuộc "hành quân" đầy cực nhọc và thú vị. Chỉ việc lội không đủ kiệt sức. Mọi tiến thoái lộ trình làng mạc đều do tôi quyết định trên... bản đồ. Gớm cứ tưởng là dễ. Lội sưng chân, đầy nguy hiểm. Báo cáo về Bộ xin chấp thuận chi tiền, xong phải qua công an vùng phê chuẩn, bộ đội quân khu giúp đỡ mọi phương tiện dọc đường. Tôi chuyên gia trưởng đoàn "chỉ huy" 3 nghiên cứu sinh ngữ âm học Trung Quốc, 1 công an, 1 bộ đội theo giúp đỡ bảo vệ, liên lạc đồn công an, căn cứ bộ đội trong vùng qua đường và hoạt động, 1 thợ máy kiêm tài công và 2 dân công theo phụ lặt vặt. Mấy vùng tôi đi khỉ ho cò gáy, biệt lập hẻo lánh, không ai muốn tới, nhưng đẹp "dã man" khôn kể. Những làng nghèo, thôn dân khắc khổ. Làng này qua làng kia ngôn ngữ nghe không ra. Như vào buôn Thượng cao nguyên. Em bé quê đen đủi, mặt mày ngơ ngáo, thèm chiếc bánh khô thành thị chưa bao giờ nếm.

Có lần đụng đoàn thám hiểm của nhóm địa dư Nhật Bản (tương tự National Geographic của Mỹ), nhìn trang bị và lương thực họ mang theo nghiên cứu sông Liêu, nhìn lại mình mà xấu hổ. Tôi máu tỵ nạn vượt biển nổi lên, cố moi được một máy video Sony 8 ly loại tốt, một máy chụp hình Nikon và gần chục cuộn phim, một đống pin, vài thùng đồ ăn "snack" tuyệt vời. Mang về mọi người tung hô "trưởng đoàn vạn tuế". Không ngờ tháng sau đó hội địa dư Nhật Bản gởi sang tặng đoàn "thám hiểm ngữ âm nghèo" chúng tôi một chiếc díp Toyota mới toanh, một ghe máy như chiếc giang đỉnh, một dàn thiết bị thâu âm, thâu hình điện dã tinh vi nhỏ gọn, mấy máy laptop computer Toshiba, vài máy phát điện xách tay, một số đồ nghề lỉnh kỉnh lều chõng, cấp cứu... cùng giấy mời sang Tokyo dự hội thảo Liêu Hà Văn Hóa (văn hóa sông Liêu), chi phí trả hết... Bọn tôi vô cùng cảm tạ mấy bạn thám hiểm Nhật. Họ giầu và chơi đẹp. Lúc moi đồ cứ sợ bị cười. Thấy có ăn ngon lành "bọn ngữ âm" Bắc Kinh tước hết "quà" của bọn tôi. Chắc lại giữ làm của riêng hay bán lấy tiền chia chác cho nhau, và đi du lịch dự hội nghị giùm. Thật chó! Đoàn ngữ âm bọn tôi chỉ được đảng tuyên dương. Năm 92 tôi được phong "lao mô" (lao động mô phạm = anh hùng lao động), năm kế phong "anh hùng Lôi Phong", đều nhờ mấy cuộc điền dã cực nhọc nguy hiểm. Cũng thú mà quên chuyện bực mình Bắc Kinh. Nhờ thế phát hiện một số âm Hán địa phương còn đọc theo âm cổ, có âm khá giống âm Hán Việt và cách biến hóa cũng theo rất sát Hán Việt ở một số điểm. Ngoài ra dạy thêm vài cua Anh ngữ linh tinh kiếm chút tiền còm đãi bạn nhậu. Vợ tôi cằn nhằn hoài vì cái khoản nhậu nhẹt này, sao không nghỉ ngơi cho khoẻ, cứ đi bán cháo phổi lấy tiền ăn thịt dê nướng với lẩu đủ loại, còn rượu cay, thuốc thơm cho bạn bè nữa chứ. Tôi tiếc hoài môn "văn học Việt Nam", cận kề đống thư tịch tổ tiên giấy đã vàng giòn, ít ai mó tới. Đâu phải ai muốn vào mượn cũng được.

Lại đăng ký, đăng lục

Bàn về hai từ *đăng ký, đăng lục*, tôi không hề viết rằng *sao không dùng "ghi tên, ghi danh, ký sổ cho tiện"* như lời ông Tuấn gán cho. Tôi chỉ nói trong Nam trước 75 không dùng từ *đăng ký* một cách rộng rãi như miền Bắc. Đa số người miền Nam thời đó thường dùng "ghi tên, ghi danh, ký sổ", còn từ "đăng ký" cũng có dùng nhưng chỉ hạn hẹp trên diện hành chánh, không phổ biến. Mà cách dùng "đăng ký" một cách rộng rãi ngoài Bắc là theo hoàn toàn cách dùng Hoa Lục là điều không sai. Từ *đăng lục* thì tiếng Việt hiện đại hầu như không dùng, mặc dù từ điển có liệt kê ra đấy. Theo Việt Nam Từ Điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, từ *đăng lục* chỉ dùng trên diện pháp luật thôi. Sở dĩ tôi lôi hai từ này vào bàn vì ông Đỗ Thông Minh nói rằng trước 1975 từ *đăng ký* dùng ngoài Bắc còn *đăng lục* dùng trong Nam. Theo kinh nghiệm cá nhân, tôi có thấy ai dùng từ "đăng lục" một cách bình thường trong Nam như từ "đăng ký" ngoài Bắc đâu? Có bạn đọc nào thấy từ "đăng lục" dùng thoải mái như từ "đăng ký" xin chỉ ra cho tôi biết. Đa tạ. Nói riêng về *đăng lục*, từ điển quyền uy của Trung Quốc như Từ Hải, Từ Nguyên đều không liệt kê. Bạn đọc nào rành Hán ngữ tới thư viện lôi Từ Hải, Từ Nguyên của Trung Quốc ra kiểm chứng; hoặc các loại từ điển cơ bản do Bộ Giáo Dục Trung Quốc ấn định cho học sinh dùng như *Hiện đại Hán ngữ Từ điển, Tân Hoa Từ điển*. Do đó, người Trung Quốc không xem từ "đăng lục" gốc chính ở Hán ngữ. Giả dụ nếu có, nó sẽ xuất hiện dưới dạng thuật ngữ chuyên môn, dùng hạn hẹp, không phải ngôn ngữ thường đàm như "đăng ký".

Từ điển *Mathews' Chinese-English Dictionary*, nổi tiếng đặc biệt về số lượng từ Hán cổ điển, chỉ có mỗi cụm từ *đăng lục thương tiêu (registered trademark)*, không có đơn từ "đăng lục". Sở dĩ soạn giả R. H. Mathews thâu cụm từ "đăng lục thương tiêu" vào từ điển vì lúc ông soạn bộ này tại Thượng Hải cuối thập niên 20, đầu 30 do ảnh hưởng của con buôn bên tô giới Nhật tại Thượng Hải làm nhiều nhà buôn Trung Quốc lúc đó phải theo cách dùng Hán ngữ kiểu Nhật. Có một vài từ điển Hoa-Anh, Hán-Hán soạn thiếu nghiêm túc trước 1950 có thể có từ "đăng lục" do ảnh hưởng của Nhật mà ra, nhất là mấy từ điển in bên Hương Cảng, Đài Loan. Sau năm 1950, Trung Quốc đã bỏ "đăng lục thương tiêu" mà dùng "đăng ký thương tiêu" cho "Tàu" hơn, và gạt bỏ hẳn từ "đăng lục" ra khỏi từ điển cơ bản của họ, vì người Tàu không ai xài, chứ có dùng thì họ cũng liệt kê.

Tại Đài Loan, Hương Cảng đôi khi thấy từ "đăng lục" xuất hiện một cách rất hiếm hoi trên văn bản pháp luật như một thuật ngữ chuyên môn. Đài Loan bị Nhật đô hộ mãi đến sau thế chiến thứ hai, nên chuyện ảnh hưởng từ ngữ Nhật không tránh được. Tại sao từ "đăng lục" xuất hiện trong các từ điển Việt Nam là điều cần phải xét lại nó do người Việt có trước, hay do ảnh hưởng trực tiếp của Nhật, hay gián tiếp qua ông Tàu. Nước ta cần phải lập một ủy ban điển chế văn tự THẬT NGHIÊM

TÚC quyết định chuyện trên. Dân ta thuộc loại dễ dãi, nhiều lúc "ỡm ờ", cứ thấy đọc được thành âm Hán Việt bất cứ từ nào thì "Ấy! Chữ ta đấy mà!". Cho nên mới có chuyện đồng hóa từ ngữ của con cháu ông Mao quá dễ dàng. Thôi thì ta cứ "tạm thời đồng ý" với một số trí thức Hà Nội XHCN là làm như thế phong phú tiếng Việt thêm lên đi. Nhưng coi chừng ta biến thành một thứ người Trung Quốc trên diện ngôn ngữ hồi nào không hay. Người Tàu và Nhật hơn chúng ta ở chỗ họ phân biệt sự việc rất rõ ràng, làm gì ra nấy nên dân tộc người ta khá. Tôi không phản đối việc mượn chữ nước ngoài, nếu thiếu và thấy tiện lợi thì mượn, nhưng phải biết phân định cho rõ, đừng lờ mờ, lập lờ.

Lại đọc giả, độc giả - phản ảnh, phản ánh

Khi tôi bàn với ông Minh bên Nhật về từ *đọc gả* hay *độc gả*, chúng tôi không hề ấu trĩ đến độ nghĩ sai chữ "độc" theo kiểu "đơn độc", mà chỉ có chữ "độc" là "đọc sách" mà thôi. Ông Tuấn viết nguyên văn như sau:

"Nếu xét về mặt Hán tự thì không có độc giả:

獨 讀 (1)

mà chỉ có đọc giả:

讀 書 (2)

... mà dân ta thường dùng độc giả. Nó được coi như tiếng thuần Việt từ lâu."

Ôi! Tôi buồn quá các bạn ơi! Xin ông Tuấn dở ngay Hán-Việt Tự Điển của Thiều Chửu, Từ Điển Hán Việt của Đào Duy Anh, hoặc dò bảng đối chiếu âm "Pinyin - Hán Việt" trong cuốn Từ Điển Hán-Việt của Bắc Kinh. Chữ Hán *độc (đơn độc)* và chữ Hán *độc (đọc sách)* tuy viết khác nhau, nhưng âm Hán Việt đều đọc là *độc*, âm phổ thông Trung Quốc đều đọc là *dú*. Không hề có từ nào là "đọc giả" cả!

Ông Tuấn đứng trên diện "tu từ" cho rằng hai từ *phản ảnh* và *phản ánh* cái nào dùng cũng được. Đồng ý! Nhưng tôi thích nhận định của Cam Vũ hơn về việc **dùng được** và **được dùng** là hai chuyện khác nhau. Miền Bắc rước "phản ánh" từ Tàu về đuổi đi "phản ảnh" của ông bà để lại là chuyện rõ như ban ngày. Tôi nói điều này có gì quá đáng không? Dĩ nhiên có lúc bắt buộc phải dùng *phản ánh* như ông Tuấn chỉ ra: "Ánh nắng ban mai phản ánh một màu vàng tươi...". Ông bà tổ tiên ta và người miền Nam có thể cũng dùng từ *phản ánh* một cách cụ thể như thế, ở câu này thường thì dùng "phản chiếu", khi nói về sự phản chiếu ánh sáng (ánh nắng ban mai *phản chiếu* một màu vàng tươi...), và dùng *phản ảnh* cho ý nghĩa trừu tượng như: "Văn học bình dân phản ảnh (phản ánh, Bắc) cuộc sống lao động thợ thuyền...". Trừ ngôn ngữ XHCN, dân ta trước 1954 không bao giờ nói: "Xin phản ảnh (phản ánh) với anh những điều tôi nghe..." mà chỉ: "Xin nói (kể, báo cáo, thuật) với anh những điều tôi nghe...". Lối dùng "phản ánh" kiểu này là của Hoa Lục "chăm phần chăm", mà Việt Nam học lại của Tàu trong những năm kháng Pháp và giữ lại dùng ở miền Bắc XHCN. Như thế, từ *phản ánh* ngoài Bắc có phạm vi dùng rộng rãi, bao quát và bóng bảy hơn *phản ảnh* trong Nam; tương tự từ "đăng ký". Khiến một người *ngụy như Plây-ku* như tôi nhìn miền Bắc XHCN trước kia thấy dân đi đâu, làm gì cũng đều "đăng ký" cho công an và "phản ánh" cho cán bộ. Tôi nhìn"đăng ký", "phản ánh" cứ thấy chúng rất tiêu biểu miền Bắc XHCN. Nay dân Việt dùng đã quen thì không cần sửa. Bàn ra để hiểu rõ **gốc gác chúng từ đâu, tại sao mà đến,** không phải là phản đối. Giới ngữ học ta cần ghi nhận lại cho rõ. Đó mới là thái độ đàng hoàng, nghiêm túc.

Bàn mấy từ này cho vui thì cần gì phải đứng trong "tu-từ tu-tiếc", phân định "phạm-trù phạm-triếc" để mà "phân-tích phân-tiếc" với những "lô-gích lô-giếc" chi cho rắc rối cuộc đời. Chỉ tổ hoa mắt độc giả. Không khéo lại bị cười.

Ông Bùi Vĩnh Phúc có nhắc từ "phản ảnh" không được liệt kê trong Hán-Việt Từ Điển của Nguyễn Văn Khôn. Đúng vậy. Cả Hán-Việt Từ Điển của Đào Duy Anh cũng không ghi. Đây là một thiếu sót của soạn giả. Có lẽ khi biên soạn vì "tình thế cấp bách", soạn giả dùng bảng từ vựng một cuốn Hán-Hán nào đó, cứ theo đấy mà phiên âm thích nghĩa cho lẹ (phương pháp "biên chế" từ điển cấp tốc theo kiểu "mì ăn liền", instant noodle! Rất thông dụng của giới "từ vựng học"). Nên ta có toàn từ Hán của người Hán. Dĩ nhiên phần lớn ta dùng được. Soạn giả "lười" đi tìm hay quên rằng có một ít từ Hán do chính người Việt tạo ra, đâu có nằm trong bảng từ vựng của người Tàu chính cống. Lẽ ra phải thêm vào chú thích cho cẩn thận. Khuyết điểm! Tiếc thay! Cuốn Từ Điển Việt-Hán của Bắc Kinh có chú từ "phản ảnh", tương đương "phản ánh". Người ngoại quốc làm việc cẩn trọng đến thế. Hay là soạn giả xem từ "phản ảnh" thuần Việt, không chêm vào?

Để hiểu thêm, xin đơn cử học gả Đào Duy Anh. Đào tiên sinh nổi tiếng soạn hai bộ từ điển: Hán-Việt Từ Điển và Pháp-Việt Từ Điển, xuất bản thời thập niên 30 ngoài Hà Nội. Đặc điểm bộ Pháp-Việt Từ Điển là có in chú rất nhiều chữ Hán, làm rõ nghĩa các từ Hán-Việt. Khi dịch động từ *réfléchir (to reflect)* soạn gả ghi là *phản ảnh, phản chiếu* kèm theo chữ Hán tương đương, không hề thấy xuất hiện *phản ánh,* vì người Việt toàn quốc thời ấy tuyệt đại đa số dùng *phản ảnh*. Bộ Hán-Việt Từ Điển soạn trước đó chỉ thấy tác gả liệt kê *phản ánh* mà không *phản ảnh*, vì Đào tiên sinh dựa vào bảng từ vựng của người Trung Quốc. Điều này không có nghĩa *phản ánh* là "chính thống Hán-Việt" hơn *phản ảnh*. Sự không liệt kê từ *phản ảnh* là một thiếu sót đáng tiếc của Đào Duy Anh lẫn Nguyễn Văn Khôn. Khiến đôi lúc tôi nghĩ gọi hai cuốn Hán-Việt Từ Điển của hai vị trên là Trung-Việt Từ Điển hoặc Hoa-Việt Từ Điển có lẽ hợp hơn. Ở đây tôi dùng từ Trung-Việt, Hoa-Việt (Chinese-Vietnamese) với một nghĩa không hoàn toàn là Hán-Việt (Sino-Vietnamese), mặc dù từ "Hán-Việt" có thể bao quát tất cả các nghĩa trên.

(còn tiếp)

MỘT ĐÁM CHÁY NHỎ NƠI TRẦN THẾ

NGUYỄN TUYỂN

(tiếp theo và hết)

Cúc bắn tiếng qua chị Nghi rằng nàng không chịu cho lũ nhỏ về luôn nhà. Nàng đã xin đổi trường cho chị em con Tí Bông. Nàng nói nàng không thể sống xa các con được. Nàng đã mang nặng đẻ đau ra chúng và không thể sống thiếu chúng nó. Trong khi Thuật lúng túng chưa tìm được cách nào ổn thỏa thì nhận được giấy thông báo từ luật sư của Cúc về đơn li dị. Chàng thở dài. Cũng xong. Chàng đi tìm một luật sư đại diện cho mình, yêu cầu ông này phải cãi cách nào để chàng có thể giữ mấy đứa con. Chàng sẵn sàng nhường cho Cúc căn nhà, xe cộ, đồ đạc, vòng vàng cà rá hết thảy mọi thứ nhường cho nàng hết và chàng chỉ muốn giữ bốn đứa con mà thôi. Chàng lập luận rằng Cúc không thể nào làm gương tốt cho các con noi theo khi đã đành lòng cắm sừng lên đầu bố chúng nó.

Hơn một năm trời giấy tờ tới lui với đủ mọi tốn kém thất họng, các con chàng tiếp tục nằm vạ nằm vật và chỉ được sống với bố ngày cuối tuần. Phán quyết của tòa án là Cúc được quyền giữ mấy đứa con, bố phải cấp dưỡng, tài sản cưa đôi trong đó có căn nhà.

"Tôi đã nói với ông ngay từ ngày đầu tiên ông đến gặp tôi" người luật sư nói với chàng "rằng chiều hướng các cuộc li dị ở đây nó như thế vậy. Người mẹ thường được tòa xử cho giữ con cái nếu bà ta muốn."

Giữa tòa, người ta hỏi mấy đứa nhỏ muốn sống với ai, chúng đều nói muốn sống với cả cha lẫn mẹ. Chúng là những nạn nhân bị kẹt ở giữa. Luật pháp làm việc nhằm thỏa mãn nhu cầu của người lớn. Cuối phiên xử, Cúc lùa đám con ra để lên xe nhưng chúng đã quay lại nhìn bố, khóc vang cả tòa án. Thuật nhìn các con khóc mà không thể nào cầm được nước mắt. Vợ chồng liều chết vượt biên qua Mỹ chỉ vì muốn cho con cái lớn lên có chút tương lai, được sống như những con người. Không ngờ hoàn cảnh xô đẩy đến nông nỗi này. Chàng nhìn các con khóc cầu cứu, thấy mình bất lực, hèn kém. Cái tên Trung úy BĐQ vào sinh ra tử trăm trận ngày nào nay chỉ như một thứ chó con.

Thuật về nhà nằm dài người ra trường kỷ phòng khách. Chàng ngồi bật dậy đi vào phòng các con nhìn từng món đồ chơi, từng cái quần cái áo của chúng. Lòng chàng quặn đau như chưa bao giờ có gì làm chàng cảm thấy đau đớn như vậy. Hỡi ơi, thế là xong. Thuật ngửa cổ đổ rượu xuống. Rồi những ngụm rượu theo nhau xuống. Tiếng mấy đứa nhỏ âu lo hỏi bố: "Chừng nào bố đưa chúng con về nhà mình luôn?" Chúng hỏi nhiều lần, lớn mãi, lập đi lập lại, vang vọng trong đầu của ông bố bất lực. Ông bố thua trận te tua ngay ở trong xó nhà mình, chốn thanh bình êm ả có nhiều bằng chứng của hạnh phúc tuy nhỏ bé nhưng êm ấm.

Thuật chợt chồm dậy chạy vào phòng ngủ lôi trong đống những quyển ảnh lưu niệm của gia đình lật từng tấm hình để xem. Hình các con Thuật từ lúc còn ẵm ngửa cho tới khi chúng đã lớn, nhất là những ngày sinh nhật, những lần đi chơi xa được ghi lại nhiều đến nỗi mỗi đứa có riêng một quyển. Chàng tần ngần nhìn quyển album riêng của vợ chồng, hồi vượt biên có những lúc thật gần với cái chết mà vợ chàng vẫn giữ được những tấm hình của riêng hai đứa từ khi mới quen nhau, bên cạnh các hình đám cưới. Cô dâu Cúc chú rể Thuật ngó lại trông thật nhà quê trong bộ quần áo cưới chỉ mặc có một lần trong đời. Nhất là Thuật, từ khi rời ghế nhà trường, quần áo thường

xuyên đeo trên người là quần áo rằn ri và đôi giày trận.

Thuật xúc động mạnh mẽ khi chợt nhìn tấm hình chàng chụp chung với Đường cùng mấy tên nữa trên bãi biển Sơn Chà ở Đà Nẵng. Đây là tấm hình Đường mang theo được hồi chạy năm 75 rồi cho lại Thuật khi hai đứa gặp lại nhau trên đất Mỹ. Đường trong bộ đồ bay, Thuật lè phè trong bộ quần áo hoa rừng áo bỏ ngoài quần ngồi bệt trên bãi biển sau một chầu nhậu. Cả hai đều lấy hai ngón tay trỏ móc ngoạc mồm kéo ra đến gần mép tai để thay cho những nụ cười tự nhiên không có nổi.

Thuật vừa thoát chết từ rừng núi Quế Sơn ra, đang nằm ngủ vùi trong quân y viện Duy Tân Đà Nẵng được hai bữa chưa đã mắt thì Đường đến lôi cổ đi nhậu. Thuật chỉ bị hai miểng đạn súng cối ghim vào đùi và một vết lưỡi lê đâm sướt qua bả vai khi phải đánh cận chiến với địch ngay trong quận lị Quế Sơn.

Nhìn tấm hình Thuật không thể nào không thấy hiện ra trong đầu những ngày tồi tệ của chiến trường Quế Sơn. Tiểu đoàn Thuật đã đánh như vũ như bão tái chiếm lại quận lị từ tay địch. Đánh cận chiến trong thành phố là nghề của chàng. Nhổ từng cái chốt, đánh bật từng tổ địch quân ra khỏi từng căn nhà bằng lựu đạn và lưỡi lê hơn một ngày một đêm thì dứt điểm được chiến trường. Đánh xong, đứa chết đứa bị thương nằm ngổn ngang ra đó, tưởng được bốc ra ngoài xả hơi, lấy lại sức và bổ sung để múa tiếp nhưng nhận ngay lệnh khác phải ở lại thủ lấy quận lị. Đạn thì gần hết, mỗi tên lính chỉ còn vài viên làm thuốc. Nếu địch giở trò tấn công biển người cố hữu để cướp lại quận lị, tên hạ sĩ truyền tin tà lọt của Thuật càm ràm "Đù má tụi nó hô xung phong là tui phải hả họng cạp chúng nó hả?" Thuật đã nín lặng mặc kệ tên đệ tử. Tiểu đoàn Thuật phải tử thủ và giữ lấy quận lị bằng mọi giá. Lệnh mà.

Mấy ngày liên tiếp, sau khi bị đánh bật ra khỏi quận lị, địch vẫn bám sát chung quanh, đóng chốt chận đường chuyển quân, tiếp liệu từ ngả quốc lộ Một tới, đường huyết mạch duy nhất. Từ đằng sau những hàng tre, chúng pháo khi cầm chừng cầm chân không cho ngủ, có khi pháo dồn dập tối tăm mặt mũi. Đại đội Thuật phải thủ trong quận lị. Bộ chỉ huy tiểu đoàn núp trong một cái hang nhỏ trên ngọn đồi đá thấp cách chừng gần cây số. Ở khoảng giữa là hai đại đội của tiểu đoàn nằm thành tuyến vừa thủ be sườn vừa tiếp ứng trước sau. Một tiểu đoàn BĐQ khác ôm mạn đông bắc cho tiểu đoàn Thuật gồng lấy quận lị cũng ở trong hoàn cảnh chẳng khá gì hơn. Tụi nó mà biết rõ tình hình, có lẽ chúng đã táp bạo từ mấy bữa trước.

Chiều hôm ấy, sau mấy tiếng đồng hồ tha cho không quấy nhiễu, địch nổi cơn pháo tàn nhẫn. Đã ba ngày qua, cả tiểu đoàn nằm vêu ra chịu pháo, trong bụng chẳng tên nào có được nửa hột cơm. Trung úy Dư, đại đội trưởng của Thuật, yêu cầu tiểu đoàn xin yểm trợ phi pháo nhưng chẳng thấy có chiếc khu trục nào bén mảng tới. Tiểu khu Quảng Nam cho pháo binh bắn được hai trái khói điều chỉnh tọa độ rồi quay súng đi hướng khác. Tiếng Dư rền rĩ kêu khóc trên máy truyền tin: "Trời ơi, chúng nó pháo bể gáo con cái tôi hết rồi. Trời đất ơi." Dư phẫn quá không dùng ám hiệu truyền tin gì hết.

Trung úy Thuật, đại đội phó, chợt nghe tên đệ tử thủ máy truyền tin nói vội: "Sư phụ, Trung đội của ông Khoa phá nhà kho quận chôm được hơn chục thùng lựu đạn." Chi khu Quế Sơn bỏ lại khi di tản hồi mấy tuần trước. Thuật mừng rỡ bốc máy nói thiếu úy Khoa cho đệ tử chia thật gấp cho cả đại đội. Quả nhiên, bóng địch đã thấy lố nhố dọc lũy tre hò hét xung phong.

Những quả lựu đạn lượm mót bất chợt đã cứu sống cả đại đội. Địch tưởng cứ hò hét phóng tới thì cái đám lính BĐQ đói dở phải bỏ của chạy lấy người, không ngờ chính bọn chúng lại phải ôm đầu máu chạy ra khỏi quận lị thêm một lần nữa.

Mãi trưa ngày hôm sau, một tiểu đoàn của Sư đoàn 2 Bộ Binh mới bò lên được để thay thế cho tiểu đoàn Thuật đi ra. Chiếc trực thăng đầu tiên đáp xuống để di tản thương binh là do Đường lái. Ngó thấy bạn gắng gượng trèo lên trực thăng cùng với những thương binh khác. Đường la lớn:

"Ê mày. Thằng chó còn nguyên con hả?"

"Đù má. Coi vậy chớ cũng khó bể dĩa lắm ạ. Tao chạy ra ngoài quân y viện kiếm cái giường đàng hoàng nằm ngủ bù cho nó đã. Lâu nay nằm sương gối đất ngủ bờ ngủ bụi không đêm nào được yên giấc. Lũ chó đẻ phá quá. Mà mấy thằng chết bầm chúng mày thỏ đế quá vậy, không ném cho bọn tao được cái con cặc gì để cầm hơi. Cơm gạo đéo có. Đạn cũng đéo có. Đánh chác cái con cặc gì được."

Để viên phi công phụ điều khiển trực thăng, Đường quay lại hét vào tai bạn:

"Đù má. Phi đội tao vòng vô vòng ra chỗ mày ngày mấy lần. Vô ra chỉ có một đường men theo hai bên sườn núi từ quốc lộ đi vô. Tụi nó ghim phòng không chàng hảng hai bên cùng với hỏa tiễn tầm nhiệt xỉa lên rền trời, gần tới mày rồi mà cũng ráng không nổi. Chửi cái gì. Đù má."

Một lần duy nhất một trực thăng với hai chiếc trực thăng võ trang hộ tống đã may mắn vượt qua được lưới đạn phòng không của địch để di tản mấy thương binh đang nằm ngấp nghé cửa tử. Tuy nhiên mấy tên lính khỏe mạnh có nhiệm vụ khiêng thương binh ném lên máy bay thì chúng lại, kệ mẹ mấy thằng bị thương tênh hênh trên cáng, phóng lên trực thăng giữa bụi đất

NHẤT TUẤN

MÃI MÃI

Mỗi cầm tay một bài thơ
Mắt môi hiển hiện còn ngờ chiêm bao
Gió khuya lời sóng thì thào
Ba mươi năm chẳng tan vào lãng quên
Anh xin một phút ngồi thêm
Dưới trăng biển vắng sương đêm nhạt nhòa
Ngày mai... mình lại chia xa
Ngày mai... mình lại... lại là... cố nhân.

(Truyện Chúng Mình)

cuốn tung lên mù mịt. Ngay đêm đó một tên thương binh đã tự tử bằng lựu đạn. Mấy ngày tù trọng cấm ở hậu cứ có thể lại là phần thưởng quí báu mà cái chết đến bất chợt, đến tự nhiên trên chiến địa không so sánh hay đánh đổi được. Thuật và Đường ở hai binh chủng khác nhau nhưng may mắn hai thằng bạn thân lại thỉnh thoảng có dịp tìm nhau. Tưởng rằng bạn bè thời chiến, mỗi đứa trôi nổi một phương, đứa sống chẳng mấy khi có cơ hội ngó được mặt đứa chết lần cuối. Thuật theo đơn vị lần mò trên rừng núi trường sơn hàng tháng mới được ném về thành phố hay hậu cứ nghỉ ngơi nên tiền bạc lương lậu trung úy còm cõi nằm bẹp dí trong ba lô mãi mới có dịp lôi ra nhậu nhẹt cùng bạn bè. Cái thằng Đường bạn nối khố từ những ngày mài đũng quần trên ghế nhà trường là đứa hên nên hay được nhậu bằng tiền lương lính của Thuật. Chàng nắm tay vo vún tấm hình. Không ngờ mới đó mà nay đã có quá nhiều chuyện động trời xảy ra. Chàng nằm vật ra giường giang tay giang chân nhìn lên trần nhà. Trần nhà được xịt bằng một lớp thạch cao trắng trộn lẫn vụn thủy tinh lúc nào cũng lóng lánh ngoạn mục.

Chàng để cho đầu óc ù lì không nghĩ ngợi gì nữa và mê thiếp đi trong nỗi bất lực. Nghĩ nhiều quá rồi mà cũng chẳng thay đổi được hoàn cảnh. Từ khi đến xứ này Thuật đã nói với tất cả mọi người là cái thằng Thuật trung úy BĐQ ngày nào đã chết nay chỉ còn có một tên Thuật công chức bưu điện ngày ngày đầu xuống trôn lên kiếm cơm nuôi vợ nuôi con. Chút hạnh phúc còn lại trên đời là những giây phút kề cận mấy đứa con, nhìn chúng nó ăn nhìn chúng nó lớn, nhìn giấc ngủ hồn nhiên thoải mái của chúng và không muốn gì khác nữa. Cũng những ngày tháng này đây ở bên kia nửa vòng trái đất rất nhiều những đứa trẻ Việt khác cùng tuổi như những con chàng mắc bệnh còi vì mấy củ khoai lang sượng không đủ bổ dưỡng để nuôi cơ thể chúng nó đang cần thật nhiều rau đậu thịt cá để tăng trưởng. Các con chàng là những đứa trẻ Việt may mắn. Chăn êm nệm ấm và có đầy đủ cả cha mẹ. Nhiều đứa trẻ Mỹ cũng không có được cái hạnh phúc có đủ cả cha lẫn mẹ bên cạnh hàng ngày. Thuật cố bám lấy công việc đang có bằng mọi giá với một chủ đích duy nhất là ổn định đời sống kinh tế để nuôi vợ con. Và cố gắng nuôi con cho nên người. Cũng vì vậy mà Cúc đã đồng ý bỏ công việc làm để ở nhà lo cho các con được chu đáo.

Gương một số mấy đứa mười lăm mười sáu bỏ nhà đi theo băng đảng ăn cướp rồi bị bắn chết thỉnh thoảng vẫn đăng trên báo trong đó có những đứa thuộc các gia đình vợ chồng Thuật biết. Áp lực tiền bạc quá nặng đã khiến nhiều cặp vợ chồng miệt mài làm đêm làm ngày bỏ mặc con cái. Đến khi nghe tin con chết thì hối hận không còn kịp nữa. Vợ chồng chàng đã phải trải qua những năm tháng kinh hoàng nơi quê nhà, chàng dồn mọi nỗ lực cho lũ con được hưởng đời sống hạnh phúc đầy đủ mà chúng có cơ hội được hưởng.

Thế là hết. Mọi toan tính tầm thường và bình thường, mọi nỗ lực, mọi hi sinh tới đây coi như đổ hết xuống sông xuống biển. Khoảng trống kinh hoàng, không phải cái bóng dáng hạnh phúc nhỏ mọn, đang vây bọc lấy Thuật và vướng từng bước chân chàng. Làm gì cho hết nửa đời sau?

Thuật tỉnh dậy khi chiếc đồng hồ báo thức chợt vang lên một điệu nhạc nhẹ. Mỗi buổi sáng sớm, nó có phận sự khua chàng dậy để đi làm. Chàng lần tay tìm nút báo thức tắt đi để khỏi phải nghe nó lập lại. Chàng mệt mỏi và chẳng còn thấy ham hố đi làm chút nào. Chàng nhắm mắt nằm giang tay giang chân trên giường. Ngoài dù trời chưa sáng rõ hẳn mà lũ chim đã thấy sà xuống sân chòng chẻo ồn ào. Chúng nó có hạnh phúc không? Hay chúng nó có khi nào bị cắn cấu sầu đời vì chuyện tình phụ không? Hoặc chỉ có loài người mới lắm tội lắm nợ? Chàng không buồn bò dậy để pha cà phê uống như thường ngày. Cái thân xác này cất nhắc lên có vẻ khó khăn hơn thì phải.

Chàng gọi điện thoại tới nhà chị Nghi. Tiếng chủ nhà nhừa nhựa ngái ngủ:

"A lô, ai đó?"

"Em Thuật đây chị Nghi."

"Chú gọi sớm vầy có điều chi cần không? Chú muốn tui kêu mấy đứa nhỏ hay con Tí Bông cho chú nói chuyện không?"

"Thôi chị để tụi nó ngủ. Em nhớ chúng nó quá chừng quá đỗi. Em nghĩ tới chúng nó mỗi ngày, trên đường đi làm, lúc bỏ thơ cho nhà người ta. Em về nhà lủi thủi một mình, ăn một mình, ngủ một mình, không còn một chút sinh thú nào để sống nữa, chị Nghi."

Tiếng người đàn bà thở dài trong máy điện thoại.

"Tôi cũng rầu hết sức mà không biết làm sao hơn để giúp chú. Những gì chú muốn tôi làm, tôi đã ráng hết sức rồi. Thiệt tội nghiệp lũ nhỏ."

"Cũng vì em chỉ nghĩ đến chúng nó mà em đã điều đình với Cúc để em lo cho chúng nó. Em không còn nghĩ gì khác ngoài chuyện lo cho mấy đứa con nên người."

"Vậy bây giờ chú cần tôi làm cái gì?"

Thuật nín lặng một lúc rồi thở dài.

"Thôi chị nói tụi nhỏ giùm em, cuối tuần này em đón đi Disneyland."

Chàng gác điện thoại mà lòng buồn diệu vợi.

Thuật bỏ làm suốt mấy ngày liền, cũng không bước chân đi đâu. Nằm dài người mãi chán rồi lại quanh ra quyện vào ở trong nhà. Chàng mở những băng nhạc xưa nay vẫn thích nghe cho đỡ quạnh quẽ nhưng chẳng thấy hứng thú. Rồi ngày cuối tuần cũng đến. Thuật đi đón bốn đứa con và dắt chúng đi chơi Disneyland như đã hứa. Trong số những nơi giải trí thì lũ con chàng chịu nhất chỗ này. Có thể hợp với tuổi chúng hơn. Những đứa lớn tuổi hơn thường thích các trò chơi bạo ở Magic Mountain hoặc Knott Berry Farms. Trẻ con ở miền Nam bang Cali có lẽ là những đứa trẻ may mắn nhất trên thế giới vì hầu hết các khu công viên giải trí nổi tiếng nhất hoàn cầu đều tụ ở đây cả.

Chị em Tí Bông suốt tuần chỉ trông cho chóng tới ngày được về sống với bố nên khi được Thuật đón đi chơi, không có gì làm chúng sung sướng hơn.

Chàng bồi hồi nhìn các con tung tăng chạy nhảy rồi nối đuôi theo đoàn người vào xem các trò, các chuyện thần thoại đã được dựng thành phim hoạt họa mà cả thế giới người lớn cũng như trẻ con đều khoái. Cu Hòa thích nhất được ngồi trên cái xuồng đủng đỉnh đi vào Thế Giới Thu Gọn, một chương trình giới thiệu những sắc dân tiêu biểu trên thế giới với những sắc thái văn hóa khác biệt qua cách phục sức, qua các điệu vũ điệu nhạc khác nhau. Nhưng nó lại sợ hãi phải ôm chặt lấy bố và nhắm mắt lại để khỏi phải nhìn những tên hải tặc dữ tợn gớm ghiếc của hoạt cảnh dựng lại nếp sống thành phố New Orlean tiểu bang Louisiana của hơn trăm năm trước.

Khi mấy bố con đem nhau về được tới nhà đã gần 11 giờ đêm. Mỗi trò chỉ được thưởng thức có năm mười phút nhưng cái công xếp hàng lượn con rắn để vào xem chiếm mất phần lớn thời giờ. Lâu lâu mới được đi chơi một lần thỏa thích như vậy, đứa nào cũng hể hả ra mặt tuy không giấu được phần nào sự mệt mỏi. Khi leo lên xe đi về nhà, mấy chị em dựa vào nhau ngủ ngồi ngon lành. Thuật bồng thằng út rồi lay ba con chị dậy để vào nhà.

Chàng hỏi các con xem có đứa nào đói không, không có đứa nào kêu đói. Chàng rót cho mỗi đứa một li nước cam vắt trong có trộn sẵn thuốc ngủ mà chàng chuẩn bị từ sáng sớm. Chỉ có thằng út ngủ mê man từ trên xe được cho ngay vào giường bố nên không uống.

"Thôi các con đi ngủ. Đứa nào lên giường đứa nấy. Good night các con."

"Good night bố."

Thuật giục ba đứa con gái cho chúng leo lên giường xong thì ra ngoài phòng sinh hoạt gia đình ngồi phịch xuống chiếc ghế bành. Cả ngày lếch thếch chạy theo mấy đứa con coi vậy cũng mệt đừ người. Ngồi thừ người ra thở một lúc, chàng mở cửa sau đi ra vườn. Không gian nửa

NGUYỄN TƯ

EM VỀ

Em về, nắng lụa mừng sao!
Thoáng nghe hương ấm dạt dào phố xưa.
Em đi từ những ngày mưa,
Em về trời đã lưa thưa nắng vàng.
Mùa thu khởi sự trên ngàn,
Vô tình gửi lại phai tàn trong tôi...
Thương em, gió nhớ thành lời,
Ru hồn cỏ mục, cuối trời mênh mang...

Newtown, 89

khuya thanh vắng và thật dễ chịu. Những luống hoa hơi rũ xuống ngủ giấc ngủ quen thuộc và bình thường mỗi đêm. Giấc ngủ cây cỏ. Trên cõi đời này có mấy người có giấc ngủ tự nhiên cây cỏ? Thuật ngửa mặt nhìn trời. Vài ba ngôi sao lấp lánh xa vời trên nền trời không gợn một điểm mây nhỏ. Những đêm đẹp trời trong sáng như đêm nay, vợ chồng chàng hay ngồi trên ghế xích đu ngắm trăng và nói chuyện trên trời dưới đất như đôi tình nhân lãng mạn. Mùi hoa bưởi từ góc vườn tỏa hương thơm ngào ngạt.

Thuật lững thững vào nhà, đi thẳng ra nhà để xe xách sáu can xăng lớn đã trữ sẵn mang để giữa mỗi phòng một can. Chàng nhìn các con ngủ say li bì, tay mở nắp các thùng xăng mà nước mắt tràn ra như suối. Nhìn thằng con trai út ôm con gấu ngủ trên giường bố, Thuật thấy lại cái đêm chở vợ vào nhà thương. Cũng cỡ giờ này, Cúc lay chồng dậy kêu đau bụng. Chàng mắt nhắm mắt mở mặc vội quần áo chở vợ vào nhà thương sanh.

Nằm trên giường đẻ, Cúc một tay bám lấy thành giường, một tay bấu chặt lấy chồng bậm môi rặn mà nét mặt hiện rõ sự đau đớn khôn tả. Cô ý tá Mỹ líu lo giục nàng rặn mạnh, rặn mãi trong khi nàng đau quá thở thiếu điều hụt hơi. Trán nàng, mặt nàng đầy những mồ hôi. "Anh ơi, đau khủng khiếp. Không tả nổi." Nàng rên rỉ với chồng. Thuật chẳng biết làm gì hơn là lau cho vợ mấy giọt mồ hôi. Giờ chàng mới hiểu câu ca dao hồi trước có khi chàng nghe mẹ nói "Đàn bà đi biển mồ côi một mình." Anh chồng dù có xớ rớ bên cạnh cũng chẳng được bao nhiêu tích sự.

Và thằng cu Hòa ra đời là kết quả vĩ đại của một lần hai vợ chồng giận nhau vì một chuyện vụn vặt. Nàng quay mặt vào vách ngủ, không thèm gối tay chồng như mọi khi khiến chàng phải năn nỉ xin xỏ mãi mới xong.

Thuật lôi hết quần áo trong các tủ vất lung tung đầy nền nhà, rưới xăng khắp mọi phòng rồi xuống nhà để xe lấy chiếc kìm cắt cắt ống dẫn ga vào bếp, vào hệ thống máy sưởi, vào máy sấy quần áo. Hơi gà xông lên nồng nặc ngạt thở và cay mắt. Thuật gồng mình lấy hết can đảm hét to lên một tiếng a a a a a a a a a a a a a a trong khi tay bật hộp quẹt. Lửa phừng lên tức thì.

Người ta có thể nhìn thấy ngôi nhà ngói đỏ xinh xắn trên đồi chìm trong biển lửa rừng rực thật nhanh. ■

TÚ XƯƠNG CÓ THI CHỮ QUỐC NGỮ HAY KHÔNG?

(Góp ý với nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh)

BẰNG VŨ

Tôi thích đọc *Thế Kỷ 21*, đặc biệt là những đề tài nghiên cứu về khoa cử của nhà nghiên cứu (NNC) Nguyễn Thị Chân Quỳnh.

Trong mối tương giao giữa chúng tôi, chính NNC đã khai hỏa trước tiên công kích luận điểm của tôi với bài "Tú Xương có thi chữ quốc ngữ hay không?" (*Thế Kỷ 21*, bộ 3, số 23, tháng Ba 1991; tr. 68-92) trong đó NNC cho rằng Tú Xương không thể thi chữ quốc ngữ năm 1906 được, bởi lẽ ta "chỉ bắt đầu thi quốc ngữ năm 1909". Rồi NNC kết luận (tr. 71): "Tóm lại, nhà nghiên cứu Bằng Vũ có quyền tin Tú Xương đã thực sự đi thi quốc ngữ, tôi cũng có quyền tin đến 95% Tú Xương chưa kịp đi thi quốc ngữ (thì) đã mất, 5% còn lại xin hẹn khi nào có thêm tài liệu sẽ công bố..."

Thế rồi bẵng đi hơn bốn năm, bao nhiêu nước đã chảy dưới cầu, tôi vẫn khấn nguyện cho NNC tìm ra tài liệu. Mãi cho tới nay, dựa vào tờ *Thế Kỷ 21* số mới nhất (tháng Ba, 1995; tr. 60) NNC vẫn chưa tìm thấy được tài liệu khác nên vẫn khăng khăng giữ vững lập trường là Tú Xương chưa hề đi thi quốc ngữ bởi lẽ "chữ quốc ngữ chỉ thực sự bắt buộc phải thi từ năm 1909..."

Vậy mấy giòng ngắn gọn dưới đây là để mách với NNC một ít chứng tích về việc Tú Xương đã *thật sự* thi quốc ngữ vào cuối năm 1906.

1. Tú Xương tham dự cả thảy bao nhiêu khóa thi Hương?

Lập trường của NNC là bảy (7). Lập trường của tôi là tám (8). Lấy cớ là "phải gạt bỏ khoa 1885 vì chỉ có trường Bình Định kịp tổ chức, và khoa 1887 vì chỉ có trường Thừa Thiên được tổ chức," NNC khẳng định là "tính đến khi Tú Xương mất ông chỉ có thể thi bảy khoa." Rồi NNC liệt kê rất chính xác các năm: 1888, 1891, 1894, 1897, 1900, 1903, 1906 (*Thế Kỷ 21*, số tháng Năm, 1995; tr. 54).

Theo tôi thì NNC đã bỏ sót một kỳ. Đó là kỳ ân khoa Đồng Khánh (1886) lúc đó Tú Xương mới 17 tuổi như NNC Trần Văn Tích đã chỉ rõ và tôi đã dẫn (*Thế Kỷ 212*, số tháng Ba, 1995; tr. 5). Đúng hệt với con số "tám khoa" chính Tú Xương đã chân tình ghi nhận:

"Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy."

2. Tú Xương thật sự có thi chữ quốc ngữ không?

Quan điểm của NNC là Tú Xương không thể nào đi thi chữ quốc ngữ được. Quan điểm của tôi là Tú Xương rất có thể và *sự thật* đã đi thi quốc ngữ vào cuối năm 1906. Để đưa ra chứng tích, chỉ xin trích dẫn hai tài liệu gốc. Thứ nhất là tờ *Bulletin du Comité de l'Asie francaise,* năm thứ 7, số 75 (juin 1907) trang 210: "Suivant les voeux généraux, une réforme profonde des programmes des grands examens triennaux a été prescrite au Tonkin le 16 novembre 1906 par un arrêté du Résident supérieur. *Déjà à la session de 1906 une épreuve spéciale d'annamite* et de francais *a été introduite."* (B.V. nhấn mạnh và xin phóng dịch: "Thể theo nguyện vọng chung, một cuộc cải tổ sâu rộng chương trình các kỳ thi Hương đã được đưa ra ngày 16 tháng Mười Một năm 1906 do một nghị định của Thống sứ (Bắc kỳ). *Ngay trong kỳ thi năm 1906, một môn thi đặc biệt cho tiếng Việt* và tiếng Pháp *đã được áp dụng.")*

Thứ hai là Dụ của vua Thành Thái ngày 31 tháng Năm năm 1906. Dụ này lúc đề cập các kỳ thi Hương canh cải lại còn nói rõ địa điểm của khoa thi đặc biệt đó *(Journal officiel de l'Indochine francaise,* ngày 06 tháng Mười Hai năm 1906, tr. 1766): "Aucun changement ne sera introduit dans les conditions et le programme des concours régionaux de 1906, *autre que l'introduction au concours de Nam Dinh de l'épreuve spéciale de kwốk ngữ* (sic) et de francais *dans les conditions qui ont été déjà fixées par l'Administration du Tonkin."* (B.V. nhấn mạnh và xin phóng dịch: "Sẽ không có thay đổi nào được đưa vào thể thức tổ chức và chương trình các kỳ thi Hương năm 1906, *ngoại trừ môn thi đặc biệt về quốc ngữ* và Pháp ngữ *được đưa vào trường thi Nam Định theo các thể thức đã được cơ quan hành chánh Bắc kỳ ấn định."*).

Mặt khác, chứng tích nội tại văn bản học cũng không kém phần chắc chắn. Chính Tú Xương đã chân tình thổ lộ tâm can về kỳ thi có một không hai này trước khi ông nhắm mắt:

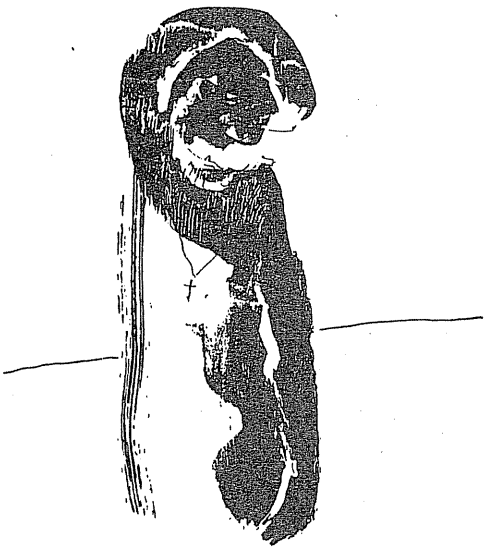

VẠN GIẢ

HỒI TƯỞNG

Đêm treo hồn cuối cồn hoang
bể sầu ai động để tràn đến đây
tưởng như thoát được kiếp này
không ngờ về giữa trùng vây muộn phiền
dốc đời, bóng hắt hiu nghiêng
sóng gào âm hưởng trói tiền kiếp xa.

ĐẶNG HIỀN

PHÙ VÂN

Nằm nghe gió hú chiều hôm
Tịch liêu mấy độ ru hồn xót xa
Thoảng chừng có tiếng chim ca
Giật mình muốn hỏi mây là phù vân

Ơi thơ một cõi hồng trần
Vui chơi ta đến, đâu cần cúi xin
Bên đời nghe những lặng thinh
A ha, ta hát khúc tình trường ca.

Cali 26-02-95)

"Bốn kỳ trọn vẹn thêm kỳ nữa,
Á ớ ư ư ngọn bút chì!"

Thản hoặc cũng có tài liệu ghi "Ba kỳ" thay vì "Bốn kỳ" tuy rằng hầu hết các văn bản, xưa cũng như nay, đều ghi nhận "Bốn kỳ." Nếu NNC biết có tài liệu minh xác được quan điểm "Ba kỳ" xin làm ơn chỉ bảo cho.

Kết luận, dựa vào những chứng tích ngắn gọn kể trên, *tôi chắc chắn trên 95% là Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ cuối năm 1906.* Tuy nhiên, tôi vẫn còn cầu mong đọc thêm, học thêm với NNC. Từ đây đến đó bao nhiêu con nước nữa sẽ chảy dưới cầu tôi cũng không ngại. Từ nay đến buổi hẹn sau, cùng với NNC tôi thành khẩn dành ra 5% hy vọng tự kiếm tìm ra tài liệu phản bác lại chính mình cho phải đạo làm con người nghiên cứu trung thực. Và hy vọng với sự đóng góp chân tình của NNC *tất cả mọi người* càng được học hỏi thêm mãi về nhà thơ trung thực và chân tình có một không hai trong giòng sông văn học sử Việt Nam vào đầu thế kỷ hai mươi.■

Los Angeles, 4 tháng Bảy 1995

Ả ĐIẾM VÀ DẤU LẶNG BẢN HÙNG CA

DƯƠNG THÀNH VŨ

Tin ông già Q. chết không làm cho chòm xóm ngạc nhiên. Hẳn người ta cũng chẳng ngạc nhiên nếu ông vẫn cứ sống cho hết thế kỷ này. Chính quyền lẫn đoàn thể, bà con thân thuộc lẫn láng giềng đều thở phào nhẹ nhõm. Chỉ có một người đàn bà ôm mặt khóc rấm rức, buồn phận tủi thân trước vong hồn kẻ quá cố, khi các cụ trong tổ hưu trí địa phương kéo đến lo tẩm liệm người chết. Hình ảnh ông già lọm khọm ngày hai bữa lui cui bên bếp trấu lo cơm nước; những đêm trái gió trở trời co quắp người như con tôm luộc rên hừ hừ. Sự có mặt của các cụ hưu trí tước đoạt luôn hạnh phúc cuối cùng của chị: Được tự khóc than, được tự do đắm chìm trong hoài niệm.

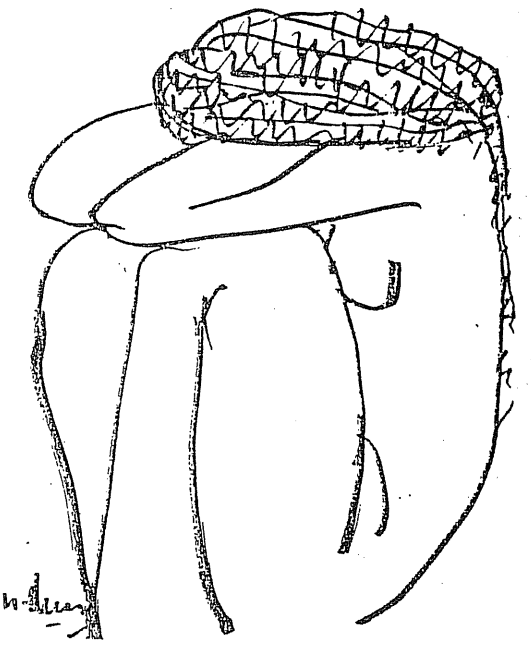

Việc đầu tiên của các cụ hưu trí là lột bỏ bộ áo quần lem luốc của người chết, tẩy rửa bụi bặm trần ai cho thi hài, khoác lên đó bộ quân phục sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam có đính một lô huân chương đỏ rực ở ngực. Bộ quân phục hầu như mới nguyên; từ khi hưu trí cho đến lúc được các đồng chí mình khoác vào để trở về cát bụi, ông ít có dịp mặc. Một năm vài lần lễ lượt mới đụng tới, ngày thường diện không hợp tình hợp cảnh, phí của trời. Với lại ông già Q. cũng có ý giữ gìn cẩn thận để lúc chết diện vào cho oai. Sợ người bạn cuối đời trong lúc túng bấn mang cái vinh quang cuối cùng của mình ra chợ trời, ông thường lập đi lập lại ý nguyện kia.

Gặp hôm ế ẩm hoặc bị khách chơi chạy làng, nghe ông nhắc lui nhắc tới mãi chuyện ấy, lập tức chị gắt um lên chửi một tràng tục tĩu. Dầu sao chị chưa tán tận lương tâm bán xôn cái niềm tự hào được ướp long não, cất khóa cẩn thận của ông già Q.

Được tắm rửa sạch sẽ, khoác bộ đồ vía, người chết trông oai phong ra phết. Làm đẹp cho thi hài xong, các cụ nhận ra chưa có nhang đèn, đồ hàng mả, vải liệm. Một cụ quay sang người đàn bà, gắt:

"Im cái mồm chị lại! Ra quán mua đồ cho người ta tẩm liệm. Trong nhà có sẵn vải liệm không? À, mà có tiền không đấy?"

Người đàn bà nuốt nước mắt đứng lên. Chị hiểu người ta coi chị là kẻ ngoài cuộc, cứ coi cung cách của họ khi bước vào nhà thì biết (lúc đầu chị định chửi cho họ một trận nhưng kịp nghĩ lại thương người chết đành nuốt hận vào lòng). Cố thu mình thật nhỏ, tránh nhìn mọi người, chị bước vào buồng trong, được ngăn bằng tấm cót tre, dỡ chân giường ngủ lên, thò ngón tay vào trong khúc tre chân giường moi ra chiếc nhẫn một chỉ vàng gói trong miếng giẻ rách (chiếc nhẫn này chị nắng được từ một anh tìm hoa say tí bỉ). Không như thuở còn sống lây lất dưới gầm cầu, hễ trúng mánh là xài xả láng; chôm được chỉ vàng chị cất kỹ trong nhà phòng hậu sự (Có trời mới biết ý tưởng hướng thiện nào nảy sinh trong tâm hồn ả điếm hết thời!). Cầm chiếc nhẫn trong tay, chị tính sẽ dành một nửa lo đám tang ông Q., nửa còn lại cho bản thân. Ông Q. chết rồi chắc chắn các cụ hưu trí lẫn chính quyền không còn cho chị ở trong "ngôi nhà tình nghĩa" này nữa; không chừng còn bị tống vào trại phục hồi nhân phẩm. Đó là chưa kể tới đứa con trai ông Q., bộ đội đang đóng ngoài đảo. Trước khi trở ra ngoài chị mở rương lấy xấp vải liệm thơm lừng mùi long não.

*

Ả điếm gặp ông già Q. hẳn là do trò trớ trêu của tạo hóa. Hôm đó sau khi lãnh lương hưu, ông Q. qua phố mua bịch thuốc lào và vài ba thứ cần thiết, xong xuôi ghé quán rượu vỉa hè làm ly xị đế. Họ gặp nhau ở đó.

Thấy ông già uống xong ly rượu mắt còn thòm thèm liếc thẩu rượu đầy ắp trong quán, một tay đạp xe thồ nói năng ra chiều kẻ sĩ thất thời, hào hiệp đãi ông một ly rồi một ly nữa, lại còn đẩy dĩa hến trộn đang nhắm mời ông cùng lai rai. Được bữa nhậu khá xôm tụ bất ngờ cùng với lượng rượu hơi quá đô, ông hào hứng kể lại thời đánh Tây đánh Mỹ vô cùng oanh liệt, thời những chàng trai sống bằng lý tưởng cao cả và khát vọng đẹp: "Sống như vậy cuộc đời mới đáng sống. Các cậu không thể nào hiểu hồi đó bọn tớ sống như thế nào đâu!" Giọng ông Q. càng lúc càng lè nhè dính nhựa. Trong quán rất ít người mặn mà với điều ông kể. Cuộc kháng chiến thần thánh đối với họ đã bị khúc xạ bởi cái hiện tại chẳng lấy gì làm phấn khởi tự hào. Kẻ sĩ xe thồ nhìn ông ái ngại. Đám thanh niên lau hau khó chịu ra mặt. Do tuổi già, do men rượu, ông Q. không nhận ra điều ấy. Ông cứ say sưa với những trang sử oai hùng, bất chấp thực tế phũ phàng. Một gã trai điệu bộ lấc cấc, loại có thể đâm chém người vì một câu khích tướng, hùng hổ dằn ly rượu đang uống dở xuống mặt bàn, quát:

"Đ.m. cái lão khọm, cứ lãi nhãi kháng chiến với kháng chiếc điếc cả con rái, ông mất cả hứng thú nhậu nhẹt. Đ.m., thời này thằng nào nhiều tiền, thằng nào trấn lột được người khác mới ngon. Thầy giáo bây giờ không giá trị bằng tay dẫn mối cho gái, làm đĩ cho bọn Tây còn ngon gấp mấy lần đi làm cô giáo. Đ.m., ông là một thằng ngu, hồi còn chức quyền không chịu vơ vét đến nỗi bây giờ phải đi uống rượu khía của thằng đạp xe thồ..."

Ông Q. đột ngột đứng dậy. Ông dùng tay trái gạt phắt ly rượu của gã du côn, choảng nguyên ly rượu đang cầm ở tay phải vào mặt gã:

"Thằng khốn khiếp... thằng bố láo." — Ông Q. gầm lên; quá giận ông gục xuống bàn thở dốc.

Gã trai lãnh trọn cái ly vào mặt, mảnh chai xé nát cái miệng mất dạy của gã, máu me chảy ròng ròng; sau phút bị bất ngờ, gã vớ chai rượu đập vỡ đít lao tới ông Q. Người trong quán nhanh chóng can thiệp, khống chế, đẩy gã ra khỏi quán. Gã vùng vẫy chửi bới om sòm. Kẻ sĩ xe thồ lủi mất từ lúc nào.

Ả điếm lúc đó cũng có mặt trong quán, ả nói:

"Thôi bác về nhà đi. Thanh niên thời nay chẳng biết nể nang người già đâu. Dây vào chúng thêm xấu mặt."

Ông đứng lên nhưng đổ gục xuống bàn trở lại. Từ lâu lắm ông chưa uống rượu nhiều thế, chưa bị xúc phạm như thế. Có lẽ động lòng thương cảm, hoặc giả, sợ ông còn nán lại sẽ sinh chuyện, bà chủ bảo ả điếm kêu xích lô đưa ông lão về nhà, tiền bà trả. Chị dìu ông ra xe.

Dù trong tình trạng gần như kiệt quệ, lạ lùng thay, ông già Q. vẫn cảm nhận cái hơi hướm kỳ kiệu của đàn bà khi chị vòng tay qua người áp cặp vú mềm mại vào thân thể ông. Từ ngày vợ chết bởi vết thương chiến tranh tái phát không đủ tiền để chữa trị kiểu "theo yêu cầu của bệnh nhân", ông chưa chung đụng với đàn bà. Tinh lực đàn ông thời trai tráng bị dồn nén bởi hai cuộc kháng chiến trường kỳ, lúc xế bóng thì với người vợ đau yếu. Đặt ông lên xe xong chị quay vào quán, nhưng hương vị quyến rũ kia theo ông về tận ngôi nhà tình nghĩa cô đơn và cô độc.

Mấy hôm sau hai người tình cờ gặp nhau ngoài phố. Ông Q. sốt sắng mời chị ta (lúc đó ông chưa biết đó là ả điếm) về nhà. Và trong "ngôi nhà tình nghĩa" do chính quyền địa phương dựng cho ông, hai số phận bị cuộc đời bạc đãi có dịp tìm hiểu số kiếp của nhau.

Hiện tại ông già Q. còn đứa con trai, nhưng nó là lính chiến trường sống rày chết mai, và nếu sống sót trở về ắt sẽ đứng vào đội ngũ thất nghiệp hoặc biến thành lưu manh không chừng. Còn chị ta là ả điếm đã qua thời xuân sắc. Với loại điếm thuộc *quí bà* đi khách để thỏa mãn những cơn động dục, để chơi những cuộc chơi phù phiếm trưởng giả — loại này thường có một ông chồng thành công nhiều mặt nhưng với bà vợ lăn loàn phản trắc thì bất lực, hay loại gái nhà lành "nhảy dù" một "sô" kiếm tiền ăn diện chơi bời; hoặc gái bao, thì chẳng nói làm gì. Đó không phải là đối thủ của loại điếm công viên như chị. Đối thủ đáng gờm nhất là những cô gái từ các miền quê mất mùa đói kém bị bọn cường hào mới chà đạp nhân phẩm tràn lên thành phố, những nữ công nhân viên chức bị tinh giản biên chế lâm vào cảnh khốn cùng, thường xuyên bổ xung vào đội ngũ gái làng chơi. Loại này ăn đứt chị ta về mọi phương diện, lại có thể tụt quần ở góc phố tối tăm để đổi một bữa ăn.

Cáo lỗi

Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi phải gác lại hai bài còn dang dở là (1) Hồ sơ Quốc tế Cộng sản (Sophie Quinn Judge - Trần Ngọc), và (2) Văn học Cộng sản (Lê Đại Lãng). Xin thành thật cáo lỗi cùng các tác giả và quý độc giả.

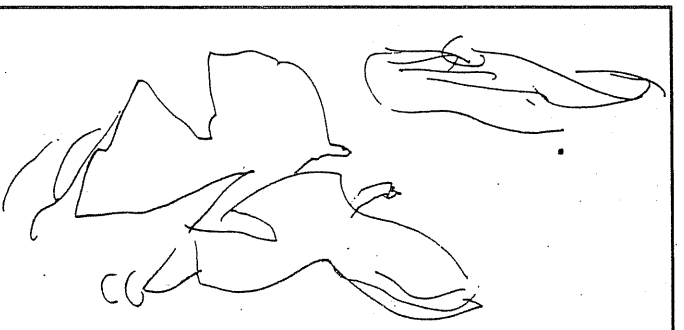

NGUYỄN ĐẠT

DƯ ÂM TỊCH MỊCH

Một mặt trời lủi thủi ra đi
Sau tiếng kêu rơi vỡ thốt nhiên
Một hoàng hôn trang phục màu chì
Bước vào dạ hội rất bình yên

Một vì sao tím sẫm xa xăm
Qua cửa ngõ thẳm tối của rừng
Chiếu sáng chàng nơi một trái tim
Ở đấy hiển hiện dung nhan nàng

Tất cả đều thấy chàng tới đó
Dù sao hoài mong chỉ hoài mong
Tất cả đều nghe chàng bày tỏ
Một lần khi dạ hội ngừng im

Một lần khởi đầu và kết thúc
Mặc tình dạ hội tràn âm thanh
Duy một tiếng cười không ai biết
Dư âm tịch mịch dài qua đêm

Cuối cùng Thượng Đế nhân từ xui khiến hai người hiểu ra: Cuộc đời họ bây giờ nào khác chi nhau! Người cựu chiến binh nắm tay ả điếm, ả điếm nắm tay người lính già mà rằng: "Thôi không ai thương mình thì mình thương nhau vậy!"

Chi bộ đảng, tổ hưu trí, chính quyền, mặt trận... đều coi sự có mặt của ả điếm mạt hạng trong căn nhà tình nghĩa của một cựu sĩ quan Quân đội Nhân Dân là điều sĩ nhục không thể tha thứ được; hơn thế, "sự kiện này ảnh hưởng lớn tới chính trị giúp cho kẻ xấu xuyên tạc chế độ ưu việt của ta". Con trai ông Q. được các cụ hưu trí thông báo, lập tức viết thư cho bố với lời lẽ gay gắt dựa trên lập trường quan điểm chính trị vững vàng, kèm theo lời hăm dọa sẽ giết chết "ả điếm khốn khiếp" nếu ả không chấm dứt trò quyến rũ bố mình và cút ngay ra khỏi nhà.

Với con trai, ông Q. trả lời vấn đề đâu còn đó, ngày nào anh ta trở về sống với bố, "cô ấy" sẽ tự động ra đi nếu anh muốn; còn bây giờ ông cần có một người chăm sóc khi trái gió trở trời. "Cô ta" là gái giang hồ thật, nhưng thử hỏi tìm đâu ra một người thuộc hạng "đàng hoàng đứng đắn" chịu đến chung sống với ông già nghèo kiết xác, không còn tí ti quyền lực. Ông còn nói, đến lúc về già rơi vào cảnh ngộ như ông mới hiểu hết tình người lẽ đời. Với chính quyền đoàn thể và chi bộ đảng, ông trả lời thẳng thừng, đảng và nhà nước không lo được cho tôi thì phải để cho *nhân dân* lo cho tôi chứ. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của toàn dân mà! Các đồng chí cứ có chính sách đãi ngộ đầy đủ thì "cô ta" sẽ ra đi ngay. Nhân đây tôi cũng xin nhắc cho đồng chí nhớ lại, chính Đảng dạy cho chúng ta phải biết yêu thương quý trọng những kiếp đời bất hạnh như "cô ta". Có phải cả cuộc đời ta dâng hiến cho lý tưởng cao đẹp đó không? Hăng lên, ông đọc cả thơ Tố Hữu: "Thuyền em rách nát còn lành được không? Răng không cô gái bên sông. Ngày mai cô sẽ từ trong ra ngoài. Thơm như hương nhụy hoa lài. Sạch như nước suối ban mai giữa rừng. Ngày mai gió mới ngàn phương. Sẽ đưa cô tới một vườn đầy xuân".

Lay chuyển ông không xong, cấp ủy liền chỉ thị công an tóm chị ta với tội danh quả tang: làm điếm. Với ai kia chứ với người có bốn chục tuổi đảng như ông Q., ông thừa hiểu cái thực chất cái biên bản phạm pháp quả tang kia. Ông đến vị lãnh đạo quyền uy, vốn là đồng đội cũ, sẵn giọng: "Anh thả cô ta để cô ta nuôi tôi'hay là tôi đến nhà anh để anh nuôi tôi, xin anh nói thẳng một câu để tôi còn tính?" Thấy thái độ liều mạng của người bạn chiến đấu năm xưa, vị lãnh đạo nọ cũng hơi chồn, liền xuống giọng giàn hòa, hứa sẽ xem xét vấn đề. Để áp đảo thêm trước khi rời ngôi biệt thự sang trọng có chó Tây

canh giữ, ông Q. giằn mặt: "Anh nên nhớ những gì anh đang hưởng thụ có máu và nước mắt của những người như tôi đóng góp vào đó. Anh đừng dồn tôi vào cái thế phải hy sinh một lần nữa để bảo vệ thành quả cách mạng". Hôm sau chị ta được thả về.

Trước khi đến lo liệu đám tang cho ông Q., tổ hưu trí đã họp với chính quyền đoàn thể tổ chức đảng địa phương. Việc phân công người lo tang lễ không gặp trở ngại lắm. Vấn đề khiến mọi người cãi nhau kịch liệt nhất là có nên tống ngay ả điếm ra khỏi ngôi nhà ông Q. để khỏi ảnh hưởng chính trị hay không? Đa số ý kiến thống nhất là sự có mặt của ả điếm trong tang lễ của một sĩ quan quân đội cách mạng sẽ gây ra những hậu quả rất xấu. Nói chung mất ổn định chính trị. Thiểu số ý kiến lại lập luận, khi sự có mặt của ả điếm trong ngôi nhà tình nghĩa của một sĩ quan cách mạng hưu trí là một thực tế thì tốt nhất, chính trị nhất, là biết khôn khéo biến thực tế ấy thành điều có lợi cho cách mạng. Chính trị có nghĩa là làm một sự kiện tồi tệ thành phẩm chất ưu việt của thế lực cầm quyền, biến một sự việc ngoài ý muốn thành bản chất tốt đẹp của chế độ. Hai ý kiến không thống nhất được với nhau thế là cãi vã om sòm. Trong lúc ông bí thư chủ tọa cuộc họp chưa biết phải phân giải như thế nào cho ổn thỏa (làm mất lòng mấy ông hưu trí là rầy rà lắm) thì một ông hưu non nổi tiếng là bạo miệng đứng lên phát biểu: Đã đám ma phải có người khóc, vậy ai sẽ khóc cho đồng chí Q.? Các thành viên dự họp ngớ người ra. Từ ngày có nghị quyết đổi mới, tiếng khóc đã được đánh giá bằng quan điểm khác, đạo đức khác và nó bỗng thành nhu cầu chính trị trong một đám tang như thế này. Các cụ đều phải thừa nhận tiếng khóc của ả điếm, người cho đến phút cuối vẫn tỏ ra chung tình với ông Q. có một giá trị nhất định, ít ra cũng về mặt tuyên truyền chính nghĩa. Tuy nhiên, các đồng chí dự họp còn cãi nhau một hồi nữa, có khi vượt cả nội dung đã đề ra, mới đi tới giải pháp dung hòa: Cứ cho ả điếm có mặt trong lễ tang, nhưng mọi việc thì phải do các cụ lo; khóc than tùy thích nhưng cấm kể lễ ảnh hưởng chính trị, trường hợp cô ả có những phản ứng bất lợi thì phải áp dụng chuyên chính ngay.

Vị chủ tọa xoa tay thở phào nhẹ nhõm, ông lên tiếng cảm ơn các cụ đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và ông rất phấn khởi trước thắng lợi của cuộc họp, đồng thời ghi nhận tinh thần đoàn kết nhất trí cao của các cụ; sau đó giao cho Ủy ban và Mặt trận trực tiếp giải quyết yêu cầu của các cụ.

*

Người đàn bà đã đi hơn một giờ đồng hồ rồi mà không thấy về. Các cụ sốt ruột bỏ cả đề tài chống tiêu cực, nhấp nhổm ngóng ra đường, bàn luận về cô ả:

"Ả đi mua đồ tận chiến khu chắc?"

"Chắc chuồn thẳng rồi. Như thế cũng đẹp!"

"Chưa chắc. Trông cái tình ả còn quyến luyến." .....

Trong lúc ấy người đàn bà đã mua hết nửa số tiền bán nhẫn mà vẫn chưa muốn quay về. Chị ta thấy còn thiếu thốn nhiều thứ: "Cũng phải có chi bồi dưỡng cho các cụ với mấy chú dân phòng, dù chi đi nữa mình cũng là gia chủ, họ đuổi đi khuất mặt thì thôi chớ còn ở trong nhà thì người ta có tình với ông Q. mình phải đáp nghĩa trở lại. Thôi nghĩa tử là nghĩa tận, lo không trọn cũng tủi vong linh người chết."

Các cụ thay đổi hẳn tâm trạng lẫn thái độ cư xử với ả điếm khi chị ta trở về trên chiếc xe xích lô chở đầy nhóc thực phẩm. Đến lúc ả bày ra chai rượu, dĩa thịt quay ú hụ, dưa giá tôm chua để các cụ bồi dưỡng lấy sức lo chuyện ma chay, mọi người đều cảm thấy chị là chủ tang thật sự. Cả phe bảo thủ lẫn phe đổi mới cùng ghi nhận lòng thành ấy, đề nghị đặt lên thắp hương cho ông Q. rồi hẵn mang xuống xơi, nhưng chị nói với các cụ cứ tự nhiên, đừng đặt lên để xuống bất tiện có mùi nhang đèn thức ăn lạt lẽo, phần cúng cho ông Q. chị đã lo chu tất theo sở thích lúc sinh thời của ông.

Lo cho các cụ xong, chị xuống bếp nấu nướng, lát sau một cụ xuống nói nhỏ với chị: "Cô để đó đi mời ông bí thư, chủ tịch cùng với ông trưởng đồn tới uống chén rượu cho vui, tiện thể chúng tôi làm công tác tư tưởng để các đồng chí ấy tạo mọi thuận lợi cho chị sau khi chôn cất đồng chí Q. xong; cô đã bày biện như thế này chúng tôi sẽ nhờ bên hội phụ nữ giúp cho một tay". Chị không nói gì, chỉ ứa nước mắt gật đầu cám ơn tấm lòng của các cụ.

Tang lễ ông Q. được tổ chức khá tươm tất. Có điếu văn nghe rất ai oán và hào hùng do một cựu đại tá đọc, có vòng hoa phúng điếu của vị lãnh đạo quyền uy, có xe đòn của công ty dịch vụ mai táng, có xe U-oát và xe ca quân đội đưa tiễn, có cả thợ tụng kinh cầu siêu áo vàng đầu trọc ê a, nhưng chỉ một người mặc tang chế, đó là ả điếm. Gục mặt trong chiếc khăn trắng với đôi mắt xưng húp, ả tỉ tê khóc; tiếng khóc trượt qua lòng người rơi vào hư vô.

Trong lúc hạ huyệt, vị cựu đại tá mượn súng của một người trong đoàn đi tiễn ông già Q., bắn lên trời ba phát. Có đàn chim trắng tình cờ bay ngang tầm đạn, một con vô phúc trúng thương rơi xuống, tiếng kêu thảm thiết của nó chìm lấp trong tiếng gào thét bi thương của ả điếm. Mọi người đang chăm chú nhìn xuống huyệt mộ nên không ai biết tới con chim bị tử nạn.■

1990-1992

VỀ ĐỘNG TỪ "TO DRINK" VÀ MỘT VÀI SUY NGHĨ NHỎ VỀ VIỆT NGỮ

BÙI VĨNH PHÚC

Sau khi bài *Một Vài Nhận Xét và Suy Nghĩ về Chữ và Nghĩa* của tôi được đăng trên tạp chí *Thế Kỷ 21* số 75, July 1995, độc giả Phạm Bách, một cách lịch sự và đáng mến, có viết thư về tòa soạn cho biết rằng sau khi đọc bài của tôi, trong đó có đoạn nhắc đến động từ *to drink* trong Anh ngữ, thấy lạ, tiện có một vài quyển từ điển tiếng Anh trong nhà nên ông đã thử mở ra để duyệt lại xem, ngoài *drunk* là quá khứ phân từ chính, *drunken* có được liệt kê là quá khứ phân từ thứ nhì (chỉ dùng trong thi ca) của *drink* như điều tôi đã trình bày hay không. Ông cho biết những quyển từ điển của ông chỉ nói rằng *drink* có *past tense* là *drank* và có *past participle* là *drunk*. Còn *drunken* thì được liệt kê như một *adjective* thuần túy.

Ông thành thật cho biết là ông chưa hề được nghe nói về vai trò của *drunken* như tôi đã viết, và mong tôi trình bày thêm chút ít về vấn đề. Chẳng hạn, đưa ra một tài liệu nào đó, một quyển sách hay một quyển từ điển cụ thể, xác định rõ *drunken* là một quá khứ phân từ (*past participle*), được dùng như một tính từ (*adjective*) (trong thi ca), để giúp ông giải tỏa thắc mắc về vai trò quá khứ phân từ của *drunken*.

Trước hết, tôi xin thành thật cám ơn ông Phạm Bách đã quan tâm theo dõi bài góp ý của tôi. Sau nữa, tôi cũng cám ơn ông đã có thắc mắc về động từ *to drink* và đặt thành câu hỏi để tôi có dịp trình bày thêm chút ít về động từ này cho vấn đề được sáng rõ hơn.

Câu hỏi liên quan đến một điểm nhỏ trong Anh ngữ. Nhưng tôi hy vọng, trong khi thảo luận về vấn đề ấy, chúng ta cũng sẽ nhận ra được một số khía cạnh hữu ích liên quan đến ngôn ngữ nói chung—trong đó có ngôn ngữ Việt Nam. Những điều này giúp ta chia sẻ và yêu mến thêm cái dụng-cụ-ngôn-ngữ mà, với nó, con người đã thực hiện được những bước tiến vượt bực trên đà tiến hóa của mình.

Trong Anh ngữ hiện đại, với mục đích giáo dục và hướng dẫn chung, trong các sách giáo khoa và trong đa số các tự điển bình thường, các nhà soạn sách và từ điển chỉ cho biết là động từ *to drink* có *past tense* là *drank* và *past participle* là *drunk*. Vì *drink* là một trong những động từ rất căn bản (ngoài ra, nó lại còn nằm trong bảng liệt kê của động từ bất quy tắc mà người bản xứ cũng như người học tiếng Anh phải học kỹ nữa) nên có thể nói là tất cả chúng ta đều thuộc các dạng quá khứ và quá khứ phân từ của nó.

Tuy nhiên, những người học ban Anh văn hay học về ngôn ngữ—hoặc những người làm việc trong những ban, những ngành này—nhiều khi phải đọc thơ, truyện (lắm lúc lại là thơ cổ nữa) hoặc phải học và nghiên cứu về ngôn ngữ học lịch sử, về từ nguyên... ,nên thường là họ sẽ bị bắt phải học thêm một số những điều, nhìn một cách nào đó, ngoài lề so với những hiểu biết thông thường về cái ngôn ngữ được khảo sát, ở đây là Anh văn. Ngoài ra, có nhiều người không học hay làm việc trong những ban, những ngành này, nhưng vì sở thích, nên cũng tìm đọc một số sách vở "ngoại vi" ấy. Bởi thế, phải có một số sách vở, từ điển, v.v., đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của những người này. Trong số những từ điển thuộc loại vừa nói là những từ điển từ nguyên.

Về vấn đề ông hỏi, xin đọc *Pocket Oxford Dictionary (Oxford University Press*, tôi dùng bản in năm 1969), và, tôi nghĩ, dĩ nhiên, cả ấn bản đầy đủ của nó, *Concise Oxford Dictionary* (dân trong ngành chuyên môn gọi tắt là C.O.D.) của F. G. Fowler và H. W. Fowler. Xin đừng lộn hai quyển này với quyển *Oxford Advanced Learner's Dictionary of Current English* của A. S. Hornby. Hai quyển trên rất tốt cho việc tra kiếm từ nguyên; quyển dưới tốt cho việc học, nhớ các từ và các mẫu câu vì nó đưa ra được rất nhiều thí dụ về cách dùng từ trong câu. Phần từ nguyên của hai quyển này dựa trên quyển *The Oxford Dictionary of English Etymology* (giới chuyên môn gọi tắt là O.E.D.). Hiện tôi không có sẵn quyển này trong tay, nhưng tôi nghĩ vì hai quyển trên dựa vào quyển này về phần từ nguyên, nên chắc nó cũng sẽ dùng được trong mục đích của chúng ta.

Ngoài ra, cũng có thể tham khảo quyển *Chambers Etymological English Dictionary* (Pyramid Book, tôi dùng ấn bản 1968) do A. M. MacDonald soạn.

Quyển *The Pocket Oxford Dictionary* (dễ kiếm và gọn nhẹ, dễ dùng) , trong mục từ *drink*, ghi *past tense* của nó là *drank*, *past participle* là *drunk* & (dùng trong thi ca) *drunken*.

Quyển *Chambers Etymological English Dic-*

tionary, trong những mục từ *drunk* và *drunken* đều có ghi rõ chúng là *participial adjective* (quá khứ phân từ được dùng như tính từ, hay tính từ biến thể từ quá khứ phân từ). **Cả hai từ *drunk* và *drunken* đều không phải là những tính từ thuần túy.**

Dĩ nhiên, ở tự điển nào thì *drunk* cũng được coi là *past participle* chính. Nhưng có những loại từ điển từ nguyên như vừa nói đã cho chúng ta biết thêm về bản chất thật sự của *drunken.*

Quyển *Modern English Vietnamese Dictionary* (*Từ Điển Anh-Việt Hiện Đại,* bản in lại bên Mỹ không đề ngày tháng xuất bản) của các soạn giả Hà Nội, mặc dù chỉ là một từ điển tổng quát, nhưng có lẽ soạn theo một vài từ điển từ nguyên như những loại ta vừa nói, cũng đã ghi rất kỹ, giống như quyển *Oxford.* Nó liệt kê quá khứ phân từ của *drink* là *drunk & (thơ) drunken. Drunk* và *drunken,* sau đó, lại được liệt kê riêng. Mỗi từ lại chia ra làm hai loại: động tính từ quá khứ (đttqk: *past participle*) và tính từ. Cả *drunk* lẫn *drunken* đều được xét là đttqk (sách vở miền Nam gọi là *quá khứ phân từ*); đặc biệt, *drunken* là đttqk dùng trong thơ.

Mong sự trình bày của các soạn giả ba quyển tự điển Anh, Mỹ, và Việt này đã giải đáp được thắc mắc của ông Phạm Bách.

Thật sự, tất cả những điều vừa bàn ở trên là dựa trên luận điểm người bạn (trong bài viết của tôi) cho rằng *drunken* là một *past participle* nên phải được dùng như *adjective*; từ đó, *drunken driver* . Tôi thấy anh đúng ở điểm anh biết được rằng *drunken* là một *past participle* (nhưng chỉ dùng trong thi ca), nhưng có thể anh quên là *drunk* cũng là *past participle* nữa (mà nó lại được mọi người nhận diện như thế một cách rõ ràng hơn), nên tôi mới đùa nói anh là thi sĩ trên cái *căn bản past participle* ấy. Trong cái nhìn của tôi, nếu anh đặt vấn đề như thế này (và thật ra thì nên đặt vấn đề như thế này thì mới hợp lý), "Phải nói là *drunken driver,* vì cho dù *drunk* và *drunken* đều là *participial adjective* trong bản chất, *drunk* thường được dùng ở phần vị ngữ (*predicate*); nó nên được dùng về mặt phận sự như một *predicative adjective* (tính từ vị ngữ)—chẳng hạn, *drunk as a lord (fiddler)* /say túy lúy càn khôn, hay *dead drunk, blind drunk,* say bí tỉ. Còn *drunken* thường được dùng với tính cách thuộc ngữ (*attributive*)—chẳng hạn, *a drunken frolic* / cuộc đùa giỡn trong (vì) cơn say." Nếu anh nói vậy, tôi sẽ chẳng đùa anh và chẳng phải động đậy gì đến cái phần vụ sâu kín "quá khứ phân từ" của *drunken* cả. Tôi sẽ chỉ nói là, "Chúng ta chỉ nên theo dõi ngôn ngữ trên tinh thần miêu tả (descriptive) thôi, chứ không nên bắt nó phải thế này hay thế kia (prescriptive). Người Mỹ nói *drunk driver* thì cách nói ấy phản ánh một khía cạnh suy nghĩ, một phong cách phóng túng, tự do của họ đối với ngôn ngữ. Anh không nên lấy đó làm phiền. Cách nói ấy cũng có thể phản ánh một điều gì đó gần gũi với những điều mà họ phản ánh về mặt tinh thần như khi họ phát âm những từ *daughter, bottom, mountain, butter, toward, v.v.* một cách... rất Mỹ. Bắt họ phải phát âm giống như người Anh là bắt họ phải xóa bỏ đi cái bản chất, cái căn cước tính của họ. Điều đó chúng ta không thể nào làm được, và nếu có làm được thì cũng không nên làm."

Nói thế cho nó rõ ràng, chứ thật sự, chuyện *drunk* và *drunken* thường được dùng làm *predicative adjective* và *attributive adjective*, theo thứ tự, cũng còn là một vấn đề nhức đầu. Theo một quyển từ điển nổi tiếng khác, *Thorndike-Barnhart Comprehensive Desk Dictionary* (Doubleday & Company, Inc., New York, 1967), động từ *drink* có thể quá khứ là *drank* và thể quá khứ phân từ là *drunk* và *drunken* (dĩ nhiên dùng trong thi ca). Đến đây thì từ điển này cũng chỉ trình bày giống một số từ điển khác như *Oxford* và *Chambers* thôi! Nhưng, từ điển *Thorndike-Barnhart* còn nói thêm. Các soạn giả cho biết thêm rằng, trước đây, thể quá khứ của *drink* là *drunk* và thể quá khứ phân từ của nó là *drunken.* Ta đã biết *drunken* bây giờ chỉ được dùng như quá khứ phân từ trong thi ca. Họ còn cho biết thêm là, trước đây, *drunken* được dùng làm *predicative adjective* (chứ không phải là *attributive adjective).*

Nhìn một cách tổng quát, ta có thể nghĩ là bài viết này chỉ đả động đến một số đặc điểm của ngôn ngữ Anh. Nhưng thật sự, ngôn ngữ, nói chung, nếu có những điểm đặc dị thì cũng có những nét tương đồng. Tính chất tương đồng của ngôn ngữ trong nhiều khía cạnh đã được các nhà ngữ học trên thế giới công nhận. Nói như thế, ở đây, để tôi có dịp bàn qua một chút về ngôn ngữ Việt.

Trong tiếng Việt, chúng ta có *mặt trăng* và *mặt giăng; trăng* và *giăng, trăng gió* và *giăng gió; trời* và *giời; ông trời* và *ông giời*; *Đức Chúa Trời* và *Đức Chúa Lời* (và cũng có *Đức Chúa Giời...*) Mặc dù, phần nào, cũng giống như trường hợp của *drunken,* những từ thuần Việt thứ

Reagan

Cựu Tổng thống Mỹ Ronald Reagan đến đọc diễn văn ở đại học Oxford, bên Anh. Ông mở đầu: "Tôi sung sướng tuyệt vời được có mặt ở đây với quý vị hôm nay. Thật sự, ở cái tuổi của tôi, thì còn sống để được có mặt ở đâu cũng là tuyệt vời". Ông Reagan năm đó 81 tuổi.

nhì trong mỗi cặp từ vừa được liệt kê có thể được xem là những từ cổ, chỉ được dùng vào thời trước, thật sự, điều này không hẳn là như vậy. Và thật sự, từ thứ nhì không sai, xét về mặt ngữ nguyên (có khi lại còn gần gũi từ gốc hơn là từ hiện tại vẫn được dùng); ngoài ra, trong một số trường hợp, xét về mặt sắc thái tu từ, những từ thứ nhì trong những cặp vừa nói lại diễn được một tình cảm thích hợp hoặc nổi bật hơn là từ vẫn được dùng bây giờ.

Về mặt ngữ nguyên, chẳng hạn, ngày xưa, trong thời ban sơ của Việt ngữ, từ *trời* trong *Đức Chúa Trời* được viết là *blời* (Xem *Ngữ Pháp Tiếng Việt của Đắc Lộ 1651*, Nguyễn Khắc Xuyên, Thời Điểm, 1993). Vậy thì, *Đức Chúa Trời* (hay là *Đức Chúa Giời* đi chăng nữa), mặc dù mang sắc thái tu từ hiện đại hơn *Đức Chúa Lời*, chúng không đi sát ngữ nguyên bằng từ cuối cùng. Ngoài ra, nếu nhìn về mặt hàm nghĩa có liên hệ đến ý nghĩa của từ *Lời* trong Kinh Thánh, người ta còn có thể nghĩ rằng, thay vì viết *Đức Chúa Trời*, người ta nên viết là *Đức Chúa Lời* (với từ *Lời* được viết hoa, dĩ nhiên.) Tại sao? Vì trong Thánh Kinh, chúng ta có (Ngôi) Lời. Và Lời (Word) chính là Thiên Chúa. ("Tự khởi nguyên đã có (Ngôi) Lời, và (Ngôi) Lời ở cùng Thiên Chúa, và (Ngôi) Lời là Thiên Chúa", và "Và (Ngôi) Lời đã trở nên xác thịt, và ở giữa chúng ta..." / *In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God—the Gospel according to John 1:1; And the Word was made flesh, and dwelt among us...—John 1:14).* Vậy thì, nếu nghe một cụ già quê mùa, hay một nhà thông thái chuyên nghiên cứu Thánh Kinh, nói *Đức Chúa Lời*, thay vì *Đức Chúa Trời*, có lẽ ta cũng không nên vặn vẹo và yêu cầu người thốt ra câu nói kia phải sửa đổi lại lời ăn tiếng nói của mình cho nó hợp thời và hợp lý. *Lời* gần với *blời*, xét về mặt ngữ nguyên tiếng Việt; nó lại mang một hàm nghĩa rất thâm sâu trong Kinh Thánh; bởi thế, nói *Lời* thay cho *Trời* trong trường hợp này cũng chẳng phải là sai.

Một thí dụ nữa. Không biết những người khác thấy sao, chứ tôi thích từ *giăng gió* hơn là từ *trăng gió*. Bởi lẽ, đối với tôi, *giăng gió* chuyển được cái ý và cái nghĩa của *trăng gió* hơn là chính từ *trăng gió*. *Trăng gió*, thấy cũng hiền lành thôi. Nhưng *giăng gió* thì rõ ràng là hư quá. Rõ ràng là...*giăng gió* quá rồi, không còn cách nào bào chữa được. Cái sắc thái tu từ cũng có những nét khác biệt như thế khi ta so sánh giữa *trăng hoa* và *giăng hoa*. Chuyện *giăng hoa* là chuyện các cụ lên án lắm!

Ngoài ra, từ *giời*—trong *"Giời ơi nữa!"* và *"Ối giời ơi!"*—cũng có một sắc thái tu từ và biểu cảm khác với từ *trời*. Khi dùng *giời* thay cho *trời* trong những câu cảm thán này, ý nghĩa biểu cảm được nổi bật hẳn lên, thể hiện rõ cảm xúc của người dùng nó. Nhất là nếu người dùng những câu nói ấy lại là dân xứ Bắc (Nhà thơ Nguyễn Duy, tác giả *Nhìn từ xa...tổ quốc*—là bài thơ phản kháng nổi tiếng ở Việt Nam viết năm 1988—có câu thơ này trong một bài thơ cho vợ: *Em nhặt được anh* rách giời *rơi xuống.)*

Trong ngôn ngữ dân tộc nào cũng thế, có những cách dùng trở thành thói quen—mặc dù nhìn ở một khía cạnh nào đó, những cách dùng ấy có vẻ là không hợp lý. Thành ngữ, đặc ngữ... nằm trong những trường hợp như thế. Chúng biểu thị cá tính của một dân tộc, hay những đặc thù trong ngôn ngữ của dân tộc ấy. Chẳng hạn, trong ngôn ngữ Việt, ở văn nói cũng như văn viết, ta thường dùng cấu trúc ngữ pháp *Danh từ + Tính từ* trong những trường hợp bình thường (trái với cấu trúc Hán Việt và cấu trúc của Anh ngữ, chẳng hạn). Nhưng chúng ta lại nói: *to gan lớn mật, xanh vỏ đỏ lòng, v.v.* Nếu cứ dựa vào nguyên tắc căn bản để yêu cầu mọi người phải nói lại là *gan to mật lớn, vỏ xanh lòng đỏ, v.v.*, thì, dĩ nhiên, những cấu tạo ấy cũng không sai; nhưng cái đặc thù của ngôn ngữ, vì sự ép buộc ấy, cũng chẳng còn nữa.

Trở lại với *drunk* và *drunken*. Nếu, từ lâu, người Anh Mỹ thích dùng *drunken* trong thi ca như một *past participle* thì họ có những lý do của họ. Một trong những lý do đúng đắn là *drunken* đã được dùng làm *past participle* từ xưa; đến giờ nó vẫn còn sống rất lãng mạn và thơ mộng trong thơ ca với phận sự đó. Một lý do khác, nói "nửa đùa nửa thật", là họ cần một âm vận phổ thông trong thơ. Họ rất ...ngại phải đối đáp với Hồ Xuân Hương—bà chúa thơ Nôm của Việt Nam—người chỉ thích dùng toàn những vần hiểm hóc, kinh khủng !

Nếu người Mỹ thích dùng *drunk* như một *attributive adjective*, đặc biệt trong nhóm từ *drunk driver*, thì đó là đặc điểm của họ. Có thể những người đầu tiên dùng *drunk driver* đã nhìn *drunken* như một *predicative adjective* (tính từ vị ngữ) theo như lối cổ ngày xưa. Bởi thế, họ dùng *drunk driver*. Dù sao, người ta cũng có thể dùng *drunken sailor, drunken person...* Tất cả những cách dùng này thường có tính đặc ngữ, biểu hiện phong cách ngôn ngữ của một dân tộc.

Tôi xin phép các bạn đọc để nói thêm chút ít về khía cạnh bất qui tắc của Anh ngữ ở đây.

Nhiều động từ hay danh từ mà ta thường gọi là bất qui tắc trong tiếng Anh (chẳng hạn, quá khứ bất qui tắc: *to wear: wore, to spit: spat, to stick: stuck, to fling: flung, to dig: dug, to string: strung, v.v...*; danh từ số nhiều bất qui tắc: *feet, teeth, geese, mice, lice, men. women, oxen, children, brethren, v.v...)* **không phải tự nhiên mà chúng mang những dạng nghịch thường như vậy.** Xét về mặt ngôn ngữ học lịch sử,

những sự nghịch thường này đã chỉ ra những dấu vết của tính vận động và phát triển của dòng ngôn ngữ Ấn-Âu (Indo-European, bao gồm các nhánh lớn như Germanic, Romance, Slavonic, Indo-Iranian), đặc biệt trong nhánh Germanic là nhánh có các ngôn ngữ như Anh, Hòa Lan, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy... Trong bất kỳ một ngôn ngữ nào, chuyện âm và dạng của (một số) từ được thay đổi theo dòng thời gian là một chuyện hết sức bình thường. Sự thay đổi này có tính cách tiệm tiến, và, như lịch sử đã cho thấy, có những trường hợp cũng như có những giai đoạn, những thời kỳ, một số từ mới và cũ vẫn có thể chung sống "đề huề gió trăng" với nhau [(thí dụ: *to dive: dived* và *dove* (trong tiếng Mỹ)]. Đối với tiếng Anh, kể từ giai đoạn Old English (còn gọi là thời Anglo-Saxon) trở đi, hơn nửa số các động từ mạnh ("strong" verbs) còn sống sót đều được chia ở thể quá khứ trong dạng yếu (weak form). Chẳng hạn, trong Middle English, *"helpen"*—động từ *to help* bây giờ—có past tense là *holp*—dạng mạnh, được thực hiện bằng cách biến đổi nguyên âm giữa dạng hiện tại (*present tense*) và dạng quá khứ (*past tense*)—ở đây là biến đổi từ âm *e* sang âm *o*—cũng như trong Modern English bây giờ với *to get: got, to tread: trod*—nhưng dạng mạnh, *holp*, đến nay đã bị đổi thành dạng yếu, *helped*, một cách rất qui tắc. Trong một số rất ít trường hợp, dạng mạnh vẫn còn được giữ lại, như *knew* (chứ không phải *knowed*), và chùm động từ bất qui tắc bắt đầu bằng *wore* và *spat* đã kể ở trên (chùm động từ này không cổ như *knew* (thời Old English), mà thuộc về một giai đoạn sau, nhưng sự thành lập quá khứ của chúng cũng theo nguyên tắc của các động từ mạnh còn rơi lại.)

Chùm danh từ bất qui tắc mà tôi đã liệt kê ở trên (bắt đầu với *feet, teeth, geese...*), không có số nhiều tận cùng bằng tiếp vĩ ngữ s, là những thí dụ sống động về **dấu vết** của tính *"umlaut"* (sự thay đổi âm thanh của một nguyên âm bằng cách nó tự đồng hóa với một nguyên âm khác) trên mặt ngôn ngữ hình thái (*morphology*, còn gọi là ngữ vị học, dạng vị học, hay hình thái học) của Anh ngữ. Đó là một số từ còn sống sót lại từ thời cổ. So với Đức ngữ thì những từ mang tính *umlaut* này trong Anh ngữ rất hiếm, vì hầu hết chúng đã được thay thế bằng dạng chuẩn, theo qui tắc của Anh ngữ thời nay (Modern English). Dù sao, tính bất qui tắc trong động từ Anh ngữ được thể hiện một cách rõ ràng hơn là trong danh từ. Hiện tại, chúng ta có khoảng 80 động từ bất qui tắc vẫn được sử dụng, trong đó, ta nên để ý có vài động từ có hai quá khứ phân từ.

Ngôn ngữ học lịch sử cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về những sự biến đổi trên mặt âm và dạng từ như trong các thí dụ chúng ta vừa chia sẻ. Ngoài ra, nó cũng còn cho ta biết về sự biến đổi của ngữ pháp qua các thời như thế nào nữa. Bài viết này không có mục đích đi vào những chi tiết ấy, nhưng những bạn đọc nào có dịp so sánh các văn bản của *"Kinh Lạy Cha"* (*"The Lord's Prayer"*) chẳng hạn (đây có lẽ là một tài liệu trong lịch sử con người được ghi nhận lại một cách rộng rãi nhất) qua các thời của Shakespeare (bản được chuẩn hóa năm 1611), thời Chaucer (cuối thế kỷ XIV), và thời Old English (khoảng năm 1000), thì những bạn ấy sẽ thấy âm, dạng từ, và cả cú pháp (*syntax*) của Anh ngữ đã được thay đổi ra sao.

Trở lại với vấn đề của bài này, trong Anh ngữ, có thể nói *drink* là một trong một vài động từ rắc rối, dễ làm cho ta phải nhức đầu. "Ta", ở đây, bao gồm cả những người bản xứ, những người sử dụng Anh ngữ như một sinh ngữ chính, như là tiếng mẹ đẻ nữa. Ngoài những chuyện mà ta đã thử bàn trong bài này, động từ *drink* còn có một chuyện "đáng bực" khác. *Drank*, căn bản là *past tense* của *drink*, đôi lúc, cũng còn có thể được dùng làm *past participle* [(Xem *Webster's Ninth New Collegiate Dictionary* (1985)]. Nhưng, không như *drunk* và *drunken, drank* không được dùng làm tính từ. Nó chỉ đôi khi đi lạc để lang thang làm quá khứ phân từ mà thôi.

Ngôn ngữ dân tộc nào cũng có cái lạ, cái lạc ra ngoài, cái bất quy tắc, cái bất ngờ, cái đặc biệt. Động từ *to bear* (sinh ra) trong Anh ngữ cũng là một trường hợp đặc biệt như thế. Nó có hai *past participle. Born và borne. Born* dùng cho thể *passive* và *borne* dùng cho thể *active*: *He was born in Saigon* và *She has borne three children.* Nhận ra được những cái bất ngờ, những cái"ngoài vòng", những cái "sinh đôi" như thế là nhận ra những nét đặc thù và đáng yêu của cái ngôn ngữ mà mình khảo sát. Ngôn ngữ là một thứ "dụng cụ" giúp con người tiếp tục đi lên trên đường phát triển của mình. Và chắc hẳn là chúng ta sẽ cảm thấy vui thú khi nhìn ra được bản chất cũng như diện mạo của nó để, từ đó, có thể sử dụng được nó với một hiệu quả tối đa nhất.■

Irvine, Calif.

26/7/1995

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

(mẫu phiếu mua báo dài hạn và tặng báo có in nơi trang.2).

Liên lạc:
Cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
(714) 638-9510

LÊN LƯỚI VÀ BẠC TẦN HOÀI

PHÙNG NGUYỄN

Lúc nhận được tin TK 21 sắp lên lưới, tôi đã đoán già đoán non là thế nào quý độc giả trung thành của bổn báo cũng sẽ phản ứng. Còn phản ứng như thế nào thì khó mà biết được. Quả như dự đoán, có ít nhất ông Phan Khắc Phương và cô Rơm. Ông Phương thì nhất định "Chưa Muốn Vào Siêu Xa Lộ," còn cô Rơm thì ưu phiền bởi cái khả năng một ngày đẹp trời nào đó những lá thư tình tẩm hương hoa và chứa đựng một trời thơ mộng của người yêu sẽ bị thay thế bởi mớ *e-mail* lạnh lùng, không mùi không vị.

Đúng đấy chứ! Thử tưởng tượng mỗi khi muốn tiếp cận với văn chương chữ nghĩa, bạn phải bắt đầu một quy trình nhất định: "turn on" chiếc máy vi tính và "modem," gọi vào lưới, lần mò tìm cái "WEB site," bấm "con chuột" loạn xạ để tìm cho ra bài viết mình ưa thích, rồi thẳng lưng căng mắt ra đọc trong tiếng gầm gừ nho nhỏ hoặc ồn ào tùy theo tình trạng mới cũ, tốt xấu của mớ dụng cụ lỉnh kỉnh làm nên chiếc máy vi tính. Ngày xưa cổ nhân đốt trầm ngồi bên án thư đọc sách quả có chỗ thú vị hơn chúng ta rất nhiều.

Vậy thì tại sao lại lên lưới? Không lẽ chỉ vì... thời thượng thôi sao? Tôi không nghĩ như vậy. Điều đáng buồn là độc giả dài hạn của *Thế Kỷ 21* và những tạp chí văn học nghệ thuật (VHNT) tại hải ngoại không nhiều — nếu không muốn nói là quá ít. Nếu dựa vào con số hơn ba trăm ngàn người Việt "trí thức" sống rải rác tại hải ngoại, vài ngàn độc giả thường xuyên (tôi có lạc quan lắm không?) của *Thế K3 21, Văn Học, Văn, Làng Văn, Hợp Lưu*, ... quả thật quá ít ỏi.

Đưa TK 21 lên lưới có thể có một tác động tích cực vào việc làm gia tăng số lượng độc giả cho tờ báo. Bạn đọc Việt Nam, bất kể đang cư ngụ tại đâu, nếu có khả năng vào lưới, sẽ có cơ hội làm quen với TK 21. Bằng cách đọc những tác phẩm được TK 21 chọn "đăng" toàn phần trên lưới, những người này sẽ có nhận định về giá trị và tôn chỉ của tờ báo. Từ đó, họ có thể quyết định nên hay không nên trở thành độc giả dài hạn để được theo dõi toàn bộ tác phẩm VHNT của mỗi số trên bản in. Và sau đó, họ tha hồ thưởng thức TK 21 ở phòng khách, phòng ngủ, và ngay cả phòng... tắm vào những giờ giấc thuận tiện nhất cho họ. Hy vọng điều này sẽ làm giảm bớt nỗi ưu tư của ông Phương và cô Rơm.

Chợt nhìn lại cái tựa đề đã chọn, tôi bỗng giật mình. Hóa ra nãy giờ mình tản... văng mạng. Lên lưới thì có dính dáng gì đến "Bạc Tần Hoài?" Vậy mà có đấy, quý vị ạ. Trong một số trước đây, TK 21 có nhã ý đăng một bài viết ngắn của tôi, trong đó hai câu thơ

Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa

được nhắc đến. Như mèo mù vớ phải cá rán, tôi mừng biết mấy vì bài được đăng. Rồi lại đâm lo! Lỡ có người nào cắc cớ hỏi về xuất xứ của mấy câu thơ trên thì chỉ có nước... độn thổ, không những sẽ phải xấu hổ vì để lòi cái dốt của mình mà còn có khi mang tội coi thường độc giả! Lo thì phải toan, tôi bèn giở cuốn sổ điện thoại bụi bặm của mình để tìm cho được số của ông bạn vong niên rất sính cổ thi Trung quốc và hiện đang cư ngụ tại San Hô Thành. Ông bạn già bèn mắng cho một trận về tội không biết mà cũng bày đặt... thưa thốt rồi đọc ra hai bài thơ sau đây:

Bạc Tần Hoài
Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa
Dạ bạc Tần Hoài cận tửu gia
Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa

Bản dịch tiếng Việt (không rõ xuất xứ)

Sông Tần khói tỏa trăng im
Bên ngoài quán rượu con thuyền đêm qua
Mặc ai tan cửa nát nhà
Chị em vẫn hát bài Hoa Sau Vườn

Hỏi ông bạn về tên tác giả và dịch giả, ông lạnh lùng tuyên bố, "Lâu quá rồi tao không nhớ, bây giờ tao bận đi... ăn phở!" rồi cúp máy. Vậy là vấn đề không những không được giải quyết trọn vẹn mà lại còn trở nên rắc rối thêm. "Chị em" trong bản tiếng Việt là chị em gì đây? Chị em bạn hàng hay chị em... ta? Túng quá, tôi bèn gõ mấy chữ về cái vấn nạn của mình, gởi lên trên lưới cho nhóm tin Xã hội Văn Hóa Việt Nam (soc.culture.vietnamese newsgroup, gọi tắt là SCV) hy vọng sẽ có người giúp mở mang cái đầu óc u tối của mình và tìm ra câu trả lời cho cái... nghi án văn học này. Quả nhiên chỉ trong vài ngày đã có kết quả mỹ mãn. Đông A Trần Minh Tiến ở mãi bên Đức và hai anh QTTT và

Phạm Thế Định ở đâu đó bên Mỹ đã sốt sắng đáp ứng. Hóa ra tác giả bài thơ "Bạc Tần Hoài" là Đỗ Mục thời Văn Đường. Hai anh Đông A và QTTT còn giải thích cặn kẽ về từ "thương nữ" một cách rất lý thú. Đặc biệt Phạm Thế Định, một nhà thơ rất được ái mộ trên diễn đàn điện tử SCV, đã có nhã ý tặng chúng tôi bản dịch Việt ngữ của anh:

Ghé Bến Tần Hoài
Khói mù sông tạnh bóng trăng xa
Quán cạnh Tần Hoài bến khách qua
Kỹ nữ hiểu chăng sầu mất nước
Trổi bờ giọng hát Hậu Đình Hoa?

Không biết quý vị nghĩ sao, chứ đối với tôi thì bài dịch thật là tuyệt cú mèo. Lưới ơi là lưới ơi, cám ơn mi lắm!

Cũng như ông Phương và cô Rơm, tôi quan niệm đọc sách là một thú vui tao nhã và có tác dụng tốt cho tinh thần và thể xác. Nếu phải chọn giữa việc thẳng lưng căng mắt "thưởng thức" tác phẩm VHNT trên lưới và có trong tay bản in của tác phẩm đó, tôi chọn điều sau. Nhưng tôi cũng không ngần ngại vào lưới để học hỏi từ cái khối lượng thông tin và trí tuệ đồ sộ trên *cyberspace*. Trong khi đó, những ai còn dùng dằng chưa quyết, xin hãy cứ ngâm thơ Nguyễn Bính:

Không nên lên lưới, nên lên lưới?
Lên lưới làm chi cho mất công!

07.95

NHẮN TIN "LƯỚI"

1. *Thế Kỷ 21* "lên lưới" đã được ba tháng, nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh trên lưới cũng như hệ thống nhận và gửi tin. Thoạt đầu là do cái *modem* hư, phải thay. Sau đó, nhóm thực hiện việc "lên lưới" muốn đổi một vài phương thức và tên hiệu. Do đó, có nhiều độc giả gửi *e-mail* mà thấy... mất tăm, hoặc chỉ được trả lời trên lưới sau... vài tuần! Nay thì "lưới" đã vá lại nên có thể vớt các thư trôi trong không gian được rồi. Từ số sau, TK 21 sẽ đăng các thư gửi bằng *e-mail*, và cả các câu trả lời, để quý vị độc giả chưa vào lưới "tường lãm" (và sốt ruột).

2. "Lưới" của TK 21 đã nhận được sự yểm trợ của quý thân hữu sau đây: (1)Thân hữu ở Anaheim. (2)TH ở McLean VA. (3)TH ở Orange. (4)TH ở Woodland Hills. (5)GS Tôn Thất Thiện. (6)Nhà văn Trà Lũ Trần Trung Lương. (7)TH ở Lorton VA. (8)TH ở McLean VA. (9)TH ở Montréal. (10)Nhà văn Trương Anh Thụy và Tủ sách Cành Nam. (11)TT Thích Giác Lượng (Pháp Duyên Tịnh Xá, San Jose): mỗi tháng yểm trợ $50.00. (12)TH ở Issaquah WA. (13)TH ở San Jose. (14)Nhà thơ Phạm Xuân Tích ở Paris. (15)GS Bùi Xuân Quang ở Paris. (16)TH Bùi Đông Triều. (17)TH ở Sunnyvale CA. (18)TH ở Shoreview MN. (19)TH Nguyễn Văn Cường ở Norway.

Một số thân hữu không muốn nêu danh tánh trên báo và trên "lưới" nên chúng tôi xin phép chỉ ghi TH và tên thành phố.

Sự yểm trợ của quý thân hữu vô cùng cần thiết, vì ngoài phí tổn cài đặt (*install*) ban đầu, mỗi tháng còn phải trả một phí khoản "lên lưới" giống như bản in phải trả tiền nhà in vậy. Do đó, xin quý thân hữu tiếp tục yểm trợ, giới thiệu thêm độc giả, và nếu có thể, đăng quảng cáo trên "lưới"! Trân trọng cảm tạ quý vị.

3. Một vài vị hỏi về cách "vào lưới" để đọc TK 21 trên lưới: Xin quý vị đọc trong *Thế Kỷ 21* số 75. Đọc xong, làm theo từng bước mà vẫn bị "lọt lưới," xin liên lạc với các chuyên viên trong nhóm *Vietmedia* — điện thoại (714) 545-7164.

13,000 triệu, 63 xứ

Hãng Mc Donald đã nghiên cứu hai năm, giờ đang thử một loại hamburger chay, nhân pha trộn bằng khoai tây, đậu, bắp ngọt, cà rốt, hành tây và gia vị. Đang bán thử ở 13,000 tiệm Mc Donald trong 63 xứ. Ở Hòa Lan giá bán một hamburger chay là 2.60 USD, rẻ hơn Big Mac. (Reuters)

12 phút

Ở San Francisco đã có trên 20 tiệm bán cà phê và bán thời giờ dùng computer (điện toán). Thay vì bán cà phê + bánh ngọt 99 xu, các tiệm này ra giá: 1 ly cà phê + 12 phút dùng computer giá 1.75 đồng. Khách hàng dùng computer để nói chuyện qua internet với các dân ghiền computer khác, vì cô đơn quá, cần bạn.

Nói chuyện với Trần Thanh Hiệp

TƯƠNG LAI VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

THỤY KHUÊ thực hiện trên đài RFI, Paris

— Thưa anh Trần Thanh Hiệp, từ thời kỳ Trần Thanh Hiệp là nhà thơ cho đến nay quãng đường đã khá dài. Anh đã đi qua nhiều chặng và anh đã từng làm chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong thời gian gần mười năm, rồi anh lại bước sang lãnh vực chính trị. Thưa anh, anh thích làm chính trị hay văn nghệ?

— Thật ra theo tôi thì văn nghệ là mặt thẩm mỹ của chính trị. Trong những hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam, tôi đã phải làm chính trị nhiều hơn là làm văn nghệ bởi vì tôi tin rằng nếu có nhiều người văn nghệ chân chính làm chính trị thì vấn đề chính trị của Việt Nam đã được giải quyết tốt đẹp hơn. Tôi nhớ có một lần tôi vui đùa tâm sự với Thanh Tâm Tuyền khi anh từ trong nước ra định cư ở hải ngoại rằng nếu từ trước tôi làm chính trị thì chắc chắn anh không phải vào trại cải tạo! Tôi xin mượn giai thoại đó để trả lời câu hỏi của Thụy Khuê.

— Bây giờ trở về với tư cách của cựu chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Anh thường nói là anh đã làm xong một số việc và anh chưa làm xong một số việc khác, anh có thể nói rõ hơn điều này không, thưa anh?

— Theo lẽ, tôi không nên đi vào chi tiết, nên để cho người ngoài cuộc kiểm điểm thì khách quan hơn. Nhưng có những điều mà chỉ có những người trong cuộc mới biết, nên tôi cũng muốn nêu lên một vài yếu tố để sơ kết.

Về mặt đối nội, với sự hỗ trợ của một số nhỏ thân hữu ở trong cũng như ở ngoài Hội, tôi đã dành bốn năm, từ 1985 đến 1989, để mở rộng Hội ra phạm vi toàn cầu dưới hình thức "liên trung tâm" đồng thời di chuyển cơ cấu lãnh đạo Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sang châu Mỹ, như một số người cầm bút lúc đó mong muốn, nếu không hẳn là đòi hỏi. Tôi coi việc này là một bước phát triển cần phải có để khuếch đại công trình xây dựng Hội từ năm 1978 đã được ba người mở đầu là bà Minh Đức Hoài Trinh, ông Trần Tam Tiệp và cụ Nguyễn Văn Hảo.

Về mặt đối ngoại, tôi đã đưa Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại từ một trung tâm yếu ớt chỉ kêu gọi cứu trợ lên hàng một trung tâm bình thường như bất cứ một trung tâm thành viên nào khác của Văn Bút Quốc Tế (PEN International), nếu không muốn nói rằng nó đã là một trung tâm có ảnh hưởng và có uy tín vì nó đã được mời đứng ra bảo trợ cho việc tranh cử của nhà thơ René Tavernier vào chức vụ chủ tịch Văn Bút Quốc Tế. Khi đắc cử, ông René Tavernier đã cử tôi phụ tá ông để vận động việc phát triển Văn Bút Quốc Tế tại vùng Đông Dương. Tôi nghĩ rằng hai điều tôi vừa nói về vấn đề phát triển ở trên là hai việc tôi đã làm xong.

— Thế còn những việc mà anh chưa làm xong thì là những việc gì, thưa anh?

— Thật ra có nhiều. Khó ai thực hiện được hết các dự án của mình! Khi tôi từ nhiệm và trao trả Hội lại cho các trung tâm của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ở châu Âu, châu Mỹ, châu Úc tôi chỉ tiếc một điều là giấc mộng của tôi muốn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đứng ra tổ chức một Đại hội cho Văn Bút Quốc Tế chỉ mới thành hình được ở giai đoạn vận động...

— Thấm thoát biến cố 75 đã đi vào dĩ vãng được 20 năm rồi, khoảng thời gian này đủ dài để lập một bản tổng kết về những sinh hoạt văn học của người Việt Nam ở ngoài nước và ở trong nước. Xin đề nghị anh cho một cái nhìn khái quát, một nhận định khái quát.

— Xin hãy nói về mặt tích cực. Tôi cho rằng văn học nghệ thuật Việt Nam trong 20 năm qua ở hải ngoại đã làm được một công tác lịch sử đáng kể là nối dài lãnh thổ Việt Nam để những người tị nạn Việt Nam có một không gian Việt Nam tuy phải ở ngoài nước. Điều này đã làm cho đời sống của các thế hệ nhiều tuổi bớt cô đơn. Văn học nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại đã đáp ứng được sự đòi hỏi của trên hai triệu người Việt lưu vong và đã ràng buộc được họ với quê cha đất tổ.

— Nhưng chắc chắn là văn học hải ngoại cũng có những nét tiêu cực, thưa anh. Những nét đó là những nét như thế nào?

— Theo tôi, Việt Nam đang ở trong tiến trình của một xã hội nông nghiệp, và bị áp bức, chuyển biến thành một xã hội truyền thống, một xã hội thông tin, tự do dân chủ. Sự chuyển hóa này sẽ xảy ra dù những người cầm quyền muốn

ngăn cản. Xu thế tất yếu là các hệ thống truyền thông bằng văn tự hay bằng thính thị sẽ phá đổ hết mọi bức tường ngăn cách giữa trong và ngoài nước, như bức tường Bá Linh đã bị phá đổ. Tuy vẫn còn ngăn cách giữa trong và ngoài nước về mặt địa lý nhưng cả một hệ thống xa lộ truyền thông khổng lồ đã được thiết lập giữa hai thế giới và tin tức, tư tưởng, tình cảm đã bắt đầu lưu thông trên hệ thống xa lộ vô hình này. Khởi đầu lưu lượng còn yếu nhưng rồi sẽ mạnh trong những năm tháng gần đây.

Trong tương lai hệ thống thông tin sẽ dày đặc và những người cầm quyền cũng sẽ bị tràn ngập trong những biển truyền thông này. Văn học lúc đó sẽ mất đi phần nào tính đặc thù của nó là hư cấu rất cần để sáng tạo ra cái mới vì cuộc sống của các xã hội cũ đã trở nên quá đơn điệu, phải có văn học nghệ thuật sáng tạo thêm ra những thặng dư để điểm xuyết cho cuộc đời. Thế hệ những người Việt đời thứ ba, thứ tư ở hải ngoại sẽ đòi hỏi những thông tin nhiều hơn là những hư cấu. Rất tiếc là hình như cho đến nay, nhiều nhà làm văn học nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại sau 20 năm tiếp xúc với các nguồn sống ở nước ngoài chưa nghĩ đến việc chuẩn bị chào đón ngày mai cửa những năm 2000. Đó là một trong những nét tiêu cực mà tôi muốn nhấn mạnh.

— Cũng trong dòng suy nghĩ đó, anh có những nhận xét gì về văn học nghệ thuật ở trong nước, thưa anh?

— Vấn đề này Thụy Khuê am tường nhiều hơn tôi chứ, phải không? Nhưng Thụy Khuê đã hỏi thì tôi cũng xin đưa ra một vài suy nghĩ nhỏ. Người ta hay nói đến văn nghệ phản kháng, những tác giả phản kháng ở trong nước. Theo tôi, bây giờ ở trong nước, văn nghệ một cách tự nhiên đã đi xa hơn việc phản kháng để bắt đầu thực hiện sự tự do dù vẫn còn có những kìm kẹp bằng luật pháp, bằng thực tế. Những người cầm quyền đã không còn đủ sức mạnh để kìm kẹp về mặt tinh thần các văn nghệ sĩ nữa. Tuy nhiên, nếu ta chưa thấy được một nền văn học nghệ thuật hoàn toàn tự do thì đó chỉ vì số người muốn diễn tả sự tự do của mình còn quá thưa thớt mà thôi.

— Anh có đề nghị gì về sinh hoạt trong tương lai, dưới viễn tượng anh đã phác họa về Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại không? Dù sao anh cũng là cựu chủ tịch của Hội này?

— Trong quá khứ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã làm việc đắc lực cho cuộc cứu trợ các văn nghệ sĩ bị cầm tù. Đến nay, rất nhiều văn nghệ sĩ đã được trả tự do, đã xuất ngoại và còn bắt đầu lẻ tẻ hoạt động trở lại. Theo tôi, đó là những vốn quý của văn học Việt Nam ở hải ngoại. Nếu động viên được tất cả nguồn rung cảm này thì sinh hoạt văn nghệ hải ngoại sẽ có đủ vừa bề sâu, bề rộng lẫn chiều cao. Tôi muốn nhân dịp này đưa ra một đề nghị là các trung tâm của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong nhiệm kỳ sắp tới. Tôi đã nghĩ kỹ khi đưa ra đề nghị này (1). Nhà văn Doãn Quốc Sỹ là một cây bút nắm vững được tình hình văn nghệ trong nước; ông lại có uy tín lớn trên diễn đàn văn hóa Quốc Tế. Ông quả thật là người của tình thế hiểu theo nghĩa có thể đưa được Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại bước đi một bước phát triển mới với quy mô đích thực Việt Nam, với chính thống Việt Nam. Tôi nghĩ rằng nếu ông nhận trách nhiệm này thì thật là danh chính ngôn thuận.

— Thưa anh, hiện nay còn có nhiều người cầm bút còn tin vào sự cần thiết của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nữa không? Sở dĩ phải hỏi anh điều này là vì có nhiều tác giả không gia nhập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Anh giải thích hiện tượng này ra sao, thưa anh?

— Đó cũng chính là nhận xét của tôi. Tôi cho rằng nay đã đến lúc phải tạo ra một nếp sinh hoạt văn bút mới trong đó có sự góp phần tích cực của những người mang trong mình cả quá khứ văn nghệ Việt Nam, có đủ tài trí tiếp thu các nguồn tư tưởng mới, có đủ bản lãnh về mặt bút pháp, đẩy mạnh đà sáng tạo mới. Nguồn sức đẩy mới này sẽ hợp lại với những tài năng trẻ hình thành một nền văn học Việt Nam ở nước ngoài để nó không còn là một nền văn học đơn thuần lưu vong. Tôi tin rằng nhà văn Doãn Quốc Sỹ là người có thể mang lại cho Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại luồng sinh khí mới của những chân trời những năm 2000.

— Xin cảm ơn anh Trần Thanh Hiệp.

(1) Được hỏi rằng ông có tham khảo ý kiến của nhà văn Doãn Quốc Sỹ trước khi đưa ra đề nghị này hay không, ông Trần Thanh Hiệp cho biết là ông Doãn Quốc Sỹ không hay biết gì về lời đề nghị của ông.

Quảng cáo

Nước Mỹ là nước của quảng cáo. Nếu quí vị đi Florida, sẽ thấy người ta bắt đầu quảng cáo ở phòng đi tiểu (còn gọi là nhà đái). Quảng cáo gắn ngay trên tường, trước mặt các ông đang đứng làm cái việc "theo tiếng gọi của thiên nhiên" (dịch từ tiếng Mỹ từng chữ một). Các hãng quảng cáo ở West Palm Beach và New York đã thầu phòng đi tiểu của các tiệm ăn và nhất là tiệm rượu từ ba năm nay. Cho thuê 100 đồng một tháng. Khách nhậu uống la de, uống vào bao nhiêu lại phải đổ ra bấy nhiêu, thế nào cũng phải vào đứng ở đó, các mẫu quảng cáo nó đập vào mắt, không muốn nhìn cũng không được.

Nói chuyện với Viên Linh, Chủ tịch VBVNHN

VBVNHN, DỰ ÁN VÀ HOẠT ĐỘNG

ĐINH QUANG ANH THÁI thực hiện trên đài VNCR

Hỏi: *Một cách tổng quát, xin ông cho thính giả của VNCR biết về phương thức tổ chức cũng như hoạt động của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong thời gian vừa qua.*

Đáp: Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại hiện nay có 12 Trung tâm hoạt động trên khắp thế giới. Trong đó có hai Trung tâm ở Âu Châu, hai ở Gia Nã Đại, một ở Úc và bẩy ở Hoa Kỳ. Các Trung tâm hoạt động biệt lập nhưng cứ mỗi hai năm một lần, từng ấy Trung tâm họp lại ở một địa điểm nào đó, thường là địa điểm (có đặt trụ sở) của người Chủ tịch đương nhiệm, để bầu Ban Chấp Hành kế tiếp gọi là Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương, tức là Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, là cơ chế đại biểu hoạt động trực tiếp với Văn Bút Quốc tế mà trụ sở ở Luân Đôn.

Hỏi: *Thế những điều kiện, hay tiêu chuẩn, để trở thành hội viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nói riêng và của Văn Bút Thế Giới là như thế nào?*

Đáp: Trước 1975 tại Việt Nam, một nhà văn muốn gia nhập Văn Bút phải có hai tác phẩm đã xuất bản. Tuy nhiên, sau 1975 điều kiện đó có dễ dàng đi, miễn là những người đó đã có những tác phẩm đăng báo, cũng đã có thể được nhận. Hồi sau này, Văn Bút Quốc Tế còn mở rộng thêm để lấy luôn các vị ký giả nhưng họ phải giữ chức Chủ Bút của một tờ báo nào đó. Mỗi một nước thành lập một Trung tâm Văn Bút và nộp đơn xin gia nhập tổ chức Văn Bút Thế Giới ở Luân Đôn. Khi hội đủ những điều lệ như có các nhà văn nổi tiếng, đã có tác phẩm xuất bản và một số hội viên hạn định thì đơn xin gia nhập sẽ được Văn Bút Quốc tế đưa ra trước Đại hội họp mỗi năm một lần. Đại Hội đồng sẽ bỏ phiếu, cứ quá bán thì chấp nhận Trung tâm đó. Chẳng hạn như năm ngoái khi chúng tôi đi dự Văn Bút Quốc tế kỳ 61 ở Tiệp Khắc, lúc đi Văn Bút Quốc tế có 119 Trung tâm nhưng khi về thì Văn Bút Quốc tế có 127 Trung tâm. Tức là trong Đại hội năm ngoái, vào ngày thứ sáu có nhiều Trung tâm nộp đơn xin gia nhập và Đại hội đã thuận một số Trung tâm mới.

Hỏi: *Chúng ta vừa nói về Văn Bút Việt Nam tại Hải ngoại, nhưng theo chỗ ông biết thì có Văn Bút Việt Nam Quốc Nội hay không? Ý chúng tôi muốn nói là có một Văn Bút Việt Nam nằm trong sự kiểm soát hay ảnh hưởng của nhà nước Việt Nam Cộng Sản?*

Đáp: Cho tới giờ này thì không có. Bởi vì cách đây vào khoảng hơn 10 năm, Hà Nội đã xin gia nhập Văn Bút Quốc tế, lúc ấy vị Chủ tịch (Văn Bút Việt Nam Hải ngoại) đang ở Ba Lê thì phái đoàn và vị đại diện Văn Bút của ta, chị Minh Đức Hoài Trinh, đã tranh đấu rất kịch liệt và đại hội đã bác đơn xin gia nhập của Hà Nội. Từ đó đến nay, tôi nghĩ rằng có một số lần họ cũng muốn vào, nhất là năm ngoái, nhưng vì lý do nào đó đã không thấy xảy ra. Có thể họ thấy rằng lúc đó phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải ngoại đã tổ chức rất kỹ càng thành ra họ đã không nộp đơn xin gia nhập.

Hỏi: *Nghĩa là cho tới giờ phút này thì về phương diện "chính danh" chỉ có một tổ chức là Văn Bút Việt Nam Hải ngoại được tham dự tại Văn Bút Quốc tế?*

Đáp: Vâng, chính danh thì người ta gọi là "Các Vùng Ngôn Ngữ." Trong Văn Bút Quốc tế, người ta gọi là "Các Trung Tâm Trong Các Vùng Ngôn Ngữ" thì Vùng Ngôn Ngữ Việt Nam chỉ có mỗi một Trung tâm Văn Bút Việt Nam Hải ngoại (là đại diện được phép tham dự) mà thôi.

Hỏi: *Sự liên hệ giữa Văn Bút Việt Nam Hải ngoại và Văn Bút Quốc tế ra sao?*

Đáp: Về phương diện hội viên, chúng tôi phải đóng một số tiền niên liễm hằng năm là 400 Mỹ kim. Ngoài sự tôn trọng Hiến chương VBQT, còn phải thực hiện một số chương trình mà VBQT đề ra, phải đi họp khi họ có những Ủy ban Lâm thời, tức là những ủy ban thành lập một cách cấp tốc. Như hồi nhà văn Rushdie viết cuốn *Quỷ Thi* bị nước Iran lên án tử hình chẳng hạn thì VBQT đã thành lập một ủy ban cấp tốc để tranh đấu cho nhà văn này, cũng như thúc đẩy chính phủ Anh và các nước khác để làm giảm nhẹ áp lực đối với ông ấy. Hồi gần đây nhất thì Ủy ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù của VBQT đã giúp cho các nhà văn còn ở lại Việt Nam một số tiền là 22 ngàn Anh kim, khoảng 40 ngàn Mỹ kim. Nói điều đó ra rất xấu hổ vì chúng ta chỉ đóng một số tiền niên liễm quá ít ỏi cho VBQT vì chúng ta chỉ có một số ít hội viên trong khi Tổ chức này đã cho các nhà văn Việt Nam, đa số là những người ở miền Nam trước đây trong tù một số tiền lớn như thế. Họ đưa trực tiếp chứ cũng không qua VBVNHN.

Hỏi: *Theo chỗ ông biết thì có nhà văn nào ở miền Bắc được VBQT yểm trợ trong khoản 22 ngàn Anh kim đó không?*

Đáp: Tôi biết là có. Một vài người, không có nhiều.

Hỏi: *Thí dụ?*

Đáp: Điều này thì xin lỗi anh không thể nói được vì ngay Chủ tịch Ủy ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù của mỗi Trung tâm phải có điều kiện tối thiểu là Phó Chủ tịch của Trung tâm đó mới được nắm chức vụ này. Khi chúng tôi đi họp ở Tiệp Khắc, vào phòng họp của Ủy ban Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù mà chủ tịch đương thời là bà Jeanne Leedom-Arkemann thì họ kiểm soát khá gắt gao như không được mang máy hình hay

máy thu âm vô. Đó là phòng họp nói chuyện bình thường, không sử dụng micro vì người ta sợ những tài liệu ấy có thể bị ghi nhận và có thể lộ ra ngoài gây nguy hiểm cho những người đã nhận sự giúp đỡ của VBQT.

Hỏi: *Theo chỗ chúng tôi được biết thì ngày 26 tháng Mười năm nay, đại hội Văn Bút Quốc tế kỳ thứ 62 sẽ được tổ chức tại Úc. Theo ông thì liệu Hà Nội có khả năng gia nhập vào sinh hoạt của VBQT hay không và nếu trong trường hợp Hà Nội có khả năng đó thì VBQT sẽ công nhận thế nào về mặt "chính danh" với một bên là Văn Bút Việt Nam Hải ngoại và một bên là Văn Bút Việt Nam ở trong nước?*

Đáp: *Đây là mối lo của chúng tôi từ nhiều tháng nay. Nhất là từ khi Hoa Kỳ thiết lập bang giao với Hà Nội, nhất là từ khi Việt Nam được nhận là hội viên của khối ASEAN thì khả năng để họ có thể gia nhập VBQT năm nay rất là lớn. Năm ngoái chúng tôi biết là khi chúng tôi đi dự đại hội VBQT ngày 6 tháng Mười Một thì Dương Thu Hương dự định có cuộc nói chuyện ngay vào ngày mồng 7 tháng Mười Một ở Prague nhưng không thành vì anh em sinh viên ở đó có một nửa theo họ và một nửa theo mình và họ thấy phái đoàn VBVNHN đi đến tám người, rất là mạnh mẽ. Chúng tôi còn tham dự "Đêm Thơ Nguyễn Chí Thiện" do anh em sinh viên Phục Hưng tổ chức thành ra không khí rất rầm rộ, họ đã không làm được gì lúc đó. Nhưng mà năm nay ở Úc Châu có những khó khăn cho chúng ta như sự di chuyển rất xa xôi. Một hội viên VB như tôi chẳng hạn đi dự Hội nghị phải đóng 360 Mỹ kim tiền ghi danh. Đó chỉ mới là tiền ghi danh để được họp thôi. Sau đó tiền khách sạn là 100 Úc kim cho một đêm và phải ở năm đêm. Riêng tiền khách sạn cho một người, kể cả trưởng phái đoàn là 400 đồng, chưa kể tiền máy bay, tiền ăn... Nên một số hội viên đi dự năm nay sẽ phải chuẩn bị ít nhất là 2,200 Mỹ kim. Chi phí ấy thì quá khả năng của chúng tôi.*

Như đã nói với anh, năm nay họ có nhiều cơ hội để vào VBQT. Nếu họ xin gia nhập thì đơn đó sẽ đưa ra trước Đại hội tại chỗ, thí dụ như lúc ấy có 80 phái đoàn đi dự thì họ chỉ cần 41 phiếu là được vào.

Hỏi: *Nếu trong trường hợp Đại hội VBQT chấp nhận VBVN trong nước tức là Văn Bút được tổ chức bởi những người Cộng Sản thì thái độ của Văn Bút Việt Nam Hải ngoại sẽ như thế nào.*

Đáp: Đương nhiên là chúng tôi có soạn một nghị quyết để nói rằng cho đến giờ này Hà Nội vẫn còn vi phạm quyền tự do phát biểu, Hà Nội vẫn chưa từng có một tờ báo do tư nhân làm chủ, vẫn chưa từng có một nhà xuất bản do một nhà văn làm chủ, vẫn bỏ tù Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, tức là quyền tự do phát biểu vẫn còn chưa được tôn trọng. Trong trường hợp đó, xét theo Hiến chương VBQT, Hà Nội chưa xứng đáng gia nhập Văn Bút.

Hỏi: *Trở lại sự hoạt động của VBVNHN, các công tác trong giai đoạn này như thế nào?*

Đáp: Chúng tôi đang làm ba việc một lúc. Việc thứ nhất đã công bố vào hồi tháng Hai, 1995 tại Houston là chúng tôi tổ chức giải dịch thuật lấy tên là giải Nguyễn Văn Vĩnh *. Lấy tên cụ Vĩnh vì cụ là học giả đầu tiên dịch truyện Kiều sang tiếng Pháp. Và giải này chỉ trao cho những tác phẩm dịch từ văn chương Việt Nam ra tiếng Anh hay tiếng Pháp mà thôi tức là chỉ trao cho bản dịch chứ không trao cho tác giả nguyên bản. Sở dĩ như thế là để có nhiều tác phẩm Việt dịch ra ngoại ngữ để giới thiệu cho thế giới. Năm ngoái chúng tôi đi dự đại hội thì thấy các nước khác có nhiều [tác phẩm được giới thiệu] mà chúng ta không có. Dĩ nhiên giải thưởng này chúng tôi cũng phải kêu gọi mọi người đóng góp chứ VBVNHN hiện nay không có ngân khoản nào hết.

Công tác thứ hai là cuốn *Chiêu Niệm Văn Chương*. Là vì chúng tôi suy nghĩ rằng từ 1975 đến nay các nhà văn miền Nam, các nhà văn Quốc gia có trên 20 người chết trong trại tù của Cộng sản, có những người khác chết khi lưu vong ở hải ngoại, có những người vì lý tưởng bị ám sát ở hải ngoại. Cộng sản chắc chắn sẽ không nói đến họ dù chỉ một dòng. Là Văn Bút, chúng tôi tự thấy có trách nhiệm phải kêu gọi mọi người viết cuốn *Chiêu Niệm Văn Chương* cho những người chết đó. Cho tới nay đã có 63 tác giả tham dự.

Hỏi: *Ý ông muốn nói là chiêu niệm cho những người cầm bút đã chết trong giai đoạn vừa qua vì tranh đấu cho lý tưởng tự do?*

Đáp: *Vâng, và bây giờ số người chết mà chúng tôi kiếm được dần dà thêm vào là 30 người chết vì tù đày, chết vì ngòi bút của mình.*

Hỏi: *Câu hỏi chót xin được phỏng vấn ông là: mức độ tham dự của những nhà văn hải ngoại đối với VBVNHN?*

Đáp: Thưa anh, tôi nghĩ rằng đây là một câu hỏi tôi rất muốn trả lời. Mười lăm tháng trước đây khi tôi được Đại hội Văn Bút Việt Nam Hải ngoại kỳ IV bầu làm Chủ tịch, Văn Bút Việt Nam Hải ngoại chỉ có bảy Trung tâm mà thôi và bảy Trung tâm ấy đã có mặt từ khoảng 10 năm nay; sáu năm với vị Chủ tịch ở Pháp; bốn năm với hai vị Chủ tịch ở Toronto và Montréal, Gia Nã Đại. Đến lượt tôi thì VBVNHN mang về Hoa Kỳ và trong một năm rưỡi [trong nhiệm kỳ của tôi], tôi mở thêm được bốn Trung tâm và thúc đẩy Trung tâm Úc sống lại, nghĩa là Văn Bút Việt Nam Hải ngoại bây giờ có 12 Trung tâm.

* *Ban Giám Khảo: Các giáo sư Nguyễn Khắc Kham, Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Khắc Hoạch, Võ Đình, Nguyễn Sỹ Tế.*

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

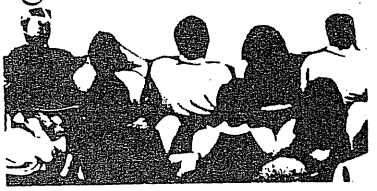

Ngày Nghệ Thuật Việt Nam ở San Diego

Thứ Bảy 29 tháng Bảy 1995, Ngày Nghệ Thuật Việt Nam lần đầu tiên đã được Hiệp Hội Người Việt tại San Diego tổ chức tại trụ sở của Hội.

Một cuộc triển lãm tranh, ảnh nghệ thuật và cắm hoa đã được khai mạc buổi sáng. Bốn mươi họa phẩm đủ mọi thể loại của nhiều họa sĩ danh tiếng cư ngụ tại nam Cali cũng như nhiều nơi khác gửi về trưng bày, trong đó có Hồ Anh, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Darlene Nguyen Ely, Duyên Hà Lê Phục Thủy, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyên Khai, Ngô Bảo... Phần nhiếp ảnh gồm 26 tác phẩm của các nhiếp ảnh gia như Dương Xuân Phương, Ngô Thanh tùng, Lại Hữu Đức, Lê văn Khoa, Thái Đắc Nhã, Tôn Lập, và các bình hoa đẹp mắt với nhiều tạo hình lạ là tác phẩm của các bà Lê Ngọc Châu, Đào Giao Chi, Lệ Hà, Nguyễn Hải, Hồng Phúc và Terumi Rice.

Vào buổi tối, "Đêm Văn Nghệ Vào Hạ," với sự tham dự của nhiều nghệ sĩ chuyên và không chuyên của San Diego (Rose Trần, Trần Vũ, Tạ Chương, Thu Hằng...) cũng như từ vùng Little Saigon đến (tứ ca, ngũ ca Ngàn Khơi, Trần Diệu Hằng, Nguyễn Tư Hào, Đỗ Quân Phong, Đỗ Thu Giang...) đã làm say mê gần 300 khán giả tham dự cho đến phút chót.

Ngày Nghệ Thuật Việt Nam đã gây được một không khí văn hóa văn nghệ đặc biệt cho cộng đồng Việt Nam tại San Diego.

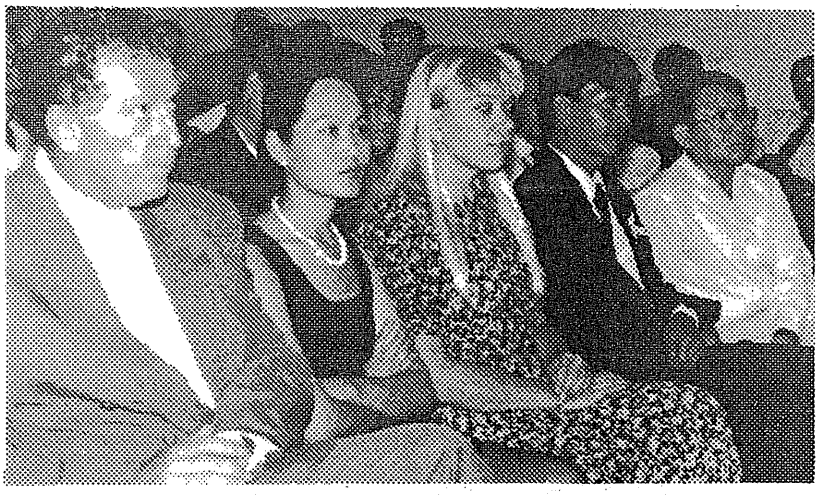

Từ trái qua: Nhà văn Larry Engleman và vợ (gốc Trung Hoa), bà (gốc Phần Lan) và ông Nguyễn Bá Trạc -- trong buổi ra mắt sách ở San Jose.

Nguyễn Bá Trạc ra mắt sách tại San Jose

Trong cái nóng 90 độ F, trên 1000 người đã tập họp tại hội trường Hamilton Grange chiều thứ Bảy 29 tháng Bảy 1995 để dự buổi ra mắt hai cuốn sách nói trên của Nguyễn Bá Trạc. Buổi ra mắt có tên là "Ngày hè thân ái."

Tranh và hoa tại phòng triển lãm của Nhà Cộng Đồng San Diego.

Các bạn thân của tác giả như Phan Nhật Nam, Hoàng Khởi Phong, bà Như Hảo... đã có mặt, và lên diễn đàn nói về tác giả và tác phẩm và điều khiển một chương trình sinh hoạt văn nghệ đặc sắc, qui tụ phần lớn các ca nhạc sĩ tại địa phương.

Trong phát biểu của mình, Nguyễn Bá Trạc nói rằng cộng đồng người Việt tại San Jose phải là một thí điểm, một khuôn mẫu sinh hoạt đa nguyên để từ đó lan rộng ra và thể nghiệm tại Việt Nam. Ông đã được cử tọa tán thưởng

nhiệt liệt. Dịp này, tác giả Nước Mắt Trước Cơn Mưa (Tears Before The Rain), ông Larry Engelman, đã nói lý do và phương pháp để ông viết cuốn sách trên, và ông ngỏ lời cám ơn những người Việt Nam ở khắp nơi đã giúp ông hoàn thành tác phẩm.

Đêm Văn Cao tại Westminster

Vào đêm thứ Sáu 4 tháng Tám 1995 tại hội quán Thùy Dương, thị xã Westminster, California, báo *Ngày Mai* và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã tổ chức một đêm tưởng nhớ nhạc sĩ Văn Cao — một thiên tài âm nhạc của Việt Nam vừa nằm xuống ở trong nước. Khoảng 150 người đã đến tham dự, trong đó đông đủ anh em văn nghệ sĩ và những người yêu mến Văn Cao.

Trong phần chính của chương trình nhạc sĩ Nguyễn Hiền và họa sĩ Hồ Thành Đức đã kể những kỷ niệm với nhạc sĩ Văn Cao từ thời đầu kháng chiến chống Pháp và sau 1975. Chính nhạc sĩ Nguyễn Hiền là người đã soạn lời ca tiếng Anh cho bản Thiên Thai với tựa *Lost in Paradise* in trong tuyển tập nhạc Văn Cao xuất bản ở Việt Nam năm 1988.

Nhạc sĩ Phạm Duy đã nói về bản nhạc Thiên Thai, phân tích tỉ mỉ từng âm giai, từng lời nhạc trầm bổng, những nét lạ của nhạc Văn Cao để mọi người nhận thức được sự kỳ diệu của người nhạc sĩ thiên tài này.

Chương trình còn có sự đóng góp của một số giọng hát và giọng ngâm đặc biệt như Đỗ Hải, Thiên Hương, Hà Phương..., trình bày các tác phẩm của Văn Cao. Dịp này họa sĩ Bé Ký đã trao tặng ban tổ chức một bức tranh vẽ Văn Cao do bà thực hiện.

Đại hội Nhạc Trẻ Về Nguồn

Liên đoàn Trẻ Về Nguồn là một tập họp của nhiều hội đoàn thanh niên Việt Nam tại quận Cam, California, do sự khuyến khích và bảo trợ của nhiều vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, các nhà hoạt động văn nghệ và thanh niên, có mục đích nuôi dưỡng và bảo tồn vốn liếng văn hóa Việt Nam trong cho lớp tuổi trẻ tị nạn.

Ngày 6 tháng Tám 1995, liên đoàn đã tổ chức một đại hội nhạc trẻ mang tên Về Nguồn tại Westminster Civic Center Auditorium, với sự tham dự của nhiều hội đoàn thanh niên, như nhóm Hiệp Nhất của thanh niên Công Giáo, các gia đình Phật tử Bát Nhã, Quảng Đức, Tổng hội Sinh viên, Sinh viên liên trường Golden West, UCI, Long Beach, gia đình Tuổi Ngọc, ban Nắng Mới, liên đoàn thiếu nhi Thánh Thể Công Giáo v.v... Một chương trình văn nghệ mang nặng tình tự dân tộc quê hương đã được các hội đoàn trên phối hợp trình diễn, đã được hơn 500 khán giả thuộc nhiều thế hệ nhiệt liệt hoan nghênh.

Một phụ huynh đã viết trong một bài báo sau khi tham dự Đại hội nhạc trẻ Về Nguồn: "Tôi và gia đình rất vui mừng nhận thấy giới Trẻ Việt Nam đã ý thức được mình là người Việt Nam, có cùng một cội nguồn, một quê hương cần phải quan tâm xây dựng."

Nhà văn Hoàng Khởi Phong

Ra mắt sách "Những Con Chuột Thời Thơ Ấu" của Hoàng Khởi Phong

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong lời phát biểu mở đầu, nhắc lại thuở ông và Hoàng Khởi Phong mới quen biết nhau gần 30 năm về trước, và cho rằng khoảng thời gian ông điều hành trại

Đại hội nhạc trẻ "Về Nguồn" tại Westminster Civic Center.

Nữ danh ca Quỳnh Giao

tù binh Phú Quốc có lẽ đã để lại ấn tượng mạnh nhất trong đề tài những tác phẩm của ông, kể cả Những Con Chuột Thời Thơ Ấu.

Nữ ca sĩ Quỳnh Giao trong bài góp ý của mình, cho rằng Hoàng Khởi Phong trong Những Con Chuột Thời Thơ Ấu đã có một lối viết "mềm" hơn các tác phẩm trước của ông, truyện nào cũng đầy chi tiết cảm động, lạc quan và hướng về đời sống trước mặt.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn cho rằng Hoàng Khởi Phong là một nhà văn có tài, vì đã tả được nhiều nhân vật có những cá tính khác nhau. Nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc đã góp nhiều ý kiến về tác giả và tác phẩm, trước khi chính Hoàng Khởi Phong lên cám ơn mọi người, và mở ra một cuộc hội thoại giữa người viết và người đọc.

Đêm tưởng nhớ Dương Thiệu Tước

Sau khi được tin nhạc sĩ Dương Thiệu Tước qua đời ngày 1 tháng Tám 1995 tại Việt Nam, một buổi sinh hoạt tưởng niệm ông đã được tổ chức tại phòng Sinh hoạt Người Việt tối thứ Sáu, 11 tháng Tám 1995. Hiện diện trong buổi này có bà Minh Trang, phu nhân cố nhạc sĩ và các con, các nhạc sĩ Phạm Duy, Nghiêm Phú Phi, Đan Thọ, các ca sĩ Thái Thanh, Thái Hằng, Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, tài tử Kiều Chinh, và gần hai trăm người mến mộ nhạc sĩ Dương Thiệu Tước.

Mở đầu, Nguyễn Đức Quang đại diện ban tổ chức ngỏ lời chia buồn cùng gia đình cố nhạc sĩ Dương Thiệu Tước. Nhà văn Mai Thảo nói tới những ngọn nguồn của dòng sông âm nhạc mà trong đó nhạc sĩ Dương Thiệu Tước là một trong những người đầu tiên khơi cho chảy mạnh về sau.

Nhạc sĩ Phạm Duy nói về sự đóng góp của Dương Thiệu Tước trong buổi đầu của nền tân nhạc Việt Nam, và phân tích đặc tính các nhạc phẩm của ông. Nhạc sư Nghiêm Phú Phi ca ngợi tính đa dạng trong tài năng Dương Thiệu Tước, trong khi nhạc sĩ Đan Thọ thì nhắc các kỷ niệm làm việc với Dương Thiệu Tước tại đài phát thanh Sài Gòn trước kia.

Các ca sĩ hiện diện đã lần lượt lên nhắc lại các kỷ niệm với người quá cố và hát một bài nhạc của ông, trong tiếng đàn dương cầm của nhạc sư Nghiêm Phú Phi. ■

Tác phẩm xuất bản nhân
Kỷ niệm 20 năm xa nước :
1975-1995 và 30 năm thành lập
nhà xuất bản An Tiêm :
1965-1995

ĐOÀN VĂN
XA NƯỚC

tác phẩm cuối cùng
của
Vũ Khắc Khoan

AN TIÊM

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Mùa Trăng, truyện dài của **Lê Thị Thấm Vân**, tác giả tự xuất bản, dày 203 trang, giá bán $10.00. Liên lạc: Trần Mạnh, P.O. Box 360923 Milpitas, CA 95035, USA.

Sách được chăm sóc kỹ về hình thức, in ấn mỹ thuật trên giấy tốt. Nói về đời sống và tình yêu của một người con gái Việt Nam lớn lên tại đất Mỹ: Thu Nguyệt, mất bố từ lúc còn ở trong bụng mẹ, sống với người mẹ suốt đời chỉ biết lo cho người khác và ôm bao buồn tủi về phần mình, và với ba người chị có đời sống tình cảm luôn luôn chông chênh. Học hành và lớn lên ở Mỹ, người con gái ấy đối diện với "truyền thống" khổ đau của những người đàn bà trong gia đình, với ý thức về vị trí dân tị nạn của mình và cộng đồng Việt Nam, và cô ta đã yêu một người đàn ông góa vợ tuổi xấp xỉ bố mình.

Câu chuyện kể như một đoạn được ngắt ra từ một dòng sống đang liên tục chảy trôi, phản ảnh mọi chuyện liên quan đến người con gái ấy, khi đọc hết sách người ta có cảm tưởng tất cả lại đang tiếp tục trôi chảy nữa, câu chuyện chưa hoặc sẽ không có kết thúc. Nhưng chỉ cần một đoạn như thế trải dài 200 trang, người ta có thể cảm nhận nhiều thứ từ một người có thể xem là đại diện cho thế hệ thứ hai của người Việt di dân sống trên đất Mỹ từ sau 1975.

Ngòi bút Lê Thị Thấm Vân bình dị và chân thật, khiến người đọc yên tâm tiếp tục đọc đến hết. Ngay cái mối tình chênh lệch tuổi tác cũng không mang vẻ thác loạn hay làm dáng, lập dị, mà bắt nguồn từ một tình cảm rất đôn hậu: người con gái ấy khao khát hình ảnh một người cha. Nói chung Thu Nguyệt rất gần với chúng ta, và khẳng định một điều: thế hệ di dân thứ hai có nhiều cách biệt với thế hệ thứ nhất nhưng không tạo ra đứt đoạn, vì các dây mơ rễ má văn hóa của gốc cũ vẫn còn rất bền chặt trong tâm hồn họ.

Thiên Đường Phàm Tục, tập truyện ngắn của **Dương Thành Vũ**, Thanh Văn xuất bản tại California năm 1995, bìa Đinh Cường, lời giới thiệu của Bửu Ý. Sách dày 203 trang, giá $10.00. Liên lạc: Thanh Văn, P.O.Box 411723, Los Angeles, CA 90041.

Dựa theo các truyện trong sách, người ta có thể thấy rằng Dương Thành Vũ là một tác giả trong nước. Tất cả những gì ông viết là để tả tấn bi hài kịch trên đất nước Việt Nam sau 1975, trong đó bi là chủ yếu, hài nếu có cũng chỉ là những nét cười ra nước mắt. Người ta sẽ thấy tất cả vẻ ngô nghê nhưng mà tàn ác của cái gọi là định chế xã hội chủ nghĩa được áp dụng ở miền Nam, cái tham lam và dốt nát, sự nghiệt ngã của mưu sinh và tan vỡ của con người, những điểm le lói của lương tâm và cái thiện...

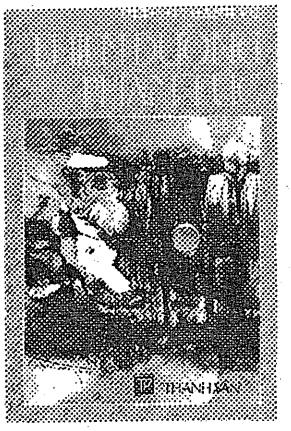

Tác giả có một con mắt nhận xét sắc sảo bao trùm, như một con chim cắt bay lượn trên bầu trời nhìn xuống mảnh đất "đang tiến lên chủ nghĩa xã hội" (một thứ Thiên đường như người cộng sản thường nói, nhưng với tác giả đó là thứ *Thiên đường phàm tục*) không bỏ sót một chi tiết nào, và dựng nên những tấn kịch với lời lẽ phúng thích một cách sâu sắc. Đó là những màn kịch rất hiện thực, chỉ rõ địa điểm, thời gian, nhân vật, chứ không né tránh theo lối ẩn dụ như một số tác giả trong nước hay áp dụng, vừa viết vừa lách nhằm chỉ trích sự giả hình của chế độ.

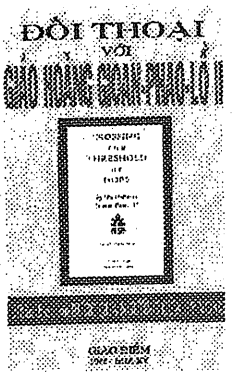

Có lẽ vì thế mà trong lời giới thiệu Bửu Ý có nhận xét: *"Tác giả viết say sưa, tự tin, thẳng mạch và can đảm."*

Đối Thoại Với Giáo Hoàng Gioan-Phao-Lồ II, tuyển tập bài viết của một số cư sĩ Phật Giáo: **Đặng Nguyên Phả, Nguyễn Văn Thọ, Lý Khôi Việt, Trần Văn Kha, Phan Tấn Hùng, Phạm Trọng Chánh, Hoàng Hà Thanh, Nguyễn Hoài Vân, Minh Chi, Nguyễn Kết, Vũ Trọng Minh, Hoàng Nguyên Nhuận, Trần Chung Ngọc**, trao đổi với Đức Giáo Hoàng nhân đọc cuốn sách *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng* của Ngài. Sách

do tạp chí *Giao Điểm* xuất bản, dày 368 trang, giá 15 mỹ kim (ngoài Bắc Mỹ thêm 2 MK bưu phí). Liên lạc: Giao Điểm, P.O.Box 2188, Garden Grove, CA 92642, USA.

Cuốn "Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng" của đức Giáo Hoàng Gioan-Phao-Lồ II xuất bản năm 1994 đã gây ra một số phản ứng về phía những người theo đạo Phật và nghiên cứu đạo Phật, vì một số điểm trong sách được coi là hiểu sai lệch về Phật giáo. Tạp chí *Giao Điểm* tập hợp một số bài viết của các thức giả Phật giáo nêu trên và xuất bản thành sách, nhằm mục đích đối thoại, làm rõ các sai lầm ấy nằm ở chỗ nào, và "trình bày sự thật như nó là thế," như lời của nhà xuất bản.

Va chạm tôn giáo vốn là một vấn đề rất tế nhị, nhất là đối với lịch sử hiện đại của Việt Nam. Vì thế *đối thoại* một cách trí tuệ, thẳng thắn và hòa nhã là điều nên làm để tín đồ các tôn giáo hiểu nhau và hiểu mình hơn, đi gần đến sự thật hơn. Hy vọng cuốn **Đối Thoại Với Giáo Hoàng...** đạt được mục tiêu *đối thoại* của nó.

Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà của tác giả Trung Quốc **Trương Hiền Lượng**, do **Phan Thịnh** dịch sang Việt ngữ, Văn Nghệ xuất bản, dày 355 trang, giá 16 mỹ kim (ngoài nước Mỹ thêm 2 MK). Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.

Trương Hiền Lượng làm quen với trại lao động cải tạo của cộng sản Trung Quốc rất sớm, từ năm 1957, ở tuổi mới ngoài hai mươi. Ông lây lất trong các loại trại ấy 20 năm, đến năm 1979 mới được phục hồi nghề viết văn. Cuốn **Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà** (Nam Nhân Đích Nhất Bán Thị Nữ Nhân) xuất bản năm 1985 đã đưa ông lên hàng một tác gia có tầm vóc quốc tế. Cuốn sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, và bản tiếng Việt này đã xuất hiện ở Việt Nam vào năm 1989.

Có thể xem đây là cuốn tự truyện của tác giả, mô tả thân phận một người vô tội bị đày đọa trong một xã hội độc tài toàn trị. Nhưng đây cũng là một cuốn truyện đầy tính nhân bản và trí tuệ, khơi gợi khả năng tự cứu và tình thương yêu đồng loại của con người.

Một cuốn sách thật hay, một bản dịch có giá trị.

Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của **Nguyễn Du**, do **Hoàng Xuân Hãn** chú thích và hiệu đính, in trên giấy tốt, 75 trang, giá 10 MK.

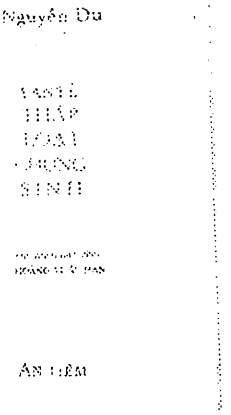

Truyện Quán Âm Thị Kính do **Thiều Chửu** chú giải, tranh bìa và phụ bản của Nguyễn Thị Hợp, dày 100 trang, giá 7 MK, ngoài Hoa Kỳ 8 MK.

Cả hai cuốn trên đều do nhà xuất bản An Tiêm ở Paris vừa ấn hành trong dịp kỷ niệm 30 năm thành lập nhà xuất bản: Sài Gòn 1965, Paris 1995. Liên lạc tại Pháp: Nhà xuất bản An Tiêm, 34 Rue Alphonse Melun, 94230 - Cachan - France; tại Hoa Kỳ: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683.

Đây là lần đầu tiên cuốn Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh do Hoàng Xuân Hãn chú thích, hiệu đính được xuất bản. Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh do Nguyễn Du viết để an ủi những linh hồn đau thương, oan uổng nhân lễ Vu Lan xá tội vong nhân rằm tháng Bảy, trước đây đã được giảng dạy từ chương trình bậc trung học ở miền Nam. Tuy nhiên sự chú thích và hiệu đính của học giả Hoàng Xuân Hãn là một công trình rất quan trong cho tác phẩm này. Ông đã xem xét rất kỹ càng ba bản Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh cổ hiện ông có được là bản chữ nôm khắc in năm 1895 trước trữ ở chùa Hưng Phúc, tỉnh Bắc Ninh, bản bằng chữ quốc ngữ xuất bản ở Hà Nội năm 1924, và một bản quốc ngữ khác in trong cuốn Văn Đàn Bảo Giám, 1926, để hiệu đính và giải thích cặn kẽ. Học giả Hoàng Xuân Hãn đã đem lại cho tác phẩm một bộ mặt mới và đem lại cho người đọc các kiến thức phong phú và một thái độ thưởng lãm xứng đáng đối với một áng văn chương mà ông cho là "hay bậc nhất trong quốc văn."

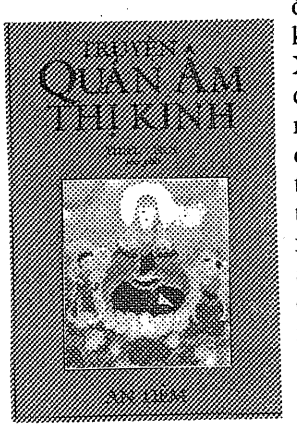

Còn cuốn **Truyện Quán Âm Thị Kính** do Thiều Chửu chú giải là một bản in lại theo bản của nhà Thanh Long Sài Gòn năm 1954. Trong bản in lần này nhà An Tiêm có ghi chú *không biết in lần thứ mấy*, chứng tỏ tính cách phổ biến rộng rãi của một truyện dân gian. Thiều Chửu là một nhà Phật học uyên bác đã chú thích cuốn truyện này theo một cách riêng, hoàn toàn theo nghĩa "xuất thế gian," nghĩa là nhìn câu chuyện qua lăng kính Phật giáo. Mỗi đoạn, trước khi giải nghĩa

các chữ khó, đều có một đoạn tóm tắt ý nghĩa dựa theo giáo lý của đức Phật. Câu chuyện đầy oan khiên này rất phổ biến từ xưa trong dân gian Việt Nam, hầu như đã biến thành một phần tâm thức của dân tộc, nhưng ngày nay hầu hết người Việt Nam chỉ biết đến nó một cách lờ mờ, mặc dầu mối oan khiên của dân tộc thì vẫn còn dày. Đây là một cuốn sách nên đọc lại và đọc rất kỹ để dặt mình vào lại dòng chảy tình cảm cố hữu từ tổ tiên chúng ta cho đến ngày hôm nay.

Đoản Văn Xa Nước của **Vũ Khắc Khoan** do An Tiêm xuất bản, cũng trong dịp kỷ niệm 30 năm thành lập nhà xuất bản. Sách dày 200 trang, giá 10 mỹ kim. Liên lạc tại Pháp và Hoa Kỳ: như trên.

Vũ Khắc Khoan, nhà văn, nhà viết kịch, đã từng dạy tại các đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đà Lạt, Đại học Vạn Hạnh, Đại học Sư Phạm và trường Quốc Gia Âm nhạc và Kịch Nghệ tại Sài Gòn. Ông tị nạn tại Hoa Kỳ từ năm 1975, và qua đời năm 1986 tại Minnesota.

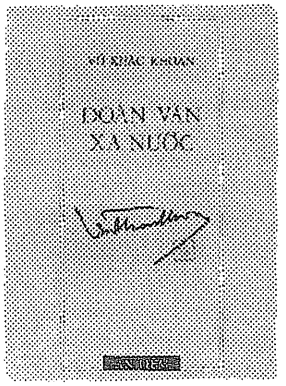

Cuốn **Đoản Văn Xa Nước** được xuất bản là theo ý muốn của ông trước khi mất, gồm một số bài ông đã viết trong những ngày tháng sống nơi đất khách. "Đoản văn" là tên chung để gọi một tập hợp những bài tùy bút, hồi ký, truyện (viết theo hồi ức) của tác giả. Trong các hồi ký, ông viết về bạn bè xưa với một tình cảm nồng ấm. "Mệ" La Khê là một truyện mang không khí ma quái đường rừng hấp dẫn, lôi cuốn. Trong khi đó tùy bút Đọc Kinh là các suy tưởng miên man về các kinh kệ Phật giáo.

Văn Vũ Khắc Khoan sau 1975 vẫn rất phong độ, cảm xúc sâu, suy nghĩ phong phú, nhưng so với những vở kịch, các lộng ngôn trước kia, ông tình cảm hơn, thứ tình cảm nồng ấm của một con người nhân hậu khi nhìn lại hoặc gặp lại những mảnh quá khứ mến yêu.

Sông Mỹ, Sông Việt toàn tập tùy bút, truyện ngắn của Huỳnh Hữu Cửu, tác giả tự xuất bản, dày 390 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Huỳnh Hữu Cửu, 12148 Loya River Avenue, Fountain Valley, CA 92708, USA.

Gọi là **Toàn tập** vì cuốn *Sông Mỹ, Sông Việt* đã được cơ sở Văn xuất bản năm 1987 bây giờ được in lại trong tập này, cộng với hai phần mới là *Sông Mỹ Sông Việt* tập II tập hợp các tùy bút và truyện mới, và *Phụ Lục*, gồm những bài viết trích từ quyển *Cây Trái Quê Mình*, những bài về tôn giáo, triết học, và bài nhận xét về Huỳnh

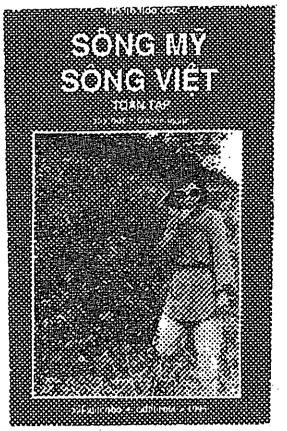

Hữu Cửu của Hồ Trường An. Cuối sách còn có mấy trang đăng hình ảnh gia đình.

Tuy "phức tạp" như vậy, cuốn **Sông Mỹ, Sông Việt toàn tập** là một cuốn sách dễ đọc và dễ mến. Một cách thành thật, nhẹ nhàng, tác giả thường kể những kỷ niệm thuộc về thôn quê miền Nam của mình, người đọc, nhất là ở lứa tuổi của ông, đều thấy ấm áp và thú vị. Cũng là kỷ niệm mà nhiều người kể nghe rất xót xa, Huỳnh Hữu Cửu trái lại, gây một niềm thương nhớ nhè nhẹ, vui vui, cùng lắm chỉ một chút mủi lòng. Có lẽ do tâm hồn ông trong sáng và yên tĩnh, không muốn bi lụy hóa việc đời, dù đang phải rời xa những gì mình yêu mến.

Ưu Quốc Thi Tập, thơ của **Hoàng Phùng Miên**, Việt Chi tùng thư xuất bản, 190 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Việt Chi tùng thư, (504) 391-3850.

Theo lời mở đầu thì tác giả là là một nhà giáo, sau năm 1975 còn tiếp tục dạy học mười năm nữa ở Việt Nam. Trong thời gian ấy tác giả đã tìm cách giải tỏa nỗi lòng đau buồn của mình bằng cách viết thơ văn phản kháng, nhưng viết mà không biết có ngày nào cho chúng chào đời.

Sang đến Mỹ tác giả đã thực hiện được việc ấy, và những vần thơ nặng lòng với đất nước có dịp đến với công chúng người Việt hải ngoại. Tập thơ có đến ba lời đề tựa, nội dung chia làm ba phần: Vết Máu, Nước Mắt và Nhân Ngâm, lại thêm phần Phụ lục gồm một bài tùy bút và một lời bạt của tác giả.

Thơ của Hoàng Phùng Miên đầy vẻ ưu tư cho tiền đồ của đất nước. Trong lời tựa I, ông Phạm Nam Sách đã nhận xét: *Hoàng Phùng Miên không sáo, không mơ mộng viển vông. Chất thơ của nhà thơ bốc lên từ những cảm xúc thực và nóng bỏng. Đó là dòng thơ hiện thực đấu tranh rất quần chúng mà vẫn không kém phần bác học.*

Ở phần sau, trong những bài thơ xướng họa hoặc làm cho bạn bè, người thân, tác giả tỏ ra vẫn có một tình cảm cá nhân dồi dào, mặc dù hình thức thể hiện có phần hơi xưa cũ. Câu thơ

hay nhất của ông có lẽ là câu ông dùng làm đề từ đầu sách:

Thân tằm vàng óng dâu quê,
Vương tơ đất khách gửi về cố hương.

Dấu Xưa, thơ **Nghiêu Minh**, Sông Thu xuất bản, ấn loát công phu, bìa và nhiều phụ bản đẹp, 127 trang khổ lớn, giá 10 mỹ kim. Liên lạc: Sông Thu, P.O. Box 428 Rosemead, CA 91770. Tel: (818) 286-9798.

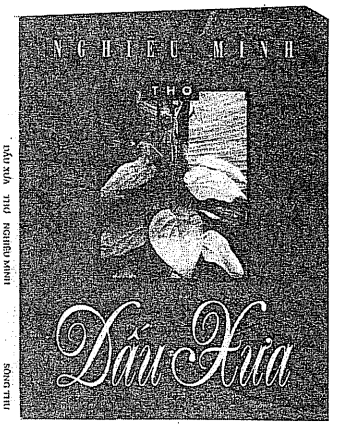

Nghiêu Minh vừa là nhạc sĩ vừa là thi sĩ. Ông viết nhạc sớm hơn thơ, ông xuất bản tuyển tập nhạc đầu tiên vào năm 1982, mãi 10 năm sau mới cho ra đời tập thơ *Trăng Mật*. **Dấu Xưa** là tập thơ thứ ba của ông.

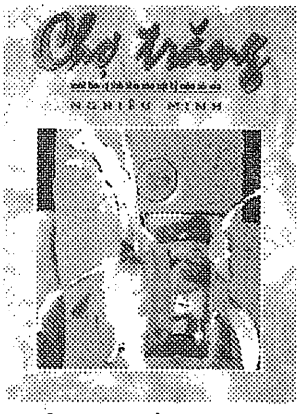

Thơ ông dễ đọc, ngôn ngữ không tân kỳ nhưng cũng không sáo mòn. Người ta có thể không gọi đây là những vần thơ tài hoa, nhưng cũng không thể nói là tầm thường. Mỗi bài đều có thể vang lên một từ ngữ hoặc một ý lạ, tạo một âm hưởng hay, tuy có thể ít khi gây một xúc động đặc biệt nào, nhưng vẫn đem lại một nỗi thích thú nhè nhẹ nơi người đọc.

Chợ Trăng, tuyển tập nhạc gồm 15 ca khúc của **Nghiêu Minh**, tác giả tự xuất bản, tranh bìa của Nguyễn Quốc Tuấn, có hai phụ bản ảnh quê hương Việt Nam của Lê Quang Xuân, không ghi giá bán. Liên lạc: 8001 Bradley Blvd., Bethesda MD 20817, USA.

Nội San Hội Y Sĩ Việt Nam Tại Hoa Kỳ, số 12, tháng Bảy 1995. Đây là cơ quan ngôn luận chính thức của của hội Y sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ, sáu tháng xuất bản một lần. Tuy là một nội san, tạp chí này quy tụ nhiều cây bút có giá trị, và tiếng nói của tập thể thầy thuốc vẫn là tiếng nói có ảnh hưởng đối với xã hội.

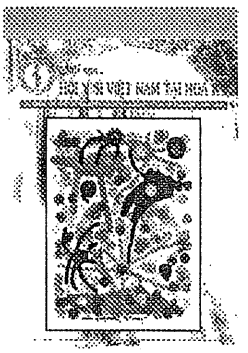

La Part d'Exil, tuyển tập văn thơ Việt Nam lưu vong dịch sang tiếng Pháp, do **Lê Hữu Khóa**, giảng sư đại học Nice-Sophia Antipolis cùng **Nhóm nghiên cứu về Viễn Đông hiện đại** (Groupe de recherche sur l'Extrême-Orient contemporain) thực hiện, tựa của Geneviève Mouillaud-Fraisse, lời bạt của Trịnh Văn Thảo. Sách do Đại Học Provence xuất bản, 122 trang, giá 80 quan Pháp. Liên lạc: Publication de l'Université de Provence, 29, avenue Robert Schuman 13621 Aix-en-Provence Cedex 1, France.

Các tác giả Việt Nam được giới thiệu và trích dịch có Nguyễn Ngọc Ngạn, Thanh Tâm Tuyền, Linda Lê, Võ Phiến, Phạm Duy, Kiệt Tấn, Tô Thùy Yên và Trịnh Công Sơn.

THẾ KỶ
XUẤT BẢN • ẤN LOÁT • PHÁT HÀNH

11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHIẾU MUA SÁCH

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
.....
Điện thoại: .....
Tôi đặt mua (các) cuốn: .....
.....
Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền $. .....

CÁC NẠN NHÂN CỦA BỆNH GHẺ LỞ

CẬU TÁM BOLSA

Karl Marx cũng giống Mao Trạch Đông, rất ghét đi tắm. Căn nhà ông ở 28 Dean Street, London, giữa khu Soho lại thiếu đủ thứ tiện nghi. Ông bị ghẻ lở thường xuyên. Tháng Mười năm 1863, ông 45 tuổi, cái mụn ở sau lưng sưng lên bằng nắm tay. Ngày 10 tháng Mười Một, bác sĩ Allen, một người bạn của gia đình ông, đến khám bệnh rồi mổ. Ca mổ trông phải ghê lắm, Bác sĩ bắt bà Jenny, vợ Marx và cô con gái Eleanor ra khỏi phòng, chỉ để cho chị người làm Helene Demuth ở lại phụ một tay (Helene đã có một con trai với ông chủ). Ngày 2 tháng Mười Hai sau đó Marx nhận được điện tín báo mẹ ông đã chết ở Trier, bên Đức.

Bà mẹ của Karl Marx đã từng tiên đoán ngày và cả giờ bà sẽ chết, đúng 50 năm sau ngày bà lấy chồng, tức là 4 giờ chiều ngày 30 tháng Mười Một năm 1813. Trong đời ông, Karl Marx cũng tiên đoán nhiều thứ, như tình trạng bần cùng hóa tuyệt đối giai cấp vô sản sẽ càng ngày càng cao, sự sụp đổ của giai cấp tư sản, nhà nước vô sản chuyên chính sẽ tự giải thể, v.v. nhưng rõ ràng ông không thừa hưởng tài tiên tri của thân mẫu ông. Về điều sau cùng thì ông sai nặng. Nhà nước do ông tiên đoán nó chuyên chính nhưng không vô sản, nó cũng không có cách nào tự giải thể ngoài cách tự biến thành tư bản đỏ chuyên chính.

Trong mấy năm mụn nhọt, Marx đang soạn nốt cuốn Tư Bản (*Das Kapital*), kinh thánh của phong trào cộng sản sau này—dù rất ít người đọc nổi vì văn chương rối rắm, lý luận thì luẩn quẩn, chỉ hay nhờ các khẩu hiệu rất kêu. Nhưng dấu ấn của tác phẩm vĩ đại đó chính là mụn nhọt. Trong một lá thư gửi Engels, Marx viết: "Bọn tư bản, đến khi nào chúng còn sống, sẽ không thể quên những mụn nhọt của tôi."(Marx-Engels Gesamtausgabe, vol. xxxi, trang 131—xuất bản ở Đông Đức sau này).

Quả nhiên bọn tư bản, và cả anh chị em vô sản, không thể nào quên cơn bệnh ghẻ của ông được. Gần bốn chục năm sau khi ông tạ thế, cách mạng cộng sản đã lan từ Nga sang Âu châu, rồi qua Tầu, qua Việt Nam, Mã Lai, Ấn Độ, Phi Luật Tân, v.v.

Có nơi họ thất bại, bọn tư bản ở đó không bị tiêu diệt nhưng cũng không thể quên Marx.

Nhưng ở nhiều nơi họ thành công, cướp được chính quyền và những cơn đau vì nhọt của Karl Marx còn có rất nhiều nạn nhân mới. Hãy nhìn đống xương vô định mà Bác Pol Pot cùng các đồng chí đã để lại trên đất Cam Bốt. Tại sao hàng triệu người Khờ me bị sát hại? Vì các đồng chí Pol Pot, Khieu Sam Phan muốn mang dân tộc Khờ Me đi tẩy rửa lại, thay vào đó bằng một nhân loại mới, sạch sẽ thơm tho, người nọ không bóc lột người kia nữa mà ngược lại (nghĩa là người kia bóc lột người nọ.) Đó chính là họ thực hiện giấc mơ của Marx. Thay vì tắm rửa thân thể cho sạch sẽ, Marx mơ ước rửa sạch nhân loại, chữa cái ung nhọt gọi là tư bản!

Nhiều người khốn khổ vì suốt đời tìm cách đấu tranh tiêu diệt tư bản cũng không thể quên Marx. Họ không ngờ cả thằng vô sản (thật và giả) đi tiêu diệt, lẫn thằng tư bản bị tiêu diệt, cả hai đều là nạn nhân của bệnh ghẻ. Nhất là sau khi đổ ra bao xương máu đánh tư bản rồi bỗng dưng Đảng ta quyết định mời tư bản trở lại chung lưng mở một ngôi hàng khai thác dân đen. Từ các cậu Vương Quan (bây giờ đi học Anh văn và *computer*) đến các cô Thúy Kiều đứng bên vườn hoa Thống Nhất hay nằm trong Câu Lạc Bộ Kim Bình, ai cũng phải nhớ các mảnh vẩy do mụn ghẻ Karl Marx còn để lại! Thế mới biết các bà mẹ hay dục con đi tắm mỗi ngày để tránh bệnh ghẻ đã đóng góp biết bao nhiêu cho hòa bình nhân loại!

Karl Marx để lại nhiều khẩu hiệu nổi tiếng cho các đảng viên cộng sản hô hào suốt thế kỷ sau. Chỉ đáng tiếc là ông thường mượn cả ý lẫn văn của người khác. Câu "Người vô sản không có tổ quốc" thực ra là của Jean Paul Marat, một nhà cách mạng Pháp từ thế kỷ trước. Câu "Người vô sản không có gì để mất ngoài xiềng xích của họ" cũng Marat nói trước. Câu "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân" do thi sĩ Heinrich Heine viết từ trước. Heine là một người cộng sản trước khi phong trào của Marx bắt đầu. Ông quen biết với Marx khi hai người cùng ở Paris. Khẩu hiệu "Công nhân toàn thế giới, hãy kết hợp lại" khắc trên mộ Marx thực ra được in ra trước bản tuyên ngôn cộng sản mấy tháng, do Karl Shapper, một người Anh trong nhóm Liên Đoàn Công Chính (*League of the Just*) có khuynh hướng theo xã hội chủ nghĩa đương thời. Chính Shapper gửi thư ngày 26 tháng Giêng năm 1848 thúc dục Marx viết cho xong Tuyên Ngôn Cộng Sản trước thời hạn ngày 1 tháng Hai để đem in cho kịp, "nếu không sẽ có biện pháp!" (Marx gửi bản thảo sang kịp ngày hẹn nên không ai biết biện pháp đe dọa đó là gì!)

Mấy câu chót trong bản Tuyên Ngôn Cộng Sản là: "Những người vô sản không có gì để mất ngoài xiềng xích trên mình. Họ có cả thế giới khi thắng lợi. Lao động toàn thế giới hãy tập hợp lại!" Trong ba câu thì có hai câu đi mượn—bây giờ gọi là vận dụng sáng tạo— của người khác.■

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM

1995

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

Đà Cali

* Ngon mà lại rẻ
* Không bột ngọt
* Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAX CALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

KC TRAVEL & TOURS
ARC

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX
LASER PRINTERS
TONER CATRIDGES
FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA
THUÊ & LEASE
HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ
NHẬN ĐẾN MỌI NƠI
ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY
ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP
REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM
LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ
15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Thuh

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9904
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Bánh Mì Cali

$1.35/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company

NEW YORK LIFE
The Company You Keep

2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: 1 (800) 918-1172

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

THẾ KỶ

XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 638-9510 . FAX (714) 638-1944

THƯ MỤC

9401	Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	HẾT
9402	Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	$8.00
9403	Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	$10.00
9404	Câu Chuyện Của Lá Phong (truyện ngắn, *Trần Mộng Tú*)	$10.00
9405	Vùng Đá Ngầm (truyện ngắn, *Hà Kỳ Lam*)	$10.00
9406	Đàn Bà (truyện ngắn, *Hải Vân - Phạm Văn Hải*)	$10.00
9501	Hoa Vàng Cũ (tập kịch thơ, *Phạm Xuân Tích*)	$12.00
9502	Nhớ đất thương trời (thơ, *Trần Hồng Châu*)	Sắp ra
9301	Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302	Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303	Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304	Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305	Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306	Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9307	Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9308	Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309	Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310	Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311	Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	$6.50
9312	Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	$12.00
9313	Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$9.00
9314	Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315	Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316	Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9317	Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9318	Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9319	Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320	War & Exile (East Coast VN *PEN*)	$12.00
9321	Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322	Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323	Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324	Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325	Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$7.00
9326	Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$8.00
9327	Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$8.00
9328	Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329	Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$8.00
9330	Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331	Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332	Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333	Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	$22.00
9334	Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335	Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336	Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$6.00
9337	Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338	Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339	Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	$6.00

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chon
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ăn cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

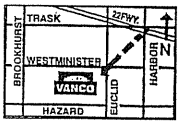

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Những dịch vụ thuộc Phòng Thí Nghiệm

CEDARS-SINAI
LABORATORY SERVICES

A Partnership affiliated with
THE DYNACARE HEALTH GROUP INC.

Trung Tâm Y Khoa Cedars-Sinai,
với phòng thí nghiệm tọa lạc trên một khu đất rộng 63,000 sq.ft., với máy móc điện tử tối tân, với các bác sĩ và khoa học gia tên tuổi lừng lẫy thế giới, là nơi quý vị phải tìm đến!

Liên lạc:
Dr. Tin Nguyen,
Canada & US Physician Services, *Coordinator*
115 Midair Court, Brampton, Ontario L6T 5M3, CANADA
Tel 1(800) 668-2714 - (905) 790-3000 - Fax (905) 790-2990

MARKETING REPRESENTATIVES:

Sharon Webb, MT (ASCP)
West San Fernando Valley

Deborah Brandt
Santa Monica, Culver City, Torrance, Inglewood

Saul Stankus
East San Fernando Valley, Orange County

Pete Hayes
Beverly Hills, West Los Angeles, Downtown Los Angeles

Cedars-Sinai Laboratory Services
8711 W. Third Street
Los Angeles, CA 90048
Phone: **(310) 724-6200** □ Fax **(310) 273-3296**